

Theravāda
Phật Giáo Nguyên Thủy

Đức Phật

Và

45 năm Hoằng pháp độ sinh

Tập 10

Tỳkhuu Chánh Minh
Biên soạn

Những chữ viết tắt

-0-0-

- A. Aṅguttara nikāya (Tăng chi bộ kinh).
AA. Aṅguttara Atthakathā (Sớ giải kinh Tăng chi).
Ap. Apadāna (Ký sự).
ApA. Apadāna Atthakathā (Sớ giải kinh Ký sự).
Beal. Romanitic Legend of the Buddha (Tích truyện của Đức Phật) (Kegan Paul).
Bu. Buddhavaṃsa (Phật Tông).
BuA. Buddhavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Phật Tông).
BuAB. Sớ giải Phật Tông, bản tiếng Miến.
BuAC. Sớ giải Phật Tông, bản tiếng Tích Lan.
Cp. Cariyapiṭaka (Hạnh Tạng)
Cv. Cūlavāṃsa (Tiểu sử).
CvA. Cūlavāṃsa Atthakathā (Sớ giải tiểu sử).
D. Dīghānikāya (Kinh Trường bộ).
DA. Dīghanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trường bộ).
Dhp. Dhammapāda (Kinh Pháp cú).
DhpA. Dhammapāda Atthakathā (Sớ giải kinh Pháp Cú).
Dv. Dīpavaṃsa (Đạo sử).
DvA. Dīpavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Đạo sử).
Dvy. Divyāvadāna (Thiện nghiệp thí dụ).
Iv. Itivuttaka (Kinh Như Thị thuyết).
IvA. Itivuttaka Atthakathā (Sớ giải kinh Như thị thuyết).
Ja. Jātaka (kinh Bốn sanh).
JA. Jātaka Atthakathā (Sớ giải kinh Bốn sanh).
Lal. Lalita Vistara (Phổ Diệu kinh).
M. Majjhima nikāya (Kinh Trung Bộ).
MA. Majjhima nikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trung Bộ).
Mhv. Mahāvāṃsa (Đại sử).
Mil. Milindapañhā (Milinda hỏi).
Mtu. Mahāvastu (Đại Sự).
Pv. Petavatthu (Nga quý sự).
PvA. Petavatthu Atthakathā (Sớ giải Nga quý sự).
S. Saṃyuttanikāya (Kinh Tương ưng).
SA. Saṃyuttanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Tương Ưng).
Sn . Suttanipāta (Kinh Tiểu tụng)
SnA. Suttanipāta Atthakathā (Sớ giải kinh Tiểu tụng).
Sp. Samantapasādikā (Sớ giải Tạng Luật).
Thag . Theragāthā (Kệ Trường lão Tăng).
ThagA. Theragāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trường lão tăng).
ThigA. Therīgāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trường lão ni).
Ud. Udāna (Phật tự thuyết).
UdA. Udāna Atthakathā (Sớ giải kinh Phật Tự thuyết).
Vin. Vinaya (Luật Tạng).
Vv. Vimānavatthu (Thiên cung sự).
VvA. Vimānavatthu Atthakathā (Sớ giải Thiên cung sự).

Lời nói đầu

-O-O-O-

Trong suốt chiều dài thời gian bốn vô lượng (atăng kỳ) và 100 ngàn kiếp trái đất, chỉ có 12 kiếp trái đất có Đức Phật Chánh giác xuất hiện, đồng thời trong khối chúng sinh vô biên, chỉ sinh khởi 29 vị Chánh giác.

Một người nếu tát cạn nước trong bốn đại hải mệnh mông hay đục xuyên qua núi chúa Tudi (Sineru) theo chiều dài 168 ngàn do tuần, tạo thành một đại lộ thênh thang trong lòng núi, còn dễ dàng hơn là thực hành công hạnh để trở thành Vô thượng chánh giác. Thế nên. Đức Phật có dạy:

“Kiccho buddhānamuppādo: **Đức Phật hiện khởi, khó thay**”.

Và câu nói: “Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành” không có cơ sở hợp lý, là lời hư ngụy.

Đọc Lịch sử chư Phật (Buddhavaṃsa) để thấy “đêm đen dài dằng dặc, còn ánh dương quang chỉ lóe lên rồi vụt tắt”, để thấy “những đau khổ của kiếp nhân sinh chỉ là hữu hạn, ít ỏi như hạt bụi nhỏ trong đầu móng tay so với nỗi khổ từ sinh luân hồi đang vây phủ trùng trùng điệp điệp như núi rừng HyMã”.

Đọc Lịch sử chư Phật để thấy công hạnh của những bậc Cổ đức, giúp người có trí tăng thêm dũng lực, nỗ lực vượt qua những chướng ngại của trần đời, để vươn lên thoát ra vùng băng giá tâm linh.

Đọc Lịch sử chư Phật giúp người có trí nhủ lòng rằng: “Thôi nhé, giả từ thế sự nhiều nhương, trong giọt mật nhỏ của thế gian chứa đầy đau thương cay đắng. Hạnh phúc thay, ánh Phật quang còn đang soi sáng, sao còn chần chừ chẳng chịu dẫn thân, theo đường Bát chánh để trở về với cội nguồn tịnh lạc?”.

Đọc Lịch sử chư Phật để thấy tâm đại bi của Đức Chánh giác cùng các bậc Thánh tiền hiền, luôn mưu cầu hạnh phúc đến chúng sinh. Sao đành lòng gạt bỏ ngoài tai những lời thương yêu hữu ích.

Vui gì thế sự mà vui?

Nỗi đau sinh tử còn ngời ánh đêm.

Giả từ thế sự đảo điên.

Vui trong Đạo pháp nào phiền tiêu tan.

Phật tử Devānampiya Tissa hân hoan với hạnh phúc trí tuệ, ấn tống trọn vẹn tập sách này.

Xin chân thành cảm niệm công hạnh của Phật tử Devānampiya Tissa, nguyện cầu Hồng ân Tam Bảo vô biên gia hộ cho Phật tử Devānampiya Tissa luôn thành tựu như ý.

Tỳkhuu Chánh Minh cẩn bạch.

***Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bạc Alahán Chánh Đẳng Giác.***

-0-0-0-

II – Công hạnh của vị Chánh đẳng giác (tt).

5- Hạnh tinh tấn dẫn đến giác ngộ (Viriya pāramī).

Bồ tát luôn nỗ lực tìm lợi ích đến tha nhân không hề thối chuyển. Tinh tấn dẫn đến giác ngộ chia làm ba bậc.

Bạc hạ.

Nỗ lực làm các hạnh lành dù có tổn thất đến những gì thuộc ngoại thân như tài sản, vợ, con ... cũng không thối chuyển.

Bạc trung.

Nỗ lực làm các hạnh lành dù có tổn hại đến nội thân như tay, chân ... cũng không thối chuyển.

Bạc thượng.

Nỗ lực làm các hạnh lành, cho dù tổn hại đến sinh mạng cũng không thối chuyển.

Bản Sớ giải Hạnh tạng (Cariyapīṭaka – atthakathā) nêu ra mẫu chuyện Bồ tát Mahājanaka là tinh tấn bậc thượng⁽¹⁾.

Ngoài ra, một số Bốn sự như: Vanupathajāṭaka⁽²⁾; Serivānijajāṭaka⁽³⁾; Kurunga jāṭaka⁽⁴⁾; Bojanīyajāṭaka⁽⁵⁾, minh chứng cho sự tinh tấn của vị Bồ tát.

6- Hạnh nhẫn nại dẫn đến giác ngộ (khanti pāramī).

Bồ tát có sự chịu đựng (khamana) kiên cường để thực hiện hay duy trì, hoặc làm tăng trưởng những hạnh lành của mình. Ngài luôn có lòng thương tưởng đối với chúng sinh, không phần nộ khi chúng sinh gây tai hại đến Ngài.

Nhẫn nại dẫn đến giác ngộ phân làm ba bậc.

Bạc hạ.

Chịu đựng không phần nộ khi bị tổn hại những vật ngoại thân như: Tài sản, vợ, con ...

Bạc trung.

Chịu đựng không phần nộ khi bị tổn hại đến thân như tay, chân ...

Bạc thượng.

Chịu đựng không phần nộ khi bị tổn hại đến cả sinh mạng.

Bản Sớ giải Hạnh tạng nêu ra một số Bốn sự để minh giải như: Bốn sự Rājovādajāṭak⁽⁶⁾; Mahisajāṭaka⁽⁷⁾.

Tập Thập Độ do Ngài Hộ Tông dịch dẫn ra Bốn sự Khaṇḍahāla (còn gọi là bốn sự Candakumāra)⁽⁸⁾ để minh chứng cho Hạnh nhẫn nại bậc thượng của Bồ tát.

Bản Sớ giải Hạnh tạng thì dẫn ra Bốn sự Khantivādī⁽⁹⁾.

Về hình thức có sự sai biệt nhau, nhưng về nội dung giống nhau: “Nghĩa là Bồ tát bị tổn hại đến sinh mạng, nhưng Ngài không có tâm oán thù kẻ hại mình”.

7- Hạnh chân thật dẫn đến giác ngộ (caccapāramī).

Bồ tát thực hành sự thân thật, không có hư ngụy dù là lời nói hay việc làm, cả đến ý nghĩ không hề có sự suy nghĩ liên hệ đến ác bất thiện pháp.

⁽¹⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 7).

⁽²⁾- JA.Chuyện số 2.

⁽³⁾- JA. Chuyện số 3.

⁽⁴⁾- JA. Chuyện số 21.

⁽⁵⁾- JA. Chuyện số 23.

⁽⁶⁾- JA. Chuyện số 151.

⁽⁷⁾- JA. Chuyện số 278.

⁽⁸⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 7).

⁽⁹⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 6).

Bồ tát luôn lấy sự chân thật làm nền tảng.
Hạnh chân thật dẫn đến giác ngộ có ba bậc.

Bậc hạ.

Cho dù có tổn hại đến những gì thuộc ngoại thân, cũng không từ bỏ sự thật, nếu nói lên vẫn nói những lời trung thực, không xảo trá hư ngụy; nếu là việc làm, Bồ tát luôn thực hành những việc đúng pháp, đúng chân lý ...

Bậc trung.

Cho dù có tổn hại đến những gì thuộc nội thân như tay, chân ... cũng không từ bỏ sự thật.

Bậc thượng.

Cho dù tổn hại đến sinh mạng cũng không từ bỏ sự thật.

Bản Hạnh tạng dẫn ra sáu câu chuyện nói về hạnh chân thật của Bồ tát như sau:

1² - Chuyện khi chúa.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bồ tát sinh làm khi chúa. Khi chúa rất to lớn như con ngựa con, có sức mạnh và sống một mình ở một bờ sông. Giữa con sông có cồn đất rất lớn có rất nhiều cây ăn trái như xoài, mít ... Giữa cồn đất và bờ sông có tảng đá lớn, khi nước ròng tảng đá nhô lên cao.

Khi chúa có sức mạnh nên phóng mình rất xa, mỗi sáng khi chúa đi đến bờ sông, phóng mình lên tảng đá, rồi phóng tiếp bước thứ hai lên cồn đất tìm trái cây ăn, vào buổi chiều theo cách thức cũ, khi chúa phóng mình trở về bờ sông.

Có hai vợ chồng cá sấu sống nơi đáy sông, chúng thường thấy khi chúa phóng mình lên tảng đá rồi phóng lên cồn đất ở giữa sông. Bấy giờ con sấu cái đang có mang, nó thèm ăn trái tim của khi chúa, nên bảo chồng:

- Này anh, em thèm ăn trái tim của con khi.
- Được rồi, ta sẽ bắt con khi mang về.

Sấu đực suy nghĩ: “Chiều nay khi con khi trở về nhảy đến tảng đá, ta sẽ bắt con khi.

Sấu đực nằm ẩn nơi tảng đá, đầu nó nhô cao hơn tảng đá để nhìn cho rõ đợi khi chúa phóng mình vừa đến tảng đá thì nó tấp ngay con khi.

Chiều hôm ấy khi khi chúa trở về, nhìn thấy tảng đá cao hơn bình thường, khi chúa suy nghĩ: “Tảng đá hôm nay có vẻ khác thường, mực nước sông vẫn bình thường không lớn cũng không ròng, tại sao tảng đá lại nhô cao hơn thường ngày, có tai họa nào xảy đến cho ta chăng?”.

Để tìm hiểu sự thật, khi chúa vẫn đứng yên nơi cồn đất kêu lên rằng:

- Này bạn tảng đá ơi.

Khi chúa kêu lên ba lần, tảng đá vẫn im lặng, khi chúa hỏi rằng:

- Này bạn tảng đá, vì sao hôm nay bạn không trả lời ta?.

Sấu đực suy nghĩ: “Hắn thường ngày tảng đá này trả lời con khi, nhưng hôm nay vì có ta ở đây nên tảng đá sợ không trả lời con khi. Vậy ta sẽ trả lời thay nó.

Sấu đực lên tiếng rằng: “Này bạn khi ơi”.

- Người là ai vậy?

Biết không thể che dấu được, sấu đực đáp:

- Ta là sấu đực ở đáy sông đây.

- Người nằm đó để làm gì?

- Để bắt người lấy trái tim của người cho vợ ta ăn. Người không thể thoát khỏi tay ta đâu, cho dù hôm nay người không nhảy về bờ sông, ta cứ nằm đây chờ người vậy.

Khi chúa suy nghĩ: “Ta không có đường nào khác, ta cần phải lừa nó”.

- Này sấu đực, ta phải chịu thua người thôi. Vậy người hãy há miệng ra đi, ta sẽ nhảy đến để người bắt lấy ta.

Sấu đực há miệng ra, khi ấy mắt nó nhắm lại không thể thấy khi chúa, khi chúa phóng mình đập lên đầu sấu đực rồi phóng lên bờ sông thoát nạn.

Bản Hạnh Tạng có ghi nhận như sau:

70- Na tassa alikaṃ bhaṇitaṃ; yathā vācaṃ akāsaṃ.

Saccena me samo natthi; esā me saccapāramī”ti.

“Điều đã được nói với con cá sấu không phải là không đúng sự thật, vì ta đã hành động đúng theo lời nói.

Không có ai bằng ta về sự chân thật, điều này là sự toàn hảo về chân thật của ta” (ĐĐ Indacanda dịch)⁽¹⁾.

Trong tập Bốn sự có ghi nhận câu chuyện này.

Duyên khởi.

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ tại Veḷuvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm).

Nơi Giảng pháp đường của Đại tự Trúc Lâm, các Tỳkhuu cùng nhau đàm luận về âm mưu của Tôn giả Devadaata ám hại Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, dạy các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, không phải chỉ trong hiện tại Devadatta có âm mưu sát hại Đấng Như Lai. Trong quá khứ đã từng như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này.

Nhận diện tiền thân.

Sấu cái nay là nàng Ciñcāmaṇavikā; sấu đực nay là Tôn giả Devadatta, khi chúa nay là Đấng Như Lai⁽²⁾.

2’- Hạnh Đạo sĩ nhiệt cần Sacca (Saccatāpacariyaṃ).

Một thời Bôtát tái sinh vào một gia tộc Balamôn có đại tài sản ở thành Bārāṇasī (Balanại). Bôtát được đặt tên là Sacca.

Khi cha mẹ mệnh chung, Bôtát bố thí hết gia sản, xuất gia làm ẩn sĩ tu tập nơi núi Tuyết (Hymālāpson). Ngài nhiệt cần (atāpa) tu tập thiền tịnh, luôn giữ hạnh chân thật để tế độ người khác. Có Pāli như sau:

71- Punāparaṃ yadā homi; tāpaso saccasavhayo.

Saccena lokam pālesim; samaggaṃ janamakāsaha”nti.

“Vào một thời điểm khác nữa, khi ta là đạo sĩ khổ hạnh tên gọi Sacca.

Ta đã hộ trì thế gian bằng sự chân thật; ta đã làm cho mọi người hợp nhất” (ĐĐ Indacanda dịch)⁽³⁾.

3’- Hạnh chim cút con (Vaṭṭapotakacariyaṃ).

Một thời Bôtát tái sinh làm con chim cút con ở trong một khu rừng thuộc quốc độ Magadha (Makiệtđà), con chim cút con này có thân hình to như trái bóng, nhưng cánh và chân rất ngắn không thể bay hay đi được, chim cút mẹ thường mang vật thực về nuôi dưỡng chim cút con.

Có lần khu rừng bốc cháy, ngọn lửa cháy phừng đến nơi những con chim cút trú ẩn, những con chim cút kể cả chim cút mẹ sợ chết đã bay đi kêu inh ỏi. Chim cút con nhìn ra ngoài tổ thấy lửa rừng kéo đến, suy nghĩ rằng: “Ta không thể thoát thân được rồi, giờ đây chỉ có hạnh lành là nơi nương của ta. Ta hãy phát nguyện chân ngôn (saccavādī) vậy”.

Chim cút con tưởng niệm đến công hạnh của chư Phật quá khứ, có kệ ngôn Pāli như sau:

Atthi loke sīlaguṇo, saccam soceyyanuddayā.

Tena saccena kāhāmi; saccakiriyamanuttaram.

“Giới đức có trên đời; chân thật, an tịnh và nhu hoà.

Chính với chân thật này; chân thật là hạnh cao thượng”.

(1)- Cp. 70.

(2)- JA. Chuyện số 57.

(3)- Cp. 71.

Āvajjetvā dhammabalam; saritvā pubbake jine.
Saccabalamavassāya; saccakiriyamakāsaha”nti.
“*Đã hướng về pháp lực; đã tưởng nhớ bậc Chiến thắng trước đây.
Nương vào chân thật lực; ta thực hành hạnh chân thật.*
Rồi chim cút con phát nguyện chân ngôn rằng:
Santi pakkhā apatanā; santi pādā avañcanā.
Mātāpitā ca nikkhantā; jātaveda paṭikkamā”ti.
“*Có cánh vẫn yên lặng; có chân vẫn yên lặng.
Mẹ cha đã bỏ đi; này lửa hãy lui đi*”(1).

Lập tức ngọn lửa bị đẩy lui 16 cánh cung (mỗi cánh cung # 1,8 m) rồi tắt ngay tại chỗ như bó đuốc nhúng vào nước.

Trong kinh Bốn sự (Jātaka) có ghi nhận câu chuyện này.

Duyên sự.

Khi Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng du hành trong xứ Magadha. Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu sau khi đi khát thực nơi ngôi làng gần khu rừng.

Trên đường trở về, một trận cháy rừng khởi lên, một số vị Tỳkhuu kinh hoàng lo dập tắt lửa, nhưng không kết quả.

Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu đứng trên một khoảng đất rộng có bán kính là 16 cánh cung, ngọn lửa vừa cháy đến vòng đai, lập tức tắt lịm.

Các Tỳkhuu hoan hỷ tán thán Phật lực, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhuu, không phải chỉ trong hiện tại Ta có sức mạnh làm lui ngọn lửa. Ngọn lửa đến vòng đai tự tắt lịm là do hạnh chân thật của Ta trong quá khứ; chính nơi đây trọn hiền kiếp này lửa không hề xâm phạm đến.

(Trọn hiền kiếp này có bốn điều không thay đổi đó là: Hình ảnh con thỏ trên mặt trăng, cây lau rộng ruột, ngôi nhà của vị Thánh Anaham Ghātikāra mưa không bao giờ rớt xuống và địa điểm con chim cút lửa không bao giờ cháy đến).

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên bốn sự này

Nhận diện tiền thân.

Chim cút cha nay là vua Suddhodana, chim cút mẹ nay là bà Hoàng Māyā, chim cút con nay là Đức Như Lai(2).

4'-Chuyện cá chúa.

Duyên khởi.

Một thời tại quốc độ Kosala (Kiềutátla) bị hạn hán, trời không mưa, ao hồ, bể nước đều khô cạn, ngay cả hồ nước rộng trước cổng Đại tự Kỳviên (Jetavanavihāra) cũng khô cạn.

Các loài thủy tộc như cá, rùa ... phải nằm trong bùn mắc cạn, những con quạ, điều hâu, chim bói cá, cò ... dùng mỏ nhọn mổ những con cá, lôi chúng ra khỏi bùn để ăn thịt.

Nhìn thấy nhìn chúng sinh bị tai họa như thế, Đức Thế Tôn khởi tâm bi mẫn, suy nghĩ: “Hôm nay Như Lai hãy làm mưa rơi xuống”.

Vào buổi sáng, Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu đi vào thành Sāvatti (Xávệ) khát thực. Sau buổi ăn, Ngài trở về Đại tự Kỳviên, đi đến hồ sen trước cổng chùa, đứng trên thềm hồ, Đức Thế Tôn bảo:

- Này Ānanda, hãy mang đồ tắm đến cho Như Lai, Như Lai sẽ tắm.
- Bạch Đức Thế Tôn, hồ nước của Đại tự Kỳviên đang khô cạn.
- Này Ānanda, Phật lực vô biên, hãy mang đồ tắm đến cho Như Lai.
- Vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn tuyên bố: “Như Lai sẽ tắm nước trong hồ sen này”.

(1)- J.i. 35; Cp. 320.

(2)- JA. Chuyện số 35.

Lập tức ngai vàng của vua trời Sakka (Đế Thích) nóng ran lên, đưa thiên nhân quán xét, hiểu được sự việc, vua trời Sakka bảo thần mưa Pajjuna rằng:

- Nay Pajjuna, Đức Thế Tôn đang cần nước để tắm, người hãy tạo cơn mưa lớn đến kinh thành Sāvattthi đi.

- Vâng, thưa thiên chủ.

Từ phương Đông một đám mây đen lớn bằng sân đập lúa kéo đến, phút chốc lớn dần lên rồi một trận mưa như thác đổ xuống ngập cả hồ nước lớn ở Đại tự Kỳ viên, khi nước tràn đến bờ hồ thì trận mưa chấm dứt.

Đức Thế Tôn xuống hồ tắm rồi trở về Hương thất nghỉ.

Vào buổi chiều, các Tỳkhuu ngồi bàn luận việc kỳ diệu này trong Giảng pháp đường của Đại tự.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, dạy các Tỳkhuu rằng:

- Chẳng phải chỉ hôm nay Như Lai làm cơn mưa, giúp đại chúng thoát khỏi khổ nhọc. Trong quá khứ tiền thân của Như Lai đã từng làm mưa như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Vaccha (con cá) này.

Bốn sự.

Thuở xưa, cũng tại xứ Kosala, nơi cổng Đại tự Kỳ viên này, có một hồ rộng lớn, chằng chịt những dây leo.

Bấy giờ Bô tát sinh làm con cá chúa sống trong hồ với đàn cá vây quanh.

Thế rồi trời hạn hán, các ao hồ cạn nước, những loài thủy tộc phải sống trong bùn khô dần, những con quạ, diều hâu ... dùng mỏ nhọn mổ những con cá lòi ra khỏi bùn để ăn thịt.

Thấy thân tộc bị tai hại, cá chúa suy nghĩ: “Ngoài ta ra không ai có thể cứu thân tộc thoát khỏi nguy hại này. Ta hãy phát nguyện lời chân ngôn để cứu thân tộc cùng các chúng sinh khác”.

Rẻ bùn đen đi lên, đó là một con cá chúa lớn như chiếc rương đen bằng lõi gỗ mun, cá chúa mở to đôi mắt như hai viên ngọc sáng nhìn lên không trung, nói rằng:

- Nay bạn Pajjuna, tuy ta phải sinh vào loài cá, phải dùng thịt đồng loại là những con cá con để sống. Nhưng từ trước đến nay ta chưa từng sát hại một con cá nhỏ hay bất kỳ sinh vật nào.

Này bạn Pajjuna, ta xót thương thân tộc ta cùng các chúng sinh đang bị khổ nạn do không có nước. Vì sao bạn không mưa?

Rồi như ra lệnh cho người hầu của mình, cá chúa nói lên kệ ngôn:

75- Abhitthanaya pajjunna; nidhiṃ kākassa nāsaya.

Kākaṃ sokāya randhehi; mañca sokā pamocayā”ti.

“Hỡi Pajjuna hãy nổi tiếng sấm, hãy làm tiêu kho lương của quạ”⁽¹⁾.

Hãy làm cho quạ buồn rầu, hãy giải thoát cá khỏi phiền muộn”⁽²⁾.

Và thần mưa Pajjuna làm mưa khắp quốc độ Kosala.

Nhận diện tiền thân.

Pajjuna nay là Ngài Ānanda, cá chúa nay là Đức Như Lai⁽³⁾.

***Thiên tử Pajjuna.**

Là một vị chư thiên có phận sự làm mưa của vua Trời Sakka (Đế Thích).

Thiên tử Pajjuna thường được nhân loại khẩn cầu khi hữu sự⁽⁴⁾.

⁽¹⁾- Kho lương dự trữ ám chỉ các con cá bị vướng trong bùn. Nếu trời đổ mưa làm đầy nước trong hồ thì kho lương dự trữ của loài quạ sẽ bị tiêu tan (ĐĐ Indacanda dịch) (CpA. 238-239).

⁽²⁾- Cp.329; J.i. 75.

⁽³⁾- JA. Chuyện số 75.

⁽⁴⁾- D.iii, 205.

Thiên tử Pajjuna có tham dự buổi thuyết kinh Đại Hội (Mahāsamayamsutta) của Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Ngài Buddhaghosa nói rằng: “Vị thiên tử này trú ở cõi Tứ đại vương (Cātummahārājika), có nhiệm vụ làm mưa”.

Pajjuna là chức vụ không phải là tên⁽²⁾.

Thiên tử Pajjuna có hai người con gái là Kokanadā và Culla Kokanadā.

***Thiên nữ Kokanadā.**

Nàng có đến yết kiến Đức Thế Tôn khi Ngài trú ngụ trong Đại lâm (Mahāvana) nơi Kūṭāgārasālā (Giảng đường nóc nhọn), gần kinh thành Vesālī (Quảng Nghiêm).

Khi đêm vừa mãn, Thiên nữ Kokanadā với dung sắc thù diệu, hào quang chiếu sáng một vùng, đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng một bên nói lên kệ ngôn:

Vesāliyaṃ vane viharantaṃ; aggamaṃ sattassa sambuddhaṃ.

Kokanadāhamasmi abhivande; kokanadā pajjunnassa dhītā.

“Trú ngụ trong rừng Vesālī; Bậc Chánh giác tối thượng của chúng sinh.

Kokanadā con kính đánh lễ Ngài; con gái Pajjuna là Kokanadā”.

Sutameva pure āsi; dhammo cakkhumatānubuddho.

Sāhaṃ dāni sakkhi jānāmi; munino desayato sugatassa.

“Từ trước con chỉ nghe; Pháp nhãn từ Đức Phật.

Nay con biết rõ pháp ấy; do ân sĩ Thiện Thệ thuyết giảng”.

Ye keci ariyaṃ dhammaṃ; vigarahantā caranti dummedhā.

Upenti roruvaṃ ghoraṃ; cirarattaṃ dukkhaṃ anubhavanti.

“Ai đối với pháp bậc Thánh; ác tuệ khinh thường, phi báng.

Rơi vào địa ngục Roruva; đau khổ với thời gian dài không kể xiết”.

Ye ca kho ariye dhamme; khantiyā upasamena upetā⁽³⁾.

Pahāya mānusaṃ dehaṃ; devakāya paripūressanti”ti.

“Và ai với pháp bậc Thánh; nhu hoà cùng an tịnh.

Khi từ bỏ thân làm người; thành đạt thân chư thiên trọn vẹn”.

***Địa ngục Roruva.**

Là nơi tái sinh của những chúng sinh phi báng Pháp, hoặc những chúng sinh có tính keo kiệt, bòn xén⁽⁴⁾, hoặc phạm giới thông dâm⁽⁵⁾.

Sớ giải kinh Bốn sự có đề cập đến hai Roruva.

- Jālaroruva⁽⁶⁾ có ngọn lửa nóng như tấm lưới trùm lấy tội nhân.

- Dhūmaroruva có hơi độc (khāradhuma)⁽⁷⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật âm) nói rằng: Jālaroruva là tên gọi khác của địa ngục Avīci (Atỳ) và được gọi như vậy vì tội nhân la hét than khóc lúc bị lửa đốt (aggañhi jalante punappunaṃ ravanti)⁽⁸⁾.

***Thiên nữ Culla Kokanadā.**

Nàng có đến viếng Đức Thế Tôn ở Kūṭārāgasālā.

Với hào quang xinh đẹp làm sáng rực một vùng, sau khi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng sang một bên thiên nữ bạch với Đức Thế Tôn bằng kệ ngôn:

Idhāgamā vijjupabhāsavaṇṇā; kokanadā pajjunnassa dhītā.

Buddhañca dhammañca namassamānā; gāthācimā atthavatī abhāsi.

(1)- D.ii, 260.

(2)- SA.i, 64.

(3)- S.i, 29.

(4)- JA. iii, 299.

(5)- JA. vi, 237.

(6)- JA. v, 266.

(7)- JA.v, 271.

(8)- SA. i. 64.

“Đến đây với quang sắc thù diệu; là Kokanadā con gái Pajjuna.
Con đành lễ Đức Phật và Giáo pháp; nói lên kệ lợi ích này”.

Bahunāpi kho taṃ vibhajeyyaṃ; pariyāyena tādiso dhammo.
Saṃkhittamatthaṃ lapayissāmi; yāvata me manasā pariyattaṃ.

“Ngài phân tích nhiều pháp môn; tuyên bố trọn vẹn pháp ấy.

Con nhận thức tổng thể; đầy đủ theo ý con hiểu .

Pāpaṃ na kayirā vacasā manasā; kāyena vā kiñcana sabbaloke.

Kāme pahāya satimā sampajāno; dukkhaṃ na sevetha anattaṃsaṃhita”nti.

“Không làm, nói, nghĩ ác; từ thân hoặc mọi điều nơi thế gian.

Diệt dục lạc, niệm tỉnh giác; không khổ ép xác, vô bổ không lợi ích”(1).

5'- Ân sĩ Kaṇhadīpāyana(2).

6'- Hiền trí Sutasoma.

Trong Tập Thập độ do Ngài Hộ Tông dịch, nêu ra chuyện hiền trí Vidhura là điển hình cho sự thực hành hạnh chân thật bậc thượng của Bồ tát.

Trong Bản Hạnh tạng thì dẫn ra câu chuyện Bồ tát Mahāsutasoma(3) nhiếp phục được tướng cướp Porisāda (kẻ ăn thịt người) là điển hình cho hạnh chân thật bậc thượng.

8- Hạnh quyết định dẫn đến giác ngộ (adhīttānapāramī).

Chữ *adhīttāna* còn được dịch là chí nguyện.

Adhīttāna là sự thọ lãnh không rung động (acalasaṃādāna).

Vị Bồ tát khi suy gẫm đến thiện nghiệp có lợi ích lớn, Ngài thực hiện việc lành ấy không hề bị thối chuyển.

Ngoài ra, với nguyện vọng chứng Vô thượng Chánh giác, vị Bồ tát Chánh giác không hề từ bỏ nguyện vọng này.

Hạnh quyết định dẫn đến giác ngộ chia làm ba bậc.

Bậc hạ.

Dù có tổn hại đến những vật ngoại thân như tài sản, vợ, con ... cũng không từ bỏ nguyện vọng chân chánh.

Bậc trung.

Dù có tổn hại đến nội thân như tay, chân ... cũng không từ bỏ nguyện vọng chân chánh.

Bậc thượng.

Dù có tổn hại đến sinh mạng cũng không từ bỏ nguyện vọng chân chánh.

Tập Thập Độ dẫn ra chuyện vua Nimi (Nemi)(4) để minh chứng cho quyết định bậc thượng của Bồ tát.

Trong Bản Hạnh tạng thì nêu ra câu chuyện Vương tử Temiya để minh giải.

Tập Bốn sự (Jātaka) có ghi nhận câu chuyện Vương tử Temiya còn được gọi là Mūgapakkhajātaka (Bốn sự què cằm); do duyên khởi câu chuyện như sau:

Duyên khởi.

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Jetavanavihāra (Đại tự KỳViên). Một hôm, nơi Giảng pháp đường của Đại tự KỳViên, các vị Tỳkhuu cùng nhau đàm luận về sự xuất gia cao cả của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường , thuyết lên Bốn sự này.

Có khả năng do lý do này, tập Thập Độ xếp chuyện Vương tử Temiya vào hạnh xuất gia dẫn đến giác ngộ bậc thượng

*** Vương tử Temiya.**

(1)- S.i, 30.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp (tập 6).

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 8).

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 9).

Thuở xưa khi vua xứ Kāsi trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Đức vua có Chánh hậu Candā con gái của vua xứ Madda cùng 16 ngàn phi tần, nhưng không ai có được một người con dù là trai hay gái.

Các Đại thần xin vua xứ Kāsi nên làm lễ cầu tự, Chánh hậu Candā là người hiền đức, bà chuyên tâm thực hành thiện pháp, Đức vua xứ Kāsi yêu cầu Chánh hậu Candā làm lễ cầu tự.

Vào ngày trăng tròn ngày Uposatha, sau khi phát nguyện thọ trì giới Bôđát (Uposathasila), Chánh hậu Candā, nằm trên vương sàng, tưởng niệm đến các công hạnh của mình, bà phát nguyện rằng: “Với công hạnh mà ta tạo được, ta chưa hề vi phạm giới hạnh mà mình đã nguyện thọ trì. Do lời chân thật này, xin cho ta có được một hài tử”.

Lời nguyện của Chánh hậu Candā đã làm cho ngai vàng của vua trời Sakka (ĐếThích) nóng ran lên, đưa Thiên nhân quán xét, vua trời Sakka hiểu rõ sự kiện. Vua trời Sakka suy nghĩ: “Ta sẽ làm cho ước nguyện của Chánh hậu Candā trở thành hiện thực”.

Vua trời Sakka tìm cho Chánh hậu Candā một nam tử tốt đẹp, chợt Ngài nhìn thấy Bôđát.

Trước đó hai kiếp, Bôđát là vị vua xứ Kāsi trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại) 20 năm, mệnh chung Ngài tái sinh vào địa ngục Ussada, chịu cực hình khủng khiếp đến 80.000 năm, mệnh chung mới hóa sinh về cõi trời Tāvātimsa (Ba mươi ba) là thiên tử.

Nhưng nguyện vọng của vị Thiên tử này muốn tiến đạt cao hơn.

Vua trời Sakka đi đến vị thiên tử nói rằng:

-Này hiền hữu, nếu hiền hữu tái sinh về nhân giới, nơi đó có cơ hội cho hiền giả tạo phước hạnh cao tốt, như thế tâm nguyện của hiền hữu sẽ trở thành sự thật. Hiện nay có Chánh hậu Candā là người hiền đức, đang mong mỏi có được một nam tử, nếu được, hiền hữu hãy tái sinh về nhân giới.

Vị Thiên tử bằng lòng, có 500 thiên tử là tùy tùng của Bôđát, tất cả cùng tái sinh vào thai bào của những vị phu nhân đại thần.

Sau 10 tháng nằm trong thai bào, Bôđát ra khỏi thai bào khi ấy toàn cõi quốc độ Kāsi có trận mưa rất lớn khởi lên, nên hài tử được đặt tên là Temiya (được thấm ướt)⁽¹⁾.

Đức vua rất hân hoan với tin vui khắp cả hoàng thành: “Chánh hậu Candā vừa hại sinh một nam tử”. Đức vua cho tìm khắp kinh thành những bé trai cùng sinh ra trong ngày, có được 500 hài tử, Đức vua cho mang tất cả về Hoàng cung để nuôi dưỡng và đó là tùy tùng của vị Thái tử Temiya sau này.

Đức vua cho tuyển lựa 64 người nữ mẫu đầy sữa ngọt, không có các khuyết điểm như sau: Không quá cao, không quá thấp, không quá đen, không quá trắng, không quá béo, không quá gầy. Ngoài ra ngực của nữ mẫu không quá cao cũng không quá xệ.

Hỏi. Vì sao phải chọn nữ mẫu không có những khuyết điểm kể trên?

Đáp. Nếu nữ mẫu quá cao, hài tử nằm trong lòng nữ mẫu khi bú sữa, sau này cổ sẽ dài ra, vì hài tử phải rướn người lên để bú sữa.

- Nếu nữ mẫu quá thấp, hài tử nằm trong lòng nữ mẫu khi bú sữa, sau này cổ sẽ ngắn lại, vì phải co cổ lại để bú sữa.

- Nếu nữ mẫu quá gầy thì đùi hài tử sẽ đau nhức.

- Nếu nữ mẫu quá béo thì sau này chân hài tử bị cong do không được duỗi thoải mái.

- Nếu nữ mẫu quá đen thì sữa là loại sữa lạnh.

- Nếu nữ mẫu quá trắng thì sữa sẽ là loại sữa nóng.

⁽¹⁾- CpA.218.

- Nếu ngực nhũ mầu quá cao, sau này mũi hài tử bị hếch.

- Nếu ngực nhũ mầu quá xệ thì, sau này mũi hài tử bị tẹt.

Khi Thái tử Temiya được tròn tháng, Ngài được trang điểm thật lộng lẫy đưa vào yết kiến vua cha, Đức vua ôm hài tử vào lòng đùa giỡn với con.

Cùng lúc ấy lính hầu mang bốn tên trộm cướp đến để Đức vua phân xử, Đức vua xử.

- Một tên bị phạt đánh một ngàn roi quăn gai nhọn vào thân.

- Một tên bị gông cùm xiềng xích.

- Một tên bị đâm bằng ngàn cây giáo vào thân.

- Một tên bị đóng cọc nhọn xuyên suốt từ dưới lên trên thân.

Thái tử Temiya cảm thấy kinh hoàng, một sự sợ hãi khởi lên cho Ngài.

Hôm sau, khi Ngài nằm ngủ dưới cây lọng trắng 9 tầng (một biểu tượng của Hoàng gia), Ngài chợt tỉnh giấc mở mắt ra nhìn, thấy cây lọng trắng bạc màu như báo hiệu cảnh giới địa ngục đang sẵn chờ.

Nhìn thấy Hoàng cung nguy nga lộng lẫy, tâm Ngài bỗng kinh sợ rằng: “Từ đâu ta lại đến đây?”. Do phước duyên tích lũy Ngài nhớ lại quá khứ rằng: “Ta đã từng ngự trị nơi này 20 năm, mệnh chung ta phải tái sinh vào địa ngục Ussada hết 80.000 năm”

Ngài suy nghĩ: “Giờ đây ta lại tái sinh vào chốn cũ, nếu không thoát khỏi nơi này thì địa ngục đang sẵn sàng chờ đợi ta”.

Kinh hoàng nhớ lại những khổ hình nơi địa ngục Ussada, màu da vàng của Ngài trở nên nhợt nhạt vì quá sợ hãi, Ngài đi đến quyết định: “Ta phải lìa bỏ nơi này, nhưng bằng cách nào?”.

Một thiên nữ trú ngụ nơi cây lọng trắng 9 tầng, là người mẹ trước trước đó của Bôát, hiện ra an ủi Ngài rằng:

- Nay Temiya con, con đừng sợ hãi, nếu thật sự con muốn thoát khỏi nơi này, dù không bại liệt con hãy giả vờ bại liệt, dù không câm điếc con hãy giả như câm điếc. Cứ khoác lên mình những dị tật đó, đừng lộ vẻ thông minh”.

Rồi Thiên nữ nói lên kệ ngôn.

Mā paṇḍiccayam vibhāvaya, bālamato bhava sabbapāṇinam.

Sabbo tam jano ocināyatu; evam tava attho bhavissati’.

“Đừng lộ vẻ thông minh, hãy tỏ ra ngu si với tất cả mọi người.

Hãy làm mọi người khinh thường; như vậy sẽ có lợi đến con”.

Nghe lời dạy của thiên nữ, Ngài như tìm thấy hải đảo an toàn giữa đại dương rộng lớn, Ngài quyết định thực hiện ba điều: Bại liệt, câm và điếc; do vậy Ngài còn có tên gọi là Mūgapakkhakumāra (Vương tử què câm).

Từ đó Thái tử Temiya nằm yên bất động, không kêu khóc, bất cứ ai trêu chọc hay kêu gọi, Ngài tỏ ra không hay biết.

Các nhũ mầu trình lên Chánh hậu Candā sự việc này, Chánh hậu trình lên Đức vua. Đức vua cho những ngự y đại tài đến khám bệnh cho Vương tử Temiya, nhưng không ai tìm thấy chứng bệnh nào cả, tất cả đều không hiểu vì sao Thái tử Temiya bị như vậy.

Đức vua cho vời những Bàlamôn thông thái đến để hỏi, các Bàlamôn thông thái thưa rằng:

- Thưa Đại vương, Thái tử có những quý tướng như thế này không thể là người bại liệt hay câm điếc được. Chắc chắn Thái tử giả vờ như thế, chúng ta hãy thử Thái tử có phải thật sự là người bại liệt, câm điếc không.

Các Bàlamôn thông thái bày ra 17 cách để thử Thái tử Temiya.

1- *Thử bằng cách cho khát sữa.*

Để làm Thái tử Temiya vui thích, Đức vua cho mang 500 hài tử tùy tùng đến làm bạn với Thái tử Temiya.

Khi đói các tùy tùng kêu khóc đòi sữa, nhưng Bôtát không kêu khóc, Ngài nghĩ: “Thà chết khát còn hơn phải đọa địa ngục”.

Tuy các nữ mẫu để cho Thái tử Temiya khát sữa cả ngày nhưng Ngài vẫn im lặng không hề kêu khóc, cuối cùng Chánh hậu Candā thương con đành phải bảo các nữ mẫu cho Ngài sữa dù Bôtát không hề kêu khóc đòi sữa. Việc dùng sữa thử thách này diễn ra nhiều lần nhưng lần nào họ cũng thất bại, suốt một năm trôi qua Bôtát vẫn nằm yên bất động.

2- Thử bằng bánh.

Năm thứ nhất trôi qua, các Bàlamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ một tuổi⁽¹⁾ thường thích những loại bánh kẹo ngon ngọt. Hãy dùng loại bánh ngon ngọt để thử.

Họ cho mang 500 đồng tử đặt nằm cạnh Bôtát, cho mang những loại bánh ngon ngọt bày ra để các đồng tử tự do lựa chọn. Các đồng tử dành giục nhau bánh ngọt để ăn, riêng Bôtát vẫn nằm yên bất động.

Cách thử này được lập lại nhiều lần trọn một năm, nhưng đều vô ích.

3- Thử bằng trái cây.

Năm thứ hai trôi qua, các Bàlamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ hai tuổi thường thích ăn trái cây, đại vương hãy dùng trái cây thử Thái tử.

Khi Thái tử Temiya đói, các nữ mẫu bày ra nhiều loại trái cây, các đồng nam khác tranh nhau các loại trái cây, Bôtát vẫn bất động. Họ lập lại nhiều lần cách thử này trọn một năm.

4- Thử bằng đồ chơi.

Năm thứ ba trôi qua, các Bàlamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ ba tuổi thường thích đồ chơi. Đại vương hãy dùng đồ chơi thử Thái tử.

Các nữ mẫu mang những đồ chơi như voi, ngựa, xe đặt trước mặt Bôtát, nhưng vô ích.

5- Thử bằng vật thực.

Năm thứ tư trôi qua, các Bàlamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ bốn tuổi thường háu đói, hãy để cho Thái tử thật đói khát, Thái tử sẽ kêu khóc đòi ăn.

Đến giờ ăn, các nữ mẫu mang những loại vật thượng vị với mùi thơm đên cho các đồng tử khác, không mang đến cho Bôtát, nhưng Ngài dạy tâm rằng: “Này Temiya, đã vô số kiếp người đã bị đói khát rồi, người có đói khát có chết đi là điều tốt, còn hơn người dùng vật thực thượng vị để rồi rơi vào địa ngục”. Và Ngài vẫn bất động, không đòi hỏi chi cả, Chánh hậu Candā đau xót phải tự tay bà cho con ăn những vật thực thượng vị ấy.

Sự thử thách này kéo dài trọn một năm.

6- Thử bằng lửa.

Năm thứ năm trôi qua, các Bàlamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ năm tuổi thường sợ lửa, Đại vương hãy dùng lửa thử Thái tử.

Đức vua cho làm một căn nhà lớn có nhiều cửa, mái nhà lợp bằng lá cây Tāla (thốt nốt), các nữ mẫu đưa Bôtát cùng với 500 đồng nam vào ngôi nhà đó để vui chơi. Bất ngờ họ nổi lửa đốt căn nhà, các đồng nam hoảng sợ chạy tuôn ra các cửa để thoát thân, riêng Bôtát dạy tâm rằng: “Này Temiya, ngọn lửa này không khủng khiếp so với ngọn lửa nơi địa ngục Ussada, người không muốn rơi vào địa ngục hãy chịu đựng ngọn lửa này, và Ngài nằm yên bất động. Thử thách này được lập lại nhiều lần trọn một năm.

⁽¹⁾- Tính tuổi theo Tây lịch, không kể tuổi nằm trong thai bào- Ns.

7- Thử bằng voi.

Năm thứ sáu trôi qua, các Balamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ sáu tuổi thường sợ voi dữ, Đại vương hãy dùng voi dữ thử Thái tử.

Các nữ mẫu mang Thái tử Temiya cùng 500 đồng nam tùy tùng đến sân Hoàng cung cho tất cả vui chơi, các nữ mẫu đặt Thái tử ngồi giữa các đồng nam, bất ngờ họ thả voi lớn được huấn luyện đi vào sân chơi Hoàng cung. Con voi rống lên, dùng chân dậm lên nền sân chơi, dùng vòi hút bụi phun lên trên không, các đồng nam chạy tán loạn, riêng Bôtát vẫn ngồi yên bất động, con voi đi đến bên Thái tử Temiya dùng vòi quất ngang người đưa lên cao, nhưng Bôtát vì sợ khổ cảnh địa ngục, tuy kinh sợ nhưng Ngài vẫn im lặng không kêu khóc, con voi đặt Ngài xuống đất rồi bỏ đi, không làm hại Ngài.

Họ dùng voi dữ thử thách Bôtát nhiều lần trọn cả một năm.

8- Thử bằng rắn.

Năm thứ bảy trôi qua, các Balamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ bảy tuổi thường sợ rắn, Đại vương hãy dùng rắn thử Thái tử.

Các nữ mẫu mang Thái tử Temiya cùng các đồng nam đến sân chơi Hoàng cung, rồi cho thả nhiều loại rắn độc ra, những con rắn đã bẻ hết răng, may miệng lại. Các đồng nam hoảng sợ bỏ chạy tán loạn, riêng Bôtát dạy tâm rằng: “Thà chết vì nọc rắn độc tốt hơn là làm vua, rồi phải đọa vào địa ngục”. Ngài vẫn nằm yên bất động, đàn rắn đến quất quanh chân, tay, mình, đầu ... của Ngài, cuối cùng những người bắt rắn đến tháo gỡ những con rắn độc ra khỏi mình Bôtát.

Họ thử thách Bôtát nhiều lần như thế trọn một năm.

9- Thử bằng kịch vui.

Năm thứ tám trôi qua, các Balamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ tám tuổi thường thích kịch vui, Đại vương hãy dùng kịch vui thử Thái tử.

Các nữ mẫu mang Thái tử Temiya cùng 500 đồng nam đến sân Hoàng cung cho coi diễn kịch, các đoàn diễn kịch vui nổi tiếng trong quốc độ Kāsi được đưa đến Hoàng cung để biểu diễn.

Các danh hài làm cho 500 đồng nam cười vang dội, vỗ tay không ngớt. Bôtát nhủ thầm: “Nếu ta phải tái sinh vào địa ngục thì những cuộc vui giả tạm này có ích lợi gì”, Ngài ngấm nghĩ đến cái khổ trong cảnh địa ngục, nên chẳng màng để tâm đến những hài kịch do các danh hài đang trình diễn và Ngài vẫn im lặng bất động tựa nhưng chẳng nghe biết gì cả.

Lại một năm trôi qua.

10- Thử bằng gươm đao.

Năm thứ chín trôi qua, các Balamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ chín tuổi thường sợ gươm đao, Đại vương hãy dùng gươm đao thử Thái tử.

Các nữ mẫu mang Thái tử cùng các đồng nam ra sân chơi Hoàng cung. Trong lúc các hài tử vui đùa, bỗng một người hung tợn chạy đến vùng gươm sáng loáng như muốn chém vào người nhóm hài tử. Tất cả kinh hoàng bỏ chạy tán loạn, riêng Bôtát vẫn ngồi yên bất động, nhủ thầm rằng: “Thà chết dưới đao kiếm tốt hơn là phải làm vua rồi rơi vào địa ngục”.

Gã hung tợn đưa gươm sáng bóng cạo vào người Bôtát để xem phản ứng của Ngài, nhưng Ngài vẫn bất động.

11- Thử bằng tiếng tù và.

Năm thứ mười trôi qua, các Balamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, trẻ mười tuổi thường sợ tiếng tù và, Đại vương hãy dùng tù và thử Thái tử.

Lẽ thường khi đang ngồi hay nằm, bỗng nhiên nghe tiếng tù và nổi lên bên tai sẽ khiến giật mình kinh hoàng. Khi nghe tiếng tù và, Bôttát hiểu rằng: “Họ đang thử xem ta có cầm điếu thật hay không”, nên Ngài vẫn yên lặng bất động dường như chẳng nghe biết chi cả.

12- Thử bằng tiếng trống.

Nhân lúc Thái tử ngủ say, Đức vua cho đánh trống vang dội để thử xem phản ứng của Ngài. Khi nghe tiếng trống vang dội, tuy giật mình thức giấc nhưng Ngài hiểu rằng: “Đây là Hoàng gia muốn thử xem Ngài có cầm điếu thật không, nên Ngài giả vờ như không nghe biết chi cả, lại nhắm mắt ngủ tiếp.

Tuy theo dõi thấy Ngài giật mình thức giấc, họ cho là: “Thái tử không bị điếu”, nhưng không hiểu vì sao Ngài vẫn bất động.

13- Thử bằng đèn.

Khi Thái tử Temiya được 12 tuổi, họ dùng đèn để thử Ngài.

Các nữ hầu để Bôttát nằm trong bóng tối, bất ngờ cho hàng loạt bóng đèn sáng thắp lên để xem phản ứng của Ngài, nhưng Bôttát vẫn yên lặng.

14- Thử bằng ruồi.

Khi Thái tử Temiya được 13 tuổi, Đức vua cho dùng nước đường mía thoa lên thân Bôttát, rồi đưa Ngài ra chỗ trống nằm chơi cùng các đồng nam tùy tùng. Ruồi bu vào thân Ngài để hút chất ngọt khiến thân vô cùng nhột nhạt, Bôttát phải dùng nghị lực kiên cường chịu đựng, không cử động tay chân (đây là cực hình khó chịu nhất).

Trọn một năm lại trôi qua với cực hình bị ruồi bu bám.

15- Thử bằng nước tiểu và phân.

Khi Thái tử 14 tuổi, các Bàlamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, những thiếu niên 14 tuổi thường thích sạch sẽ. Đại vương hãy dùng phân và nước tiểu thử Thái tử.

Khi Bôttát đi tiêu hay tiểu, chẳng ai màng tắm rửa hay lau chùi phần và nước tiểu, cứ để như thế đôi ba ngày để xem phản ứng của Bôttát, ruồi nhặng bu vào quanh chỗ nằm của Bôttát. Bôttát lại phải dùng đến nghị lực kiên cường chịu đựng thử thách này.

Lại một năm trôi qua với cực hình hôi thúi này.

16- Thử bằng sức nóng của lửa.

Khi Thái tử Temiya được 15 tuổi, các Bàlamôn thông thái bày ra cách dùng hơi nóng của lửa để thử Bôttát.

Họ dùng những chảo nóng chứa than hồng đặt gần chỗ nằm của Bôttát, hơi nóng của lửa làm da Ngài bong lên. Bôttát nhớ lại sức nóng nơi địa ngục Ussada, Ngài dạy tâm rằng: “Này Temiya, sức nóng này so với sức nóng khủng khiếp nơi địa ngục Ussada chẳng đáng vào đâu cả, nó còn dễ chịu hơn nhiều. Người cần phải chịu đựng để không bị rơi vào sức nóng của địa ngục Ussada”.

Xót thương con, Đức vua và Chánh hậu Candā đã than khóc, van xin rằng:

- Này Temiya con, cha mẹ biết con không phải là kẻ bại liệt cầm điếu, vì sao con giả vờ như vậy? Suốt 15 năm nay cha mẹ tìm cách cho con trở lại trạng thái bình thường, thử con nhiều cách nhưng con vẫn kiên cường.

Này Temiya con, con hãy thương cha mẹ, đừng giả vờ như thế nữa. Con đừng làm cho Hoàng tộc phải tuyệt tự vì con.

Tuy xúc động, nhưng Ngài suy nghĩ rằng: “Cha mẹ biết hiện tại mà không biết tương lai. Chính ngôi vua này đã xô đẩy biết bao chúng sinh rơi vào khổ cảnh rồi”.

Rồi Ngài trấn tĩnh tâm, giả vờ như không nghe thấy gì. Đức vua và Chánh hậu thấy than khóc van xin không có kết quả, đành phải ra về.

Rất nhiều lần Đức vua và Chánh hậu kêu khóc van xin như thế, nhưng rồi đành phải ra về.

17- Thử bằng mỹ nữ.

Khi Thái tử Temiya được 16 tuổi, các Bàlamôn thông thái thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, Thái tử nay đã được 16 tuổi. Cho dù là bại liệt hay câm điếc, thông thường đến tuổi này tất cả điều thích dục lạc, ví như cây đến thời phải trở hoa, Đại vương hãy dùng mỹ nữ để thử Thái tử.

Đức vua cho tuyển chọn một số mỹ nữ xinh đẹp 16 tuổi, đến dạy rằng: - Nàng nào quyến rũ được Thái tử thích ý, ta sẽ phong nàng ấy là Chánh hậu của Thái tử Temiya.

Họ đặt thái tử nằm trên vương sàng được trang hoàng lộng lẫy, tắm cho Ngài bằng những loại nước hoa thơm, nơi nội cung của Thái tử tựa như một thiên cung, mùi hương thơm ngào ngạt, rồi họ lui ra.

Khi ấy đoàn mỹ nữ đi đến, các nàng cố gắng kêu gọi dục tình nơi Bôtát. Bôtát phải chống cự với nội tâm, Ngài quán tưởng các mỹ nữ này là hóa thân của những tên quỷ sứ nơi địa ngục để cố gắng nhằm chán chúng, quán tưởng về những chất nhơ bẩn có trong thân những mỹ nữ để nhờm gớm chúng; để tránh các nàng va chạm vào người Bôtát nín hơi cho thân trở nên cứng đờ.

Đôi khi quá gắng sức Ngài ngất xỉu, các mỹ nữ khi chạm vào thân người Ngài thấy cứng đờ và lạnh, nên các nàng kinh hoàng không dám đụng chạm vào người Bôtát. Cuối cùng các mỹ nữ trở về báo lại Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, thân thể của Thái tử cứng đờ và lạnh tanh. Thái tử có lẽ không phải là người mà là hóa thân của loài quỷ dữ.

Nghe vậy, Đức vua bồng kinh hoàng lo sợ cho Hoàng tộc bị tai hại, cho vời những Bàlamôn thông thái đến hỏi rằng:

- Nay các Bàlamôn, khi Thái tử Temiya sinh ra, các người bảo rằng: “Thái tử có đầy đủ mọi tướng quý trên thân. Nhưng Thái tử lại bại liệt câm điếc, đã thử thách 17 cách đều vô hiệu, như vậy là thế nào?”

Các vị Bàlamôn thông thái kinh sợ, vội tráo trở rằng:

- Thưa Đại vương, không có gì mà cúng tôi không biết cả, chỉ vì e ngại Đại vương sẽ đau lòng, vì Thái tử là con cầu tự của Đại vương. Thật ra, Thái tử là kẻ bạc phước không thể kế vị vương quyền của Đại vương.

- Thế thì ta phải làm sao đây?

- Thưa Đại vương, nếu Thái tử ở trong cung nội, sẽ mang đến ba tai họa cho hoàng gia là: Ảnh hưởng đến tính mạng của đại vương, ảnh hưởng đến tính mạng của Chánh hậu và ảnh hưởng đến vương vị.

Tốt nhất Đại vương hãy đặt Thái tử trên cỗ xe do những con ngựa hèn kém kéo đi, ra khỏi kinh thành về hướng Tây, đem chôn Thái tử trong nghĩa địa để diệt trừ ba tai họa này.

Vì sợ ba tai họa qua lời của các Bàlamôn, Đức vua đồng ý. Nghe được tin này, Chánh hậu Candā đến yết kiến Đức vua thưa rằng:

- Thưa Đại vương, trước đây Đại vương có hứa ban cho thần thiếp một thỉnh cầu. Giờ đây, xin Đại vương hãy ban ân huệ lời thỉnh cầu ấy.

- Nay Chánh hậu, hãy nói lên lời thỉnh cầu ấy.

- Xin Đại vương hãy trao ngôi báu cho Thái tử Temiya.

- Nay Chánh hậu, điều này không thể được.

- Thưa Đại vương, hãy cho Temiya làm vua 7 năm.

- Không thể được.

- Vậy đại vương hãy cho Temiya làm vua 6 năm ... 5 năm ... 4 năm ... 3 năm ... 2 năm.... một năm ...

- Không thể được, này Chánh hậu.

Chánh hậu Candā tiếp tục xin vương vị cho Thái tử Temiya, cho đến khi còn 7 ngày, Đức vua suy nghĩ: “Ta không nên khước từ nữa. Vả lại, thời gian 7 ngày không lâu lắm”, nên Đức vua nói rằng:

- Được rồi, này Chánh hậu.

Kinh thành Bārāṇasī được trang hoàng lộng lẫy, Hoàng cung tổ chức lễ Tôn vương cho Thái tử Temiya. Nhưng Chánh hậu Candā không ngày nào không than khóc, van xin Temiya hãy cử động và nói lên, vì bà biết chắc rằng Thái tử Temiya không bị bại liệt, câm điếc.

Vào ngày thứ 7 Đức vua cho gọi người quản xa Sunanda đến bảo rằng:

- Sáng sớm mai, người hãy chuẩn bị một cỗ xe tồi tàn với những con ngựa hèn yếu, mang Temiya ra khỏi kinh thành về hướng Tây, đến nghĩa địa đào hố sâu chôn Temiya vào đó.

- Vâng, thưa Đại vương.

Cũng vào ngày thứ 7, Chánh hậu Candā than thở với vua Temiya rằng:

- Này Temiya con, sáng mai này Đức vua ra lệnh mang con ra khỏi Hoàng thành để chôn sống con. Con hãy nói lên đi, con hãy đứng lên đừng giả vờ bại liệt nữa, tính mạng con đang gần kề với sự chết.

Nghe vậy, Bô-tát nghĩ thầm rằng: “Này Temiya, hạn kỳ chịu đựng của người đã mãn, trong 16 năm người chịu đựng biết bao thử thách mà sức người thường khó có thể chịu đựng nổi. Mai này tai họa của người đến thời kết thúc”. Tâm Ngài hân hoan nhưng không lộ vẻ chi cả.

Vào sáng sớm người quản xa Sunanda đi đến cung Chánh hậu Candā thưa rằng: “Thưa Chánh hậu, Đức vua truyền đưa vua Temiya ra khỏi hoàng thành”.

Chánh hậu Candā ôm Bô-tát như muốn che chở cho Ngài, quản xa Sunanda thưa rằng:

- Thưa Chánh hậu, đây là lệnh của Đức vua, xin Chánh hậu tha lỗi.

Rồi quản xa Sunanda giựt lấy Temiya trên tay Chánh hậu, Chánh hậu ngã xuống đất than khóc thảm não.

Khi ấy Bô-tát nhìn thấy mẹ như vậy, tâm Ngài trào dâng niềm cảm xúc, Ngài nghĩ rằng: “Nếu ta không nói lên, e rằng mẹ ta sẽ tức bẽ tim mắt; nhưng nếu ta nói lên thì công trình 16 năm chịu đựng của ta sẽ tiêu tan, quyết định lia bỏ khổ cảnh địa ngục của ta không thể thực hiện được. Nếu ta không nói, ta sẽ cứu được chính ta cùng cha mẹ”.

Nghĩ như thế rồi, Ngài đưa mắt nhìn mẹ, nói thầm rằng: “Xin mẹ hãy an lòng, con sẽ trở lại cứu mẹ và cha”.

Một linh cảm lạ kỳ xuất hiện trong tâm Chánh hậu, bà đưa mắt nhìn con trai bắt gặp ánh mắt lạ kỳ của Bô-tát, bà cảm thấy ấm lòng như có lời an ủi: “Thưa mẹ, xin mẹ hãy an tâm”, bà hân hoan rằng: “Ồ! Ánh mắt này thể hiện sự hiểu biết, chắc chắn con ta muốn nói với ta điều gì đó, nhưng chưa tiện tỏ bày. Giờ đây với phước hạnh mà ta tạo được, nguyện cho con trai ta là Temiya được bình an vô sự”.

Người quản xa Sunanda dự tính cho xe chạy ra hướng Tây lại đánh xe đi nhằm ra cửa hướng Đông của Hoàng thành, khi cách Hoàng thành khoảng 3 gāvuta (= 12 km) đến một khu rừng, nhưng người quản xa nghĩ rằng là nghĩa địa nên cho xe dừng lại bên vệ đường.

Quản xa mang cuốc xẻng đi đến bãi đất trống đào hố.

Khi ấy Bô-tát suy nghĩ: “Đây là thời điểm ta thoát hiểm nạn, nhưng 16 năm qua ta nằm yên bất động, không hiểu tay chân ta có hoạt động theo ý của ta chăng?”.

Rồi Ngài phát nguyện rằng: “Với công hạnh ta tạo được, tay chân hãy thực hiện đúng theo ý nghĩ của ta vậy”.

Bồ tát nhắc lần tay trái lên một cách khó khăn rồi từ từ tay trái làm theo ý của Ngài, Ngài dùng tay trái xoa bóp tay phải cho máu huyết chạy đều, dần dần nhắc tay phải lên co duỗi theo ý muốn, tiếp theo Ngài cố gắng ngồi dậy, nhiều lần ngồi lên bị ngã xuống, đau đớn khắp cả người, nhưng Bồ tát kiên trì tập luyện đến khi Ngài ngồi vững không bị ngã xuống, tiếp theo Ngài dùng hai tay xoa bóp chân trái cho đến khi chân cử động được, rồi xoa bóp chân phải cho đến khi hai chân co duỗi theo như ý.

Bồ tát đứng lên, té xuống nhiều lần cho đến khi Ngài đứng vững vàng trên đôi chân rồi Ngài bước xuống xe, nhưng không dễ dàng gì, Ngài phải lần từ bước cho đến khi bước xuống xe.

Khi xuống xe, Bồ tát lần từ bước đi cho đến khi đi được vững vàng theo như ý, Ngài suy nghĩ: “Ta có đủ sức chống lại gã quỷ xa không? Nếu hắn có ý sát hại ta, thì ta phải làm sao?”. Bồ tát đưa tay nhắc gong xe, Ngài cố gắng vận dụng sức mạnh đôi tay, dần dần sức lực của Ngài khôi phục,

Ngài nhắc bồng cổ xe lên quay cổ xe vù vù trên đôi tay.

Bấy giờ Bồ tát suy nghĩ: “Sức lực của ta đã phục hồi, ta không lo ngại quỷ xa uy hiếp nữa”.

Bồ tát khởi lên ý nghĩ: “Ta nên trang điểm thật xinh đẹp”, khi ấy ngài vàng của vua trời Sakka chột nóng ran, đưa thiên nhãn quán xét vua trời Sakka hiểu được nguyên nhân, nói rằng:

- Ước nguyện của Thái tử Temiya đã trở thành hiện thực, Ngài cần thiết gì vật trang điểm của nhân giới.

Vua trời Sakka sai thiên thần Vissakamma mang trang sức thiên giới đến dâng cho Bồ tát, Bồ tát trang điểm xinh đẹp như một thiên tử giáng trần.

Bồ tát đi đến người quản xa, khi ấy người quản xa đang đào chiếc hố sâu và rộng, Ngài hỏi rằng:

- Này hiền hữu, hiền hữu đào hố ở bên đường để làm gì thế?

Không buồn quay lại, người quản xa đáp:

- Đức vua có một Thái tử là Temiya bị bại liệt, câm điếc. Các Bàlamôn bảo Thái tử này mang đến hoàng gia ba đại họa. Đức vua bảo ta mang Thái tử bại liệt ấy ra đây đào hố chôn để diệt trừ ba tai họa.

- Này hiền hữu, ta chính là Temiya, ta không bị bại liệt hay câm điếc. Nếu người đào hố chôn ta, người đã phạm vào tội sát nhân.

Nghe vậy, quản xa Sunanda ngừng đào đưa mắt nhìn lên thấy Bồ tát như vị thiên thần xuất hiện, quản xa kinh hãi hỏi:

- Ngài là ai? Là người hay Càn thất bà (Gandhabba) hay thiên vương Sakka (Đế Thích)?

- Này quản xa, ta chính là Thái tử Temiya, vua xứ Kāsi.

Bồ tát giảng thuyết cho quản xa Sunanda biết: “Chỉ vì do làm vua 20 năm, rồi rơi vào địa ngục Ussada 80.000 năm chịu khổ hình không sao tả hết. Để khỏi làm vua, ta giả vờ bại liệt, câm điếc suốt 16 năm”.

Bồ tát bảo quản xa hãy trở về Hoàng cung báo tin đến cha mẹ Ngài biết.

Khi quản xa đi rồi, Bồ tát khởi ý: “Ta hãy xuất gia sống đời ẩn sĩ”. Vua trời Sakka cho thiên thần kiến trúc Vissakamma kiến tạo cho Ngài một khu ẩn cư rộng 3 gāvuta

Được tin Thái tử Temiya hồi sức trở thành một người khỏe mạnh, Đức vua, Hoàng hậu vui mừng không sao tả hết, cùng triều thần đến khu ẩn cư của Bồ tát. Bồ tát thuyết lên pháp thoại nói về sự nguy hại của vương quyền, nghe thời pháp thoại này cả Đức vua, Chánh hậu cùng triều thần đều kinh sợ vương quyền, cùng xin được xuất gia sống đời sống ẩn sĩ như Bồ tát.

Nhận diện tiền thân.

Thiên nữ trú nơi cây lọng trắng nay là bà Thánh nữ Uppalavaṇṇā, quản xa Sunanda nay là Ngài Sāriputta (Xá lợi phất), Đức vua nay là vua Suddhodana, Chánh hậu Nandā nay là bà Hoàng Māyā, Thái tử Temiya nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

***Địa ngục Ussada.**

Đây là một tiểu địa ngục, tội nhân trong địa ngục này chịu vô vàn khổ nào. Những người đánh đập cha mẹ, hay hứa tặng cho nhưng không giữ lời hứa, khi sắp mệnh chung quả bất thiện này trở sinh sẽ rơi vào địa ngục Ussada. Chúng sinh trong địa ngục này bị những quỷ sứ dùng móc nóng đỏ móc vào lưỡi kéo lê trên nền bằng thép nóng đỏ rực.

9- Hạnh từ tâm dẫn đến giác ngộ (mettāpāramī)..

Là tìm sự an lạc đến cho chúng sinh với tâm không phần nộ hay bất bình. Hạnh này có ba bậc.

Bậc hạ.

Mong cho chúng sinh được an lạc, cho dù kẻ ấy có làm tổn hại đến vật ngoài thân như tài sản, vợ con cũng không bất bình, sân hận.

Bậc trung.

Mong chúng sinh được an lạc, cho dù kẻ ấy có làm tổn hại đến nội thân như tay chân ... cũng không bất bình, sân hận.

Bậc thượng.

Mong chúng sinh được an lạc, cho dù kẻ ấy có làm tổn hại đến mạng sống, cũng không bất bình khó chịu.

Tập Thập Độ dẫn ra câu chuyện Hiếu tử Suvaṇṇasāma⁽²⁾ là hạnh từ tâm dẫn đến giác ngộ bậc thượng.

Bản Hạnh Tạng nêu ra 2 câu chuyện: Chuyện Hiếu tử Sāma và chuyện Ekarāja (Nhất vương) điển hình cho hạnh xả dẫn đến giác ngộ.

*** Chuyện Nhất vương (Ekarāja).**

Thuở xưa có vị Đại thần phạm tà dâm trong nội cung của vua Ekarāja trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại).

Khi tận mắt chứng kiến sự phạm tội của viên cận thần, Đức vua tấn xuất viên đại thần ra khỏi quốc độ.

Vị cận thần này sang đầu quân Vua Dabbasena xứ Kosala và xúi giục vì vua này gây chiến với Vua Ekarāja.

Vua Ekarāja bị Dabbasena bắt lúc đang ngồi trên ngai giữa triều thần. Vua Dabbasena cho giam vua Ekarāja vào ngục, trói và treo ngược đầu vua Ekarāja bằng một sợi dây mắc vào thanh cửa.

Vua Ekarāja vẫn phát triển lòng từ đối với Dabbasena và nhờ định lực tinh tấn, Đức vua nhập trạng thái thiền định, làm bung các dây trói và ngồi trên không, còn Dabbasena bị tấn công bởi cơn đau đốt cháy cả thân xác.

Theo lời khuyên giải của triều thần, Dabbasena sám hối và thả vua Ekarāja ra mới hết đau đớn.

Sau khi biết Ekarāja là vị Thánh vương, Dabbasena cung kính trao trả quốc độ Kāsi cho vua Ekarāja.

Trong Bản Bốn sự có ghi nhận câu chuyện này.

Duyên khởi.

Một đại thần của vua Pasenadi trị vì xứ Kosala, ông là người tận tâm trong công việc nên được vua Pasenadi tin dùng.

Các vị đại thần khác ganh tị, dèm pha ông với vua Pasenadi, và ông bị vua giam vào ngục và bị xiềng xích.

(1)- JA. Chuyện số 538.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8).

Trong ngục, nhờ có đức hạnh, ông vẫn sống an tịnh, phát triển thiền quán chứng Thánh quả Dự lưu.

Khi vua Pasenadi xét thấy vị đại thần vô tội nên thả ra. Vị Đại thần đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn trình lên việc chứng đắc Thánh đạo của mình.

Đức Phật dạy:

- Này gia chủ, chẳng phải ngươi là người duy nhất nhận được cái tốt trong khi gặp phải cái xấu. Thuở xưa, các bậc hiền trí cũng đã từng như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại bốn sự Ekarāja⁽¹⁾.

Ngoài ra có ba Bốn sự có nội dung tương tự, đó là Bốn sự Mahāsīlava, Bốn sự Seyya và Bốn sự Ghata..

***Tóm lược Bốn sự Mahāsīlava.**

Duyên khởi.

Có vị Tỳkhuu thối thất tinh tấn, các Tỳkhuu dẫn vị ấy đến yết kiến Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn sau khi khiển trách vị Tỳkhuu ấy, rồi Ngài sách tấn vị ấy bằng Bốn sự này.

Bốn sự.

Trong Bốn sự này, Đức vua có tên là Silava, được gọi là Mahāsīlava (Đại Đức hạnh).

Đức vua Mahāsīlava trị vì kinh thành Bārāṇasi của quốc độ Kāsi, Đức vua kiến tạo 6 Bồ thí đường: Bốn ở bốn cổng kinh thành, một ở trung tâm kinh thành và một ở gần cổng Hoàng cung, mỗi ngày Đức vua bố thí 600 ngàn đồng vàng, Đức vua trị nước đúng theo chánh pháp.

Một đại thần của vua Mahāsīlava dan díu với cung phi bị vua bắt quả tang và bị tẩn xuất ra khỏi quốc độ.

Vị đại thần sang phục vụ cho vua xứ Kosala, xúi giục vua xứ Kosala xâm chiếm nước Kāsi của vua Mahāsīlava.

-Thưa Đại vương, nước Kāsi rất trù mật như chiếc bánh mật không có ruồi bám, vua xứ Kāsi rất nhu nhược, rất sợ giết chóc. Chỉ cần một đội quân thiện chiến có thể chiếm lấy nước Kāsi.

Vua Kosala suy nghĩ: “Nước Kāsi rất hùng mạnh, mà gã này nói: “Chỉ cần một đạo quân thiện chiến có thể chiếm được nước Kāsi”. Ta e rằng tên này sang trá hàng để đưa ta vào bẫy rập”.

- Ta nghĩ rằng ngươi là tên trộm cướp được đưa sang trá hàng.

- Thưa Đại vương, tôi không phải là tên trộm cướp được đưa sang trá hàng, đó là sự thật. Nếu đại vương không tin, hãy cho một toán quân nhỏ giả làm bọn cướp đánh phá một làng ở vùng biên địa. Khi những người đánh phá làng bị bắt, dẫn đến vua Mahāsīlava, vua sẽ tha bổng những người ấy.

Vua Kosaala làm theo lời đề nghị của kẻ phản phúc, nhóm cướp giả dạng bị bắt đưa đến vua Mahāsīlava, vua giảng thuyết cho tiền rồi tha về.

Nhiều lần như thế, mỗi lần bị bắt đều được vua Mahāsīlava khuyên bảo cho tiền rồi thả về. Thấy vậy, Vua Kosala nghĩ sẽ chiếm vương quốc của Vua Mahāsīlava dễ dàng.

Vua Kosala cho tiến quân, vua Mahāsīlava không cho các đại thần mình chống trả, do đó tất cả đều bị bắt và chôn sống ló đầu trong nghĩa địa. Đức vua MāSīlava dạy rằng:

- Này các đại thần, hãy tu tập hạnh tâm từ.

Đêm đến đàn chó rừng đi đến tha ma mộ địa tìm xác chết để ăn thịt, Đức vua cùng các Đại thần hét lớn, đàn chó rừng kinh hoàng bỏ chạy, rồi chúng lại kéo đến. Cả ba lần như vậy, khi đàn chó rừng thấy không có ai đuổi theo, chúng an tâm ở lại không bỏ chạy như trước, vua Mahāsīlava vươn cổ ra để như con chó

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 303.

rừng, con chó rừng vừa tấp vào cổ Đức vua, Ngài rút cổ lại rồi vươn cổ ra cắn chặt vào cổ con chó rừng, con chó rừng rú thét lên, làm đàn chó rừng kinh hoàng bỏ chạy.

Đức vua Mahāsīlava vẫn cắn chặt lấy cổ chó rừng, con chó rừng kinh hoàng, bốn chân cào bới nền đất để thoát thân, lớp đất nện chặt bị bung lên, khi nhận thấy lớp đất mỏng dần, với sức lực của mình có thể thoát ra được, Đức vua nhả cổ chó rừng ra, con chó rừng chạy thoát thân không dám quay trở lại.

Đức vua dùng sức cựa mình dần dần những lớp đất bung ra, Ngài rút ra được một tay, nhanh chóng bới đất rồi thoát ra hố chôn, sau đó Đức vua giải thoát cho các vị Đại thần.

Bấy giờ có hai con đạ xoa cùng nhặt được một xác chết ở giữa ranh giới của chúng, chúng đi đến nhờ Đức vua Mahāsīlava phân xử.

- Đây hai đạ xoa, ta và các quan đại thần nhớ bản và đối lăm hãy để chúng ta tắm rửa và ăn uống. Rồi ta sẽ phân xử cho hai người.

Hai đạ xoa mang nước thơm dành cho vua Kosala tắm đến để Đức vua cùng các đại thần tắm rửa, mang vật thực trong Hoàng cung đến cho Đức vua cùng các đại thần dùng.

Vua Mahāsīlava bảo đạ xoa hãy mang thanh gươm của vua Kosala đến, Ngài cầm gươm xẻ xác chết thành hai phần bằng nhau, chia cho hai con đạ xoa.

Hai đạ xoa đều ơn Đức vua đã phân xử công bằng:

- Thưa Đại vương, Ngài có cần chúng tôi giúp Ngài việc gì nữa chăng?

- Hãy đưa ta đến nơi nằm ngủ của vua Kosala.

Đến giường ngủ của vua Kosala, Đức vua kê gươm vào cổ vua Kosala trong khi vua Kosala đang còn ngủ say. Giật mình thức giấc, vua Kosala kinh hoàng, nhưng vua Mahāsīlava trấn tĩnh đức vua rồi nói hết chi tiết về vị Đại thần phản phúc cùng sự việc diễn tiến trong đêm.

Nghe xong vua Kosala xúc động, thưa rằng:

- Hai đạ xoa hung ác kia còn biết được ân đức của Ngài, còn tôi lại không hiểu ân đức cao thượng của Ngài.

Thưa Đại vương, tôi xin giao trả đất nước Kāsi đến cho Ngài, tôi xin sám hối với Ngài, Ngài có khả năng giết chết tôi nhưng lại tha chết cho tôi.

Từ đó hai vua giao hảo thân tình⁽¹⁾.

***Tóm lược bốn sự Seyya.**

Trong Bốn sự này, Đức vua có tên gọi là Kaṃsa, tương tự như Bốn sự Mahāsīlava, chỉ có chi tiết khác biệt như sau:

Vua cướp nước Kosala bắt vua Kaṃsa giam vào ngục. Trong ngục thất, vua Kaṃsa tu tập đề mục tâm từ, thương xót đến vua Kosala, khiến vua Kosala cảm thấy toàn thân nóng bức như đang bị thiêu đốt.

Vua Kosala kinh hoàng, hỏi các Đại thần, các Đại thần thưa rằng:

- Vì Đại vương bắt giam vị vua có đức hạnh, do vậy Đại vương bị như thế.

Vua Kosala xin trao trả vương quốc Kāsi lại cho vua Kaṃsa.

Nhận diện tiền thân.

Vua Kosala nay là Ngài Ānanda, đại thần phản phúc nay là Tôn giả Devadatta, vua xứ Kāsi nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

***Tóm lược Bốn sự Ghata.**

Thuở xưa, Bô tát là con vua Brahmađatta trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại). Bô tát được đặt tên là Ghata.

(1)- JA. Chuyện số 51

(2)- JA. Chuyện số 282.

(Phần tiếp theo tương tự như những Bốn sự trên, chỉ có chi tiết khác biệt như sau. Vua Kosala tên là Vaṅka trị vì kinh thành Sāvatti (Xá-vệ) xâm lược xứ Kāsi, bắt trói Bô-tát bằng xiềng xích rồi giam vào ngục.

Bô-tát bị giam trong ngục, Ngài thực hành pháp thiền định với đề mục từ tâm, chứng đắc thiền định cùng với thắng trí.

Bô-tát khiến cho các xiềng xích rơi tuột ra, Ngài ngồi tréo chân trên hư không, vua Vaṅka cảm giác thân thể bị nóng bức, liền chạy đến Bô-tát thấy Ngài ngồi tréo chân trên hư không, vua Vaṅka kinh hoàng sấm hối Bô-tát xin trao trả lại vương quốc Kāsi cho Bô-tát).

Nhận diện tiền thân.

Vua Vaṅka nay là Ngài Ānanda, vua Ghata nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Bốn sự Ekarāja là điển hình cho hạnh Từ tâm dẫn đến giác ngộ bậc thượng của Đức Thế Tôn.

Theo Bản Sớ giải Hạnh Tạng (Cariyapitaka – atthakathā), Ekarāja là Thánh hiệu của vua xứ Kāsi, còn tên của Đức vua là Sīlava⁽²⁾ như đã tường thuật ở trên.

Nhưng các Sớ giải sử kinh Bốn sự (Jātaka) cho rằng: “Ekarāja là tên vua xứ Kāsi, nên có câu chuyện Ekarāja jātaka nói trên”.

10- Hạnh xả dẫn đến giác ngộ (upekkhāpāramī).

Vị Bô-tát luôn quân bình tâm trước các cảnh trần, dù cho có được tán thán cũng không vì đó mà Ngài hân hoan thích thú. Cho dù có bị chê trách hay bị đối xử khắc nghiệt, cũng không vì đó mà Ngài buồn phiền phẫn nộ.

Hạnh xả dẫn đến giác ngộ chia làm ba bậc.

Bậc hạ.

Khi phát sinh những tài sản ngoại thân như vàng, ngọc... cũng cũng không hân hoan, hay khi bị tổn thất những tài sản ấy cũng không buồn phiền. Lại nữa, không có tâm thiên vị đối với vợ con hay thân tộc, nói cách khác là lấy pháp làm chủ để phán xét phân xử.

Bậc trung.

Cho dù bị tổn hại đến tứ chi hay những gì thuộc nội thân cũng không buồn phiền; hoặc khi thấy thân thể mình tốt đẹp cũng không vì đó mà thích thú hân hoan. Lại nữa, không có sự thiên vị dù người đó là bậc hữu ân hay vô ân với mình, nói cách khác là lấy pháp làm chủ để phân xử.

Bậc thượng.

Cho dù có được sinh mạng (như được cứu thoát khỏi chết) cũng không vì đó vui thích, hay cho dù bị tổn hại đến sinh mạng cũng không buồn phiền.

Bản Thập Độ dẫn ra câu chuyện Phạm thiên Nārada⁽³⁾ là điển hình cho Hạnh xả dẫn đến giác ngộ của Đức Thế Tôn.

Bản Hạnh Tạng dẫn ra câu chuyện Bô-tát Mahālomahaṃsa là điển hình cho hạnh xả bậc thượng của Bô-tát.

***Chuyện Mahālomahaṃsa.**

Trong Bản Sớ giải kinh Bốn Sự (Jātaka) có ghi câu chuyện này. Điều lưu ý là: Những câu chuyện trong Bản Hạnh Tạng xảy ra ngay trong kiếp trái đất này, như kinh văn trong Bản Hạnh Tạng có ghi:

2- Atitakappe caritaṃ; ṭhapayitvā bhavābhavē.

Imamhi kappe caritaṃ; pavakkhissaṃ suṇohi me.

“Trừ ra các hạnh đã được thực hành trong kiếp quá khứ thuộc đời này hoặc đời khác. Ta sẽ nói đến hạnh đã được thực hiện trong kiếp này, người hãy lắng nghe”⁽¹⁾ (ĐĐ Indacanda dịch)⁽²⁾.

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 355.

⁽²⁾- CpA. p, 205.

⁽³⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 7).

Trong Bản Sớ giải kinh Bốn sự, lại cho rằng câu chuyện này xảy ra các đây 91 kiếp trái đất kể từ hiền hiệp này trở về trước, như Pāli trong bản Sớ giải kinh Bốn sự:

Atīte ekanavutikappamatthake bodhisatto “bāhirakatapaṃ vīmaṃsissāmī”ti ājivakapabbajjaṃ pabbajitvā acelako ...

“Thuở xưa cách đây 91 kiếp trái đất, Bô tát “suy gẫm về khổ hạnh ngoại giáo”, Ngài xuất gia là tà mạng du sĩ, sống đời du sĩ lửa thế...”⁽³⁾.

Duyên khởi.

Sunakkhatta người Lichavī là thị giả Đức Thế Tôn, sau khi lia bỏ Tăng đoàn để theo nhóm Korakhattiya.

Sunakkhatta đi khắp kinh thành Vesālī rêu rao rằng: “Samôn Gotama không có pháp thượng nhân, không có tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Samôn Gotama thuyết pháp, pháp ấy tự mình tạo ra, do suy luận đã thành, tùy thuận trắc nghiệm (vīmaṃsānucaritaṃ)⁽⁴⁾và thuyết cho mục tiêu đặc biệt (yassa ca khvāssa)⁽⁵⁾, có khả năng hưởng thượng (niyyāti)⁽⁶⁾, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau”.

Ngài Sāriputta (Xá lợi phất) đi khất thực trong thành Vesālī nghe được lời rêu rao của Sunakkhatta, Ngài Sāriputta về Đại tự Trúc Lâm trình lên Đức Thế Tôn điều này.

Đức Thế Tôn dạy: “Này Sāriputta, Sunakkhatta phần nộ, ngu si (kodhano moghapuriso), do phần nộ nên nói lên lời ấy.

Này Sāriputta, nó nghĩ “Ta sẽ nói xấu”, trái lại kẻ ngu Sunakkhatta lại nói lời tán thán Như Lai.

Này Sāriputta, ai nói như sau là tán thán Như Lai: “Pháp ấy được thuyết giảng cho một mục tiêu đặc biệt, có khả năng hưởng thượng, có thể dẫn người thực hành diệt tận khổ đau”⁽⁷⁾.

Sau khi giảng cho Ngài Sāriputta những pháp thượng nhân mà Ngài đã thành tựu, tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này.

***Pháp thượng nhân.**

Theo Tạng Luật, Bộ Phân tích Giới Tỳkhuru (Bhikkhuvibhaṅga), điều học Pārājika thứ tư, có giải thích về pháp thượng nhân:

“Là sự chứng đạt hoặc thông đạt các pháp như: Thiền, sự giải thoát, định, sự chứng đạt, trí tuệ và thông đạt sự tu tập về Đạo, sự thực chứng về Quả, sự dứt bỏ phiền não, tâm không còn bị che lấp, sự thỏa thích ở nơi thanh vắng”.

**Thiền.* Là Sơ thiền, nhị thiền, Tam, thiền, tứ thiền (nghĩa là vị Tỳkhuru nói: Tôi chứng đạt Sơ thiền ... hay tôi thông đạt Sơ thiền ... - Ns.)

**Sự giải thoát.* Là Không tánh giải thoát (suññato vimokkho), Vô tướng giải thoát (animitto vimokkho) và Vô guyến giải thoát (appanihito vimokkho).

Ngài Buddhaghosa có giải thích:

- *Không tánh giải thoát.* Là nội tâm không còn bóng của tham sân si.

Các vị Thánh Đức về thiền có giải thích: “Hành giả khi nhận thức được tướng vô ngã, bám lấy tướng vô ngã để quán xét, chứng được Thánh Đạo, nhất là đạt được Thánh quả Alahán, gọi là “Không tánh giải thoát môn”.

(1)- Đức Phật đang giảng giải cho Ngài Sāriputta (CpA.20).

(2)- Cp.2.

(3)- JA. Chuyện số 94.

(4) – *Vīmaṃsānucaritaṃ.* Nghĩa là: “Dựa vào kinh nghiệm bản thân”.

(5)- MA. 22 giải thích: “Tu quán bất tịnh để đối trị tham ái, tu tập từ tâm để đối trị với sân, tu quán tứ đại và vật thực để đối trị với si, tu niệm hơi thở để đối trị với tà tư duy”.

(6)- Nghĩa là: “Có khả năng thoát ra luân hồi, chứng đắc Níp bàn”.

(7)- M.i, Sư tử hồng Đại kinh (Mahāsihanādasutta). Kinh số 12.

- *Vô tướng giải thoát*. Là nội tâm không còn dấu vết (animitta) của tham sân si.

Các vị Thánh Đứ về thiên có giải thích: “Hành giả khi nhận thức được tướng vô thường, bám lấy tướng vô thường để quán xét, chứng được Thánh Đạo, nhất là đạt được Thánh quả Alahán, gọi là “*Vô tướng giải thoát môn*”.

- *Vô nguyện giải thoát*. Là không còn trạng thái tham sân si.

Các vị Thánh Đứ về thiên có giải thích: “Hành giả khi nhận thức được tướng khổ, bám lấy tướng khổ để quán xét, chứng được Thánh Đạo, nhất là đạt được Thánh quả Alahán, gọi là “*Vô nguyện giải thoát môn*”.

**Định*. Là Không tánh tâm định, Vô tướng tâm định, Vô nguyện tâm định.

Vị hành giả an trú tâm trong tướng vô ngã không gián đoạn với thời gian dài (nhập định), gọi là *Không tánh tâm định*.

Vị hành giả an trú tâm trong tướng vô thường không gián đoạn với thời gian dài (nhập định), gọi là *Vô tướng tâm định*.

Vị hành giả an trú tâm trong tướng khổ không gián đoạn với thời gian dài (nhập định), gọi là *Vô nguyện tâm định*.

**Sự chứng đạt*. Là chứng đạt được trạng thái không tánh, trạng thái vô tướng, trạng thái vô nguyện.

**Trí tuệ*. Là Tam Minh.

**Sự tu tập về đạo*. Là tu tập Tứ niệm xứ, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý, Ngũ Quyền, Ngũ Lực, Thất giác chi và Bát chánh đạo.

**Sự thực chứng về Quả*. Là chứng đạt Thánh quả Dự lưu, Thánh quả Nhất lai, Thánh quả Bất lai, Thánh quả Alahán.

**Sự dứt bỏ phiền não*. Là sự dứt bỏ được tham ái, là sự dứt bỏ được sân hận, là sự dứt bỏ được si mê.

**Tâm không còn bị che lấp*. Là tâm không còn bị tham ái che lấp, tâm không còn bị sân che lấp, tâm không còn bị si che lấp.

**Sự thỏa thích ở nơi thanh vắng*. Là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với Sơ thiên, là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với Nhị thiên, là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với Tam thiên, là sự thỏa thích ở nơi thanh vắng với Tứ thiên⁽¹⁾.

Vị Tỳkhuu không chứng đạt những pháp thượng nhân trên, khoe khoang mình đã chứng đạt, phạm tội Pārājika (trục xuất khỏi Tăng đoàn); nếu có chứng đạt mà khoe khoang, phạm Pācittiya (Ứng đối trị).

Bốn sự.

Thươ quá khứ, có lần Bôtát suy gẫm về sự nhiệt cần (tapa) của các, ngoại đạo sư, Ngài xất gia làm du sĩ tà mạng, sống lỏa thể.

Vì những sợi lông trên thân Ngài có màu vàng óng ánh như lông con ngỗng vàng, nên Ngài được gọi là Lomahaṃsa.

Khi thực hành khổ hạnh, Bôtát đi vào sống nơi nghĩa địa nằm cạnh những bộ xương người chết.

Những đứa trẻ chăn bò tinh nghịch khuấy phá Ngài, chúng dùng roi đánh vào người Ngài, chúng tung bụi cát vào người Ngài, lấy đá ném vào người Ngài, chúng tiểu lên người Ngài ... nhưng không vì thế mà Ngài bực phiền bọn chúng, Ngài vẫn thản nhiên.

Một nhóm trẻ chăn bò khác đã rầy la, đuổi nhóm trẻ chăn bò tinh nghịch đi, chúng mang hương hoa, vật thực ... đến cúng dường Ngài; nhưng không vì thế mà Ngài hân hoan thỏa thích. Như có Pāli như sau:

119- Susāne seyyaṃ kappemi; chavaṭṭhikaṃ upanidhāyaṃ.

Gāmaṇḍalā upāgantvā; rūpaṃ dassentīnappaṃ.

“*Ta nằm ở trong bãi tha ma tựa vào bộ xương người chết.*”

⁽¹⁾- ĐĐ Indcanda (d). Luật Phân tích Giới Tỳkhuu I, số 236.

Đám trẻ con nhà quê đã đi đến và đã phô diễn hình thức khuấy rối không phải là ít.

120- Apare gandhamālañca, bhojanam vividham bahum.

Upāyanānūpanenti; haṭṭhā samviggamānasā.

“Các đứa trẻ khác mừng rỡ, với tâm trí phấn chấn.

Mang lại các quà tặng là hương thơm, vòng hoa và vô số thực phẩm các loại.

121- Ye me dukkham upaharanti; ye ca denti sukham mama.

Sabbesam samako homi; dayā kopo na vijjati.

“Ta đều bình đẳng đối với tất cả những ai gây ra khổ đau cho ta cũng như những ai đem lại cho ta an lạc; thương và giận không được biết đến” (ĐĐ Indacanda dịch)⁽¹⁾.

Rồi Bôtát sống viễn ly cô độc, khi thấy người Ngài liền bỏ chạy trốn như con nai thấy gã thợ săn nai.

Để giữ tâm không bị phóng dật, Bôtát sống trong lùm cây nơi khu rừng đáng sợ hãi. Vào mùa đông tuyết rơi, Ngài sống giữa trời tuyết lạnh trong những đêm Uposatha (mùng 8, 14 và 15 mỗi nửa tháng) cho đến khi mặt trời ló dạng.

Dù là ngày hay đêm thân Ngài luôn bị ướm đằm bởi tuyết lạnh và thân Ngài luôn nhận lấy khổ thọ lạnh.

Vào mùa hạ nóng bức nhất, Bôtát ra khỏi lùm cây sống ngoài trời vào ban ngày, ban đêm sống trong lùm cây Ngài cũng bị nóng bức do không có gió.

Khi khổ hạnh cùng cực như thế, thân Ngài trở nên kiệt quệ và một kệ ngôn xuất hiện trong tâm Ngài như sau:

Sotatto sosinno ceva; eko bhimsanake vane.

Naggo na caggimāsīno; esanāpasuto munī”ti.

“Người nóng bức, lạnh rét như vầy; một mình trong rừng đáng sợ hãi.

Lỏa thể ngồi không lửa; ăn sĩ cố tìm ra chân lý”.

Khi sắp mệnh chung, Bôtát thấy dấu hiệu⁽²⁾địa ngục hiện ra, Ngài hiểu ngay: “Khổ hạnh này không có kết quả tốt đẹp”, tà kiến về khổ hạnh bị phá vỡ ngay lúc ấy và Bôtát mệnh chung tái sinh về thiên giới⁽³⁾.

Sau khi thuyết giảng công hạnh của vị Chánh Giác, Đức Thế Tôn thuyết lên Phật sử (Buddhavaṃsa).

III- Lịch sử chư Phật.

***Đức Thế Tôn giảng pháp.**

Đức Thế Tôn có bốn cách thuyết giảng.

a- Dựa theo kinh nghiệm bản thân.

b- Dựa theo khuynh hướng của người.

c- Dựa theo câu hỏi được đặt ra.

d- Dựa theo nhu cầu khởi lên.

**Dựa theo kinh nghiệm bản thân.*

Là những bài pháp Đức Thế Tôn thuyết giảng dựa trên kinh nghiệm của Ngài, không có người đặt ra câu hỏi.

(1)- Cp. 120 – 123.

(2)- *Nimitta*. Khi sắp mệnh chung, có một trong ba cảnh xuất hiện:

a- *Cảnh nghiệp* (kammārammaṇa). Là những cảnh liên quan đến nghiệp thường làm.

b- *Cảnh nghiệp tương* (kammanimittārammaṇa). Là những cảnh liên quan đến những vật thường sử dụng để tạo nghiệp.

c- *Dấu hiệu cảnh giới sẽ tái sinh* (gatinimitta). Là hình ảnh báo hiệu cảnh giới mà người ấy sẽ tái sinh vào.

(3)-JA. Chuyệnsố 94.

Như Đức Thế Tôn thuyết bài Ākañkheyyasutta (Kinh Ước nguyện)⁽¹⁾, tóm lược như sau: Phải thành tựu giới hạnh qua sự thọ trì Giới bốn (Pāṭimokkha) mới mong được các vị đồng phạm hạnh kính mến, được thọ nhận tứ sự, chứng đắc thiên định, các loại thắng trí, chứng Thánh quả Alahán.

Kinh Ước nguyện là một Pháp thoại do Đức Thế Tôn tự thuyết (attano ajjhaasayen'eva)⁽²⁾.

Hoặc như Vatthusuttā (kinh Sự vật), có hai phần:

- Mười nguyên nhân phát sinh hiem hận.

- Mười cách nhiếp phục hiem hận⁽³⁾.

**Dựa theo khuynh hướng của người khác.*

Đức Thế Tôn quán xét thấy rõ khuynh hướng của tâm, cùng với duyên lành dẫn đến giác ngộ của người khác. Ngài thuyết lên pháp thoại thích hợp, dẫn tâm vị ấy chứng đắc Thánh quả.

Như trường hợp Đức Thế Tôn quán xét thấy rằng: “Nơi Rāhula tư tưởng kiêu mạn về thân tướng khởi lên”, Đức Thế Tôn dạy Tôn giả Rāhula quán xét về tất cả sắc không phải là ta, không phải là của ta, không phải là tự ngã của ta, các uẩn còn lại cũng như vậy.

Và Đức Thế Tôn thuyết lên Mahārāhulovādasutta (Đại kinh Giáo giới Rāhula)⁽⁴⁾. Theo bản Sớ giải, khi ấy Tôn giả Rāhula được 18 tuổi, sau khi nghe xong bài kinh này, Tôn giả Rāhula chứng Thánh quả Alahán.

Hoặc như kinh Chuyển pháp luân, Đức Thế Tôn thấy khuynh hướng khổ hạnh và tiềm năng đạo quả của Ngài Koṇḍañña (KiềuTrầnNhu).

c- Dựa theo câu hỏi được đặt ra.

Là các vị thiên nhân hoặc nhân loại hỏi pháp Đức Thế Tôn, như trong Devatāsaṃyutta (Tương ưng chư thiên)⁽⁵⁾, Bojjhaṅgasāṃyutta (Tương ưng Giác chi)⁽⁶⁾ ...

c- Dựa theo nhu cầu.

Như kinh Thừa tự pháp (Dhammadāyādasutta)⁽⁷⁾, Ấn dụ về thịt đũa con⁽⁸⁾, kinh Bốn sự (Jātaka) ...

Lịch sử Chư Phật được Đức Thế Tôn thuyết giảng do dựa vào câu hỏi của Ngài Sāriputta.

Đức Sāriputta bạch hỏi Đức Thế Tôn về lịch sử chư Phật.

Đức Thế Tôn giảng cho Ngài Sāriputta cùng 500 vị Thánh Alahán về Phật sử (Buddhavaṃsa) với 950 kệ ngời, khởi đầu là kệ ngời:

Kappe ca satahasse; caturō ca asaṅkhiye.

Amaram nāma nagaram; dassaneyyam manoramam.

“Một trăm ngàn kiếp (trái đất), và bốn atāngkij.

Thành tên Amara; rất xinh xắn đáng nhìn”⁽⁹⁾.

Tức là Đức Thế Tôn chỉ nói lịch sử chư Phật kể từ khi Ngài được Đức Phật thọ ký lần đầu tiên cho đến khi Ngài chứng đạt Vô thượng Chánh giác.

Trước tiên chúng ta tìm hiểu một số ý nghĩ về danh từ Buddha.

***Buddha (PhậtĐà).**

(1)- M.i. Kinh số 6,

(2)- DA. i. 50; MA. i. 13.

(3)- A.v, 150.

(4)- M.ii. Kinh số 62.

(5)- S.i, 1.

(6)- S.v, 63.

(7)- M.i. Kinh số 3.

(8)- S,ii, 97.

(9)- Bu.i, 1.

Buddha là danh hiệu chung (không phải là tên riêng) chỉ cho bậc đã giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, bậc tối thượng của người và chư thiên, là vị thông suốt pháp dẫn đến giải thoát. Như có câu giải tự sau đây:

Vimokkhantikam etam buddhānam bhagavantānam bodhiyā mūle ... :

“*Đã giải thoát đó là vị Phật, Đức Thế Tôn là cội nguồn giác ngộ ...*”⁽¹⁾.

Kinh điển đề cập đến hai bậc Phật:

- Sammāsambuddha (Phật Chánh đẳng giác).

Là vị tự mình Giác ngộ và dạy chúng sinh khác đạt đến giác ngộ.

- Paccekabuddha (Phật Độc Giác).

Là vị tự mình giác ngộ, nhưng không thể dạy chúng sinh khác giác ngộ được.

Các bản Sớ giải nêu ra bốn bậc Phật:

- Phật Toàn giác (Sabbaññū buddha).

- Phật Độc giác (Pacceka buddha).

- Các vị Thánh Alahán gọi là Catusacca buddha (Phật Tứ đế). Là những bậc thông suốt và chứng đạt bốn sự thật.

- Phật Đa văn (Bahusuta buddha). Là các vị Thánh hữu học (Sekkhā)⁽²⁾.

Kinh Trường bộ ghi nhận 7 vị Phật Toàn giác, đó là: Đức Phật Vipassī, Đức Phật Sikhī, Đức Phật Vessabhū, Đức Phật Kakusandha, Đức Phật Koṇāgamana, Đức Phật Kassapa và Đức Phật Gotama⁽³⁾.

Kinh Buddhavaṃsa có nêu thêm 18 vị Phật quá khứ trước 7 vị Phật kể trên, đó là: Đức Phật Dīpaṅkara, Koṇḍañña, Maṅgala, Sumana, Revata, Sobhita, Anomadassī, Paduma, Nārada, Padumuttara, Sumedha, Sujāta, Piyadassī, Atthadassī, Dhammadassī, Siddhattha, Tissa, và Phussa.

Bản Sớ giải Lịch sử chư Phật (Buddhavaṃsa – Atthakathā) có nhắc đến ba vị Phật trước đó là: Đức Phật Taṅhaṅkara, Medhaṅkara và Saranaṅkara.

Sách Latitavistara (Phổ Diệu kinh) có bản danh sách gồm 54 vị Phật; sách Mahāvastu (Đại sự) liệt kê trên 100 vị Phật,

Kinh Chuyển Luân sư tử hống (Cakkavatti sīhanāda sutta) có đề cập đến vị Chánh giác tương lai trong hiện kiếp này là Đức Phật Metteyya (DiLặc)⁽⁴⁾.

Bộ Anāgatavaṃsa (Vị lai sử) có mô tả chi tiết về Đức Phật Metteyya, ngoài ra sách còn đề cập đến 9 vị Chánh giác khác do Đức Phật Gotama thọ ký, đó là: Uttama, Rāma, Pasenadi Kosala, Abhibhū, Dīghasoṇī, Saṅkassa, Subha, Todeyya, Nālāgiri.

Chư Phật Chánh giác có 30 điều giống nhau gọi là 30 thông lệ chư Phật⁽⁵⁾, có 8 điều khác biệt nhau⁽⁶⁾ (aṭṭhavemattāni).

***Tám điều khác biệt** (vematta).

1- Tuổi thọ (āyu).

Một số vị Chánh giác có tuổi thọ dài, một số vị có tuổi thọ ngắn, như:

- Chín vị Chánh giác có tuổi thọ 100 ngàn năm là: Đức Phật Dīpaṅkara, Koṇḍañña, Anomadassī, Paduma, Padumuttara, Atthadassī, Dhammadassī, Siddhattha và Tissa.

(1)- MNid. 458; Ps. i. 174.

(2)- SA. i. 20.

(3)-D.ii. Mahāpadāna sutta (Kinh Đại bốn). Kinh số 14. Ngoài ra, danh sách 7 vị Phật Chánh giác này còn tìm thấy trong S. ii. 5.; Thag. 491; JA. ii. 147. Các Ngài còn được nói đến trong Vin. ii. 110, trong một phương thuốc cổ trừ nọc rắn. Còn được thấy trong Sayambhū Purāṇa (Mitra, Skt, Buddhist Lit. of Nepal, p. 249).

(4)- D.iii, 58.

(5)- Đã có ghi trong Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 1). Ở đây, chúng tôi chỉ nhắc lại để độc giả tiện theo dõi.

(6)- D. ii. 424 chỉ đề cập đến đến năm trường hợp; trong BuA. 105; BuA. 246. liệt kê tám và trình bày chi tiết tám điều này của mỗi 25 vị Phật.

- Tám vị Chánh giác có tuổi thọ 90 ngàn năm là: Đức Phật Maṅgala, Sumana, Sobhita, Nārada, Sumeda, Sujāta, Piyadassī và Phussa.
- Đức Phật Vipassī có tuổi thọ 80 ngàn năm.
- Đức Phật Sikhī có tuổi thọ là 70 ngàn năm.
- Hai vị Chánh giác có tuổi thọ 60 ngàn: Đức Phật Revata và Vessabhū.
- Đức Phật Kakusandha có tuổi thọ 40 ngàn năm.
- Đức Phật Koṇāgamana có tuổi thọ 30 ngàn năm.
- Đức Phật Kassapa có tuổi thọ 20 ngàn năm.
- Đức Phật Gotama có tuổi thọ khoảng 100 năm.

Hỏi. Vì sao chư Phật Chánh giác có thọ mạng khác nhau như vậy?

Đáp. Tuy chư Phật Chánh giác thành tựu các ân đức như nhau, nhưng thời xuất hiện của các Ngài khác nhau, nên tuổi thọ cũng khác nhau.

Thời tuổi thọ chúng sinh lại tùy thuộc vào việc thực hành thiện pháp hay không thực hành thiện pháp.

Thời nào chúng sinh thực hành thiện pháp, thì tuổi thọ gia tăng, thời nào chúng sinh không thực hành thiện pháp tuổi thọ giảm.

Lại nữa, khi vị vua cai trị quốc độ theo pháp, dân chúng sẽ noi gương đức vua thực hành thiện pháp, khi ấy các vị thiên nhân có phận sự làm mưa sẽ hân hoan, không dãi dãi trong phận sự, khiến mưa thuận gió hòa, mùa màng sung mãn, trái cây chứa nhiều dưỡng tố nên tuổi thọ loài người gia tăng; trái lại nếu vị vua theo ác pháp, dân chúng cũng noi gương thực hành ác pháp, chư thiên không hoan hỷ, chư thiên có phận sự làm mưa sẽ trễ nãi phận sự, khiến mưa gió thất thường, mùa màng không sung mãn, trái cây thiếu dưỡng tố, do đó tuổi thọ con người bị giảm.

Ví như gỗ quý có khả năng sống một ngàn năm, nhưng hạt giống của nó được gieo trồng nơi đất xấu thì cây gỗ ấy không thể sống được một ngàn năm, vì sao? Vì dưỡng tố trong đất khô cằn không đủ sức nuôi dưỡng nó.

Tuy ân đức các vị Chánh giác như nhau, nhưng vì xuất hiện vào thời kỳ khác nhau (ví như gỗ trồng nơi đất thiếu màu mỡ hay đất khô cằn) nên tuổi thọ khác nhau.

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn Gotama không hiện khởi trong thời có tuổi thọ 10 ngàn năm hay 5 ngàn năm?

Đáp. Không thể được, vì khi ấy pháp Balamật của Ngài chưa viên mãn cũng như chưa thuần thực, pháp Balamật của Ngài chỉ viên mãn và thuần thực vào kiếp Ngài là Bồ tát Vessantara, khi ấy chúng sinh có tuổi thọ là 100 tuổi.

Cho dù vị Bồ tát Gotama có xuất hiện vào thời chúng sinh có tuổi thọ là 10 ngàn năm, hay 5 ngàn năm Ngài cũng không thể chứng Vô thượng Chánh giác được.

Cho dù vào thời kỳ thành tựu được Vô thượng Chánh giác, nhưng nếu không đủ năm điều quán xét trước khi giáng sinh vào thai bào, như người mẹ hay cha không có nguyện vọng là “mẹ cha Bồ tát Chánh giác kiếp chót”.

Cho dù có người nữ có nguyện vọng là “mẹ Bồ tát kiếp chót”, khi ấy người nữ này không có giới hạnh, Bồ tát cũng không giáng sinh vào lòng mẹ để trở thành Bậc Chánh giác. Có Phật ngôn sau:

182-Kiccho manussapaṭilābho; kicchaṃ maccāna jīvitam.

Kicchaṃ saddhammassavanam; kiccho buddhānamuppādo.

“Được làm người là khó; mạng sống chúng sinh là khó.

Lãnh hội (nghe) diệu pháp là khó; Đức Phật hiện khởi là khó”⁽¹⁾.

2- Chiều cao (pamāṇa)⁽²⁾.

⁽¹⁾- Dhp. Câu 182,

⁽²⁾- Chúng tôi ghi chép theo tập Buddhavaṃsa – Atthakathā (Sớ giải Lịch sử chư Phật), không hiểu đơn vị đo lường thời ấy như thế nào, nếu một hắc tay # 0,5 m, thì Đức Phật Dīpaṅkara cao 80 hắc tay # 40 m, còn Đức Phật Gotama cao 16 hay 18 hắc tay # 8 m hay 9 m. Đề này xét ra không ổn lắm.

- Đức Phật Sumana cao 90 hắc tay.
- Bốn vị Chánh giác: Đức Phật Koṇḍañña, Maṅgala, Nārada và Sumedha cao 88 hắc tay.
- Sáu vị Chánh giác: Đức Phật Dīpaṅkara, Revata, Piyadassī, Atthadassī, Dhammadassī và Vipassī cao 80 hắc tay.
- Đức Phật Sikhī cao 70 hắc tay.
- Ba vị Chánh giác là: Đức Phật Siddhattha, Tissa và Vessabhū cao 60 hắc tay.
- Năm vị Chánh giác là: Đức Phật Sobhita, Anomadassī, Paduma, Padumuttara và Phussa cao 58 hắc tay.
- Đức Phật Sujāta cao 50 hắc tay.
- Đức Phật Kakusandha cao 40 hắc tay.
- Đức Phật Koṇāgamana cao 30 hắc tay.
- Đức Phật Kasspa cao 20 hắc tay.
- Đức Phật Gotama cao 16 hay 18 hắc tay.

Tuy một số vị Chánh giác có thân tướng cao, một số có thân tướng thấp, nhưng không thể dựa vào tuổi thọ để có chiều cao sai biệt nhau.

Điều này không có gì lạ, vì tuy cùng tuổi thọ nhưng các Ngài xuất hiện vào “nhánh giâm”⁽¹⁾ khác nhau nên chiều cao khác nhau.

Ngay cả khi sinh cùng thời, chiều cao cũng khác nhau, như Ngài Nanda (em của Đức Thế Tôn, con bà Pajāpati Gotamī) thấp hơn Đức Thế Tôn là bốn ngón tay (theo chiều đứng), Ngài Bhaddiya là người lùn ...

Vấn đề này được giải thích là: “Do ảnh hưởng vật thực và thời tiết”.

Khi người cai trị quốc độ không chân chính thì khí hậu thay đổi bất thường, vật thực thiếu chất dinh dưỡng, nên thân chúng sinh không phát triển đúng mức; trái lại thì mưa gió thuận hòa, vật thực có nhiều dưỡng tố, thân chúng sinh phát triển đúng mức.

3- Giai cấp (*kula*).

Một số vị Chánh giác thuộc giai cấp Bàlamôn, một số vị thuộc giai cấp Sátđếly (Khattiya) chỉ có hai giai cấp này thôi. Như là:

- Ba vị Chánh giác: Đức Phật Kakusandha, Koṇāgamana và Kassapa thuộc giai cấp Bàlamôn.

- Hai mươi hai vị Chánh giác còn lại (ngoài 3 vị Chánh giác Taṇhaṅkara, Medhaṅkara và Saranaṅkara) thuộc giai cấp Sátđếly (Khattiya).

4- Thời gian khổ hạnh (*kāla ducariya*).

Bồ tát Chánh giác trước khi chứng Vô thượng Chánh giác đều phải thực hành khổ hạnh. Tùy theo phước hạnh mà thời gian khổ hạnh của các Ngài khác nhau⁽²⁾.

- Bảy vị Chánh giác: Đức Phật Dīpaṅkara, Koṇḍañña, Sumana, Anomadassī, Sujāta⁽³⁾, Siddhattha và Kakusandha⁽⁴⁾, khổ hạnh mười tháng.

- Bốn vị Chánh giác: Đức Phật Maṅgala, Sumedha, Tissa và Sikhī, khổ hạnh tám tháng.

- Đức Phật Revata khổ hạnh bảy tháng.

- Bốn vị Chánh giác: Đức Phật Piyadassī, Phussa, Vessabhū, và Koṇāgamana, khổ hạnh sáu tháng.

- Đức Phật Sobhita⁽⁵⁾ khổ hạnh bốn tháng.

- Ba vị Chánh giác: Đức Phật Paduma, Atthadassī, Vipassī, khổ hạnh một tháng 15 ngày.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp (tập 1).

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh.

(3)- BvA. xiii, 23 ghi là 9 tháng.

(4)- BvA. xxiii, 18 ghi là 8 tháng.

(5)- BvA. vii, 19 ghi là 7 ngày.

- Bốn vị Chánh giác: Đức Phật Nārada, Padumuttara, Dhammadassī và Kassapa, khổ hạnh 7 ngày .

- Đức Phật Gotama khổ hạnh 6 năm.

Sự sai biệt thời gian khổ hạnh là do nghiệp xem thường pháp hay khinh thường bậc đáng kính trọng trong quá khứ của các Ngài, như tiền thân của Bồ tát Gotama là Jotipāla đã nói: “Ồ ! Ông Samôn trọc đầu ấy (chỉ Đức Phật Kassapa) có pháp gì để thuyết giảng”, tuy về sau Bồ tát Jotipāla xuất gia trong Giáo pháp của Đức Phật Kassapa, tinh cần hành pháp, nhưng Ngài vẫn phải thực hành khổ hạnh 6 năm là do quả còn dư sót của nghiệp từ lời nói này.

Những vị Chánh giác chỉ thực hành khổ hạnh 7 ngày, đó là do quy luật phải thực hành khổ hạnh mới chứng đạt Vô thượng Chánh giác.

Tuy thời gian thực hành khổ hạnh khác nhau, nhưng khi thành tựu Vô thượng Chánh giác rồi thì các uy lực cũng như ân đức đều như nhau.

Ví như người thông minh không cần phải nỗ lực nhiều, người kém thông minh hơn phải nỗ lực nhiều với thời gian dài hơn. Nhưng khi thành đạt thì ngang bằng nhau.

5- *Hào quang* (osābha).

Như Đức Phật Maṅgala có hào quang chiếu sáng khắp 10 ngàn thế giới một cách tự nhiên, còn Đức Phật Gotama có hào quang chiếu sáng tự nhiên là một sai tay⁽¹⁾.

Ngoài ra còn có:

- Hào quang Đức Phật Padumuttara chiếu sáng khoảng 12 dotuần.

- Hào quang Đức Phật Vipassī chiếu sáng khoảng 7 dotuần.

- Hào quang Đức Phật Sikhī chiếu sáng khoảng 3 dotuần.

- Hào quang Đức Phật Kassapa chiếu sáng khoảng 10 dotuần.

Các vị Chánh giác khác chưa xác định chính xác.

Hào quang của chư Phật Chánh giác từ thân tỏa ra, sai biệt nhau là do ước nguyện của Ngài khi còn là Bồ tát thực hành 30 pháp Balamật, khi tạo một bố thí đặc biệt.

Bồ tát ước nguyện hào quang tỏa ra từ thân như thế nào, khi thành bậc Chánh giác, hào quang sẽ thành tựu như ước nguyện, tỏa ra từ thân một cách tự nhiên. Các vị Chánh giác đều có năng lực chiếu sáng hào quang đến xa bao nhiêu được như ý, nhưng đây là loại hào quang do *quyết định* không phải là hào quang tự nhiên phát sinh do *ước nguyện*.

***Ba loại hào quang.**

a- *Hào quang từ thân* (byāmappabhā).

Là loại hào quang phát sinh từ thân một cách tự nhiên, như Đức Thế Tôn có hào quang từ thân tỏa ra là một sai tay (# 2m), dày đặc đến nỗi người ta khó thấy được thân Đức Phật, khi nhìn từ xa khoảng cách độ 3-4 m, người ta ngỡ là một quả cầu sáng rực rỡ.

Nếu muốn, Đức Chánh giác che dấu hào quang này.

b- *Hào quang chiếu ra 80 hắc tay* (asītiniccalobhāsa).

Cũng là hào quang từ thân, nhưng tia hào quang phóng ra tự nhiên là 80 sai tay. Như người chú ý kỹ bóng đèn điện, có thể nhìn thấy tim đèn, cũng vậy, với loại hào quang này vị ấy chú ý sẽ thấy hình dáng Đức Thế Tôn trong vầng ánh sáng ấy.

Đức Thế Tôn dùng cách này để tế độ vị có duyên lành Thánh quả, từ Hương thất Ngài phóng hào quang đến nơi ấy, thuyết giảng pháp thoại.

⁽¹⁾- Nhưng Đức Thế Tôn có thể trải rộng hào quang đến bất cứ nơi nào nếu Ngài muốn.

Như trường hợp Đức Thế Tôn tế độ Ngài Sopāka, từ Hương thất Đức Thế Tôn phóng hào quang đến nghĩa địa, nơi Ngài Sopāka đang bị trói, giải thoát cho Ngài Sopāka, mang về Hương thất của Đức Thế Tôn.

Khi một hội chúng chưa có niềm tin nơi uy lực của Đức Thế Tôn, Ngài thường phóng hào quang chiếu dài 80 hắc tay, như trường hợp Đức Thế Tôn tế độ dòng Hoàng tộc ThíchCa (Sākya) hào quang từ thân của Ngài tỏa ra 80 hắc tay.

Hỏi. Hai loại hào quang này có gì khác nhau?

Đáp. Về bản chất giống nhau, nhưng về công năng thì khác nhau. Ví như ngay trong mặt trời là khối lửa khổng lồ, ánh sáng mặt trời là những tia lửa phóng ra từ trung tâm khối lửa ấy, cũng vậy loại hào quang (a) là nguồn, còn loại hào quang (b) là ánh sáng phóng ra từ nguồn.

c- *Hào quang tự hiển lộ chiếu khắp các phương* (disapharana).

Như khi Ngài quán xét bộ Paṭṭhāna, hay khi Ngài dùng Song thông lực.

Hỏi. Ba loại hào quang ấy có gì khác biệt nhau chăng?

Đáp. Về hình thức thì như nhau, nhưng phẩm chất khác nhau, như cùng là màu hồng nhưng có màu hồng còn bợn nhơ và màu hồng tinh anh.

Hai loại hào quang trước (a, b) là do phước sinh khởi, hào quang sau (c) là do tâm cực kỳ thanh tịnh và hoan hỷ của Đức Thế Tôn sinh khởi.

Loại hào quang thứ ba tinh anh hơn hai loại hào quang trước, nói cách khác loại hào quang (c) ngay cả máu Đức Thế Tôn khi ấy cũng tỏa sáng như phát ra hào quang.

6- *Dùng phương tiện ra đi xuất gia.*

- Sáu vị Chánh giác: Đức Phật Dīpaṅkara, Sumana, Sumedha, Phussa, Sikhī và Koṇāgamana, cưỡi voi ra đi xuất gia.

- Sáu vị Chánh giác: Đức Phật Koṇḍañña, Revata, Paduma, Piyadassī, Vipassī và Kakusandha, dùng xe ngựa ra đi xuất gia.

- Năm vị Chánh giác: Đức Phật Maṅgala, Sujāta, Atthadassī, Tissa và Gotama, cưỡi ngựa ra đi xuất gia.

- Ba vị Chánh giác: Đức Phật Anomdassī, Siddhattha và Vessabhū, dùng kiệu ra đi xuất gia.

- Đức Phật Nārada bộ hành ra đi xuất gia.

- Bốn vị Chánh giác: Đức Phật Sobhita, Padumuttara, Dhammadassī và Kassapa, xuất gia ngay tại cung điện của mình.

7- *Tên cây Đại giác (Mahābodhi) (còn gọi là Bodhirukkha: dịch là Cây giác ngộ; âm là cây Bồ đề).*

Nơi Bôtát Chánh giác chứng đạt Vô thượng Chánh giác đều giống nhau⁽¹⁾, đó là vùng đất trung tâm quả địa cầu⁽²⁾; không nơi nào khác có thể chịu đựng nổi, không bị vỡ ra khi Ngài chứng Vô thượng Chánh giác, nên địa điểm cây Đại giác mọc lên xem như giống nhau.

Không một ai, kể cả vua trời Sakka có thể du hành ngang qua vùng đất này.

Khi trái đất bị hoại thì vùng đất này bị hoại sau cùng, khi trái đất hình thành thì vùng đất này hình thành trước tiên.

Cây Đại giác của các Đấng Chánh giác có tên khác nhau⁽³⁾.

8- *Kích thước bảo tọa chiến thắng.*

Bảo tọa mà vị Bôtát ngồi tréo chân (pallaṅka) chứng đạt Vô thượng Chánh giác có tên gọi là *Bodhi pallaṅka aparājita* (chữ *aparaajita* nghĩa đen là “không thể xâm chiếm được”, *Bodhi pallaṅka aparājita* tạm dịch là “ngôi tréo chân giác

(1)- BuA. 247.

(2)- JA.iv, 233.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 2).

ngộ, không ai có thể ngăn cản được”), trên Bảo tọa này, vị Bồ tát Chánh giác chiến thắng 5 loại māra (ác ma hay Ma vương) là:

1’- *Uẩn ma* (khandha māra).

Là những nhóm gây chướng ngại, nhất là sự bám víu vào danh sắc hay sắc, thọ, tưởng, hành, thức, bên ngoài lẫn bên trong.

Nghĩa là không còn dính mắc đến vợ, con, cha, mẹ, tài sản ... luôn cả đến sinh mạng của mình.

Do vậy, khi ngồi trên Bảo tọa này, vị Bồ tát Chánh giác đã phát nguyện rằng: “kāmaṃ taco ca nhāru ca aṭṭhi ca avasissatu, sarīre upasussatu maṃsalohitaṃ ...

“Dầu chỉ còn da, gân và xương, dù thịt và máu trong thân này khô cạn, ta vẫn không ngừng tinh tấn, cho đến khi nào ta đạt được điều con người có thể đạt được do khả năng tinh tấn”(1).

2’- *Phiền não ma* (kilesa māra).

Tất cả mọi ô nhiễm, phiền não được Ngài diệt trừ tận gốc rễ.

3’- *Pháp hành ma* (abhisankhāra māra).

Ngài diệt trừ những nguyên nhân sinh khởi ác bất thiện pháp trong hiện tại, những ác bất thiện nghiệp trong quá khứ Ngài diệt trừ mầm dẫn tái sinh trong tương lai.

Ngay cả những pháp thiện dẫn đến tái sinh, đó là chướng ngại cho sự giải thoát khỏi luân hồi (vì thiện pháp vẫn còn dẫn đến tái sinh về nhân cảnh như: Người, Chư thiên, Phạm thiên) Ngài cũng diệt trừ sạch mầm tái sinh của chúng. Ví như lược chín những hạt lúa giống tốt.

4’- *Thiên ma* (deva māra).

Là những thiên nhân có khuynh hướng ác xấu.

5’- *Tử thân ma* (maccu māra).

Sự chết (hay viên tịch) không là chướng ngại cho Ngài.

Đức Thế Tôn nếu muốn có thể sống trọn tuổi thọ, hoặc Ngài có thể viên tịch bất cứ vào lúc nào theo ý của Ngài.

Do vậy, Đức Thế Tôn được tán thán là Bậc chiến thắng ngũ ma.

Cũng vì lý do này, Bodhi pallaṅka aparājita tạm dịch là “*Bảo tọa chiến thắng*”.

Kích thước bảo tọa chiến thắng của các vị Chánh giác có kích thước khác nhau, một số Giáo Thọ sư bảo đó là chiều cao, một số Giáo thọ sư khác bảo đó là bề rộng như Bảo tọa của Đức Phật Gotama cao 14 hắc tay (# 6 m, cao khoảng tòa nhà một tầng lầu) điều này có vẻ không hợp lý, còn như bề rộng thì hợp lý hơn.

Bảo tọa này có tên gọi là Bodhi aparājita, Bảo tọa chiến thắng của chư vị Chánh giác đều nằm về phía Đông bắc của cây Đại Giác và cách cây đại giác bốn hắc tay.

Bồ tát ngồi lên Bảo tọa Chiến thắng, mặt Ngài hướng về phía Đông(2).

***Bốn điều không xảy ra.**

Có bốn điều không hề xảy đến cho Đức Phật Chánh giác là:

- Tứ sự đã được tác ý cúng dường đến Đức Phật, không một ai cho dù đó là chư thiên, Phạm thiên hay các Samôn, Bàlamôn có thần lực cũng không thể cản phá được (chỉ có ý muốn cản phá, đầu người đó bị nứt thành 7 mảnh).

- Không ai có thể đoạt mạng sống của Đức Phật.

- Không ai có thể phá hủy 32 đại nhân tướng cùng 80 tướng phụ của Đức Phật.

- Không ai có thể cản ngăn hào quang của Đức Phật(3).

(1)- A.i, 47. Chương hai pháp.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 2).

(3)- BuA. 248.

Bồ tát Chánh giác trong kiếp chót chỉ sinh ra trong thế giới (Cakkavāla) trung tâm của 10 ngàn thế giới⁽¹⁾.

Trong thế gian mỗi lần chỉ có một vị Chánh giác xuất hiện, không có vị Chánh giác nào xuất hiện khi Giáo pháp của vị tiền nhiệm chưa chấm dứt ngoại trừ Níp bàn giới (dhātunibbāna)⁽²⁾.

Mỗi vị Chánh giác có ba loại Níp bàn là:

- Kilesaparinihbāna. *Phiền não Níp bàn*.

- Khandhaparinihbāna. *Uẩn Níp bàn*.

- Dhātunibbāna . *Níp bàn giới*⁽³⁾.

Níp bàn giới có hai:

*An trú tâm tâm vào định Diệt thọ tưởng.

*Khi viên tịch, Đức Thế Tôn lưu lại cho đời Xá lợi của Ngài.

Định Diệt thọ tưởng có thể xuất hiện vào thời có giáo pháp của Đức Chánh giác hoặc không có giáo pháp của Đức Chánh giác, như trường hợp các vị Phật Độc giác nhập định Diệt thọ tưởng.

Cho nên nói Níp bàn giới có thể xuất hiện khi Giáo pháp của Đức Chánh giác tiền nhiệm chưa chấm dứt.

***Mười tám bất cộng pháp (āvenikadhamma).**

Là mười tám pháp không có cho vị Thánh tinh văn hay Phật Độc giác. Mười tám pháp này chỉ có riêng cho bậc Chánh giác.

1- *Quá khứ không bị trở ngại.*

Là khi Đức Chánh giác nhớ về quá khứ của mình hay của người khác, lập tức mọi sự kiện hiện rõ, không thiếu sót bất cứ chi tiết nào. Mặt khác, cho dù là thời xa xưa bao lâu cũng không là chướng ngại cho trí của Ngài.

2- *Hiện tại không bị trở ngại.*

Ngay trong hiện tại, bất kỳ việc nào khởi lên, nếu Đức Thế Tôn muốn biết, lập tức chúng hiện rõ tận tường trong trí của Ngài, không hề bị chướng ngại. Nhưng nên lưu ý rằng: “ Trong đời sống thường nhật, không phải lúc nào Ngài cũng biết hết tất cả mọi việc”⁽⁴⁾, việc nào Ngài cần biết thì lập tức việc ấy hiện rõ lên.

3- *Vị lai không bị trở ngại.*

Những việc xảy ra trong vị lai, cho dù thời gian có dài thăm thẳm đến đâu, khi Đức Thế Tôn cần biết, chúng sẽ hiện ra rõ ràng từng chi tiết.

Như Đức Thế Tôn Dipaṅkara tiên tri cho Bồ tát Sumedha thành vị Chánh giác tương lai có Tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha, cha mẹ Ngài là vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và bà Hoàng Māyā, hai vị thượng thủ tinh văn là Upatissa và Kolita

...

4- *Hành động có trí dẫn dắt.*

Khi Ngài làm điều gì đều có sự suy xét: Điều này có mang đến lợi ích cho người hay không? Có hại cho người hay không? ...

Ngay cả khi đi, đứng, nằm hay ngồi, Ngài suy xét: Có lợi ích hay không? Có hợp thời hay không và luôn có sự ghi nhận trong tất cả oai nghi: Lớn hay nhỏ.

5- *Lời nói có trí dẫn dắt.*

Khi nói Ngài đều có sự suy xét: Có lợi ích hay không lợi ích? Có hợp thời hay không hợp thời? Người nghe có hoan hỷ hay không hoan hỷ?.

6- *Ý tưởng có trí dẫn dắt.*

Khi khởi lên một ý tưởng, Ngài đều quán xét tường tận.

(1)- AA. i. 251; DA. iii. 897.

(2)- D. ii. 225; iii. 114; lý do được trình bày trong Mil. 236 và trích dẫn trong DA. iii. 900.

(3)- DA. iii. 899.

(4)- Xem MNid. 178, 179; xem thêm MNidA. 223; SnA. i. 18.

7- Không thối chuyển khi quyết định.

8- Không thối giảm tinh cần.

9- Tinh cần trong thiên tịnh.

10- Trí tuệ không bị lui sụt.

Cho dù tuổi thọ của Ngài có dài lâu đến bao nhiêu, cho dù Ngài có bị bệnh về thân, nhưng trí tuệ của Ngài vẫn sáng suốt, không hề bị thối giảm.

11- Nỗ lực trong sự thuyết giảng, để mang lợi ích nhất là Thánh quả đến chúng sinh.

12- Không có sự thối giảm với giải thoát.

Như khi Đức Thế Tôn chế định học giới cho các Tỳkhuu, để thoát ra tội lỗi. Không một lý do gì Ngài thay đổi học giới ấy.

13- Không bao giờ cười hở răng.

Đức Thế Tôn chỉ có một cách cười là cười mỉm để lộ ra hai chót răng nhọn. Nhưng không bao giờ Ngài cười thường xuyên, mỗi khi có duyên sự cần thiết Ngài mới mỉm cười để tạo cơ hội cho Ngài Ananda hỏi, nhân đó Ngài thuyết lên pháp thoại.

Có sáu cách cười là:

- Cười mỉm chỉ để lộ hai chót răng nhọn.

- Cười hở răng.

- Cười nhỏ tiếng.

- Cười lớn tiếng.

- Cười rung động thân.

- Cười chảy ra nước mắt.

Đức Phật Độc giác và hai Thượng thủ thính văn có 2 cách cười: Cười mỉm và cười hở răng.

Các vị Thánh Alahán có 3 cách cười: Cười mỉm, cười hở răng và cười nhỏ tiếng.

Các vị Thánh Hữu học có 4 cách cười: Cười mỉm, cười hở răng, cười nhỏ tiếng và cười lớn tiếng.

Phàm nhân có đủ 6 cách cười.

14- Không có thói quen xấu trong quá khứ (gọi là tiền khiên tật).

15- Dùng trí tuệ chuẩn mực cho mọi việc.

16- Không vội vã, luôn ung dung tự tại.

17- Luôn thận trọng.

18- Luôn suy xét theo pháp rồi mới thực hành.

***Việc làm trong ngày của Đức Phật Gotama.**

Sinh hoạt trong ngày của Đức Phật Gotama như sau:

1- Buổi sáng Ngài đi khất thực (*pubbaṇhe piṇḍapātaṃ*).

Đức Phật thức dậy vào buổi sáng, sau khi vệ sinh cá nhân, Ngài thiên tịnh cho đến giờ đi khất thực.

Thường Ngài đi với đại chúng Tỳkhuu, nếu đi một mình Ngài đóng cửa Hương thất để làm hiệu, các vị Tỳkhuu khi thấy cửa Hương thất đóng kín, hiểu rằng: “Đức Thế Tôn muốn một mình đi khất thực”⁽¹⁾.

Thường Đức Thế Tôn đi theo cách bình thường (*pakatiyā*), có khi Ngài đi với những pháp thần thông kỳ diệu⁽²⁾, đôi khi Ngài đi nhận vật thực bằng con đường hư không, khi ấy chỉ có những vị Thánh Alahán có thần thông theo Ngài⁽³⁾.

Sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn trở về Hương thất, có khi Ngài đi đến nơi thanh vắng để nghỉ trưa.

(1)- DA. i. 45 f.; SNA. i, 271.

(2)- ThagA. i. 65.

(3)- ThagA. i. 65.

2- *Buổi chiều thuyết pháp (sāyaṇhe dhammadesanaṃ).*

Vào buổi chiều Đức Thế Tôn ra khỏi Hương thất, đi đến Giảng pháp đường, sau khi rửa chân, Ngài ngồi vào pháp tọa đã được soạn sẵn.

Nơi Giảng pháp đường, pháp tọa của Đức Thế Tôn luôn được sửa soạn tốt đẹp trước đó, sau khi dùng Phật nhãn quán xét hội chúng bao gồm hàng tứ chúng là: Tỳkhuu, Tỳkhuu ni, cận sự nam, cận sự nữ, Đức Thế Tôn thuyết pháp thích hợp với duyên lành của hàng Tứ chúng.

Truyền thuyết nói rằng: “Các Tỳkhuu đương thời luôn soạn sẵn ghế ngồi cho Đức Thế Tôn, vì các vị biết Đức Thế Tôn có thể ngự đến thăm họ bất cứ lúc nào”, các Tự viện cũng tương tự⁽¹⁾.

3- *Buổi tối giáo giới các Tỳkhuu (paṭisaṃvāsa bhikkhū ovādaṃ).*

Vào buổi tối, sau khi tắm rửa xong, Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, ban lời giáo giới đến các Tỳkhuu.

4- *Nửa đêm trả lời chư thiên (aḍḍhatte devapānānaṃ).*

Vào lúc nửa đêm, các thiên nhân, Phạm thiên đến viếng Đức Thế Tôn, bạch hỏi pháp. Đức Thế Tôn trả lời những câu hỏi của các thiên nhân.

5- *Canh cuối của đêm.*

Nước Ấn cổ chia đêm làm ba canh: Canh một từ 18 giờ đến 22 giờ; canh hai từ 22 giờ đến 2 giờ, canh ba từ 2 giờ đến 6 giờ sáng⁽²⁾.

Canh cuối của đêm Đức Thế Tôn chia làm ba thời:

*Thời an trú tâm trong thiền tịnh.

* Thời nghỉ (ngủ).

*Thời quán xét thế gian.

Vào hừng sáng, Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn quán xét thế gian, tìm người hữu duyên nên tế độ, vì chúng sinh này có tích lũy pháp Balamật trong quá khứ⁽³⁾.

Sự tế độ chúng sinh này có hai cách.

*Đức Thế Tôn thấy tiền duyên của những người này với vị Thánh Alahán nào, Ngài sẽ dạy vị Thánh đệ tử ấy đến tế độ cho chúng sinh ấy.

Như trường hợp Đức Thế Tôn dạy Ngài Nandaka đến Ni viện giáo giới các Tỳkhuu ni⁽⁴⁾

*Khi thấy chỉ có Đức Thế Tôn mới tế độ được, Đức Thế Tôn tự mình đi đến tế độ.

Sau khi mãn thời gian an cư mùa mưa ba tháng (kể từ 16-9 âm đến hết ngày 15 -9 âm tính theo lịch VN), Đức Thế Tôn Gotama thường đi du hành để làm hoan hỷ đến các hội chúng gia chủ ở các thành phố, làng mạc ...

Trước khi đi du hành (cārikā), Đức Thế Tôn Gotama thông báo cho các Tỳkhuu biết trước đó 15 ngày để các vị chuẩn bị⁽⁵⁾.

Nếu thấy không cần thiết phải đến nơi ấy, Đức Thế Tôn phái 2 vị Thượng thủ thỉnh văn (hoặc là 1 trong hai vị) đến nơi ấy⁽⁶⁾. Hoặc Ngài phái vị Thánh Alahán đa văn đến, như trường hợp Đức Thế Tôn dạy Ngài Mahā Kaccāna cùng 7 vị Alahán đến kinh thành Ujjenī thuộc xứ Avanti của vua Caṇḍa Pajjota để mở đạo.

Có khi Đức Thế Tôn tự mình ra đi để tế độ người hữu duyên, như Ngài tự mình ra đi xa 3 gāvuta (= 12 km) để tế độ Ngài Mahākassapa, đi xa 30 dotuần để tế độ đạoxa Ālavaka và Āṅgulimāla, đi xa 45 dotuần để tế độ Ngài Pukkusāti, đi xa 120 dotuần để tế độ Ngài Mahākappina ...

(1)- DA. i. 48.

(2)- Tính theo giờ hiện tại – Ns.

(3)- DA. ii. 470.

(4)- M.iii. Nandakovādasutta, Kinh số 146,

(5)- DhpA.ii, 167.

(6)- SnA. ii, 474.

Có khi Ngài cùng đại chúng Tỳkhuu du hành đến tế độ người hữu duyên, như Đức Thế Tôn tế độ cô gái con người thợ dệt ...

Sự du hành có hai loại.

- Du hành ngắn (turita). Như Đức Thế Tôn đi từ thành Vương xá đến kinh thành Kapilavatthu dài 60 do tuần ...

- Du hành dài (aturita).

Là đi với khoảng đường dài, cách du hành này thay đổi hằng năm, như Đức Thế Tôn du hành đến xứ Sunāparanta (quê hương của Ngài Punṇa) dài 900 do tuần trong 9 tháng, đến xứ Majjhimaṇḍala dài 900 do tuần trong 8 tháng, đến Antomaṇḍala dài 600 do tuần bốn tháng⁽¹⁾.

Đức Thế Tôn là bậc liễu tri pháp, nghĩa là nếu Ngài muốn biết điều gì, sự kiện gì thì điều đó, sự kiện đó sẽ hiện rõ cho Ngài từng chi tiết.

Trí tuệ của Đức Thế Tôn không thể đo lường được, ngay chính thân của Ngài cũng thế⁽²⁾.

Đức Thế Tôn tế độ chúng sinh bằng ba cách: Thi triển thần thông (*iddhipāṭihāriya*), với tâm mình biết tâm người (*ādesanāpāṭihāriya*), theo căn cơ của mỗi người (*anusāsanipāṭihāriya*).

Trong ba cách tế độ này, Ngài Moggallāna (MụcKiềnLiên) thiện xảo dùng thần thông tế độ chúng sinh, Ngài Sāriputta (XáLợiPhất) thiện xảo dùng tâm mình biết tâm người để giáo hóa; riêng Đức Thế Tôn thiện xảo cả ba cách, nhưng thiện xảo hơn cả là “*tế độ chúng sinh theo căn cơ của người ấy*” và Đức Thế Tôn thường sử dụng phương cách này nhất⁽³⁾.

Các Tôn chủ ngoại giáo thường xuyên tạc Đức Thế Tôn là có “huyền thuật mê hoặc người” (*āvattanimāyā*), điều này không đúng, vì có khi ngay cả các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn cũng không thể thuyết phục được, như các vị Tỳkhuu ở Kosambī (Kiêuthườngđi), hoặc Tỳkhuu Kokālika ...

Mặt khác, có số chúng sinh chỉ có Đức Thế Tôn mới tế độ được, do Ngài dùng phương pháp “thấu hiểu căn cơ”, như trường hợp Đức Thế Tôn tế độ Ngài Cūla Panthaka, tế độ người đệ tử của Ngài Sāriputta mà trong quá khứ có 500 kiếp sống là người thợ kim hoàn ...

Những vị này được gọi là *Buddha veneyyā*⁽⁴⁾.

Niềm tin phát sinh nơi Đức Thế Tôn do bốn điều:

- Do thấy được 32 đại nhân tướng của Ngài (*rūpappamāṇikā*).

- Do nghe âm giọng du dương của Ngài (*ghosappamāṇikā*).

- Do tâm bình đẳng của Ngài (*lūkhappamāṇikā*)⁽⁵⁾,

- Do nghe được pháp của Ngài (*dhammappamāṇikā*)⁽⁶⁾.

Lời dạy của Đức Thế Tôn không bao giờ bị chìm vào quên lãng, nhưng đôi khi không mang lại lợi ích ngay tức khắc, như khi Ngài thuyết *Udumbarikasīhanāda sutta*⁽⁷⁾,

Nhiều lúc Đức Thế Tôn phóng hào quang từ Hương thất của Ngài đến nơi Ngài muốn, rồi hình ảnh Ngài xuất hiện trong ánh hào quang, thuyết lên pháp thoại để tế độ người có duyên lành. Kệ ngôn được thuyết lên trong trường hợp này gọi là *Obhāsagāthā* (Kệ ngôn ánh sáng)⁽⁸⁾.

(1)- DA. 210 – 213.

(2)- MA. ii. 790.

(3)- BuvA. 81.

(4)- SnA. i, 331

(5)- Có sách ghi điều này là: “Do biết Ngài thực hành khổ hạnh khốc liệt”.

(6)- DhpA. iii. 113

(7)- D.iii, 57.

(8)- SnA. i. 16, 265.

Chư Phật đều có ba kệ ngôn Ovādapātimokkha (Giáo giới giải thoát) như nhau⁽¹⁾, cứu cánh của lời dạy chư Phật là chứng đắc Thánh quả Alahán⁽²⁾.

Mỗi vị Chánh giác tối thiểu có một Tăng đoàn, có vị có đến ba Tăng đoàn, số lượng Tỳkhuu của Tăng đoàn nhiều ít khác nhau.

Tăng đoàn của Đức Thế Tôn Gotama là 1.250 vị Tỳkhuu, đó là các bậc Alahán từ Lục thông trở lên, được xuất gia theo cách : “Ehi bhikkhu ...”

Chúng sinh chỉ đạt được abhiññā (Thắng trí) cao tột khi Đức Thế Tôn còn tại thế⁽³⁾. Như Túc mạng minh chẳng hạn, trong thời Đức Phật có bốn vị Thánh Alahán nhớ lại quá khứ được một atăng kỳ trái đất, đó là: Hai vị Thượng thủ thính văn, Ngài Bakkula và bà Thánh nữ Yasodharā; sau khi Đức Phật viên tịch không một vị Thánh Alahán nào có được Túc mạng minh như thế nữa. Hoặc như trí tuệ Siêu việt của Ngài Sāriputta, năng lực thần thông của Ngài Moggallāna ...

Đức Thế Tôn thành tựu mười Như Lai lực (balāni) đó là:

1- Thānāthānaññāṇa: *Trí hiểu thấu nhân, không phải nhân.*

Nghĩa là. Đức Thế Tôn thấu hiểu đây là nguyên nhân của sự kiện này, của pháp này. Đây không phải là nguyên nhân của sự kiện này, không phải là nhân của pháp này, như pháp thiên là do nhân vô tham, vô sân, vô si; vô tham, vô sân, vô si không phải là nhân của pháp bất thiện ...

2- Vipākāññāṇa. *Trí hiểu thấu quả của nghiệp.*

Nghĩa là. Đức Thế Tôn thấu hiểu: Đây là quả của nghiệp nào, như cùng sinh về thiên giới nhưng vị thiên tử này do tạo thiện nghiệp bố thí, vị thiên tử kia do tạo thiện nghiệp trì giới, vị thiên tử khác do tạo thiện nghiệp nghe pháp ...

3- Sabbatthagāṃimaggāññāṇa. *Trí hiểu thấu tất cả đạo lộ.*

Đạo lộ này đưa chúng sinh tái sinh về khổ cảnh, đạo lộ này dẫn chúng sinh tái sinh về nhàn cảnh, đạo lộ này dẫn chúng sinh ra khỏi luân hồi.

4- Nānādhātuññāṇa. *Trí hiểu thấu các giới sai biệt khác nhau.*

Như hiểu đất nước lửa gió, hư không, thức; giới bên trong, giới bên ngoài, giới thô, giới tế, giới gần, giới xa ...

5- Nānādhimuttiññāṇa. *Trí hiểu thấu trình độ cao thấp của chúng sinh.*

6- Indriyaparopariyataññāṇṇ. *Trí thấu hiểu các quyền sai biệt (của chúng sinh).*

7- Jhānādiññāṇa. *Trí hiểu rõ chương ngại của thiên, chương ngại của giải thoát.*

8- Pubbenivāsaññāṇa. *Trí hiểu thấu tiền kiếp của mình và của chúng sinh.*

9- Cutūpapātaññāṇa. *Trí hiểu thấu sự sinh tử của chúng sinh.*

10- Āsavakkhayaññāṇa. *Trí hiểu thấu những ô nhiễm.*

Do có 10 loại trí Như Lai, nên Đức Thế Tôn thông suốt 10 lãnh vực theo đúng sự thật⁽⁴⁾.

Chính thành tựu 10 lực này, nên Đức Thế Tôn có khả năng thuyết giảng lý duyên sinh (Paṭiccasamuppāda)⁽⁵⁾, các vị Thánh đệ tử hay Đức Phật Độc Giác chỉ có 7 trí lực trên (trừ trí lực 2, trí lực 5 và trí lực 6)⁽⁶⁾.

Tuy có 7 trí lực trên nhưng trình độ 7 trí lực của vị Thánh Alahán đệ tử hay của Đức Phật Độc giác không thể sánh bằng 7 trí lực của Đức Như Lai⁽⁷⁾.

(1)- DA. ii. 479.

(2)- DA. iii, 732

(3)- AA. i. 204.

(4)- A. v. 32 ; M. i. 69,

(5)- S.ii, 27.

(6)- D. iii. 283.

(7)- Kvu. 228.

Trong tập Paṭisambhidāmagga (Đạo vô ngại giải) có nêu lên sáu trí của Đức Thế Tôn, sáu trí này không có đến Phật Đốc giác cũng như chư vị Thánh Alahán, đó là:

- 1- Indriyaparopariyattaññāṇa. Trí thấu hiểu các quyền sai biệt (của chúng sinh).
- 2- Āsayānusayaññāṇa. Trí hiểu thấu khuynh hướng ngủ ngầm (của chúng sinh).
- 3- Yamākapāṭihiraññāṇa: Trí hiểu thấu về song thông.
- 4- Mahākarunāsamāpattiññāṇa. Trí thể nhập Đại bi.
- 5- Sabbaññutaññāṇa. Trí Toàn Giác.
- 6- Anāvaraṇaññāṇa. Trí không bị chướng ngại ⁽¹⁾.

Cũng do thành tựu 10 lực này nên thân lực của Ngài bằng sức mạnh 10 voi chúa Chaddanta⁽²⁾.

- 1- Voi Kālāvaka có sức mạnh bằng 10 người thường⁽³⁾.
- 2- Mười voi Kālāvaka = 1 voi Gaṅgeyya = 100 người ⁽⁴⁾.
- 3- Mười voi Gaṅgeyya = 1 voi Paṇḍara = 1.000 người ⁽⁵⁾.
- 4- Mười voi Paṇḍara = 1 voi Tamba = 10 ngàn người ⁽⁶⁾.
- 5- Mười voi Tamba = 1 voi Piṅgala = 100 ngàn người ⁽⁷⁾.
- 6- Mười voi Piṅgala = 1 voi Gandha = một triệu người⁽⁸⁾.
- 7 - Mười voi Gandha = 1 voi Maṅgala = 10 triệu người ⁽⁹⁾.
- 8- Mười voi Maṅgala = 1 voi Hema = 100 triệu người ⁽¹⁰⁾.
- 9- Mười voi Hema = 1 voi Uposatha = 1.000 triệu người .
- 10- Mười voi Uposatha = 1 voi Chaddanta = 10 ngàn triệu người.

* Voi Uposatha.

Đây là một tộc voi quý đứng hàng thứ hai sau tộc voi Chaddanta, được gọi là Uposatha vì xuất hiện vào ngày uposatha (ngày 14 thời có trăng) khi vua Chuyển Luân đã làm lễ quán đảnh (lên ngôi vua).

Voi chúa Uposatha toàn trắng ở 7 phần (*sattappatiṭṭha*) là: Bốn chân, đầu, mình và đuôi. Voi chúa Uposatha có khả năng đi trên hư không nhanh chóng, đến phục vụ cho vua Chuyển Luân phải là voi chúa Uposatha⁽¹¹⁾.

Vua Chuyển Luân Mahāsudassana (Đại thiện kiến) có voi chúa Uposatha này⁽¹²⁾.

Sách *Lalitavistara* (Phổ Diệu kinh) gọi voi Uposatha là Bodhi.

Khi vua Chuyển luân mệnh chung, voi chúa Uposatha trở về với tộc voi của mình⁽¹³⁾. Không ai có thể nhốt voi chúa Uposatha vào trong chuồng.

*Voi Chaddanta.

Là tộc voi quý đứng hàng đầu trong 10 tộc voi, được gọi là Chaddanta vì tộc voi này sống nơi hồ Chaddanta. Bồ tát có lần tái sinh làm voi chúa Chaddanta.

Voi báu của vua Chuyển Luân thuộc tộc Chaddanta phải là voi tơ đầy sức mạnh, toàn thân có màu trắng, có khả năng đi trên hư không, voi báu Chaddanta

(1)- Ps. ñāṇakathā (giảng về trí).

(2)- BvA. 37.

(3)- MA. i. 263; UdA. 403; VibhA. 397; BuA. 37...

(4)- MA. i. 262.; AA. ii. 822; BuA. 37.

(5)- UdA. 403; VibhA. 397; AA. ii. 822.

(6)- AA. ii. 822; MA. i. 262.

(7)- MA. i. 262; VibhA. 397; UdA. 403; AA. ii. 822.

(8) - VibhA. 397; AA. ii. 822; UdA. 403.

(9)- MA. i. 262; AA. ii. 822; BuA. 37.

(10)- UdA. 403; AA. ii. 832; BuA. 37.

(11)- DA. ii. 624; J. iv. 232, 234; KhA. 172.

(12)- Xem D.ii. Mahāsudassanasutta.

(13)- DA. ii. 636.

đến phục vụ cho vua Chuyển luân vào ngày Uposatha (ngày 15 âl, thời trăng sáng)⁽¹⁾.

Ngoài 10 Như Lai trí lực nói trên, Đức Thế Tôn còn có 4 vô sở úy là:

1- Không sợ bất cứ ai trên đời chỉ trích Ngài chưa chứng đạt mà mạo nhận.

2- Không sợ bất cứ ai chỉ trích Ngài chưa diệt tất cả mọi ô nhiễm mà tự cho là đã diệt sạch.

3- Những gì Ngài dạy là chương ngại đạo, chắc chắn là chương ngại, không sợ bất kỳ ai nói ngược lại.

4- Pháp Ngài thuyết giảng chắc chắn đưa đến diệt tận đau khổ, không sợ bất cứ ai nói ngược lại⁽²⁾.

Chỉ có Đức Thế Tôn mới tiêu hóa được những dưỡng tố (ojā) do chư thiên đưa vào vật thực cúng dường đến Ngài, vị Tỳkhuu dùng vật thực dành riêng cho Đức Thế Tôn, phạm luật⁽³⁾.

Mỗi vị Chánh giác đều có một lần Đại hội lớn (Mahāsamaya), chỉ có Đức Thế Tôn mới thuyết pháp được cho đại hội có nhiều thành phần với căn cơ khác nhau⁽⁴⁾.

Đức Chánh giác có tuổi thọ ngắn, lễ Bôtát (uposatha) phải thực hành nửa tháng một lần (như Đức Thế Tôn Gotama).

Các vị Chánh giác có tuổi thọ dài thì thời hành lễ Bôtát khác nhau như:

- Đức Phật Kassapa, 6 tháng hành trì lễ Bôtát một lần.

- Đức Phật Vipassī, 6 năm hành lễ Bôtát một lần⁽⁵⁾.

Đức Thế Tôn không hẳn là không bị bệnh, mỗi vị Chánh giác có thể sống trọn kiếp (kappa)⁽⁶⁾, nhưng thông lệ của các vị Chánh giác là “sống hết tuổi thọ (āyukappa) của chúng sinh vào thời ấy hoặc sống 4 phần 5 tuổi thọ”. Vì sao?

Đáp. Nếu như Ngài sống trọn kiếp trái đất, khi ấy các vị Thánh Thượng thủ hoặc các vị Thánh Đại đệ tử đã viên tịch. Lại nữa, vào thời chúng sinh không thể chứng đắc Thánh quả Alahán, hội chúng của Đức Thế Tôn sẽ trống vắng. Ví như Đức vua không có các quan Đại thần ưu tú, hay vị vua không có các Đại thần, điều này sẽ bất xứng với địa vị cao quý của Đức vua. Do vậy, bậc Đại trí như Đức Thế Tôn không chọn việc này.

Mặt khác, sở dĩ tuổi thọ của các Ngài bị rút ngắn (4 phần 5 tuổi thọ) là do ảnh hưởng của vật thực và thời tiết⁽⁷⁾, nhưng không vị Chánh giác nào viên tịch trước khi Giáo pháp của Ngài được vững vàng⁽⁸⁾.

Trong đời của Đức Thế Tôn có hai lần màu da của Ngài sáng chói, không một ánh sáng nào bì được với loại hào quang này, đó là lần trước khi Bôtát chứng Vô thượng Chánh giác và lần Ngài sắp viên tịch⁽⁹⁾.

Sau khi Đức Thế Tôn viên tịch, lễ hỏa táng di hài của Ngài được diễn ra như lễ hỏa táng vua Chuyển Luân (sdd).

Truyền thuyết nói rằng: “Khi Bôtát Chánh giác đản sinh kiếp cuối, màu da Ngài cũng rực sáng như khi Ngài sắp viên tịch”⁽¹⁰⁾

(1) - KhpA. 172.

(2)- M.i, Mahāsihanādasutta (Đại kinh sư từ hống). Kinh số 11.

(3)- SnA. i. 154.

(4) -D. ii. 225; DA. ii. 682

(5)- D.ii. Mahāpadānasutta (kinh Đại Bốn); ThagA. i. 62.

(6)- DA. ii. 554 ; kappa trong ngữ cảnh này là āyukappa, tức là tuổi thọ của một người vào một thời kỳ nào đó. Trưởng lão Mahāsīva nói rằng bấy giờ nếu Phật chịu đựng thêm mười tháng đau đớn, Ngài sẽ tại thế hết Bhaddkappa (Hiền kiếp); nhưng Phật không muốn vậy, Ngài viên tịch theo đúng thời để tránh bệnh tật lúc về già. Như vậy kappa ở đây chỉ cho kiếp trái đất.

(7)- DA. ii. 413.

(8)- D. iii. 122.

(9)- D.ii. Mahāparinibbāna.

(10)- SnA. ii. 525.

Với các vị Chánh giác có tuổi thọ dài (dīghāyuka), Xá lợi của Ngài kết lại thành khối và được tôn thờ trong một Bảo tháp duy nhất còn vị Chánh giác có tuổi thọ ngắn (như Đức Phật Gotama) thì Xá lợi của Ngài rải ra khắp nơi để người và chư thiên chiêm bái.

Sau khi Đức Phật Gotama viên tịch, theo dòng thời gian Giáo pháp của Ngài bị hoại dần.

- Đến ba ngàn năm, Tạng Thắng pháp (Abhidhammapiṭaka) hoại trước tiên, theo tuần tự như sau:

Trước tiên là Bộ Paṭṭhānappakaraṇa (Vị trí) (bộ thứ 7 của Tạng Diệu pháp) hoại, rồi đến bộ Yamaka (Song đối), bộ Kathāvatthu (Luận điểm), Puggalapaññatti (Nhân chế định), Dhātukathā (Nguyên chất ngữ), Vibhaṅga (Phân tích), sau cùng là bộ Dhammasaṅgani (Pháp tụ).

- Đến bốn ngàn năm thì hoại đến Tạng kinh (Suttapiṭaka).

Trước tiên là bộ Aṅguttaranikāya (Kinh Tăng chi), kể từ chương 11 pháp hoại dần đến chương 1 pháp.

Kế đến là bộ Saṃyuttanikāya (Kinh Tương ưng), trước tiên là Saccasaṃyutta, phẩm thứ 7 Cakkapeyyāla (Bánh xe lược thuyết) mất trước tiên⁽¹⁾ rồi mất dần đến bài kinh Ogharataṇasutta⁽²⁾.

Tiếp đến là Majjhimakināya (Kinh Trung bộ), mất trước tiên là bài kinh Indriyabhāvanāsutta (Kinh Quyên tu tập)⁽³⁾, cuối cùng là Mūlapariyāyasutta (Kinh Căn Bản pháp)⁽⁴⁾.

Kế tiếp hoại dần Dīghanikāya (Kinh Trường bộ), bắt đầu từ Dasuttarasutta (Kinh Thập thượng), Brahmajālasutta (Kinh Phạm võng) mất sau cùng.

- Đến 5.000 thì Vinayapiṭaka (Tạng Luật) mất⁽⁵⁾. Các kệ tụng (gāthā) như Sabhiyapucchā (Sabhiya hỏi) và Ālavakapucchā (Ālavaka hỏi) thì tồn tại lâu hơn, nhưng không đủ để lưu lại giáo pháp.

***Tóm lược Giáo pháp của Đức Thế Tôn Gotama.**

*** Tạng Luật (Vinayapiṭka).**

Tạng Luật được chia làm ba phần chính: Suttavibhaṅga, Khandhaka và Parivāra.

A- Suttavibhaṅga (Phân tích Giới bốn).

Trình bày về giới bốn *Pāṭimokkha* của Tỳkhuu gồm 227 điều, của Tỳkhuu ni là 311 điều.

Theo truyền thống đang được áp dụng ở Miến Điện và Tích Lan:

Suttavibhaṅga được phân làm hai là: *Pārājika* (Pāli) và *Pācittiya* (Pāli).

Cách phân chia này có thể do việc chia hai số lượng sách của *Suttavibhaṅga* và được trình bày như sau:

***Pārājika (Pāli).**

Mở đầu chương Verañja, giới thiệu việc Ngài Sāriputta thỉnh cầu Đức Thế Tôn quy định Học giới cho các Tỳkhuu. Kế đến là các điều học theo thứ tự:

1- Bốn tội *Pārājika* (trục xuất).

2- Mười ba tội *Saṅghadisesa* (Tăng tàng).

3- Hai tội *Aniyata* (bất định).

4- Ba mươi tội *Nissaggiya pācittiya* (Ứng-xả đối trị).

***Pācittiya (Pāli).**

5- Chín mươi hai tội *Pācittiya* (Ứng đối trị).

⁽¹⁾ VbhA. 432.

⁽²⁾ Bài kinh đầu tiên của tập Tương ưng kinh.

⁽³⁾ Bài sinh số 152 của tập kinh Trung Bộ.

⁽⁴⁾ Bài kinh số 1 của tập kinh Trung bộ.

⁽⁵⁾ VibhA. 432.

- 6- Bốn tội Pāṭidesaniya (Ứng phát lộ).
- 7- Bảy mươi lăm *Sekhiya* (Ứng học pháp).
- 8- Bảy Adhikaraṇasamathā Dhammā (pháp hòa giải tranh sự).
- 9- *Bhikkhunīvibhaṅga* (Phân tích giới Tỳkhuu ni).

Truyền thống Thái Lan cũng phân *Suttavibhaṅga* làm hai, căn cứ theo nội dung:

*** Mahāvibhaṅga.**

Còn có tên là *Bhikkhuvibhaṅga* (Phân tích giới Tỳkhuu) bao gồm 227 giới Tỳkhuu. Bộ này có hai tập:

- Tập I. Gồm: 4 tội Pārājika, 13 tội Saṅghadisesa và 2 tội Aniyata.
- Tập II. Gồm những phần còn lại được nêu ở trên, và kết thúc với lời đọc tụng tổng kết.

*** Bhikkhunīvibhaṅga** (Phân tích giới Tỳkhuu ni).

Chỉ trình bày những điều học của Tỳkhuu ni. Ngoài ra những giới dành cho Tỳkhuu, Tỳkhuu ni cũng phải thọ trì⁽¹⁾.

B- Khandhaka (Hợp phần).

Gom những vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương.

Khandhaka được chia làm hai phần.

1- Mahāvagga (Đại phẩm).

Gồm 10 chương⁽²⁾.

2- Cullavagga (Tiểu phẩm).

Gồm 12 chương⁽³⁾.

C- Parivāra (Tập yếu).

Phân tích về Giới và Luật theo các tiêu đề, được trình bày theo cách vấn-đáp. Có thể được xem như cuốn cẩm nang hướng dẫn việc hành xử Luật⁽⁴⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có viết bản Sớ giải Tạng Luật với tên gọi là Samantapāsādikā theo lời yêu cầu của Trưởng lão Buddhasiri.

Bản Sớ giải này căn cứ theo Mahāpaccariya và Kurundī – Atthakathā⁽⁵⁾.

Về sau Trưởng lão Sāriputta người Tích Lan viết bản Tīkā (Hậu Sớ giải) cho bản Samantapāsādikā với tên gọi là Sāratthadīpanī⁽⁶⁾.

Trong bản Sāratthadīpanī có nêu ra nhiều ví dụ về các vị Tỳkhuu Tích Lan, ngoài ra còn đề cập đến 18 tông phái trong lần Kết tập Phật ngôn III⁽⁷⁾.

*** Mahāpaccariya.**

Là Bản Sớ giải Tam Tạng cổ xưa, Ngài Buddhaghosa thường nương vào bản này để biên soạn những bộ Sớ giải của Ngài.

Trong Bản Sớ giải Samantapāsādikā thường trưng dẫn tư liệu trong bản Mahāpaccariya và luận giải tư liệu ấy⁽⁸⁾.

Truyền thuyết nói rằng: “Bản Sớ giải được viết khi vị Trưởng lão ấy đi trên bè, nên Bản Sớ giải có tên Mahāpaccariya”.

*** Kurundī – Atthakathā.**

Là một trong những bộ Sớ giải lớn bằng tiếng Tích cổ.

⁽¹⁾ - Suttavibhaṅga gồm 3 tập. Tập 1, 2 là Giới bốn chung của hai phái; tập 3 là Giới bốn chi danh cho Tỳkhuu ni.

⁽²⁾- Có hai tập 4; 5..

⁽³⁾- Có 2 tập: Tập 6, 7.

⁽⁴⁾- Trích “Lời giới thiệu Tạng Luật” của ĐĐ Indacanda trong “Phân tích Giới Tỳkhuu, tập I”- Ns.

⁽⁵⁾- Gv.59.

⁽⁶⁾- Sp. i. 2; Sp. i. 201 có đề cập đến nghĩa ngữ của tên gọi này.

⁽⁷⁾- Gv. 61, 65; SadS. 62; P.L.C. 192 f.; Bode, *op. cit.*, p. 39.

⁽⁸⁾- Sp. i. 283; iii; 527, 536, 553, 615; iv. 763, 770, 776, 778, 782, 803, 806, 807, 813, 861, 914, 923 ...

Ngài Buddhaghosa dùng tư liệu trong Bộ sách này để biên soạn những bộ Sớ giải của Ngài. Bộ Sớ giải này có tên là Kurundī vì được viết tại bản địa”.

***Trưởng lão Sāriputta** (người Tích Lan).

Là vị Trưởng lão sống vào triều đại của vua Parakkamabāhu I, còn có danh hiệu là *Sāragamati*⁽¹⁾ vì sự uyên bác của Ngài.

Đức vua xây cho Trưởng lão Sariputta một liêu thất nối liền với Tự viện Jetavana trong Pulatthipura⁽²⁾ (Pulatthipura là kinh đô cổ của các vua xứ Tích Lan).

Trưởng lão Sāriputta biên soạn nhiều tác phẩm như: *Vinayaśaṅgaha* hay *Vinayavinicchaya* (Tóm lược Vinaya), *Sāratthadīpanī*, *Sāratthamañjūsā* (Hậu Sớ giải bộ Atthasālinī) và *līnatthappakāsini* (Hậu sớ giải về Papañcasūdanī).

Ngài có nhiều môn đệ nổi tiếng như: Trưởng lão Saṅgharakkhita, Trưởng lão Sumaṅgala, Trưởng lão Buddhanaṅga, Trưởng lão Udumbagiri, Trưởng lão Medhaṅkara, Trưởng lão Vācissara⁽³⁾.

Ngoài ra Ngài còn là một Học giả về tiếng Sanskrit, từng viết *Pañjikālaṅkāra* hay *Ratnamatipañjikā-tīkā* về Pañjikā của Ratnaśrījñāna về *Candragomivyākaraṇa*.

***Tạng kinh (Suttapiṭka).**

Gồm có 5 bộ kinh là:

1- *Dīghanikāya* (Kinh Trường bộ).

Là những bài kinh dài, có tất cả là 34 bài kinh, được chia làm ba phẩm: *Sīlakkhandhavagga* (Phẩm Giới uẩn), *Mahāvagga* (Đại phẩm) và *Pātheyyavagga* (Phẩm đi đường), phẩm này còn có tên gọi là *Pāṭikavagga* (Phẩm đã sát trừ).

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có viết bản Sớ giải bộ kinh này với tên gọi là *Sumaṅgalavilāsini* theo lời yêu cầu của Trưởng lão Dāṭhanāga trú ở *Sumaṅgalapariveṇa* trong *Mahāvihāra* (Đại tự) của xứ Tích Lan, nên tác phẩm có tên là *Sumaṅgalavilāsini*..

2- *Majjhimanikāya* (Kinh Trung bộ).

Là những bài kinh trung bình, có 152 bài kinh, có ba tập: Tập I gồm 50 bài kinh, tập II gồm 50 bài kinh, tập III gồm 52 bài kinh.

Ngài ghosa (Phật Âm) có viết Bản Sớ giải kinh Trung bộ với tên gọi là *Papañcasūdanī*. Lời ghi cuối tập Sớ giải nói rằng: “Bộ Sớ giải này (*Papañcasūdanī*) được viết theo yêu cầu của Trưởng lão Buddhāmitta ở *Māyurapaṭṭana* xứ Tích Lan.

***Trưởng lão Buddhāmitta.**

Là vị Trưởng lão đồng môn với Ngài Buddhaghosa⁽⁴⁾. Theo lời yêu cầu của Ngài Buddhāmitta, Ngài Buddhaghosa viết Sớ giải kinh Trung bộ.

Ngoài ra, theo truyền thuyết cũng theo lời yêu cầu của Trưởng lão Buddhāmitta, Ngài Buddhaghosa viết Sớ giải kinh Bốn sự (*Jātaka- Atthakathā*), nhưng xét về văn phong không giống như văn phong của Ngài Buddhaghosa. Có khả năng bộ này do Ngài Buddhāmitta viết, nhưng nhờ Ngài Buddhaghosa hiệu đính.

Được biết Trưởng lão Buddhāmitta cùng ngụ chung với Ngài Buddhaghosa trong Đại tự *Mayūrarūpaṭṭana*⁽⁵⁾.

3- *Samyuttanikāya* (Kinh Tương ưng).

Trong lần Kết tập Phật ngôn I, chính Trưởng lão Mahākassapa đã trùng tuyên bộ kinh này⁽¹⁾, gồm có 7.762 bài kinh⁽²⁾.

(1)- SadS. 63.

(2)- Cv. lxxviii. 34.

(3)- Gv. 67, 71; Svd. 1203; Sās., p. 69; P.L.C. 189.

(4)- Gv.68.

(5)- MA. ii. 1029.

Kinh Tương ưng được phân thành 5 tập (thiên hay đại phẩm), gồm 56 chủ đề (Tương ưng), mỗi thiên chia ra nhiều phẩm (vagga).

Ngài Buddhaghosa có viết Sớ giải cho kinh Tương ưng, có tên là Sārathhappakāsini theo yêu cầu của Trưởng lão Jotipāla⁽³⁾.

Ngoài ra, Trưởng lão Jotipāla còn yêu cầu Ngài Buddhaghosa viết Bản Sớ giải kinh Tăng chi, Bản Sớ giải này có tên là Manorattapūraṇī.

Trưởng lão Jotipāla có thể là bạn của Ngài Buddhaghosa, từng đồng trú với Ngài ở nhiều nơi kể cả Kāñcīpura⁽⁴⁾.

Trong tập Milindapañhā, Ngài Nāgasena thường trích dẫn Kinh Tương Ưng để dẫn chứng với vua Milinda⁽⁵⁾.

Các Tỳkhuu Pātheyya sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết lên bài kinh này, đã chứng đắc Thánh quả Alahán⁽⁶⁾.

Trưởng lão Mahinda khi đến xứ Tích Lan, bốn ngày sau Ngài thuyết kinh Tương ưng, phẩm Anamataggasaṃyutta (Tương ưng vô thi) tại Ngự Uyển Nandana trong kinh thành Anarādhapura⁽⁷⁾.

Trưởng lão Rakkhita Vanavāsa khi đi truyền giáo, Ngài thuyết lên bài kinh này, tế độ được 60.000 người⁽⁸⁾.

Vua Tích Lan Kittisirirājasīha cho sao chép lại kinh Tương ưng⁽⁹⁾.

Hán Tạng xếp kinh Tương ưng vào bộ Tạp Ahàm (agama).

***Kāñcīpura.**

Còn được viết là Kāñcīpura hay Kāñcīpura.

Đó là một thành phố ở Nam Ấn trên bờ biển Coromandel, thủ phủ của Pallava. Thành phố Kāñcīpura là một trong 7 Thánh địa của Ấn Độ, thành phố này hiện nay là Conjevaram.

Một thời, thành phố này là trung tâm Phật giáo dưới miền Nam Ấn Độ và là một địa điểm hành hương mà Ngài Huyền Trang có đến viếng.

Thầy Huyền Trang kể rằng trong lúc Ngài ở đó, có 300 Tỳkhuu từ Tích Lan đến xin tị nạn chánh trị⁽¹⁰⁾.

Theo Kinh sách Pāli, Kāñcīpura được kể là nơi sanh của Ngài *Dhammapāla* (vị Luận sư đại tài sau thời Ngài Buddhaghosa). Chính Ngài Dhammapāla thực hiện công trình còn sót lại của Ngài Buddhaghosa, tức là Sớ giải tập kinh Tiểu Bộ phần còn lại).

Thành phố Kāñcīpura có thể là sinh quán của Luận sư *Anurudha*, tác giả bộ *Abhidhammattha Saṅgaha* (Tóm gọn ý nghĩa Thắng pháp)⁽¹¹⁾.

4- Aṅguttaranikāya (Kinh Tăng chi).

Bộ thứ tư của Tạng kinh, gồm 11 chương, có 9.557 bài kinh⁽¹²⁾.

Chương 1 là chương những bài kinh có một pháp, chương 2 là chương những bài kinh có hai pháp ... chương 11 là chương những bài kinh có 11 pháp. Mỗi bài kinh được đánh số 1,2, 3 ...

(1)- DA. i. 15.

(2)- DA. i. 17; Gv. 56.

(3)- Gv. 59; SadA. 58.

(4)- Gv. 68; SA. iii. 235; AA. ii. 874.

(5)- Mil. pp. 137, 242, 377, 379; xem thêm Vin. ii. 306, trong ấy Uposatha Saṃyutta được nói đến, nhưng đó rõ ràng là Uposatha Khandhaka.

(6)- DhpA.ii, 32.

(7)- Mhv. xv. 186; Sp. i. 81; Mbv. 114.

(8)- Mhv. xii. 32.

(9)- Cv. xciv. 33.

(10)- Beal: *op. cit.*, ii.228 f.; CAGI. 627.

(11) -P.L.C. 113, 169.

(12)- A. v. 361; DA. i. 23; Gv. 56.

Mỗi chương được phân thành nhiều phẩm (vagga), cách sắp xếp này dĩ nhiên ảnh hưởng đến nội dung của kinh, ít khi thấy có lập luận. Danh sách thường ngắn gọn và cách giải thích cũng ngắn gọn.

Trong Kết tập Phật ngôn I, Ngài Anuruddha được mời trì tụng 120 tụng phẩm (bhānavāra) của bộ kinh này⁽¹⁾.

Kinh còn được gọi là Ekuttara (Tăng nhứt)⁽²⁾. Kinh có trích dẫn Parāyana (Con đường đến bờ kia) nên được xem là “biên tập sau này”.

Cần lưu ý là kinh Hán tạng, Tăng nhứt Ahàm không giống kinh Tăng chi.

Ngài Buddhaghosa viết bản Sớ giải kinh Tăng chi với tên gọi là Manorathapūraṇi theo lời yêu cầu của Trưởng lão Jotipāla và Trưởng lão Jivaka trú trong Tự viện Mahāvihāra⁽³⁾.

5- *Khuddakanikāya* (Kinh Tiểu bộ).

Đôi khi được gọi là *Khuddaka Gantha*,

Kinh Tiểu bộ gồm 15 bộ, một số thuộc thời kỳ trước, một số thuộc thời kỳ sau. Phần lớn các bộ kinh được viết theo thể loại văn vần gọi là gāthā (kệ ngôn).

Mười lăm bộ kinh trong Kinh Tiểu bộ là:

1- Khuddakapātha (Tiểu tụng).

2- Dhammapāda (Pháp cú).

3- Udāna (Cảm hứng ngữ)⁽⁴⁾.

4- Itivuttaka (Phật dạy như vậy).

5- Suttanipāta (Kinh Tập).

6- Vimānavatthu (Chuyện Thiên cung).

7- Petavatthu (Chuyện Ma đoi)⁽⁵⁾.

8- Theragāthā (Kệ ngôn Trưởng lão Tăng).

9- Therīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni).

10- Jātaka (Bốn sự).

11- Niddesa (Giảng rộng).

Tập này chia thành hai tập nhỏ là:

- Mahāniddesa (Giảng rộng những đề tài lớn).

- Cullaniddesa (Giảng rộng đề tài ngắn).

12- Paṭisambhidāmagga (Đạo vô ngại giải).

13- Apadāna (Ký sự).

14- Buddhavaṃsa (Phật sử).

15- Cariyāpiṭaka (Hạnh Tạng).

Theo một phân loại khác, ngoài Luật tạng (Vinayapiṭaka), Thắng pháp tạng (Abhidhammapiṭaka) và bốn bộ kinh trong Kinh tạng (Suttapiṭaka), những phần còn lại được đưa vào Khuddakanikāya⁽⁶⁾.

Các Giáo thọ sư thọ trì kinh Trưởng bộ (Dīghabhāṇaka) không chấp nhận các kinh: Khuddakapātha (Tiểu tụng), Cariyāpiṭaka (Hạnh tạng) và Apadāna (Ký sự). Và xếp các loại kinh khác vào Luận tạng⁽⁷⁾.

Các Giáo thọ sư thọ trì kinh Trung bộ (Majjhimbhāṇaka) không chấp nhận Khuddakapātha, nhưng chấp nhận các kinh còn lại và gom vào Kinh tạng⁽⁸⁾.

(1)- DA. i. 15. Mbv. 94.

(2)- Mill. 392.

(3)- AA. ii. 874; GV. 59.

(4)- Một số học giả dịch Udāna là “Phật tự thuyết”. Trong các tập kinh khác có nhiều bài kinh do Phật tự thuyết như kinh Ước nguyện ... Udāna là lời Đức Phật nói lên trong khi tâm của Ngài vô cùng hân hoan, khi dịch Udāna là “Phật tự thuyết” không diễn đạt được ý hân hoan của Đức Thế Tôn, nên dịch là “Cảm hứng ngữ” có lẽ tốt đẹp hơn – Ns.

(5)- Petavatthu thường được dịch là “Ngạ quỷ sự”.

(6)- Sp. i. 18; DA. i. 17.

(7)- DA. i. 23; Sp. i. 27.

(8)- DA. i. 15.

Theo truyền thống Miến điện, bốn tập kinh khác được đưa vào Khuddakanikāya là: Milindapañhā (Milinda hỏi), Petakopadesa, Nettiparāna và Visuddhimagga⁽¹⁾.

***Luận sư Dhammapāla.**

Thường được gọi là Dhammācariya (Giáo thọ sư Dhammapāla), có nhiều tài liệu mang tên tác giả là Dhammapāla, nhưng vì có quá nhiều vị mang tên Dhammapāla⁽²⁾, nên không nhận định rõ tài liệu nào của vị Dhammapāla nào.

Vị Dhammapāla được gọi là Giáo thọ sư Dhammapāla được nói là đã soạn tất cả là 14 tài liệu.

Theo Sāsanavaṃsa (Giáo sử)⁽³⁾, Giáo thọ sư Dhammapāla sống ở miền Nam Ấn tại Kāñcipura như Ngài từng ghi lại trong sách của Ngài. Không biết Ngài thuộc thời nào, chỉ biết là sau thời Ngài Buddhaghosa.

Dường như Ngài Dhammapāla có tu học tại Đại tự Mahāvihāra, vì Ngài có viết điều này trong phần dẫn nhập tài liệu của Ngài⁽⁴⁾, có thể Ngài đọc biết các Sớ giải tiếng Tamil như Ngài viết trong Baradatittha.

Ngài nghiên cứu Khuddakanikāya (Kinh Tiểu bộ) nhiều nhất, có soạn 7 bộ Sớ giải của 7 bộ: Theragāthā (Kệ ngôn Trưởng lão Tăng), Therīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni), Udāna (Cảm hứng ngữ), Vimānavatthu (chuyện Thiên cung), Petavatthu (Chuyện Ma đói), Itivuttaka (Phật dạy như vậy) và Cariyapitaka (Hạnh Tạng).

Ngoài ra, Ngài còn soạn chú giải về Nettipakarana, Visuddhimagga (gọi là Paramatthamañjūsā), nhiều Tīkā (Hậu sớ giải) gọi là Līnatthavaṇṇanā bốn bộ Sớ giải Tạng Kinh của Ngài Buddhaghosa, một Hậu sớ giải khác của bộ kinh Bốn sự (Jātaka - Tīkā).

Ngài được cho là tác giả của Hậu sớ giải (Tīkā) của bộ Buddhavaṃsa (Phật sử), Hậu sớ giải của bộ Abhidhammatthakathā.

Ngài Huyền Trang nói rằng: Dhammapāla này là một thanh niên tuấn tú ở Kāñcipura được vua gả công chúa cho, nhưng vì không muốn lập gia đình, nên Ngài đành lễ trước kim thân Phật cầu nguyện, chư thiên đưa Ngài đến một Tự viện thật xa, nơi đó Ngài thọ giới Tỳkhu⁽⁵⁾.

***Tạng Thắng pháp.**

Có 7 bộ.

1- Dhammasaṅgani (Pháp tụ).

Còn được gọi là Dhammasaṅgaha⁽⁶⁾, đây là bộ kinh đầu của Tạng Thắng pháp. Dhammasaṅgani đề cập đến những đề tài đã được nêu ra trong Tạng Kinh, chỉ khác ở khía cạnh *chủ yếu nói về tâm*.

Dhammasaṅgani còn định nghĩa một số từ ngữ dùng trong Kinh Tạng.

Ngài Buddhaghosa có viết Sớ giải cho bộ này với tên gọi là Atthasālinī, ban đầu bộ Atthasālinī được viết ở Ấn độ, nhưng sau đó có thể được tu chỉnh ở Tích Lan, vì trong đó có đề cập đến Samantapāsādikā, nhiều Atthakathā khác nhau và Visuddhimagga (Thanh tịnh đạo).

Vua Viyabāhu I có phiên dịch Dhammasaṅgani sang tiếng Tích Lan⁽⁷⁾, nhưng bản dịch này đã bị thất lạc.

Dhammasaṅgani được đăng trong P.T.S (1885) và được dịch sang tiếng Anh⁽¹⁾.

(1)- Bode, *op. cit.*, 4.

(2) - Gv. p. 66. nói có bốn vị mang tên Dhammapāla., nhưng chỉ có một vị được gọi là Dhammācariya.

(3)- Gv. p. 33.

(4)- Bản Sớ giải Petavatthu

(5)- Beal: ii, 229.

(6)- DA. i. 17.

(7)- Cv. lx. 17.

2- *Vibhaṅga* (Phân tích).

Bộ này có rất quan trọng về tính chất phân tích, là đặc điểm của Giáo lý Nguyên thủy, vốn có truyền thống chi li, phân tích từng vấn đề cho được sáng tỏ, rõ ràng, cụ thể, thiết thực và mạch lạc để người thừa kế Đạo nghiệp không bị nhầm lẫn Chánh pháp với tà pháp, do những từ ngữ tối nghĩa, những ẩn nghĩa, mật ngôn, những lý vi diệu nằm sâu kín trong lời dạy của Đức Phật ...

Bộ này là nền tảng cho sự tu tập nhất là thiền Minh sát (*vipassanā*).

Bộ này có 18 chương, mỗi chương có ba phần: Phân tích theo Kinh (*suttantabhājanīya*), phân tích theo Thắng pháp (*Abhidhammabhājanīya*), phần vấn đáp (*Pañhāpucchaka*).

Ngài Buddhaghosa có viết bản Sớ giải bộ này, với tên gọi *Sammohavinodanī*.

3- *Dhātukathā* (Chất ngữ).

Bộ này được xem như phần giải rộng của bộ *Dhammasaṅgani*, trình bày về pháp được gom lại (*saṅgaha*) hay không được gom lại (*asaṅgaha*), hoặc pháp có hòa hợp (*saṃpayutta*) hay không có hòa hợp (*vippayutta*).

Bộ này có 14 phần và có bản Sớ giải do Ngài Buddhaghosa soạn⁽²⁾.

Hữu bộ (*Sarvāstivāda*) gọi bộ *Dhātukathā* là *Dhātukāyavāda*. Dường như ở Tích Lan có một bộ khác với tên gọi là *Mahādhātukathā* mà bộ phái *Vitaṇḍa* (*Vitaṇḍavāda*) xem như Tạng Thắng pháp của họ, các bộ phái chính thống không công nhận bộ phái này⁽³⁾.

4- *Puggalapaññatti* (Nhân chế định).

Được xem như là bộ xưa nhất của Tạng Thắng pháp, bộ *Puggalapaññatti* (Nhân chế định) đề cập đến người theo ý nghĩa được định đặt.

Bộ này dùng phương pháp của *Āṅguttaranikāya* (Kinh Tăng chi), sắp xếp người từ 1 pháp đến 10 pháp, nhiều đoạn được tìm thấy trọn vẹn trong *Āṅguttaranikāya*, nhiều đoạn khác được tìm thấy trong *Saṅgīṭisutta* (Kinh Phúng tụng)⁽⁴⁾.

5- *Kathāvatthu* (Luận điểm).

Là bộ thứ năm trong Tạng Thắng pháp; trong *Mahābodhivaṃsa* (Đại giác sử) xếp vào bộ thứ 3⁽⁵⁾.

Có nhiều quan điểm bác bỏ Bộ này, cho rằng: “Được biên soạn vào lần Kết tập Phật ngôn III tại kinh thành *Pāṭaliputta* do Ngài *Moggalliputta Tissa* là chủ tọa, được vua *Asoka* (ADục) tài trợ vào năm 218 tTl⁽⁶⁾, nên đó chỉ là lời của các vị đệ tử hơn là của chính Đức Phật”.

Quan điểm này bị bác bỏ, vì các *mātikā* (mẫu đề) trong *Kāthavatthu* là do chính Đức Phật thuyết.

Ngài *Moggalliputta Tissa* cùng các Đại trưởng lão triển khai rộng rãi, nên bộ sách này được xem như lời Phật dạy,

Tương tự như bài kinh *Madhupiṇḍika* (Mật hoàn) do Ngài *Mahākaccāna* thuyết, được xem là lời dạy của Đức Thế Tôn.

Lại nữa, Trưởng lão ni *Khemā*, tự xem mình như “*Kāthāvatthu visāradā*”⁽⁷⁾. Như vậy, thời Đức Phật còn tại tiền *Kāthāvatthu* đã được biết đến.

Nội dung *Kāthāvatthu* chứa đựng ít nhất là ba bộ: *Dhammasaṅgani* (Pháp tụ), *Vibhaṅga* (Phân tích) và *Paṭṭhāna* (Vị trí), nên được chấp nhận là chính thống.

(1)- Do Bà Rhys Davids dịch và đăng trong R.A.S. dưới tựa đề *A Buddhist Manual of Psychological Ethics*.

(2)- Do P.T.S. xuất bản.

(3)- DhsA. 4.

(4)- D.iii, kinh số 33.

(5)- Mbv. 94.

(6)- Mhv. v. 278; Dpv. vii. 41, 56-8.

(7)- ThigA. 135.

Bộ Kathāvatthu gồm 23 chương, ghi chép các quan điểm của 18 (hay 20 tông phái) đương thời không thuộc bộ phái Theravāda (Trường lão bộ), đồng thời ghi chép quan điểm của Theravāda đối với những quan điểm không đúng truyền thống của các bộ phái trên.

Như vậy, bộ này là những tư liệu để những ai muốn tìm hiểu sự hình thành của các bộ phái, các quan điểm dị đồng và các tranh luận không thể tránh khỏi giữa các bộ phái.

Ngoài ra, bộ Kathāvatthu còn có những tư liệu quý giá về sự sai biệt giữa các bộ phái Phật giáo⁽¹⁾.

Bản Sớ giải Udāna (Cảm hứng ngữ) có tham khảo Kathāvatthuppakaraṇa - Tīkā về một số chi tiết⁽²⁾.

***Madhupiṇḍikasutta (Kinh Mật hoàn)⁽³⁾.**

Gāy cām tay (Daṇḍapānī) là một Sakka, đi đến hỏi Đức Thế Tôn: “Samôn Gotama chủ trương gì?”. Đức Thế Tôn dạy: “Như Lai dạy: không tranh luận với bất cứ ai, vì các tướng (nhận thức) không còn ám ảnh vị Balamôn sống không có tham dục, hoài nghi, trạo hối, không có tham ái đối với hữu hay phi hữu”.

Daṇḍapānī lắc đầu nhăn mặt, trên trán lộ ba nếp nhăn rồi bỏ đi.

Vào buổi chiều, nơi Giảng pháp đường, Đức Thế Tôn dạy các Tỳkhuu vẫn tắt rằng: “Này các Tỳkhuu, không nên chấp trước các hý luận, vọng tưởng để các bất thiện được tiêu diệt không có dư tàn”. Rồi Đức Thế Tôn đi vào Hương thất.

Các Tỳkhuu cung thỉnh Ngài Mahākaccāna giảng rộng lời dạy vẫn tắt của Đức Thế Tôn. Ngài Mahākaccāna giảng rộng như sau:

“Do có xúc (là sự hội tụ của vật - cảnh trần - thức) nên có thọ; do thọ có tưởng; do tưởng có suy tầm; do suy tầm có hý luận khởi lên.

Do nhân hý luận ấy, một số vọng tưởng ám ảnh con người.

Nếu không có xúc thì không có thọ; không có thọ thì không tưởng; không tưởng thì không suy tầm; không suy tầm thì không hý luận vọng tưởng. Không hý luận vọng tưởng thì không có đấu tranh và các ác bất thiện pháp (tham, sân, si, mạn, nghi, kiến, hữu tham) được tiêu diệt không có dư tàn”.

Các Tỳkhuu trình lại với Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn tán thán Ngài Mahākaccāna là bậc Đại tuệ và dạy các Tỳkhuu rằng:

- Này các Tỳkhuu, nếu các người hỏi Như Lai, Như Lai cũng chỉ trả lời như con của Như Lai mà thôi.

Ngài Ānanda tán thán lời dạy của Phật và so sánh với miếng bánh mật mà người đang đói bắt được.

Đức Phật dạy lấy tên bài kinh này là Kinh Mật Hoàn (Madhupiṇḍika sutta). Nam tử Nāgita có mặt lúc Phật giảng Madhupiṇḍika Sutta, xin gia nhập Tăng Đoàn, về sau đắc Thánh quả Alahán⁽⁴⁾.

***Daṇḍapānī.**

Là Thích tử sinh ở Devadaha, ông là con của vua Añjana và bà Hoàng Yasodharā, em của vua Suppabuddha (Thiện Giác), anh của bà Hoàng Māyā và bà Hoàng Pajāpati.

Như vậy Daṇḍapānī là chú ruột của Tôn giả Devadatta, là cậu của Bôtát Siddhattha; Daṇḍapānī là người ủng hộ Tôn giả Devadatta..

Theo Mahāvastu (Đại sự), bà Rāhulamātā là ái nữ của Daṇḍapānī⁽⁵⁾.

(1)- Xem Lời Tựa rất có giá trị của *Points of Controversy* của Bà Rhys Davids, vii ff. Xem thêm Rhys Davids về “Questions discussed in the Kathāvatthu,” *J.R.A.S.* 1892.

(2)- UdA. 94.

(3)- M.i. Kinh số 18.

(4)- ThagA.183.

(5)- MT. 137; Rockhill: p. 20.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) giải thích: “Ông được gọi là Daṇḍapānī vì lúc nào cũng cầm cây gậy vàng trên tay và là đệ tử của Tôn giả Devadatt”⁽¹⁾.

6- *Yamaka (Song đối)*.

Gọi là *Song đối* vì mang tính chất hỏi xuôi rồi hỏi ngược, như:

“Sắc uẩn đang sinh với người nào thời thọ uẩn sẽ sinh với người ấy phải chăng?”

Hay là: “Thọ uẩn đang sinh với người nào thời sắc uẩn sẽ sanh với người ấy phải chăng?”.

Bộ này có 10 chương hay 10 *yamaka* (song đối) là: Mūlayamaka (Căn song), Khandhayamaka (Uẩn song), Āyatana (Xứ song), Dhātuyamaka (Giới song), Saccayamaka (Đế song), Saṅkhārayamaka (Hành song), Anusayayamaka (Tùy miên song), Cittayamaka (Tâm song), Dhammayamaka (Pháp song) và Indriyayamaka (Quyền song).

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có viết Bản Sớ giải về bộ này là Pañcappakaraṇaṭṭhakathā.

7 - *Paṭṭhāna (Vị trí)*.

Là bộ cuối cùng của Tạng Thắng pháp.

Nội dung bộ này được trình bày theo bốn luận cứ, mỗi luận cứ được phân tích theo sáu phạm trù và có 32.308 vị trí.

Mỗi vị trí được phân tích theo 24 duyên (paccaya), mỗi duyên được trình bày theo ba khía cạnh: Pháp năng duyên, pháp sở duyên và pháp nghịch duyên.

Ngài Buddhaghosa có viết Bản Sớ giải bộ Paṭṭhāna theo yêu cầu của trưởng lão Culla Buddhaghosa.

Trở lại với Đức Phật; Đức Phật chi hiện khởi trong kiếp trụ (vivaṭṭamānakappa) và trong nhánh tuổi thọ giảm dần⁽²⁾.

Ngoài 9 hồng danh của Chư Phật là: Arahaṃ (Alahán), Sammāsambuddho (Chánh đẳng giác), Vijjācaraṇasampanno (Minh hạnh túc), Sugato (Thiện thế), Lokavidū (Thế gian giải), Anuttaro purisadammasārathi (Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu), Satthā devamanussānaṃ (Thiên nhân sư), Buddho (Phật) Bhagavā (Thế Tôn); người đương thời gọi Đức Phật bằng nhiều danh hiệu khác như: Samaṇa (Samôn), Brahmaṇa (Bàlamôn), Vedagū (Chánh trí), Bhisaka (Dược sư), Nimmala (Ly cấu), Vimāla (Vô nhiễm), Nāṇī (Hữu trí) và Vimutta (Bậc giải thoát)⁽³⁾. Nhiều người khác gọi ngay tộc họ của Ngài là Samôn Gotama.

Ngài Buddhaghosa có nêu thêm 7 danh hiệu nữa là: Cakkhumā (Bậc hữu nhãn), Sabbabhūtanukampī (Tối thượng tôn), Vihātaka (Bậc phá ác), Mārasenappamaddī (Bậc Thắng ma), Vusitavā (Bậc Bảo hộ), Vimutto (Bậc Giải thoát) và Aṅgīrasa (Bậc Chiến thắng)⁽⁴⁾.

Riêng Đức Thế Tôn, Ngài tự xưng Là Tathāgato (Như Lai), môn đệ của Ngài gọi Ngài là Bhagavā (Đức Thế Tôn), ngoài ra hàng đệ tử còn tôn xưng Đức Thế Tôn là: Sakka (hay Sakāya)⁽⁵⁾, Brahma (Pṇạm thiên)⁽⁶⁾, Mahāmui (Đại ẩn sĩ)⁽⁷⁾ và Mahā Yakkha (Đại Uy lực) ⁽⁸⁾.

Một trong những nét đặc thù của Đức Thế Tôn là thường tỉnh lặng với sự độc cư⁽⁹⁾, Ngài tán thán sự tịnh lạc (paṭissallāna)⁽¹⁰⁾.

(1)- MA. i. 298.

(2)- Sn.i, 51.

(3)- A. iv. 340.

(4)- DA.iii, 962.

(5)- Sn. vs. 345.

(6)- Sn. p. 91; SnA. ii. 418.

(7)- BuA. 38.

(8) - M. i. 386; xem thêm KS. i. 262..

(9)- D. i. 178 .

(10)- D. ii. 70; A. iv. 438 ; S. v. 320...

Khi Đức Thế Tôn sống tinh lặng chỉ có một vị Tỳkhuu mang vật thực đến cho Ngài mà thôi⁽¹⁾.

Chính vì cách sống tinh lặng này, các ngoại giáo đã xuyên tạc Đức Thế Tôn rằng: “Samôn Gotama luận đàm với ai? Đối thoại với ai? Với ai đạt được trí tuệ? Trí tuệ của Sa môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ. ... Samôn Gotama như con bò một mắt, đi vòng tròn và chỉ đi phía bên ngoài, không giỏi điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến vấn đề ngoại biên”⁽²⁾.

Các vị Thánh đệ tử của Đức Thế Tôn cũng thường độc cư tinh lặng như vậy⁽³⁾.

Am thất của Đức Thế Tôn được gọi là Hương thất (Gandhakūṭi), dấu chân của Đức Thế Tôn được gọi là *Padacetiya* và chỉ được thấy khi Phật muốn cho thấy, nhưng khi đã hiển lộ rồi thì không phai; có khi chỉ một người thấy được mà thôi⁽⁴⁾.

Truyền thuyết nói rằng: “Với hạnh đại bi của Ngài, trong tâm mắt của Ngài, không một chúng sinh nào bị tai hại”⁽⁵⁾.

Tuy Đức Phật không cần thiết được tán thán nhưng nếu lời tán thán được bạch, Ngài không cảm thấy bị xúc phạm⁽⁶⁾.

Lúc Phật an toạ, không có ai có thể đi qua trên đầu Ngài⁽⁷⁾.

Đức Thế Tôn thường nhận lời đến nhận vật thực với người nghèo khổ hơn với người giàu sang⁽⁸⁾.

Còn vô số điều về Đức Phật, xin độc giả hãy tìm hiểu thêm.

A- Ân sĩ Sumedha.

1- Đời sống gia chủ.

Cách hiền kiếp này trở về trước 4 atăngkỳ và 100 ngàn kiếp trái đất. Kiếp trái đất này có bốn vị Chánh giác xuất hiện, được gọi là *sāramaṇḍakappa*.

Ba vị Phật lần lượt xuất hiện trên thế gian là: Đức Phật Taṇhaṅkara, Đức Phật Medhaṅkara và Đức Phật Saranaṅkara, tiền thân của Đức Phật Gotama, tuy có được hội kiến với ba vị Phật này để tạo thiện nghiệp, nhưng Ngài chưa được thọ ký là vị Chánh giác trong tương lai.

Vào thời Đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng) xuất hiện trên thế gian, tiền thân của Đức Phật Gotama là Bàlamôn Sumedha ở kinh thành Amaravatī.

Theo Mahābodhivaṃsa (Đại giác sử), kinh thành này có tên là Amara vì là nơi cư trú của những người giống như thiên thần (ám chỉ những người có đại tài sản)⁽⁹⁾.

Bàlamôn Sumedha tinh thông ba tập Veda (Vệ đà), là nhà chuyên về phúng tụng, nắm vững chú thuật, thông thạo khoa tướng số, truyền thuyết và các phận sự chủ yếu của giai cấp Bàlamôn.

Sau khi cha mẹ mệnh chung, Bàlamôn Sumedha thừa hưởng đại tài sản. Một lần nọ, Bàlamôn Sumedha thiền tịnh trên tầng 7 của tòa lầu đài của mình. Sau khi xả thiền, Ngài suy nghĩ: “Sự tái sinh, già, bệnh là khổ, ta nên tìm đạo lộ để thoát ra già bệnh chết. Hay ta nên từ bỏ tấm thân hôi thối chứa đầy những vật nhơ bẩn này, trở thành người không vướng bận, không mong mỏi”. Rồi những ý nghĩ sau đây phát sinh đến Ngài:

1- Đạo lộ ấy chắc chắn phải có và sẽ xuất hiện. Đạo lộ ấy không thể không có nguồn gốc. Ta sẽ tìm ra đạo lộ ấy để giải thoát hoàn toàn đau khổ.

(1)- D. ii. 270.

(2)- D.iii,38.

(3)- D. iii. 37.

(4)- Dhpa. iii. 194.

(5)- SnA. ii. 475.

(6)- ThagA. ii. 42.

(7)- SnA. i. 222.

(8)- Dhpa. ii. 135.

(9)- Mbv. P.2.S

2- Khi đau khổ được thấy thì sự diệt khổ cũng được tìm thấy, đó là điều đáng mong mỏi.

3- Như có khí nóng phải có khí lạnh để dập tắt khí nóng, khi có điều ác phải có điều thiện để diệt trừ. Cũng vậy, khi có đau khổ, phải có con đường diệt đau khổ; đã có sự sinh phải có con đường diệt tái sinh.

2- Ví như người rơi vào đồng rác nhơ bẩn, người ấy nhìn thấy hồ nước trong sạch với những cánh hoa sen đỏ, trắng, xanh nở xinh đẹp. Người ấy không đi đến hồ sen trong sạch tắm rửa, đó không phải là lỗi của hồ sen, lỗi là chính người ấy.

3- Như người bị bọn cướp bao vây, có con đường thoát hiểm; nhưng người ấy không tìm con đường thoát hiểm, đó là lỗi của người ấy, không phải là lỗi con đường thoát hiểm.

4- Như người bị trọng bệnh, vị lương y được tìm thấy, người bệnh không tìm đến vị lương y để trị bệnh. Đó không phải là lỗi của vị lương y.

5- Như người rủ bỏ xác chết đang đeo nơi cổ, có thể sống tự tại an lạc. Cũng vậy, khi từ bỏ tấm thân đầy thể trước này, ta có thể thành người không vướng bận, không mong cầu

6- Như người nam hay nữ bỏ phần nơi nhà xí rồi ra đi không vướng bận, không mong cầu. Cũng vậy, khi từ bỏ tấm thân đầy thể trước này, ta có thể thành người không vướng bận, không mong cầu

7- Như người chủ thuyền quăng bỏ con thuyền cũ kỹ, đầy rò rỉ, ra đi không vướng bận, không mong cầu. Cũng vậy, khi từ bỏ tấm thân đầy thể trước này, ta có thể thành người không vướng bận, không mong cầu.

8- Như người mang hàng hóa đi chung đường với bọn cướp. Sau khi nhận ra bọn cướp, người ấy tách ra đi, không vướng bận không mong cầu. Cũng vậy, thân này ví như bọn cướp, khi từ bỏ tấm thân đầy thể trước này, ta có thể thành người không vướng bận, không mong cầu.

Sau khi suy nghĩ như thế, Balamôn Sumedha đi đến xin gặp Đức vua, thưa rằng:

- Thưa Đại vương, ý nguyện của tôi là được xuất gia làm ẩn sĩ. Do vậy, số tài sản của tôi, tôi xin dâng đến Đại vương.

- Nay Sumedha, ta không cần đến tài sản của ngươi.

- Thưa Đại vương, như vậy tôi sẽ làm gì với tài sản này?

- Đó là tài sản của ngươi, ngươi muốn làm gì tùy ý.

Balamôn Sumedha cho đánh trống truyền ra khắp thành Amaravatī rằng: “Balamôn Smedha sẽ bố thí hết tài sản của mình trong vòng 7 ngày. Ai cần vật gì cứ đến lấy”.

2- Xuất gia.

Sau khi bố thí hết tài sản của mình, Balamôn Sumedha xuất gia làm ẩn sĩ tóc bện (Jātilamuni), đến núi Dhammaka tu tập.

Vua trời Sakka sai vị thiên thần kiến trúc Vissakamma xây dựng cho ẩn sĩ Sumedha một khu ẩn xá, tạo ra con đường kinh hành không có khuyết điểm, nơi đây ẩn sĩ Sumedha đạt được năng lực của thắng trí do hội đủ tám đức tính. Như có Pāli sau:

29- Caṅkamaṃ tattha māpesiṃ; pañcadosavivajjitaṃ.

Aṭṭhagaṇasamūpetam; abhiññābalaṃ māharim.

“Đường kinh hành được tạo ra; không có năm khuyết điểm.

Hội đủ tám đức tính; ta thành tựu thắng trí lực”⁽¹⁾.

Bản Số giải Lịch sử chư Phật có giải thích⁽²⁾,

(1)- Bu. ii, 29.

(2)- BuA. 75-6.

- Ngọn núi này có tên là Dhammaka, vì là nơi ẩn cư của những vị Samôn thực hành pháp của những vị Phật tiền nhiệm.

- Con đường kinh hành có 5 khuyết điểm là:

- a- Gồ ghề, không bằng phẳng.
- b- Có nhiều cây lớn án ngữ con đường.
- c- Bên trong con đường có những bụi cây.
- d- Quá hẹp.
- đ- Quá rộng.

Con đường kinh hành lý tưởng là: Dài 60 ratana (1 ratana # 0,5m; kể từ đầu ngón tay giữa đến cùi chỏ, thường dịch là *hắc tay*), có ba lối đi. Lối đi giữa rộng 1,5 ratana (# 0,75 m), hai bên là hai lộ phụ, mỗi lộ phụ rộng 1 ratana (#0,5m).

- Tám đức tính là: Tâm được định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không bợn nhơ, dứt khỏi các tùy phiền não, nhu nhuyễn, vững vàng, bất động.

Một số Giáo thọ sư giải thích 8 đặc tính đó là:

- Không có sở hữu tài sản⁽¹⁾.
- Tìm vật thực vô tội.
- Dùng vật thực thanh tịnh⁽²⁾.
- Không bị áp lực của quốc độ⁽³⁾.
- Không tham muốn vật dụng sang trọng.
- Không sợ trộm cướp đoạt tài sản.
- Không sống gần với vua quan.
- Thông dong tự tại⁽⁴⁾.

Ấn sĩ Sumedha bỏ chiếc y bằng vải sang trọng vì nhận ra chúng có 9 khuyết điểm, Ngài đắp y vỏ cây có 12 đức tính, như có Pāli sau.

30- Sāṭakam pajahim tattha; navadosamupāgatam.

Vākacīram nivāsesim; dvādasaguṇamupāgatam.

“Nơi đây, ta ném bỏ y choàng; có 9 điều lâm lỗi.

Đắp y phục vỏ cây; có 12 đức tính”⁽⁵⁾.

Bản Số giải có giải thích:

**Chín lỗi của chiếc y bằng vải tốt:*

- 1- Có giá trị.
- 2- Phụ thuộc vào người khác.
- 3- Mau dơ phải giặt, phải nhuộm màu.
- 4- Bị cũ kỹ phải may vá lại.
- 5- Khó tìm kiếm được.
- 6- Không thích hợp với bậc xuất gia.
- 7- Bị kẻ nghịch chỉ trích.
- 8- Phải gìn giữ.
- 9- Khi mặc vào đi đường dễ phát sinh dục vọng⁽⁶⁾.

**Mười hai đặc tính tốt của y vỏ cây:*

- 1- Ít có giá trị.
- 2- Không phụ thuộc người khác.
- 3- Có thể tự làm lấy.
- 4- Không cần may vá khi bị hư.
- 5- Không sợ trộm cắp.
- 6- Khi có nhu cầu dễ thực hiện.

(1)- JA.v, 252.

(2)- JA.v, 253 giải thích: “Dùng vật thực như người chủ, ám chỉ sự thọ dụng vật thực của vị Thánh Alahán”.

(3)- Ám chỉ không bị đóng thuế cho Đức vua

(4)- JA.v, 254 giải thích: “Các Ngài muốn đi đến nơi nào cũng được, không bị dính mắc, ràng buộc”.

(5)- Bu.ii, 30.

(6)- BuA. 76.

- 7- Thích hợp cho ẩn sĩ.
- 8- Không được xem là vật rang sức.
- 9- Có ước muốn nhỏ nhoi về y phục.
- 10- Có sự thoải mái khi sử dụng.
- 11- Vỏ cây có được dễ dàng.
- 12- Có được trạng thái thân nhiên khi bị mất y phục vỏ cây⁽¹⁾.

Ẩn sĩ Sumedha đi vào trú ngụ trong thảo am, vào buổi sáng Ngài thức dậy sớm, suy gẫm về sự xuất gia của Ngài như vậy: “Ta từ bỏ đời sống gia đình như từ bỏ nước bọt được nhổ ra, từ bỏ mọi lạc thú thế gian như từ bỏ những tiếng kêu leng keng của những chiếc vòng vàng tinh chế làm sáng khoái tâm người nghe. Ta đến rừng sâu, nơi không có những điều xấu xa của kinh thành, ta từ bỏ những lâu đài sang trọng nơi kinh thành.

Nhưng ta lại trú trong thảo am này, như ngôi nhà thứ hai của ta; ngôi nhà có 8 khuyết điểm ta nên từ bỏ thảo am này, đến sống nơi cội cây có 10 đức tính là điều tốt đẹp nhất”. Như có Pāli.

31- Aṭṭhadosasamākiṇṇaṃ; pajahiṃ paṇṇasālakaṃ.

Upāgamiṃ rukkhamaḷaṃ; gūṇe dasahupāgataṃ.

“Am thất có 8 khuyết điểm; ta từ bỏ am thất ấy.

Đến trú ngụ nơi cội cây; có 10 đặc tính tốt”⁽²⁾.

Bản Số giải có giải thích như sau:

**Tám khuyết điểm của am thất.*

- 1- Thành tựu được do nhiều công sức,
- 2- Thường xuyên phải quan tâm đến cỏ, lá, đất sét ..., nên tâm không ổn định.

3- Bị hư cũ khiến tâm không định tĩnh (vì phải lo tu bổ).

4- Cơ thể dễ suy nhược vì bị ngăn với thời tiết bên ngoài.

5- Nơi che dấu điều xấu xa (vì nghĩ khi vào nhà rồi, không ai nhìn thấy).

6- Phải gìn giữ.

7- Có nhiều chúng sinh cùng trú ngụ.

8- Là nơi có các độc trùng cùng trú⁽³⁾.

* *Mười đặc tính tốt khi trú ngụ ở cội cây.*

1- Tìm được chỗ trú ngụ dễ dàng,

2- Không bị khiển trách.

3- Dễ quán xét vô thường (khi lá cây thay đổi màu hoặc rơi rụng).

4- Không có bôn xên chỗ trú ngụ⁽⁴⁾.

5- Không thuận tiện làm điều xấu vì trống trải.

6- Không cần phải gìn giữ.

7- Được cộng trú với thiên nhân (ám chỉ nơi đó có vị thần cây).

8- Từ bỏ có mái che.

9- Sống an lạc vì không phải lo mất chỗ ngụ.

10- Khi mất chỗ ngụ, tìm nơi khác dễ dàng⁽⁵⁾.

Ẩn sĩ Sumedha quyết định từ bỏ am thất đến ngụ nơi gốc cây.

Sáng hôm ấy, ẩn sĩ Sumedha đi vào làng khất thực, thôn dân cúng dường Ngài nhiều loại vật thực thượng vị.

⁽¹⁾- BuA. 76-7.

⁽²⁾- Bu. ii, 31.

⁽³⁾- BuA. 77

⁽⁴⁾- Có 5 pháp bôn xên (macchariya) là: Bôn xên chỗ ở (āsavāsamacchariya), bôn xên thân tộc (kūlamacchariya), bôn xên lợi lộc (lābhamacchariya), bôn xên danh tiếng (vaṇṇamacchariya), bôn xên pháp (dhammacchariya) (D.iii, 234; A.iii, 271; Vbh. 357.)

⁽⁵⁾- BuA, 77.

Khi thọ thực xong ẩn sĩ Sumedha trở về nơi gốc cây, suy nghĩ rằng: “Ta xuất gia không phải vì nghèo đói để đi tìm vật thực nuôi sống. Tốt nhất ta nên dùng lá cây rừng, trái cây rừng để nuôi sống và thực hành thiền tịnh, tìm cầu pháp giải thoát”.

Và Ngài quyết định chỉ sống bằng trái cây rừng rơi rụng hoặc bằng lá cây rừng. Ẩn sĩ Sumedha tinh tấn thực hành thiền tịnh, từ bỏ oai nghi năm, chỉ 7 ngày sau Ngài chứng đạt 8 thiền chứng cùng 5 thắng trí phàm.

3- Được thọ ký.

Mãi mê an trú trong thiền lạc nên 32 điều kỳ diệu cùng trái đất rung chuyển với bốn trường hợp: Giáng sinh vào thai bào, ra khỏi thai bào, thành đạo và Chuyển pháp luân của Đức Chánh giác Dīpaṅkara, ẩn sĩ Sumedha hoàn toàn không hay biết chi cả. Như có Pāli.

35- Uppajjante ca jāyante; bujjhante dhammadesane.

Caturo nimitte nāddasaṃ; jhānaratisamappito.

“Giáng sinh và sinh ra; thành đạo rồi giáng pháp.

Ta không biết bốn hiện tượng này; vì thỏa thích chìm đắm trong thiền”⁽¹⁾.

Khi ấy Đức Thế Tôn Dīpaṅkara (Nhiên Đăng) cùng với 400 ngàn vị Thánh Alahán du hành đến thành Rammavatī, trú ngụ nơi đại tự Sudassana.

Nghe tin Đức Thế Tôn Dīpaṅkara cùng 400 ngàn vị Tỳkhuu đến trú ngụ nơi Đại tự Sudassana, cư dân thành Rammavatī cung thỉnh Đức Thế Tôn Dīpaṅkara cùng 400 ngàn vị Thánh Alahán nhận vật thực do cư dân thành Rammavatī cúng dường, Đức Thế Tôn Dīpaṅkara im lặng nhận lời.

Cư dân thành Rammavatī kiến tạo một khánh đường lớn trong kinh thành, trang hoàng khánh đường thật xinh đẹp với các hương hoa đủ loại.

Vào sáng tinh sương hôm ấy, đại chúng cùng nhau đắp bằng phẳng con đường lớn từ Đại tự Sudassana đến khánh đường để Đức Thế Tôn Dīpaṅkara cùng các vị Tỳkhuu ngự đi. Cư dân rải cát trắng như ngọc trai mịn lên những đoạn đường được làm bằng phẳng.

Bấy giờ, ẩn sĩ Sumedha đang du hành trên hư không, nhìn thấy cư dân thành Rammavatī đang cùng nhau đắp đường, từ hư không hạ xuống, Ngài đi đến hỏi các cư dân rằng:

- Nay các người, các người đang đắp đường hăng say vui thích như vậy, vì lợi ích đến ai?

- Thưa Ngài ẩn sĩ Sumedha, Đức Thế Tôn Dīpaṅkara đã ngự đến kinh thành này, Đức Phật cùng 400 ngàn vị Tỳkhuu đang trú ngụ nơi Đại tự Sudassana. Chúng tôi có thỉnh Đức Phật cùng chư Tỳkhuu đến thọ thực do chúng tôi cúng dường, nên chúng tôi đắp con đường cho bằng phẳng để các Ngài ngự đi.

Nghe từ Đức Phật, trong tâm ẩn sĩ Sumedha trào dâng niềm phi lạc vô biên, miệng bật ra tiếng tán dương: Ồ ! Đức Phật, ồ ! Đức Phật.

Ẩn sĩ Sumedha suy nghĩ: “Ta nên gieo hạt giống tốt nơi mảnh ruộng màu mỡ là ân đức Phật. Thật khó có cơ hội được gặp Đức Phật trên thế gian”.

Ẩn sĩ Sumedha xin đại chúng cho Ngài góp sức vào việc đắp đường này, đại chúng thấy Ngài là một ẩn sĩ có thần lực nên giao cho Ngài đoạn đường lầy lội, chông gai nhất. Ẩn sĩ suy nghĩ: “Nếu ta dùng thần thông thì chẳng phải là thiện nghiệp lớn, ta phải tự mình làm công hạnh này”.

Ẩn sĩ đắp con đường lầy lội nhiều chông gai bằng năng lực từ thân, ẩn sĩ tự thân lấy đất đá từ xa mang lại.

Khi đến giờ thọ thực, đại chúng cử người đến cung thỉnh Đức Thế Tôn Dīpaṅkara cùng các Tỳkhuu rằng:

⁽¹⁾- Buv. ii, 35.

- Bạch Thế Tôn, vật thực đã sẵn sàng, đã đến giờ nhận vật thực. Kính thỉnh Thế Tôn và chư Tăng đến Khánh đường nhận vật thực.

Đức Thế Tôn cùng 400 ngàn Tỳkhuu ngự đi nhận vật thực, khi Đức Thế Tôn Dīpaṅkara đến đoạn đường của ẩn sĩ Sumedha đảm trách. Nhìn thấy kim thân Phật với các đại nhân tướng. có vàng hào quang xinh đẹp tỏa ra nhiều sai tay, đang từ xa tiến đến đoạn đường của mình đảm nhận.

Ẩn sĩ Sumedha suy nghĩ: “Hôm nay dù phải hy sinh mạng sống để cúng dường đến Đức Thế Tôn, ta cũng hài lòng. Ta đừng để Đức Thế Tôn phải dẫm lên bùn nhơ”.

Đoạn đường mà ẩn sĩ Sumedha đảm nhận còn một đoạn chưa làm xong, ẩn sĩ Sumedha liền trái tẩm y bằng vỏ cây đặt lên lớp bùn, rồi trái lớp da Sơn dương đen lên trên y vỏ cây, dùng thân mình lấp ngang vững bùn như chiếc cầu bắt ngang con rạch, rồi bạch rằng:

-Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài và các vị đệ tử hãy ngự lên người con đi qua đoạn đường này, để con có được sự lợi ích”.

4- Phát nguyện thành bậc Chánh giác trong tương lai.

Trong khi nằm úp mặt trên đất, một tư tưởng sau đây phát sinh đến ẩn sĩ tóc bện Sumedha rằng: “Nếu muốn, chính hôm nay ta có thể trở thành vị Alahán, diệt trừ mọi ô nhiễm trong tâm, nhưng có ích lợi gì khi chứng đắc Alahán mà không có danh tiếng, ta nên thành tựu địa vị Vô thượng Chánh giác. Sự chứng đắc Alahán chỉ mang lại lợi ích cho riêng ta, sự thành tựu Vô thượng Chánh giác sẽ mang lại lợi cho cả nhân thiên, vậy ta nên phát nguyện thành bậc Chánh giác trong tương lai như Đức Thế Tôn Dīpaṅkara ”.

Khi Đức Thế Tôn đi qua đoạn đường ấy, Ngài đứng trước đầu của ẩn sĩ tóc bện Sumedha, ẩn sĩ Sumedha phát nguyện rằng: “Do công hạnh con cúng dường thân đến Đức Thế Tôn, xin con thành tựu Vô Thượng Chánh giác trong tương lai”.

Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thấy rằng: “Ẩn sĩ này hội đủ những yếu tố để thành tựu địa vị Chánh giác. Bao giờ ước nguyện này trở thành hiện thực?”. Đức Thế Tôn Dīpaṅkara đưa Vị lai trí quán xét, rồi Ngài tuyên bố trước đại chúng với 9 kệ ngôn rằng:

61- Passatha imamaṃ tāpasam; jaṭilaṃ uggatāpanam.

Aparimeyyito kappe; buddho loke bhavissati.

“Hãy nhìn người Đạo sĩ tóc bện, thực hành khổ hạnh cao tột.

Sau vô lượng kiếp tính từ kiếp này, vị ấy sẽ thành vị Phật trong thế gian”.

62- Ahu kapilavhayā rammā; nikkhamitvā tathāgato.

Padhānam padahitvāna; katvā dukkarakārikam.

“Khi từ bỏ thành Kapila xinh đẹp; trước khi thành Đức Như Lai.

Vị ấy nỗ lực tinh cần; thực hành khổ hạnh không ai bì”.

63- Ajapālarukkhamūlasmim; nisīditvā tathāgato.

Tattha pāyāsam paggayha; nerañjaramupehiti.

“Nơi cội cây của những người chăn dê; Đức Như Lai ngồi nơi ấy.

Thọ nhận bát cơm sữa; rồi đi đến sông Nerañjara”.

64- Nerañjarāya tīramhi; pāyāsam ada so jino.

Paṭiyattavaramaggena; bodhimūlamupehiti.

“Nơi bờ sông Nerañjara; bậc Chiến thắng thọ dụng cơm sữa.

Rồi tiếp tục ra đi; đến cây Giác ngộ theo con đường dọn sẵn”.

65- Tato padakkhiṇam katvā; bodhimaṇḍam anuttaro;

Assattharukkhamūlamhi; bujjhissati mahāyaso.

“Sau khi đi vòng quanh cội cây; Dấng Vô thượng sĩ đạt giác ngộ.

Nơi cội cây Assatha; đạt đại danh tiếng bậc đã Giác ngộ”.

66- Imassa janikā mātā; māyā nāma bhavissati.

Pitā suddhodano nāma; ayam hessati gotamo.

“*Người mẹ sinh ra vị này, tên là Māyā.
Người cha tên là Suddhodan, vị này là Gotama*”.

67- Anāsavā vītarāgā; santacittā samāhitā.

Kolito upatisso ca; aggā hessanti sāvaka.

Ānando nāmapatthāko; upatthissatimam jinaṃ.

“*Không còn ô nhiễm, diệt trừ tham ái; tâm an tịnh, định tinh.*

Kolita và Upatissa; sẽ là hai vị chiến thắng tối thắng”.

Vị thị giả tên là Ānanda; là người phục vụ bậc Chiến thắng”.

68- Khemā uppalavaṇṇā ca; aggā hessanti sāvika.

Anāsavā vītarāgā; santacittā samāhitā;

Bodhi tassa bhagavato; assatthoti pavuccati.

“*Khemā và Uppalavaṇṇā; là hai nữ tinh văn tối thắng.*

Không còn ô nhiễm, diệt trừ tham ái; tâm an tịnh, định tinh.

Đức Thế Tôn giác ngộ nơi, cội cây được gọi là Assatha.

69- Citto ca hatthālavako; aggā hessantupatthakā.

Uttarā nandamātā ca; aggā hessantupatthikā”.

“*Citta và Hatthālavaka; là hai cận sự nam tối thắng.*

Uttarā và Nanda mātā là hai cận sự nữ tối thắng”⁽¹⁾.

Sau lời tiên tri của Đức Phật Dīpaṅkara, chư thiên nhân loại hoan hỷ tán thán “sādhū, sādhū” vang dội, khi ấy xuất hiện 32 điều kỳ diệu (như khi Bồ tát sinh ra khỏi thai bào). Chư thiên và nhân loại tung những cánh hoa xinh đẹp, thơm ngát cúng dường đến ẩn sĩ Sumedha.

***Nàng Sumittā.**

Trong hội chúng có nàng thiếu nữ Balamôn tên là Sumittā, nghe lời tiên tri của Đức Thế Tôn Dīpaṅkara, nàng suy nghĩ: “Chư Phật không hai lời, chắc chắn vị ẩn sĩ tóc bện này sẽ thành bậc Chánh giác trong tương lai”.

Nàng Sumittā nhìn ẩn sĩ Sumedha với một niềm thương mến dạt dào, nàng muốn dâng cho ẩn sĩ món gì đó, nhưng nàng chỉ có 8 cánh hoa sen trên tay, nàng Sumittā thưa với ẩn sĩ Sumedha rằng:

- Thưa ẩn sĩ, con cúng dường Ngài 5 cánh hoa sen để Ngài dâng đến Đức Phật, còn con sẽ dâng Đức Phật ba cánh hoa sen còn lại.

Nàng dâng cho ẩn sĩ Sumedha 5 cánh hoa sen, rồi ước nguyện rằng:

Thưa ẩn sĩ, trải qua suốt thời gian thực hành pháp độ của Ngài để thành tựu Vô thượng Chánh giác. Con nguyện sẽ là người cộng tác trong cuộc đời Ngài.

Ẩn sĩ Sumedha nhận 5 cánh hoa sen từ tay nàng Sumittā, cúng dường đến Đức Phật Dīpaṅkara.

Đức Thế Tôn Dīpaṅkara quan sát diễn tiến khởi lên giữa nàng Sumittā và ẩn sĩ Sumedha, Ngài tiên tri rằng:

- Nay Sumedha, thiếu nữ Sumittā này sẽ tham dự vào cuộc đời người, sẽ là người công tác không kém gì nhiệt tình của người, để giúp người thành tựu Phật quả. Nàng sẽ khiến người hoan hỷ trong từng hành động, lời nói và ý tưởng.

Rồi Đức Thế Tôn Dīpaṅkara cùng đại chúng ra đi hướng về kinh thành Rammavati.

Khi đại chúng đi khuất tầm nhìn, Bồ tát Sumedha ngồi dậy trên đồng hoa với tâm tư dạt dào niềm hoan, Ngài có cảm giác Vô thượng Chánh giác sẽ được thành tựu trong nay mai.

5- Quán xét các pháp độ.

Bồ tát Sumedha ngồi kiết già trên đồng hoa, Ngài quán xét rằng:

- Chư Phật không bao giờ nói hai lời hoặc nói lời vô ích. Chắc chắn ta sẽ thành bậc Chánh giác trong tương lai.

⁽¹⁾- Bu. ii, 61-9.

*Như viên đá được ném lên hư không, phải rơi trở lại đất. Cũng vậy, lời chư Phật luôn trở thành hiện thực, chắc chắn ta sẽ thành Chánh giác trong tương lai.

*Như chúng sinh sinh ra tất phải chết. Cũng vậy, lời chư Phật luôn trở thành hiện thực, chắc chắn ta sẽ thành Chánh giác trong tương lai.

*Như màn đêm tàn thì ánh thái dương ló dạng. Cũng vậy, lời chư Phật luôn trở thành hiện thực, chắc chắn ta sẽ thành Chánh giác trong tương lai.

*Như Sư tử vương ra khỏi hang sẽ rống lên tiếng rống. Cũng vậy, lời chư Phật luôn trở thành hiện thực, chắc chắn ta sẽ thành Chánh giác trong tương lai.

***Bồ tát Sumedha tự tìm thấy 10 pháp Balamật.**

1'- Bồ thí Balamật (dānapāramī).

Sau khi suy nghiệm, tin chắc lời tiên tri của Đức Chánh giác Dīpaṅkara thành hiện thực trong tương lai, Bồ tát Sumedha suy nghĩ: “Để trở thành vị Chánh giác ta cần phải tu tập pháp gì trước tiên?”

Bồ tát trầm ngâm suy gẫm, phân tích các thiện pháp mà Ngài từng biết, Ngài khám phá ra rằng: Pháp đầu tiên là bồ thí Balamật (dānapāramī), pháp này ví như đại lộ dẫn đến kinh thành trừ mật đó là quả Chánh giác.

Khi quán xét pháp Bồ thí với nhiều khía cạnh, một ví dụ sau đây khởi lên cho Bồ tát.

*Một bình đầy nước khi úp nghiêng, một số nước trong bình trào ra.

*Một bình đầy nước khi nằm nghiêng, phần lớn nước trong bình trào ra.

*Một bình đầy nước khi úp ngược, nước trong bình sẽ tuôn ra hết không còn giọt nào.

Cũng vậy, pháp bồ thí này chia làm ba bậc: Hạ, trung và thượng.

Và Bồ tát sách tấn mình như sau: “Này Sumedha, người nên thực hành pháp bồ thí trọn vẹn ba bậc: Thượng, trung, hạ”.

2'- Giới Balamật (sīlapāramī).

Bồ tát suy gẫm tiếp: “Chỉ riêng pháp Bồ thí thì không thể thành tựu Phật quả. Vậy còn có pháp nào nữa?”

Bồ tát khám phá ra rằng: “Bồ thí có lợi ích lớn, có quả báu lớn khi được đặt trên nền tảng giới hạnh. Giới là nền tảng của tất cả thiện pháp”. Ngài khám phá ra Giới Balamật.

Ngài suy gẫm về Giới Balamật cũng có ba hạng như sau:

Chúng sinh có ba nương tựa là: Tài sản, tứ chi và sinh mạng; trong ba nơi nương ấy chỉ có giới hạnh là nơi nương cao quý hơn cả.

Và Ngài sách tấn mình như sau: “Này Sumedha, dù cho người có phải hy sinh tính mạng để bảo vệ giới hạnh của mình, người chớ có từ nan, giống như con bò mộng có đuôi bị vướng vào bất cứ vật gì, nó thà chết chứ không làm đứt cái đuôi”.

3- Xuất ly Balamật (nekkhammapāramī).

Rồi Bồ tát Sumedha suy gẫm: “Thí và giới chưa đủ sức dẫn đến Phật quả. Vậy còn pháp chi nữa?”

Một ý nghĩ sinh lên cho Ngài: “Như người bị nhốt trong tù, hằng ao ước thoát ra khỏi lao tù đó. Cũng vậy, đời sống gia đình là chật hẹp, không phóng khoáng rộng rãi, đời sống trong gia đình ví như ngục tù, đời sống xuất gia ví như người thoát khỏi lao lung. Vậy ta phải sống đời sống xuất gia.

Ngài tìm thấy pháp xuất ly Balamật, dẫn đến ra khỏi tam giới. Tam giới như ngục tù lớn giam hãm chúng sinh. ra khỏi Tam giới là được giải thoát.

4- Tuệ balamật (paññāpāramī).

Bồ tát Sumedha tiếp tục suy gẫm: “Để thành tựu Chánh Giác không phải chỉ có ba pháp này, vậy còn pháp nào nữa?”. Ngài suy nghĩ rằng: “Khi đi tìm vật thực nuôi mạng chân chánh bằng cách xin ăn, người gia chủ sẽ hỏi rằng: “Thưa Samôn, như thế nào gọi là thiện, như thế nào gọi là bất thiện? Như thế nào gọi là có tội? Như thế nào gọi là không có tội?”

Và Ngài tìm ra pháp thứ tư là tuệ Balamật; Ngài tự sách tấn mình như sau: “Này Sumedha, người cần phải học hỏi từ những bậc đa văn ở nhiều nơi khác nhau, hãy suy gẫm đến chiều sâu những sự kiện, những pháp mà người học hỏi, người hãy thực hành suy quán về vô thường, khổ, không tốt đẹp ... để làm tăng trưởng trí tuệ.

Như vị Tỳkhuu đi khất thực từng nhà, không phân biệt nhà cao sang hay nhà nghèo khổ, cũng vậy, người nên tìm các bậc đa văn có trí để học hỏi, không phân biệt giai cấp cao sang hay thấp kém”.

5- *Tinh tấn Balamật (viriyapāramī).*

Bồ tát tìm ra pháp thứ năm là tinh tấn Balamật như sau: “Sự thành công không đến cho người nhác lười, sự thành công chỉ có cho người nỗ lực thực hiện công việc cho mình”.

Ngài sách tấn mình rằng: “Này Sumedha, người hãy như con sư tử ra khỏi hang tìm mồi, sư tử luôn năng động, đồng thời với nỗ lực tột độ nó mới chụp được con mồi. Cũng vậy, này Sumedha, người muốn thành tựu Phật quả người không được lười nhác, người cần phải nỗ lực tột độ trong việc thực hành pháp”.

6- *Nhẫn nại Balamật (khantipāramī).*

Ngài tìm ra pháp thứ sáu như sau: “Trong hành trình đạt đến Phật quả, phải trải qua rất nhiều chướng ngại. cần phải chịu đựng với những thử thách, hãy chịu đựng trước những nghịch cảnh như nắng nóng, mưa lạnh, luôn cả những sự bất kính ... Nào chỉ thế thôi, đối với những thuận cảnh như được cung kính, cúng dường ... đó là những chướng ngại tinh tế nhất, nếu không khéo sẽ bị rơi vào cạm bẫy”.

Ngài sách tấn mình như vậy: “Này Sumedha, người hãy như là đất, đất vẫn thản nhiên đối với vật thơm, hương hoa khi người ta ném những vật này lên trên đất; đất vẫn thản nhiên đối với những vật hôi thối như phân, xác chết, rác rến ...”.

7- *Chân thật Balamật (saccapāramī).*

Bồ tát Sumedha sau khi suy gẫm lại tìm ra pháp thứ 7 là *chân thật balamật* là pháp mà các bậc hiền trí kiên trì gìn giữ, giống như sao Osadhī⁽¹⁾ không bao giờ đi sai quỹ đạo của mình, rất đúng giờ giấc bất kể thời tiết như thế nào.

(Osadhī là tên một thảo dược, khi đi tìm thảo dược này, người ta thường chờ sao Osadhī mọc lên, sao này mọc lên rất đúng giờ, không hề sai lệch, bấy giờ tính năng trị bệnh của thảo dược này mới có công hiệu tốt. Do vậy, người ta gọi ngôi sao này là Osadhī).

8- *Quyết định Balamật (adhiṭṭhānapāramī).*

Ngài lại tìm ra pháp thứ 8 là *quyết định balamật*.

Bồ tát Sumedha sách tấn mình rằng: “Này Sumedha, người phải kiên định với ước nguyện của mình, ví như núi đá vững chắc không bị lay động do gió từ các phương kéo đến. Cũng vậy, khi người nhận thức là thiện pháp cần phải thực hành để đạt đến Phật quả, người phải kiên định không hề thối chuyển đối với thiện pháp ấy”.

9- *Từ balamật (mettāpāramī).*

Rồi Bồ tát Sumedha suy gẫm, thấy rằng các bậc hiền trí luôn gần bó thực hành *tâm từ*. Ví như nước tẩy sạch các vật nhơ bẩn, mang lại sự mát mẻ cho tất cả chúng sinh không phân biệt kẻ hiền, người ác, kẻ cao sang hay người thấp kém ...

10- *Xả balamật (upekkhāpāramī).*

Bồ tát khám phá ra pháp thứ 10 là *xả balamật*.

Khi Bồ tát khám phá ra 10 pháp toàn hảo dẫn đến giác ngộ, trái đất rung chuyển mạnh, khiến đại chúng kinh hoàng. Đức Phật Dīpaṅkara dạy rằng:

⁽¹⁾- Có khả năng đó là sao Venus (Kim tinh), người Việt gọi nôm na là Sao Hôm hay sao Mai- Ns.

- Nay đại chúng, hãy yên tâm, chớ có hoảng hốt về sự động đất này, Nguyên nhân động đất này là do ẩn sĩ tóc bện Sumedham tự mình tìm ra 10 pháp balamật toàn hảo dẫn đến chứng đạt Phật quả.

Chư thiên và nhân loại nghe được lời dạy của Đấng Chánh giác Dīpaṅkara phát sinh hoan hỷ, đến cúng dường hương hoa đến Bôtát Sumedha lần nữa.

***Vị Bôtát sau khi được thọ ký.**

Danh hiệu Bôtát (bodhisatta) chỉ chung cho những người có trí với tâm nguyện muốn chấm dứt dòng sinh tử⁽¹⁾, như có định nghĩa sau:

Bodhisatto ti paṇḍitasatto bujjhannakasatto:

“Bôtát là chúng sinh sáng suốt, chúng sinh này thực hành để giác ngộ”⁽²⁾.

Trong ba bậc Bôtát: Bôtát Chánh giác, Bôtát Độc Giác và Bôtát Thịnh văn thì Bôtát Chánh giác là cao thượng nhất.

Lại nữa khi được vị Chánh giác tiên tri là “vị Chánh giác trong tương lai”, vị Bôtát ấy gọi là “Nhất định Bôtát (niyatabodhisatta)”, khi chưa được Đức Chánh giác tiên tri, gọi là “Bất định Bôtát (aniyata bodhisatta)”.

Khi gọi Bôtát, thường chỉ cho Bôtát Chánh giác được Đức Chánh giác ghi nhận: “Sẽ là vị Chánh giác trong tương lai” (thọ ký).

Thoạt tiên danh hiệu Bôtát là chỉ cho kiếp sống sau cùng của vị Chánh giác trước khi chứng đạt Vô thượng Chánh giác, như trong kinh văn thường thấy ghi nhận là: “Này các Tỳkưu, trước khi giác ngộ, lúc Ta còn là Bôtát”⁽³⁾. Nhưng trong bộ Kathāvatthu, các tiền kiếp của Đức Thế Tôn Gotama và nhiều vị Thánh thịnh văn khác đã hàm chứa danh hiệu Bôtát⁽⁴⁾.

Sự nghiệp của vị Nhất định Bôtát được khởi đầu bằng lời phát nguyện trước vị Chánh giác (*abhinīhāra karaṇa hay mūlapanidhāna*) và được Đức Chánh giác chấp nhận rồi tiên tri (thọ ký).

Trong thời gian thực hành 30 pháp Balamật với thời gian 4 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất (chỉ cho Bôtát tuệ hạnh), lời tiên tri của vị Chánh giác đầu tiên sẽ được các vị Chánh giác kế tiếp lập lại là: “Còn bao nhiêu kiếp trái đất nữa hay trong hiện kiếp này, vị thiện gia tử này sẽ thành tựu Vô thượng Chánh giác”.

***Bốn căn cứ pháp (buddhabhūmi).**

Ngoài 30 pháp Balamật, vị Nhất định Bôtát Chánh giác còn phải thực hành bốn pháp căn bản là:

1- *Ussāha*. Rất siêng năng dũng mãnh trong thiện pháp.

2- *Ummagga*. Có trí tuệ phân biệt thiện ác, để xa lánh điều dữ, thực hiện việc lành.

3- *Avatthāna*. Có ý chí quả quyết, kiên định trong việc thiện, khi đã quyết định thực hiện việc thiện nào, sẽ không hề thối chuyển, cố gắng thực hiện cho đến khi thành tựu.

4- *Hitacariyā*. Khi làm việc thiện nào cũng nghĩ đến “mang lại lợi ích cho mình và cho người khác”.

Chư Bôtát đã được thọ ký một khi làm một việc chi đều lấy 4 pháp trên để làm căn cứ cho tâm mình.

***Sáu khuynh hướng (Ajjhāsaya).**

Vị Nhất định Bôtát Chánh giác còn phải rèn luyện sáu khuynh hướng :

1- Có khuynh hướng muốn xuất gia (*nekkhammajjhāsaya*).

2- Có khuynh hướng ở nơi thanh vắng (*pavilekajjhāsaya*).

3- Có khuynh hướng không tham (*alobhajjhāsava*).

⁽¹⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 1).

⁽²⁾- DA.ii, 427.

⁽³⁾- M. i. 17, 114, 163; D.ii, 13 (Mahāpadāna Sutta); M. iii. 119 (Acchariya-abbhutadhamma sutta).

⁽⁴⁾- Kv. 283-90, 623.

4- Có khuynh hướng không sân (adosajjhāsaya).
5- Có khuynh hướng không si (amohajjhāsaya).
6- Có khuynh hướng muốn giải thoát khỏi ái dục, phiền não và sự khổ não của thế tục (nissaraṇajjhāsaya)⁽¹⁾.

***Không có 18 điều nguy hại (atthārasa abhabbatthānāni).**

Vị Nhất định Bồ tát Chánh giác thoát ra được 18 điều nguy hại là:

1- Không bao giờ sinh ra bị mù.
2- Không bao giờ sinh ra bị câm điếc.
3- Không bao giờ sinh ra bị mất trí.
4- Không bao giờ sinh ra là người vô căn hay lưỡng căn hoặc bị thiếu.
5- Không sinh ra là người bị tật nguyền.
6- Không là người có tà kiến cực đoan (chỉ cho đoạn kiến).
7- Không sinh ra là người man dã (milakkhesu) hay có người mẹ là người man dã hoặc nữ nô lệ.

8- Luôn luôn là người nam, không bị chuyển giới tính.
9- Không hề phạm ngũ nghịch đại tội (ānantarikakamma).
10- Không bao giờ bị bệnh cùi hay phong điên.
11- Nếu tái sinh là súc sinh, không nhỏ hơn con chim cú, cũng không lớn hơn con voi.
12- Không tái sinh vào cảnh giới ngạ quỷ đau khổ (nijjhāmatanhika) hay Atula Kālakaṇṇaka (Atula ngạ quỷ) (Ngài chỉ có thể tái sinh vào loại ngạ quỷ sống nhờ phước).

13- Không tái sinh vào địa ngục Atỳ.

14- Không tái sinh vào địa ngục không gian (Lokantaraniraya).

(Địa ngục không gian là địa ngục giáp với ba thế giới (cakkavāla)⁽²⁾. Địa ngục này rộng 8.000 do tuần.

Tội nhân của địa ngục không gian gồm những chúng sanh phạm tội ác ghê gớm, như “phá chùa như vua Coranāga hay cướp phá tự viện như Tướng cướp Corābhaya ở Tambanṇidīpa”; ngoài ra những chúng sinh có tà kiến như là đoạn kiến, mệnh chung sẽ tái sinh ào địa ngục này⁽³⁾.

Chúng sinh trong địa ngục này có thân cao ba gāvuta (= 12 km) và dùng móng tay dài để leo lên vòng đai sắt bao bọc thế giới, gọi là Luân vi sơn (cakkavālapabbata), bên dưới là vùng nước đen có công năng tiêu hủy mọi vật. Chúng sinh đeo trên thành vách của Luân vi sơn bị rơi xuống nước, chết rồi tái sinh trở lại trong địa ngục ấy⁽⁴⁾, ngoài ra họ còn bị cái lạnh khủng khiếp hành hạ vì nơi đây không hề có ánh sáng mặt trời chiếu đến⁽⁵⁾.

Bản Sớ giải Lịch sử chư Phật nói rằng: “Địa ngục không gian là địa ngục các Asurakāyā”⁽⁶⁾.

15- Ngài không tái sinh về cõi Vô tưởng (asaññī).

16- Ngài không sinh là ác ma (māra).

17- Ngài không sinh vào cõi Vô sắc (dù có chứng thiên Vô sắc, nhưng Ngài chỉ nguyện tái sinh về cõi Sắc giới).

18- Ngài chỉ tái sinh vào thế giới (cakkavāla) này, không tái sinh vào thế giới khác⁽⁷⁾.

Vị Nhất định Bồ tát Chánh giác phải thực hành ba hạnh (cariya):

(1) - SnA. i. 50.

(2)- Sp.i, 120; SnA. ii, 443.

(3)- JĀ. vi, 247.

(4)- AA.ii, 532.

(5)- NīdA. 8; SnA.i, 59.

(6)- BuA. p, 26.

(7)- SnA. i. 50.

- a- Thực hành để tế độ quyên thuộc (ñātatthacariyā).
- b- Thực hành để tế độ thế gian (lokatthacariyā).
- c- Thực hành để chứng quả vị Phật (buddhiatthacariyā)⁽¹⁾.

***Bảy pháp xuất chúng (acchariya dhamma).**

Vị Bôttát Chánh giác được thọ ký có được 7 pháp xuất chúng là:

1- *Pāppatikutha citto. Có tâm diệt trừ ác xấu.*

Vị Nhất định Bôttát Chánh giác luôn có tâm hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi. Ví như người bị phỏng lửa, thấy lửa thì kinh sợ.

2- *Pasāranacitto. Có tâm vui thích việc thiện.*

Tâm vị Bôttát luôn vui thích với việc lành, khi đã làm việc lành nào, tâm Ngài luôn vui thích, sốt sắng và không hề bỏ dỡ.

3- *Adhimuttakālakiriya. Dừng được tuổi thọ.*

Khi Ngài tái sinh về thiên giới hay Phạm thiên giới, Ngài quán xét thấy: “Như vậy sẽ ngưng trệ việc thực hành pháp Balamật để tế độ chúng sinh”, Ngài nguyện giảm tuổi thọ để tái sinh về nhân giới.

Ước nguyện của Ngài sẽ thành tựu ngay khi ấy.

4- *Visesajanattaṃ. Bậc khác thường hơn chúng sinh khi ở trong bụng mẹ.*

Chúng sinh khác nằm trong bụng mẹ, mặt quay vào lưng mẹ, trên đầu đội những vật thực do mẹ ăn vào.

Bôttát kiếp chót ở trong bụng mẹ, Ngài ngồi tréo chân, mặt quay ra trước bụng mẹ, trong sạch không vướng chút bợn nhơ, mẹ Ngài nhìn thấy rõ Ngài trong bụng mình.

5- *Tikālaññū. Biết rõ ba thời.*

Bôttát Chánh giác kiếp chót biết đủ 3 thời: Nhập thai bào, trú trong thai bào và ra khỏi thai bào.

Bôttát Độc giác kiếp chót và Bôttát Thượng thủ thỉnh văn kiếp chót biết hai thời: Nhập thai bào, trú trong thai bào. 80 vị Đại đệ tử chỉ biết một thời: Nhập thai bào.

6- *Pasūtikālo.*

Mẹ Bôttát Chánh giác kiếp chót, khi sinh Ngài trong tư thế đứng. Bôttát xuôi hai tay và thoát ra ngoài như vị Pháp sư duỗi chân bước xuống pháp tọa, người mẹ không hề bị đau đớn.

7- *Massunajātiyo. Sinh làm người.*

Bôttát Chánh giác kiếp chót phải là người, không là chư thiên hay súc sinh.

Nếu sinh là chư thiên Ngài chứng Vô thượng Chánh giác, nhân loại sẽ thối thoát kiếm cố cho là “chỉ có trời mới tu thành Phật được”, còn nếu sinh làm súc sinh thì loài người cho thấp hèn hơn mình cũng không chịu tu theo.

Nên chư Bôttát kiếp chót phải là người để độ chư thiên, loài người luôn cả súc sinh.

Hơn nữa khi làm người lúc viên tịch mới có Xá Lợi để lại cho chư thiên và nhân loại lễ bái cúng dường.

Bảy pháp trên đây là pháp xuất chúng (lạ thường) của vị Nhất định Bôttát Chánh giác.

Trong kiếp áp chót, hầu hết chư Nhất định Bôttát Chánh giác đều sinh về cõi Tusita (Đầusắt) nơi có tuổi thọ là 576 triệu năm (tính theo nhân loại), riêng Bôttát Vipassī là ngoại lệ⁽²⁾.

Thường các vị Bôttát sống hết tuổi thọ nơi cõi Tusita, đôi khi không sống hết tuổi thọ. Khi quán thấy hợp thời, Ngài sẽ tái sinh về nhân giới và chứng đạt Vô thượng Chánh giác trong kiếp ấy.

⁽¹⁾- DA. ii. 427; DhpA. iii. 441; BuA. 116.

⁽²⁾- DA. ii. 427.

Theo Bản Sớ giải kinh Trường bộ, mẹ vị Bôttát Chánh giác kiếp chót, khi sinh Ngài ra, bà ở độ tuổi 50 – 60⁽¹⁾.

***Các kiếp hội kiến 27 vị Chánh giác của Đức Phật Gotama.**

** Năm kiếp là ẩn sĩ.*

- Khi được thọ ký từ Đức Thế Tôn Dīpaṅkaka, tiền kiếp Ngài là ẩn sĩ Sumedha.

- Khi được gặp Đức Phật Nārada, Ngài là ẩn sĩ tóc bện Jātīla.

- Khi gặp Đức Phật Atthadassī, Ngài là ẩn sĩ Susīma.

- Khi gặp Đức Phật Siddhattha, Ngài là ẩn sĩ Maṅgala.

- Khi gặp Đức Phật Tissa, Ngài là ẩn sĩ Sujāta.

**Chín kiếp là Tỳkhuu trong Giáo pháp của Đức Phật.*

1- Ngài là vua Chuyển luân Vijitāvī, xuất gia Tỳkhuu trong giáo pháp của Đức Phật Koṇḍañña.

2- Ngài là Bàlamôn Suruci, xuất gia Tỳkhuu trong giáo pháp của Đức Phật Maṅgala.

3- Ngài là Bàlamôn Uttara xuất gia Tỳkhuu trong giáo pháp của Đức Phật Sumedha.

4- Ngài là vua Chuyển luân⁽²⁾ xuất gia Tỳkhuu trong giáo pháp của Đức Phật Sujāta.

5- Ngài là vua Vijitāvī xuất gia Tỳkhuu trong giáo pháp của Đức Phật Phussa.

6- Ngài là vua Sudassana xuất gia Tỳkhuu trong giáo pháp của Đức Phật Vessabhū

7- Ngài là vua Khema xuất gia Tỳkhuu trong giáo pháp của Đức Phật Kakusandha.

8- Ngài là Bàlamôn Pabbata xuất gia Tỳkhuu trong giáo pháp của Đức Phật Konāgamana.

9- Ngài là Bàlamôn Jotipāla xuất gia Tỳkhuu trong giáo pháp của Đức Phật Kassapa.

** Năm kiếp là cư sĩ.*

- Ngài là Bàlamôn Atidela được gặp Đức Phật Revata.

- Ngài là Bàlamôn Ajita được gặp Đức Phật Sobhita.

- Ngài là trưởng giả Jatīla được gặp Đức Phật Padumuttara.

- Ngài là thanh niên Bàlamôn Kassapa được gặp Đức Phật Piyadassī.

- Ngài là vua Ariṇḍana được gặp Đức Phật Sikhī.

** Hai kiếp là rắn chúa.*

- Là rắn chúa Atula, gặp Đức Phật Sumana.

- Là rắn chúa gặp Đức Phật Vipassī.

** Ba kiếp khác.*

- Vào thời Đức Phật Dhammadassī còn tại tiền, Ngài là vua trời Sakka.

- Vào thời Đức Phật Anomadassī còn tại tiền, Ngài là nguyên soái dạ xoa.

- Vào thời Đức Phật Paduma còn tại tiền, Ngài là sư tử vương.

B-Tóm lược lịch sử 27 vị Phật quá khứ.

Trong suốt chiều dài thời gian 4 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất chỉ có 29 vị Chánh giác xuất hiện trên thế gian, 27 vị Chánh giác quá khứ, một vị hiện tại (là Đức Phật Gotama) và một vị tương lai (là Đức Phật Metteyya), đồng thời chỉ có 12 kiếp trái đất có Đức Phật Chánh giác xuất hiện, đó là.

(1)- DA. ii. 439.

(2)- Không thấy Chánh tạng cũng như Bản Sớ giải lịch sử chư Phật nêu tên vị vua Chuyển Luân này – Ns.

1- Kiếp trái đất (cách đây 4 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất) có 4 vị Chánh giác xuất hiện, gọi là sāramaṇḍakappa, đó là: Đức Phật Taṇhaṅkara, Đức Phật Medhaṅkara, Đức Phật Saranaṅkara và Đức Phật Dīpaṅkara.

2- Kiếp trái đất (cách đây 3 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất) có một vị Chánh giác xuất hiện, gọi là sārakappa, đó là Đức Phật Koṇḍañña.

3- Kiếp trái đất (cách đây 3 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất) có 4 vị Chánh giác xuất hiện, gọi là sāramaṇḍakappa, đó là: Đức Phật Maṅgala, Đức Phật Sumana, Đức Phật Revata và Đức Phật Sobhita.

4- Kiếp trái đất (cách đây 1 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất) có 3 vị Chánh giác xuất hiện, gọi là varakappa, đó là: Đức Phật Anomadassī, Đức Phật Paduma và Đức Phật Narada.

5- Kiếp trái đất (cách đây 100 ngàn kiếp trái đất) có một vị Chánh giác xuất hiện, gọi là sārakappa, đó là Đức Chánh giác Padumuttara (Liên Hoa).

6- Kiếp trái đất (cách đây 30 ngàn kiếp trái đất) có hai vị Chánh giác xuất hiện, gọi là maṇḍakappa, đó là Đức Phật Sumedha và Đức Phật Sujāta.

7- Kiếp trái đất (cách đây 1800 kiếp trái đất), có ba vị Chánh giác xuất hiện, gọi là varakappa, đó là: Đức Phật Piyadassī, Đức Phật Aṭṭhadassī và Đức Phật Dhammadassī.

8- Kiếp trái đất (cách đây 94 kiếp trái đất), có một vị Chánh giác xuất hiện, gọi là sārakappa, đó là Đức Phật Siddhattha.

9- Kiếp trái đất (cách đây 92 kiếp trái đất), có hai vị Chánh giác xuất hiện, gọi là maṇḍakappa, đó là: Đức Phật Tissa và Đức Phật Phussa.

10- Kiếp trái đất (cách đây 91 kiếp trái đất), có một vị Chánh giác, gọi là sārakappa, đó là Đức Phật Vipassī.

11- Kiếp trái đất (cách đây 31 kiếp trái đất), có 2 vị Chánh giác xuất hiện gọi là maṇḍakappa, đó là Đức Phật Sikhī và Đức Phật Vessabhū.

12- Kiếp trái đất hiện tại, có 5 vị Chánh giác xuất hiện, gọi là Bhaddākappa, ba vị Chánh giác đã hiện khởi là: Đức Phật Kakusandha, Đức Phật Konāgamana và Đức Phật Kassapa.

Hiện tại là Đức Phật Gotama, tương lai là Đức Phật Metteyya (DiLặc).

***Ba vị Phật.**

- Đức Phật Taṇhaṅkara có tuổi thọ là 100 ngàn năm, Ngài thực hành 30 pháp balamật suốt thời gian là 16 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất. Ngài thực hành khổ hạnh 7 ngày, chứng đắc Vô thượng Chánh giác nơi cội cây bông sứ.

- Đức Phật Medhaṅkara có tuổi thọ là 90 ngàn năm, Ngài thực hành 30 pháp balamật suốt thời gian là 8 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất. Ngài thực hành khổ hạnh 15 ngày, chứng đắc Vô thượng Chánh giác nơi cội cây Vòng đồng.

- Đức Phật Saranaṅkara, Ngài thực hành 30 pháp balamật suốt thời gian là 8 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất. Ngài thực hành khổ hạnh 30 ngày, chứng đắc Vô thượng Chánh giác nơi cội cây Cầm lai. Tuổi thọ khi Ngài ở thế gia là 7.000 năm, tuổi thật là bao nhiêu thì không rõ, vì không thấy trong Kinh nói đến.

Tiền thân Đức Phật Gotama tuy được hội kiến với ba vị Chánh giác là Taṇhaṅkara, Medhaṅkara và Saranaṅkara nhưng chưa được thọ ký⁽¹⁾.

1- Đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng).

Bồ tát Dīpaṅkara sinh ra tại kinh thành Rammavatī, cha của Ngài là vua Sudeva, mẹ Ngài là bà Hoàng Sumedhā.

Bồ tát Dīpaṅkara đã thực hành 30 pháp Balamật suốt 16 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất.

⁽¹⁾- Đại trưởng lão Bửu Chơn (d). Chánh giác tông. Các vị Phật thời quá khứ.

Bồ tát Dīpaṅkara sống đời tại gia là 10.000 năm, Ngài có ba cung điện là: Hamsapāsāda (cung điện Thiên nga, vì có hình dáng như con thiên nga), Koṅcapāsāda (cung điện Hồng hạc) và Mayūrapāsāda (cung điện Khổng tước), mỗi cung điện có 100 ngàn cung nữ xinh đẹp.

Vợ Ngài là công nương Padumā (vì miệng của nàng có hình như cánh hoa sen), khi nàng Padumā vừa sinh ra hoàng nam là Usabhakkhandha cũng là ngày Bồ tát Dīpaṅkara thấy điềm tướng thứ tư là “vị Samôn”.

Trước đó Bồ tát Dīpaṅkara nhìn thấy ba hiện tượng: Già, bệnh, chết ⁽¹⁾; ba hiện tượng này ám ảnh tâm trí này trong thời gian dài, nhìn thấy “vị Samôn”, Bồ tát như người tìm ra phương thuốc quý dẫn đến sự ra khỏi: Già, bệnh, chết; nên Ngài quyết định xuất gia tìm pháp giải thoát.

Bồ tát Dīpaṅkara ra đi xuất gia bằng voi, có 10 triệu tùy tùng của Ngài cũng theo Ngài xuất gia, khi Bồ tát Dīpaṅkara cắt tóc ném lên hư không, vua trời Sakka mang mâm ngọc hứng lấy tóc ấy, mang về tôn trí vào tháp Makuta (Makutaṭṭetiya) trên đỉnh núi Sineru (Tudi)⁽²⁾.

Bồ tát Dīpaṅkara thực hành khổ hạnh 10 tháng rồi thọ thực trở lại, hội chúng Samôn tùy tùng lia bỏ Ngài đi đến trú nơi Tự viện Sunanda (Sunandārāma).

Vào ngày trăng tròn tháng Vesākha (ngày 15-4 âm, tính theo lịch VN), Ngài đi vào thị trấn để khất thực, cũng vào khi ấy, thị trấn có tổ chức tạ lễ vị thần hộ trì họ bằng loại cơm sữa thượng vi.

Bồ tát nhận được bát cơm sữa, Ngài đi vào rừng Sāla thọ dụng cơm sữa, vào buổi chiều, Ngài đi đến cây Pippalī. Trên đường đi, du sĩ Sunanda dâng cho Ngài tám bó cỏ, những bó cỏ ấy trở thành Bảo tọa chiến thắng của Ngài và Ngài chứng Vô thượng Chánh giác khi mặt trời vừa ló dạng.

**Ba Thăng hội (abhisamaya)⁽³⁾ của Đức Phật Dīpaṅkara.*

Thăng hội I.

Sau 7 tuần lễ an hưởng hương vị giải thoát, Đức Phật nhận lời thỉnh cầu Giảng pháp của vị Đại phạm thiên

Đức Phật Dīpaṅkara theo đường hư không đến Sunandārāma (Tự viện Sunanda) để tế độ 10 triệu vị Samôn tùy tùng của Ngài trước đây.

Ngài thuyết lên Pháp thoại đầu tiên, khiến cho bánh xe pháp chạy đi, dứt Pháp thoại có 100 koti (10² x 10⁷ = 10⁹ = 1 tỷ) (1 koti = 10 triệu) chúng sinh (người và chư thiên) chúng đảnh Thánh quả Alahán.

Đây là Thăng hội (abhisamaya) I của Ngài.

Thăng hội II.

Khi thấy trí của Ngài Usabhakkhandha (con trai Ngài) trưởng thành, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích hợp với cơ tính hội chúng, có đến 90 koti (900 triệu) chư thiên và người chúng đảnh Thánh quả Alahán.

Đây là Thăng hội thứ II của Ngài.

Thăng hội III.

Trước khi lên cung trời Tāvātimsa (Ba mươi ba), Đức Thế Tôn Dīpaṅkara thể hiện Song thông lực nơi cây Sirisa tại cổng thành Amaravatī để nhiếp phục chúng ngoại giáo, rồi Ngài lên cung trời Tāvātimsa, thuyết lên tạng Thăng pháp để tế độ vị thiên tử kiếp trước là bà Hoàng Sumedhā.

Có đến 90 ngàn koti (900 triệu) chư thiên chúng đảnh Thánh quả Alahán.

Đây là Thăng hội III của Ngài.

⁽¹⁾- Bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và vị Samôn, mỗi hiện tượng cách nhau một thời gian, tùy theo tuổi thọ của vị Chánh giác. Như Bồ tát Vipassī mỗi hiện tượng cách nhau vài ngàn năm; còn Bồ tát Gotama mỗi hiện tượng cách nhau bốn tháng.

⁽²⁾- BuA. 68.

⁽³⁾- Gọi là Thăng hội (abhisamaya), nghĩa là: “Thời pháp thoại của Đức Thế Tôn mang đến đạo quả cho chúng sinh nhiều nhất”. Trong đời một vị Chánh giác có ba lần như thế mà thôi.

Có Kinh văn sau:

8- Paṭhamābhisamaye buddho; koṭisatamabodhayi.

Dutiyābhisamaye nātho; navutikoṭimabodhayi.

“Thắng hội đầu tiên; Đức Phật tế độ 100 triệu chúng sinh giác ngộ .

Thắng hội thứ hai của Ngài; có 90 triệu chúng sinh giác ngộ”.

9- Yadā ca devabhavanamhi; buddho dhammadesayi.

Navutikoṭisahassānaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Và nơi cung trời; Đức Phật giảng pháp.

Có 90 ngàn 10 triệu vị; đó là Thắng hội lần thứ ba”⁽¹⁾.

**Ba Tăng hội (hay Tăng đoàn) của Đức Phật Dīpaṅkara⁽²⁾.*

Tăng hội I.

Khi Đức Thế Tôn Dīpaṅkara trú ngụ nơi Tự viện Sunanda (Sunandārāma), có 100 ngàn koṭi (1.000 tỷ) Thánh Tăng từ các nơi về tụ hội để hành lễ Uposadha. Đây là Tăng hội I của Ngài.

Tăng hội II.

Có một hòn núi xinh đẹp tên là Nārada, nơi ấy có Dạ xoa chúa Nārada trú ngụ, mỗi năm, cư dân trong vùng phải hiến dâng một người để làm tế lễ cho dạ xoa. Đức Thế Tôn Dīpaṅkara tự mình đến núi Nārada. tế độ Dạ xoa chúa Nārada cùng với 10 ngàn dạ xoa khác chứng Thánh quả Dụluu.

Truyện thuyết nói rằng: “Ngày hôm ấy cư dân chung quanh vùng mỗi làng mang theo một người cùng các tế phẩm khác đến để tế lễ cho Dạ xoa chúa Nārada”.

Pháp thoại của Đức Thế Tôn mang lại Thánh quả cho đại chúng. Có 100 ngàn vị nam tử xin được xuất gia, Đức Thế Tôn Dīpaṅkara cho xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave... Hãy đến đây này các Tỳkhuu ...”. Bảy ngày sau, tất cả đều chứng Thánh quả Alahán.

Vào đêm trăng tròn tháng Māgha (tháng giêng âl, theo lịch VN), các vị Thánh Alahán các nơi cùng nhau đi đến Đức Thế Tôn để hành lễ Uposatha (Bồ tát). Giữa hội chúng Tăng có đến 100 koṭi (một tỷ) vị Tỳkhuu, Ngài thuyết lên *Lời Giáo giới giải thoát* (Ovādapatiṃokkha).

Đây là Tăng hội II của Đức Thế Tôn Dīpaṅkara.

Tăng hội III.

Vào lần khác, khi Đức Thế Tôn Dīpaṅkara an cư mùa mưa ở núi Sudassana. Vào ngày *Pavāraṇā*, theo thông lệ cư dân thường tổ chức tế lễ trên đỉnh núi Sudassana. Cư dân trong vùng mang tế phẩm đến đỉnh núi, nhìn thấy Đức Thế Tôn Dīpaṅkara, đại chúng hoan hỷ mang lễ vật đến cúng dường, Đức Thế Tôn với pháp thoại tế độ chúng sinh chứng đắc Thánh quả nhiều vô số. Có 900 ngàn triệu vị chứng đắc Thánh quả Alahán, xin được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Dīpaṅkara, Đức Thế Tôn cho xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave...”.

Đây là Tăng hội III của Đức Thế Tôn. Có Kinh văn sau.

10- Sannipātā tayo āsum; dīpaṅkarassa satthuno.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

“Vị ấy có ba lần tụ hội; Bạc Đạo sư Dīpaṅkara.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là lần tụ hội đầu tiên”.

(1)- Bu. ii. 8-9. Dīpaṅkarabuddhavaṃsa.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 2), Ở đây xin nhắc lại:

Được gọi là Tăng hội (hay Tăng đoàn) phải hội đủ bốn điều:

- Các vị Tỳkhuu không mời mà tự đi đến.

- Các vị Tỳkhuu ấy phải xuất gia theo cách : “Ehi bhikkhu hay Etha bhikkhave”.

- Các vị ấy là Alahán từ Lục thông trở lên.

- Phải là đêm trăng tròn (đêm 15 âl),

11- Puna nāradakūṭamhi; pavivekagate jine.
Khīṇāsavā vītamalā; samimsu satakoṭiyo.
“Lần khác, nơi núi Nārada; Bạc Chiến Thắng sống độc cư.
Trong sạch, không còn ô nhiễm; có 100 mười triệu vị”.

12- Yamhi kāle mahāvīro; sudassanasiluccaye.

Navakoṭisahasseehi; pavāresi mahāmuni.

“Đấng Đại Hùng vào thời điểm khác; ngự trú ở núi Sudassana.

Có 90 ngàn 10 triệu vị; Bạc Đại ẩn sĩ hành lễ Tự tứ”(sđd. 10-12).

Rồi Đức Thế Tôn cùng 400 ngàn vị Tỳkhuu tùy tùng du hành đến thành Rammavati và Đức Thế Tôn thọ ký cho Bôttát Sumedha thành vị Chánh giác tương lai.

Pháp thoại của Đức Thế Tôn Dīpaṅkara thường mang đến Thánh quả Alahán cho từ 10 ngàn đến 20 ngàn nhân loại; một hay hai người lãnh hội Giáo pháp của Đức Thế Tôn Dīpaṅkara là điều không hề có.

Đức Thế Tôn Dīpaṅkara có tùy tùng là 400 ngàn vị Tỳkhuu là bậc Thánh Alahán Lục thông trở lên.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Dīpaṅkara.**

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Thế Tôn Dīpaṅkara là Trưởng lão Sumaṅgala và Trưởng lão Tissa. Thị giả là Trưởng lão Sāgata.

Hai nữ thượng thủ tinh văn của Đức Thế Tôn Dīpaṅkara là Trưởng lão ni Nandā và Trưởng lão ni Sunandā.

- Hai nam cận sự tối thắng trong hàng nam cận sự của Đức Phật Dīpaṅkara là Ngài Tapussa và Ngài Bhallika.

- Hai nữ cận sự tối thắng trong hàng nữ cận sự là bà Sirimā và bà Soṇā.

Đức Thế Tôn Dīpaṅkara cao 80 hắc tay, hào quang luôn tỏa ra từ thân như cây đuốc chiếu sáng, hay như cây Sāla chúa trở đầy hoa.

Đức Thế Tôn có thọ mạng là 100 ngàn tuổi, Ngài viên tịch nơi tự viện Nanda. Bảo tháp thờ Xá Lợi của Đức Phật Dīpaṅkara cao 36 dotuần, ngay chính nơi Tự viện Nanda. Có Kinh văn sau:

31- Dīpaṅkaro jino satthā; nandārāmamhi nibbuto.

Tatthevassa jinathūpo; chattimsabbedhayojanoti.

“Đấng Chiến thắng Dīpaṅkara, bậc Đạo sư; Ngài tịch diệt (nibbuto) nơi tự viện Nanda.

Bảo tháp của Đấng chiến thắng dành cho Ngài, cao 36 dotuần”(1).

Ngoài ra, một ngôi Bảo tháp được kiến tạo nơi cây Đại giác Pipphali để tôn thờ 8 món tư cụ Samôn của Đức Phật là: Tam y, bát, dao cạo tóc, bình lọc nước, dây thắt lưng và ống đựng kim.

Giáo pháp của Đức Thế Tôn Dīpaṅkara tồn tại 100 ngàn năm sau khi Ngài viên tịch(2).

Phụ lục.

***Trưởng lão Dhammaruci.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Dīpaṅkara, tiền thân của Ngài là một thanh niên có tên là Megha, khi nghe Đức Thế Tôn Dīpaṅkara ghi nhận: “Ẩn sĩ Sumedha sẽ là vị Chánh giác trong tương lai”, thanh niên Megha hoan hỷ với ẩn sĩ Sumedha nên xuất gia làm ẩn sĩ theo Bôttát Sumedha.

Do giao hảo với bạn xấu, Megha hoàn tục rồi phạm tội giết mẹ, nên phải tái sinh vào địa ngục.

(1)- Bu.ii. 31. Dīpaṅkaravaṃso.

(2)- Bu. ii. 207; BuA. 104; JA. i. 2. Xem thêm Mtu. i. 193. Mhv. i. 5; Dpv. iii. 31; DhpA. i. 69 mà chi tiết có nhiều khác biệt với các chi tiết nêu trên.

Vào thời Đức Phật Gotama, Ngài tái sinh làm con cá lớn ở biển. Một chiếc thương thuyền bị bão lớn sắp chìm vào lòng biển, các thuyền viên trên tàu trên tàu lớn tiếng cầu nguyện Đức Phật Gotama, con cá chợt nhớ lại lời tiên tri của Đức Phật Dīpaṅkara, nên mệnh chung tái sinh về kinh thành Sāvattī.

Khi lớn lên được nghe pháp từ Đức Phật Gotama nơi Đại tự Jetavana (Kỳ Viên), Ngài xuất gia trong Tăng đoàn, nỗ lực hành pháp chứng đắc Thánh quả Alahán⁽¹⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Dīpaṅkara.

2 - Đức Phật Koṇḍañña.

Sau khi Giáo pháp của Đức Phật Dīpaṅkara tiêu hoại, trải qua 1 atăng kỳ kiếp không có vị Chánh giác nào hiện khởi trên thế gian, gọi là kiếp trống (suññakappa). Kế đến trái đất được hình thành, trong kiếp trái đất này có một vị Chánh giác xuất hiện (gọi là sarakappa), là Đức Phật Koṇḍañña.

Thời gian thực hành Pháp độ của Ngài là 16 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất. Vào kiếp áp chót, Ngài tái sinh về cõi Tusita (Đầu suất), theo lời thỉnh cầu của chư Thiên và Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới, sau khi quán xét năm điều (như Bôtát Santusita)⁽²⁾. Ngài tái sinh vào thai bào của bà Hoàng Sujātā của vua Sunanda, nơi kinh thành Rammavātī.

Sau 10 tháng Ngài ra khỏi thai bào, vì thuộc dòng tộc Koṇḍañña, nên Ngài được đặt tên là Koṇḍañña.

Bôtát Koṇḍañña sống tại gia là 10 ngàn năm, Ngài có ba cung điện: Suci, Suruci và Subha (theo Bản Sở giải Lịch sử chư Phật: Ba tòa cung điện đó có tên là Rāmā, Surāmā và Subha), mỗi cung điện có 100 ngàn cung nữ giỏi ca múa, đàn hát để phục vụ Bôtát, vợ của Bôtát là công nương Rucidevī.

Khi nhìn thấy đầy đủ bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và vị Samôn, Bôtát Koṇḍañña quyết định xuất gia, cũng vào ngày hôm ấy, nàng Rucidevī sinh hạ một người con trai là Thái tử Vijitasena.

Bôtát ra đi xuất gia trên chiếc xe do 4 con ngựa thuần chủng kéo đi. Đại chúng theo Ngài đi xuất gia có đến 100 triệu vị.

Ngài khổ hạnh 10 tháng, rồi thọ thực trở lại; hội chúng liả bỏ Ngài đi đến khu rừng Deva (rừng Thiên thần) trú ngụ.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesākha (15-4 âm, theo lịch VN), Bôtát đến làng Sunanda, Ngài nhận bát cơm sữa của nàng Yasodharā, con gái của một trưởng giả trong làng cúng dường.

Sau khi thọ dụng cơm sữa, vào buổi chiều Bôtát đi đến cội Sāla chúa đang trở hoa xinh đẹp, người ta nói rằng: “Cây Sāla chúa này chỉ mọc lên khi có vị vua Chuyển Luân hay Đức Chánh giác xuất hiện trên thế gian mà thôi và cây này chỉ xuất hiện duy nhất một lần”.

Bôtát Koṇḍañña nhận 8 bó cỏ của du sĩ lỏa thể Sunandaka cúng dường.

Sau khi đi vòng quanh cội cây Sāla chúa ba vòng, Bôtát tìm nơi thích hợp, trải 8 bó cỏ, tám bó cỏ trở thành Bảo tọa chiến thắng của Ngài.

Bôtát Koṇḍañña chiến thắng toàn bộ quân ma, chứng Vô thượng Chánh giác khi mặt trời vừa ló dạng.

Đức Phật Koṇḍañña là Bạc Đạo sư có vinh quang, danh tiếng không thể đo lường được, như Kinh văn ghi nhận:

1-Dīpaṅkarassa aparena; koṇḍañño nāma nāyako.

Anantatejo amitayaso; appameyyo durāsado.

“Sau Đức Phật Dīpaṅkara; Bạc Lãnh Đạo tên Koṇḍañña.

⁽¹⁾- Ap.i, 429.

⁽²⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 1).

Vị có vinh quang vô tận, danh tiếng vô cùng;
Không thể đo lường, khó có thể đạt đến⁽¹⁾.

Ngài Buddhadatta, tác giả Bản Sớ giải Phật sử có giải thích:

“Bậc Lãnh Đạo”. Là vị dẫn đường, vị chỉ dạy chúng sinh thực hành thoát khỏi mọi ô nhiễm (āsava).

“Không thể đo lường được”. Nghĩa là: “Không thể nói cho hết được”. Ở đây chỉ cho những ân đức đặc biệt như Giới, định, tuệ ... của vị Chánh giác.

Có ví dụ như sau: Một vị Chánh giác tán thán vị Chánh Giác khác suốt kiếp trái đất. Kiếp trái đất có thể đi qua, nhưng lời tán thán của vị Chánh giác đối với vị Chánh giác khác không hề dừng lại.

2- Dharaṇūpamo khamanena; sīlena sāgarūpamo.

Samādhinā merūpamo; ñāṇena gaganūpamo.

“Kham nhẫn của Ngài ví như trái đất; giới hạnh ví như biển lớn,

Thiền định ví như núi Meru; trí tuệ ví như không gian” (sđd, 2).

Giải thích.

Khamanena ti khantiyā: *Kham nhẫn là kiên trì.*

Kham nhẫn ví như đất.

Là sự kiên trì của Đức Chánh giác giống như trái đất, nghĩa là Ngài không thích thú khi được tán thán, cũng không khó chịu khi bị xuyên tạc, vu khống. Ví như trái đất luôn luôn thân nhiên trước các vật thơm hay các vật hôi thối đổ lên mặt đất.

Giới hạnh ví như biển lớn.

Nghĩa là Ngài luôn giữ thân, ngữ, ý trong sạch, các ác bất thiện pháp không thể có cơ hội sinh lên, giống như nước biển lớn không thể vượt qua bờ.

Lại nữa, người ta không thể đo lường được biển sâu rộng như thế này, như thế này, không thể biết rõ tất cả những gì chứa trong lòng biển.

Cũng vậy, ân đức giới của Đức Chánh giác sâu rộng vô biên, ẩn chứa trong ân đức giới ấy vô số điều kỳ diệu mà không một ai có thể biết rõ tận tường, thấu đáo trọn vẹn được (ngoại trừ Đức Chánh giác).

Thiền định ví như núi Meru⁽²⁾.

Núi Meru là núi chúa của thế giới (cakkavāla), rất rắn chắc, là núi ngọc quý nhất, cao nhất trong tất cả những ngọn núi.

Thiền định như núi Meru nghĩa là: “Đức Chánh giác đạt đến tột đỉnh của thiền định”. Chánh định của Đức Thế Tôn vững chắc, không có một sức mạnh nào có thể phá vỡ được.

Trí tuệ ví như không gian.

Không gian rộng lớn vô tận, không thể tìm hiểu thấu đáo. Cũng vậy, Vô biên trí của Đức Chánh giác không thể bàn cho hết được.

**Ba Thăng hội của Đức Phật Koṇḍañña.*

Thăng hội I.

Sau 7 tuần lễ hưởng vị giải thoát nơi cội cây Sāla chúa, theo lời thỉnh cầu giảng pháp Bất tử của vị Đại phạm thiên.

Đức Thế Tôn Koṇḍañña theo đường hư không đến rừng Devavana để tế độ 100 triệu vị Samôn tùy tùng của Ngài trước đây. Ngài thuyết lên Pháp thoại đầu tiên, tế độ nhân loại và chư thiên đắc Thánh quả là 100 ngàn 10 triệu ($10^5 \times 10^7 = 1.000$ tỷ) vị, trong đó có 100 triệu vị Tỳkhuu chứng Thánh quả Alahán. Đây là Thăng hội I của Ngài.

(1)- Bu. iii. 1.Koṇḍaññabuddhavaṃsa.

(2)- Tên gọi khác của núi chúa Sineru (Tudi).

Trong lần thuyết pháp này, Đức Thế Tôn thuyết tất cả những chi phần dẫn đến giác ngộ như: Năm Quyền, năm Lực, bảy Giác chi. Tám chi đạo và bốn sự thật, nên chư thiên và nhân loại thành đạo vô số.

Có kinh văn sau đây:

3- Indriyabalabojjhaṅga-maggasaccappakāsanam.

Pakāsesi sadā buddho; hitāya sabbapāṇinam.

“Quyền, lực, giác chi, đạo, sự thật được giảng dạy.

Đức Phật kiên trì thuyết giảng; vì lợi ích của tất cả chúng sinh”.

4- Dhammacakkam pavattente; koṇḍañṇe lokanāyake.

Kotasahassānam; paṭhamābhisamayo ahu.

“Ngài cho xe pháp chạy; Bậc Lãnh đạo thế gian Koṇḍañña,

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội đầu tiên”⁽¹⁾.

Thắng hội II.

Sau đó Đức Thế Tôn thuyết lên bài kinh Hạnh phúc (Maṅgalasutta) do một thiên nhân hỏi, có đến 90 ngàn 10 triệu (900 tỷ) chúng sinh chứng đắc Thánh quả Alahán, các Thánh quả thấp hơn thì không kể.

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn.

5- Tato parampi desente; naramarūnam samāgame.

Navutikoṭisahassānam; dutiyābhisamayo ahu.

“Về sau, trong lần thuyết giảng khác; người và chư thiên hội lại.

Có 90 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội thứ hai” (sđd.5).

Thắng hội III.

Đức Thế Tôn thể hiện Song thông lực để nhiếp phục ngoại giáo, rồi Ngài thuyết lên pháp thoại, có đến 800 tỷ chúng sinh chứng đạt Thánh quả.

Đây là Thắng hội III của Ngài. Có Kinh văn.

6- Titthiye abhimaddanto; yadā dhammadesayi.

Asītikotiṭisahassānam; tatiyābhisamayo ahu.

“Khi nhiếp phục các ngoại đạo, Ngài thuyết lên Pháp thoại.

Có 80 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội thứ ba” (sđd.6).

**Ba Tầng hội của Đức Phật Koṇḍañña .*

Tầng hội I.

Lần an cư mùa mưa đầu tiên của Đức Thế Tôn Koṇḍañña ở tự viện Canda, gần thành phố Candavati⁽²⁾.

Khi ấy có thanh niên Balamôn tên Bhadda (còn gọi là Candamaṇava) con của Balamôn trưởng giả Sucindhara, một thanh niên Balamôn khác có tên là Subhadda, con của Balamôn trưởng giả Yasodhara, hai người là bạn thân với nhau.

Cả hai thanh niên cùng 10 ngàn thanh niên Balamôn khác được nghe pháp từ Đức Thế Tôn Koṇḍañña, tất cả đều chứng Thánh quả Alahán, xin xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn Koṇḍañña duỗi bàn tay phải ra nói rằng: “Etha bhikkhave ...” và tất cả đều được xuất gia.

Vào ngày trăng tròn tháng Jetṭha (tháng 6 – 7dl, theo lịch VN là ngày 15-6 âm) Trưởng lão Subhadda cùng với 1 tỷ vị Tỳkhuu tự hội lại để hành lễ Bôtát, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát* đến hội chúng Tăng ấy.

Đây là Tầng hội thứ I của Đức Thế Tôn Koṇḍañña.

Tầng hội II.

Khi Ngài Vijitasena (con trai của Đức Phật) chứng đắc Thánh quả Alahán. Vào đêm trăng tròn, Đức Thế Tôn Koṇḍañña tụng lời *Giáo giới giải thoát*

(1)- Bu.iii. 3-4. Koṇḍaññabuddhavaṃsa.

(2)- BuA. 110.

(Ovādapapaṭimokkha) trước 1.000 triệu vị Tỳkhuu có Ngài Vijitasena dẫn đầu tự hội lại. Đây là Tăng hội II của Ngài.

Tăng hội III.

Khi Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu du hành đến kinh thành của vua Udena. Nghe tin Đức Thế Tôn Koṇḍañña ngự đến kinh thành, vua Udena cùng đại chúng tùy tùng là 900 triệu vị, đến đánh lễ Đức Thế Tôn.

Sau thời pháp thoại tất cả đều chứng Thánh quả Alahán.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

8-Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

Dutiyo koṭisahassānaṃ, tatiyo navutikoṭinaṃ.

“100 ngàn 10 triệu vị; là lần tụ hội đầu tiên.

Lần hai có một trăm 10 triệu vị; 90 mươi triệu vị là lần ba”⁽¹⁾

***Tiên thân của Đức Phật Gotama.**

Bấy giờ tiên thân của Đức Phật Gotama là vua Chuyển luân Vijitāvī có kinh thành là Candavatī, vua Chuyển luân Vijitāvī trị nước bằng pháp.

Đức vua Vijitāvī nghe Đức Thế Tôn Koṇḍañña cùng đại chúng Tỳkhuu ngự đến kinh thành Candavatī, nên cho trang hoàng kinh thành thật xinh đẹp để đón tiếp Đức Phật, cho sửa soạn nơi trú ngụ của Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu, vua Chuyển Luân Vijitāvī đã cúng dường vô song thí đến Đức Thế Tôn Koṇḍañña cùng đại chúng Tỳkhuu.

Đức Phật Koṇḍañña tiên tri rằng: “Kể từ kiếp trái đất này trở đi, sau 3 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, vua Chuyển luân Vijitāvī trở thành bậc Chánh giác tương lai có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha” (như lời tiên tri của Đức Phật Dīpaṅkara).

Tiếp theo, Đức Thế Tôn Koṇḍañña thuyết lên Pháp thoại thích hợp với cơ tánh của đại chúng, mang Thánh quả đến cho vô số nhân thiên.

Nghe xong pháp thoại, vua Vijitāvī cúng dường vương quốc đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng, Ngài xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Koṇḍañña.

Sau khi học thông suốt pháp luật Trưởng lão Vijitāvī thực hành thiên định, chứng đắc bát thiên cùng 5 tầng trí.

Mệnh chung Ngài tái sinh về Phạm thiên giới.

*** Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Koṇḍañña.**

Đức Thế Tôn Koṇḍañña cao 88 hắc tay .

- Hai vị Thượng thủ thính văn của Đức Thế Tôn Koṇḍañña là: Trưởng lão Bhadda và Trưởng lão Subhadda. Thị giả là Trưởng lão Anuruddha.

- Hai vị nữ Thượng thủ thính văn của Đức Thế Tôn Koṇḍañña là Trưởng lão ni Tissā và Trưởng lão ni Upatissā.

- Hai nam cận sự tối thắng của Đức Thế Tôn Koṇḍañña là Ngài Soṇa và Ngài Upasaṇa.

- Hai nữ cận sự tối thắng của Đức Thế Tôn Koṇḍañña là bà Nandā và bà Sirimā.

Đức Thế Tôn Koṇḍañña viên tịch ở tuổi thọ 100 ngàn năm, ngôi Bảo tháp thờ Xá lợi của Đức Phật Koṇḍañña cao 7 do tuần được kiến tạo nơi Tự viện Canda.

Giáo pháp của Ngài được tồn tại 100 ngàn năm.

Phụ lục.

***Trưởng lão Abbhañjanadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán trong Giáo pháp của Đức Phật Gotama.

Trong thời Đức Phật Koṇḍañña, tiên thân của Ngài có dâng đầu mẹ lên Đức Phật Koṇḍañña.

⁽¹⁾- Bu.iii. 8. Koṇḍaññabuddhavaṃsa.

Do phước báu này, 15 đại kiếp sau tiền thân của Ngài tái sinh là vua Chuyển luân có vương hiệu là Cirappa⁽¹⁾.

***Trường lão ni Saṅkamanattā.**

Là vị Nữ Thánh Alahán trong Giáo pháp của Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Koṇḍañña, tiền thân của bà là một nữ nhân, khi thấy Đức Phật trên đường đi khất thực, nữ nhân ra khỏi nhà đi đến đánh lễ dưới chân của Đức Phật, Đức Phật dùng chân chạm vào đầu bà⁽²⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Koṇḍañña.

Sau Đức Phật Koṇḍañña, trải qua 1 atăng kỳ kiếp không có vị Chánh giác nào xuất hiện. Tiếp đến có kiếp trái đất, có 4 vị Chánh giác xuất hiện (gọi là sāramaṇakappa), đó là Đức Phật Maṅgala, Đức Phật Sumana, Đức Phật Revata và Đức Phật Sobhita.

3- Đức Phật Maṅgala.

Sau khi thực hành 30 pháp Balamật suốt thời gian dài 16 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, kiếp áp chót Ngài sinh về cõi Tusita (Đầusuất).

Bấy giờ trong thế gian có sự náo động (kolāhala) về Đức Chánh giác sẽ hiện khởi sau 1.000 năm nữa⁽³⁾, khi ấy vị thiên tử Bôtát thấy được 5 hiện tượng báo tử: Vòng hoa trang điểm bị héo, thiên y trở nên cũ kỹ, vật trang điểm trở nên mờ nhạt, mồ hôi từ nách chảy ra, tâm Ngài không còn vui thích nơi thiên giới.

Chư thiên và Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới thỉnh thiên tử Bôtát giáng sinh về nhân giới để trở thành vị Chánh giác.

Sau khi xem xét kỹ 5 điều, Ngài giáng sinh về nhân giới, mẹ của Ngài là bà Hoàng Uttarā, cha Ngài là vua Uttara cai trị kinh thành Uttara.

Khi Đấng Đại sĩ nhập thai bào, thân bà Hoàng Uttara tự nhiên phát sáng, ánh sáng tỏa rộng đến 80 hắc tay (# 40 m) vượt trội hơn cả ánh sáng mặt trời đang chói rạng hay ánh sáng mặt trăng trong bầu trời trong vắt không có áng mây, tồn tại cả ngày lẫn đêm.

Do nhân này, khi Ngài sinh ra, vào ngày lễ đặt tên Ngài được đặt tên là Maṅgala (Hạnh Phúc).

Bôtát Maṅgala sống tại gia 9 ngàn năm, Ngài có ba tòa cung điện là: Yasavā, Sucimā và Sirimā⁽⁴⁾, mỗi cung điện có 10 ngàn cung nữ xinh đẹp, giỏi múa hát đàn ca phục vụ, vợ Bôtát là công nương Yasavatī.

Khi Bôtát Maṅgala nhìn thấy đầy đủ bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và vị Samôn, Ngài lìa bỏ cung điện cưới ngựa Paṇḍara ra đi xuất gia, có 30 triệu người xuất gia theo Ngài, vào ngày hôm ấy nàng Yasavatī cũng vừa hạ sinh Thái tử Silava.

Bôtát Maṅgala thực hành khổ hạnh 8 tháng, rồi Ngài thọ thực trở lại, hội chúng Samôn tùy tùng lìa bỏ Ngài, đi đến vườn Siri trú ngụ.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesākha Bôtát nhận bát cơm sữa của nàng Uttarā, con của trưởng giả Uttara nơi làng Uttara. Thọ dụng cơm sữa xong, Ngài trú ngụ nơi rừng Sāla, vào buổi chiều Ngài đi đến cây Nāga (Mù u), trên đường đi Ngài nhận tám bó cỏ do du sĩ lỏa thể Uttara dâng cúng.

Khi đến cội cây Nāga, Bôtát đi quanh ba vòng, Ngài đến hướng Đông bắc, trái cỏ ra và Báo tọa chiến thắng hiện ra cho Ngài, báo tọa của Ngài rộng khoảng 58 hắc tay. Sau khi chiến thắng ma quân, Ngài chứng Vô thượng chánh giác vào lúc mặt trời vừa ló dạng.

(1)- Ap. i. 236.

(2)- Ap. ii. 514.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 1)..

(4)- BuA. 116.

Bấy giờ hào quang 6 màu từ thân của Ngài tự hiển lộ, chiếu thấu cả 10 ngàn thế giới.

Hào quang này là do ước nguyện của Ngài khi còn là Bôtát kiếp áp chót thân nhân loại. Thế gian khi ấy tựa như được phủ lên tấm vải màu vàng óng ánh, cả sông núi, đại dương, núi rừng ... đều có màu vàng óng ánh, hào quang ấy không bị ngăn chận bất cứ vật gì, xuyên suốt cả những ngọn núi lớn, tường thành ... hào quang át cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng, người ta chỉ phân biệt ngày đêm theo cách: Chim rừng hót vào buổi sáng và loại hoa nở vào buổi chiều.

***Hạnh sự.**

Vào kiếp áp chót là người (như Bôtát Vessantara), Bôtát đang sống với vợ và hai con một trai, một gái nơi đỉnh núiVaṅka.

Nơi núi Vaṅka có con đạxa hung ác tên là Kharadāṭhika, đạxa này thường bắt những ai đi vào khu vực của nó để ăn thịt.

Được nghe tiếng Bôtát là người bố thí rộng rãi, đạxa Kharadāṭhika hóa ra một Balamôn nghèo khổ, đến xin Bôtát hai người con để mang về hầu hạ mình. Bôtát hoan hỷ bố thí hai người con yêu quý của mình, lập tức Balamôn già hiện thân là đạxa hung ác, nắm lấy hai đứa bé bóp chết như người ta bóp cọng sen, rồi đưa vào miệng nhai ngấu nghiến.

Bôtát bất ngờ, chỉ biết đứng lặng nhìn, thấy máu ứa ra từ miệng đạxa, Bôtát không chút sầu khổ, trái lại Ngài hoan hỷ rằng: “Đây là phước sự cao thượng của ta”, Ngài ước nguyện rằng: “Do phước sự này, hào quang từ thân của ta phát ra hãy chiếu khắp 10 ngàn thế giới, như giòng máu tinh anh vậy”.

Trước đó, Bôtát có lần đến viếng Bảo tháp của Đức Chánh giác, một ý nghĩ sau đây sinh khởi cho Ngài: “Ta hãy cúng dường thân mạng này đến Đức Thế Tôn”. Bôtát dùng vải sạch và quý quần khắp thân, dùng những loại bơ, sữa đặc giá tẩm vào những lớp vải quý ấy, dùng một bát có giá trị 100 ngàn tiền vàng, đổ đầy trong bát những bơ, sữa ...

Ngài châm lửa vào bát đội lên đầu, rồi châm lửa vào thân, đi nhiều quanh Bảo tháp tựa như một cột ánh sáng đang đi quanh Bảo tháp suốt đêm để cúng dường đến Đức Thế Tôn.

Dù toàn thân cháy sáng như vậy, nhưng sức nóng không chạm vào da thịt của Ngài.

Thật vậy: “*Pháp hằng hộ trì người hành pháp*”, Đức Phật có dạy:

Dhamma have rakkhituṃ dhammacāriṃ

Dhammosuciṇṇo sukhaṃ avahati.

Esānisam̐sa dhamme suciṇṇe.

Na duggatiṃ gacchati.

“*Pháp bảo vệ người hành pháp.*

Hành pháp mang lại an lạc.

Đây là lợi ích hành pháp.

Không đi đến khổ cảnh⁽¹⁾.

Hoan hỷ với việc lành này, Ngài ước nguyện: “Xin cho con có được hào quang chiếu sáng 10 ngàn thế giới”.

Hỏi. Số lượng 10 ngàn thế giới có ý nghĩa gì?

Đáp. Đó là sinh vực của Đức Phật. Đức Phật có ba lãnh vực (khetta) là:

1- Sinh vực (*jātikhetta*).

Là khi Ngài giáng sinh vào lòng mẹ, cả 10 ngàn thế giới rung chuyển.

2- Uy vực (*gūṇakhetta*).

⁽¹⁾- JA. iii. 53. Sasajātaka (Chuyện con thỏ hiền trí).

Là khi Ngài thuyết giảng những bài pháp có ân đức sâu rộng như: Kinh Chuyển pháp luân, kinh Maṅgala (Hạnh phúc), kinh Ratana (Châu báu) ... cả một ngàn tỷ thế giới rung chuyển.

3- *Tuệ vực (visayakhetta).*

Lãnh vực trí tuệ của Đức Phật là vô biên.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Maṅgala.*

Thắng hội I.

Sau 7 tuần hưởng vị giải thoát nơi cội cây Nāga, nhận lời giảng pháp do vị Đại phạm thiên khẩn cầu. Đức Thế Tôn Maṅgala theo đường hư không đến vườn Siri gần thành Sirivaddha, nơi đây Ngài thuyết lên pháp thoại lần đầu, chuyển động Bánh xe pháp cho chạy đi, tế độ một ngàn tỷ nhân thiên chứng Thánh quả, trong đó có 30 triệu vị Tỳkhuu theo Ngài xuất gia trước đây chứng Thánh quả Alahán.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Patvāna bodhimatulaṃ; paṭhame dhammadesane.

Koṭisatasahassānaṃ; dhammābhisamayo ahu.

“Sau khi đạt Giác ngộ Vô song; lần đầu tiên giảng pháp.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội của Ngài”⁽¹⁾.

Thắng hội II.

Trước khi lên cung trời Tāvātimsa (Ba mươi ba) để thuyết Tạng Thắng pháp, Đức Thế Tôn dùng Song thông lực nhiếp phục chúng ngoại giáo ở cổng thành Citta. Rồi Đức Thế Tôn Maṅgala lên cung trời Tāvātimsa thuyết lên tạng Thắng pháp, tế độ 900 tỷ chư thiên và Phạm thiên chứng đạt Thánh quả. Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- Surindadevabhavane; buddho dhammadesayi.

Navakoṭisahasassānaṃ⁽²⁾; dutiyo samayo ahu.

“Nơi cung điện vua Trời; Đức Phật giảng pháp.

Có 900 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội thứ hai”^(sđd.6).

Thắng hội III.

Trước khi Đức Chánh giác Maṅgala xuất hiện, vua Chuyển luân Sunanda cai trị toàn thể trái đất này, kinh thành của Ngài có tên là Surabhi.

Khi Đức Phật Maṅgala xuất hiện, xe báu xe dịch chỗ cũ theo truyền thuyết: “Khi xe báu xe dịch chỗ cũ là điềm báo vua Chuyển luân sắp mệnh chung”.

Thấy vậy vua Chuyển luân Sunanda phiền muộn, cho họp triều thần đến để tìm hiểu nguyên nhân “vì sao xe báu xe dịch chỗ cũ”.

Các Đại thần thưa rằng:

- Thưa Đại vương, có ba lý do khiến xe báu trượt đi khỏi chỗ cũ là:

* Vua Chuyển luân sắp mệnh chung.

* Vua Chuyển luân xuất gia

* Đức Chánh giác xuất hiện.

Thưa Đại vương, thọ mạng của Đại vương vẫn còn vững lắm, hơn nữa Đại vương không có ý niệm xuất gia. Chính vì Đức Phật Maṅgala xuất hiện trên thế gian, nên xe báu dịch khỏi chỗ cũ.

Nghe vậy, vua Chuyển luân Sunanda tổ chức lễ cúng dường xe báu, quỳ trước xe báu, Ngài cầu khẩn rằng: “Thưa xe báu, tôi sẽ đến đánh lễ và nương nhờ nơi ân đức của Đức Phật Maṅgala. Xin xe báu hãy trở về vị trí cũ”. Lập tức xe báu trở lại vị trí cũ.

Vô cùng hân hoan, vua Chuyển luân Sunanda cùng đại chúng dày đặc 36 dotuần đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn Maṅgala.

⁽¹⁾- Bu.iv. 4. Maṅgalabuddhavaṃsa.

⁽²⁾. Bản khác ghi là: Tadākoṭisahasassānaṃ.

Vua Chuyển luân Sunanda cúng dường trọng thể đến Đức Thế Tôn cùng với 100 ngàn vị Thánh Alahán, cúng dường y quý đến Đức Thế Tôn và chư Tăng. Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại phúc chúc, dứt pháp thoại tất cả đều chứng đắc Thánh quả Alahán tuệ phân tích, trong đó có Thái tử Anurāja (Phó vương), số lượng là 900 triệu vị. Tất cả đều được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...” Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Sunandassānucarā janatā; tadāsuṃ navutikoṭṭiyo.

Sabbepi te niravasesā; ahesuṃ ehi bhikkhukā.

“Sunanda cùng các tùy tùng; có được là 90 mươi triệu vị.

Tất cả không trừ một ai; đã trở thành “hãy đến, này các Tỳkhuu.

*Ba Tăng hội của Đức Phật Maṅgala.

Tăng hội I.

Khi Đức Thế Tôn Maṅgala trú ngụ nơi thành Mekhala, hai vị Thượng thủ tương lai là Sudeva và Dhammasena, mỗi người có 10 ngàn tùy tùng⁽¹⁾.

Vào ngày trăng tròn tháng Māgha, tất cả đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn. Sau thời pháp thoại của Đức Thế Tôn, tất cả đều chứng Thánh quả Alahán.

Thế rồi vào đêm trăng tròn hôm ấy, các vị Thánh Tăng Alahán từ các nơi trở về thành Mekhala hành lễ Uposatha (Bồ tát).

Giữa hội chúng Tăng, Đức Phật ban lời *Giáo giới giải thoát*.

Đây là Tăng hội I của Ngài, có số lượng là một ngàn tỷ vị.

Tăng hội II.

Vào dịp khác, khi Đức Phật Maṅgala trú ngụ nơi kinh thành xinh đẹp Uttara, ở tự viện Uttara (Uttarārāma), quyến thuộc Ngài đã xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, đã tụ hội lại làm lễ Bồ tát (uposatha) nơi Tự viện Uttara. Giữa đại chúng Tăng là một tỷ vị, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát*. Đây là Tăng hội II của Ngài.

Tăng hội III.

Một lần khác, vị Trưởng lão dẫn đầu là vua Chuyển luân Sunanda trước đây cùng với 900 triệu Tỳkhuu, đi đến Đức Thế Tôn hành lễ Bồ tát.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau:

8- Sannipātā tayo āsuṃ; maṅgalassa mahesino.

Koṭṭisatasahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

“Có ba lần Tăng hội; của vị Đại ân sĩ Maṅgala.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là Tăng hội trước nhất của vị ấy”.

9- Dutiyo koṭṭisatasahassānaṃ; tatiyo navutikoṭṭinaṃ.

Khīṇāsavānaṃ vimalānaṃ; tadā āsi samāgamo.

“Lần thứ hai có một ngàn 10 triệu; lần thứ ba có 90 mươi triệu.

Các vị không còn ô nhiễm, trong sạch; các vị ấy đã tụ hội lại”⁽²⁾.

***Tiền thân Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy, có Bàlamôn Suruci sống nơi làng Suruci, vị này tinh thông ba tạng Veda (Vệ đà) cùng với đại nhân tướng.

Bàlamôn Suruci nghe được pháp thoại của Đức Thế Tôn, khởi tâm tịnh tín muốn cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng, bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, con xin thỉnh Ngài và đại chúng Tỳkhuu đến thọ thực nơi nhà của con vào ngày mai.

- Này gia chủ, có rất đông các vị Tỳkhuu.

- Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu vị?

- Có 100 ngàn 10 triệu vị (1.000 tỷ) (dường như đây là Tăng đoàn đầu tiên của Đức Thế Tôn).

(1)- Bản Sớ giải Lịch sử chư Phật tiếng Miến (BuAB) ghi là “một ngàn”.

(2)- Bu. iv. 8-9. Maṅgalabuddhavam.sa.

- Bạch Thế Tôn, con xin thỉnh tất cả.

Khi về nhà, Bàlamôn Suruci suy nghĩ: “Ta có khả năng cúng dường vật thực thượng vị đến tất cả Tăng chúng có Đức Thế Tôn là vị đứng đầu, nhưng làm sao có chỗ để các vị Tỳkhuu ngồi”.

Khi ấy, ngai vàng của vua trời Sakka nóng ran lên. Biết được nguyên nhân, vua Trời Sakka suy nghĩ: “Ta nên tạo công hạnh cho mình”.

Vua Trời Sakka hóa ra một người thợ mộc mang những dụng cụ làm gỗ, xuống nhân giới đi đến nhà Bàlamôn Suruci, rao rằng: “Ai có cần làm việc gì chăng?”. Bàlamôn Suruci hỏi:

- Này người thợ mộc, anh làm được những gì?

- Thưa chủ, tôi làm được tất cả mọi việc.

- Vậy có việc cho anh đây. Tôi có thỉnh 1.000 tỷ vị Tỳkhuu có Đức Phật là vị đứng đầu, đến nơi đây nhận vật thực. Nhưng Đại sảnh này này không đủ sức chứa số lượng Tỳkhuu ấy, vậy anh hãy làm một đại sảnh đủ chứa một ngàn tỷ vị Tỳkhuu đi.

- Được, nhưng chủ phải trả tiền công cho tôi.

- Được rồi, này anh thợ mộc.

Thiên chủ Sakka với thần lực của mình, đã kiến tạo một tòa đại sảnh rộng lớn, xinh đẹp, trang hoàng mỹ thuật, đầy đủ tiện nghi, tòa đại sảnh rộng đến 12 dotuần.

Bàlamôn Suruci nhìn tòa đại sảnh hiểu ngay rằng: “Đây là do thần lực của Thiên chủ Sakka”. Bàlamôn Suruci hoan hỷ cúng dường đến Đức Phật và đại chúng Tỳkhuu trọn 7 ngày.

Đại thí của Bàlamôn Suruci có tên gọi là *Gavapāna* vì được tổ chức để làm vinh danh Đức Phật; lễ vật chánh là một loại bánh làm bằng gạo nếp thơm, nấu với sữa và mật ong⁽¹⁾.

Vào ngày thứ 7, sau khi dùng vật thực xong, Đức Thế Tôn đưa Phật trí quan xét, rồi Ngài tuyên bố giữa đại chúng Tỳkhuu rằng: “Này các Tỳkhuu, sau 2 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất nữa, thiện gia tử này sẽ trở thành Đức Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

Nghe lời tiên tri của Đức Thế Tôn Maṅgala, tâm Bàlamôn Suruci ngập tràn niềm sự hỷ lạc. Một ý nghĩ xuất hiện trong tâm Bàlamôn Suruci rằng: “Như lời tiên tri của Đức Chánh giác, chắc chắn ta sẽ thành vị Chánh giác. Như vậy ta còn sống đời sống tại gia có ích lợi gì, ta hãy xuất gia trong Giáo pháp của Đức Đạo sư ngay bây giờ”.

Bàlamôn Suruci bố thí hết tài sản ngay trong ngày và xin được xuất gia trước sự chứng minh của Đức Thế Tôn Maṅgala.

Sau khi học thông thuộc Pháp luật, Trưởng lão Suruci tích cực thiền tịnh, chẳng bao lâu thành tựu tám chiền chứng cùng 5 pháp thần thông. Mệnh chung vị ấy tái sinh về Phạm thiên giới.

Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Maṅgala.

- Hai vị Thượng thủ thỉnh văn của Đức Thế Tôn Maṅgala là Trưởng lão Sudeva và Trưởng lão Dhammasena. Thị giả là Trưởng lão Pālita.

- Hai vị nữ thượng thủ thỉnh văn của Đức Thế Tôn Maṅgala là Trưởng lão ni Sivalā và Trưởng lão ni Asokā.

- Hai cận sự nam tối thắng là Trưởng giả Nanda và trưởng giả Visākha.

- Hai cận sự nữ tối thắng là bà Anulā và bà Sutanā.

- Các vị Samôn trong Giáo pháp của Đức Phật Maṅgala đều là những bậc Thánh Alahán.

⁽¹⁾- Bu. iv. 11; BuA. 122.

Đức Thế Tôn Maṅgala sống 90 ngàn tuổi, Ngài viên tịch nơi vườn hoa Vessara⁽¹⁾. Khi Đức Thế Tôn vừa viên tịch, ánh sáng tỏa ra từ thân của Ngài tắt lịm, cả 10 ngàn thế giới đột nhiên tối sầm lại, tiếng than khóc của chúng sinh trong 10 ngàn thế giới vang dội.

Xá lợi của Ngài kết thành một khối được tôn thờ trong Bảo tháp cao 30 dotuần, làm bằng 7 loại ngọc quý, ngay trong khu vườn Vessara.

Có Kinh văn sau.

32- Uyyāne vassare nāma; buddho nibbāyi maṅgalo.

Tatthevassa jinathūpo; tiṃsayo janamuggatoti.

“Nơi công viên tên Vassara, Đức Phật Maṅgala tịch diệt.

Bảo tháp Chiến thắng của Ngài; cao 30 dotuần”⁽²⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Maṅgala.

4- Đức Phật Sumana.

Sau khi Đức Thế Tôn Maṅgala viên tịch, tuổi thọ nhân loại giảm xuống dần đến khi còn 10 năm, rồi tuổi thọ con người tăng dần đến atăng kỳ năm.

Sau đó ác pháp xuất hiện, tuổi thọ con người giảm xuống đến khi còn 90 ngàn năm, bấy giờ vị Chánh giác thứ 2 hiện khởi trong thế gian, đó là Đức Phật Sumana.

Từ cõi Tusita (Đầu suất), Bôtát giáng sinh vào thai bào của bà Hoàng Sirimā, cha Ngài là vua Sudatta trị vì kinh thành Mekhala.

Bôtát sống tại gia 9 ngàn năm trong ba cung điện: Canda, Sucanda và Vaṭṭasa⁽³⁾, có 6 triệu 300 ngàn cung nữ xinh đẹp hầu hạ, vợ Ngài là công nương Vaṭṭasikā.

Khi thấy đầy đủ bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và vị Samôn, Bôtát Sumana cưỡi voi Maṅgala (Hạnh phúc) ra đi xuất gia, có 300 triệu tùy tùng theo Ngài ra đi xuất gia, cũng trong ngày ấy nàng Vaṭṭasikā vừa sinh ra người con trai là Thái tử Anupama.

Bôtát Sumana thực hành khổ hạnh 10 tháng, rồi thọ thực trở lại, hội chúng tùy tùng lìa bỏ Ngài.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, Ngài thọ dụng bát cơm sữa do nàng Anupamā con gái trưởng giả Anupama nơi làng Anoma dâng cúng, Bôtát trú ngụ suốt ngày nơi rừng Sāla gần đó.

Vào buổi chiều, Bôtát đi đến cội cây Nāga (Mù u), trên đường đi Ngài nhận 8 bó cỏ do du sĩ lỏa thể Anupama cúng dường. Đến cội cây Nāga, Bôtát đi quanh 3 vòng, rồi Ngài trải 8 bó cỏ nơi cội cây Nāga về hướng Đông bắc, một Bảo tọa Chiến thắng hiện khởi cho Ngài, trên Bảo tọa Chiến thắng Bôtát ngồi kiệt già, mặt hướng về Đông, Bôtát chiến thắng quân ma, khi mặt trời vừa ló dạng Ngài chứng Vô thượng Chánh giác.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Sumana.*

Thắng hội I.

Đại phạm thiên khẩn cầu Đức Thế Tôn khai mở Giáo pháp, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Ngài theo đường hư không đi đến khu vườn Mekhala gần thành Mekhala cách cây Nāga 18 gāvuta (1 gāvuta là 4 km), nơi ấy có 300 triệu vị Tỳkhuu theo Ngài ra đi xuất gia trước đây đến trú ngụ, trong đó có người em trai khác mẹ với Ngài là Vương tử Sarana và con trai quan Tế lễ sư (purohita) là Bhavitatta.

(1)- BuAB. Ghi là vườn hoa Uttara. Vườn này có tên là Uttara vì cây trong vườn ra hoa và kết trái nhiều hơn các cây nơi vườn khác.

(2)- Bu.iv. 32. Maṅgalabuddhavam.sa.

(3)- BuA. 125, gọi ba cung điện này là Nārivaḍḍhana, Somavaḍḍhana và Iddhivaḍḍhana.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại, cho bánh xe pháp chạy đi, tế độ chúng sinh chúng đắc Thánh quả là một ngàn tỷ vị.

Đây là Thăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Evametena yogena; uddharanto mahājanam.

Bodhesi paṭhamam satthā; koṭisatasahassiyō.

“Với phương thức như vậy; nâng đỡ tế độ đại chúng.

Bậc Đạo sư lần đầu tiên giác ngộ; một trăm ngàn 10 triệu vị”⁽¹⁾.

Thăng hội II.

Nơi cây xoài trong thành phố Sunandavatī, Đức Thế Tôn Sumana thi triển Song thông lực nhiếp phục chúng ngoại giáo. Sau đó Ngài thuyết giảng lên Pháp thoại tế độ chúng sinh, có một ngàn tỷ vị chúng đắc Thánh quả.

Đây là Thăng hội II của Ngài. Có Kinh văn.

8- Yamhi kāle mahāvīro; ovadī titthiye gaṇe.

Koṭisahasābhisamimsu; dutiye dhammadesane.

“Vào thời Đấng Đại Hùng; giáo huấn đồ chúng ngoại giáo.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; lần thứ nhì Ngài giảng pháp” (sđd.8).

Thăng hội III.

Có lần chư thiên và nhân loại bàn luận với nhau về tịch diệt (nirodha)⁽²⁾, không ai chấp nhận ai.

Vào buổi chiều, vua Arindama cùng hội chúng của mình đi đến bạch hỏi Đức Thế Tôn Sumana: Làm thế nào để nhập vào thiền Diệt? Làm thế nào để xuất khỏi thiền Diệt?

Đức Thế Tôn giải đáp các câu hỏi, nhân đó Ngài thuyết lên pháp thoại tế độ 900 triệu nhân loại, chư thiên và Phạm thiên chúng Thánh quả.

Đây là Thăng hội lần III của Ngài. Có Kinh văn sau.

10- Tadāpi dhammadesane; nirodhaparidīpane.

Navutikoṭisahasānam; tatiyābhisamayo ahu.

“Cũng vào dịp giảng pháp; giải thích đây đủ về tịch diệt.

Có 90 ngàn 10 triệu vị; là Thăng hội thứ ba”. (sđd. 10).

**Ba Tầng hội của Đức Phật Sumana.*

Tầng hội I.

Đức Thế Tôn khi an cư mùa mưa đầu tiên tại khu vườn Mekhala, gần thành Mekhala. Vào ngày Pavāraṇā (Tự tứ), có một ngàn tỷ vị Thánh Alahán được xuất gia theo cách “Etha bhikkhave...”, cùng nhau tụ hội để hành lễ Pavāraṇā, Đức Thế Tôn ban lời Giáo giới giải thoát giữa đại chúng Tầng ấy.

Đây là Tầng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

11- Sannipātā tayo āsum; sumanassa mahesino.

Khīṇāsavānam vimalānam; santacittāna tādīnam.

“Đã có ba lần tụ hội; của Đại ẩn sĩ Sumana.

Các bậc không còn ô nhiễm, trong sạch; tâm thanh tịnh kiên định ”.

12- Vassaṃvutthassa bhagavato; abhighuṭṭhe pavāraṇe.

Koṭisatasahasāsehi; pavāresi tathāgato.

“Đức Thế Tôn sau khi an cư mùa mưa; vào ngày lễ Tự tứ.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; Đấng Như Lai hành lễ Tự tứ” (sđd.12).

Tầng hội II.

Khi Đức Thế Tôn ngụ trú nơi núi Kañcana cao một gāvuta (4 km), vua Arindama cùng 900 triệu tùy tùng đến yết kiến Đức Thế Tôn Sumana.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích hợp, tất cả đều chúng quả Alahán, xin xuất gia và được xuất gia theo cách “Etha bhikkhave ...”.

⁽¹⁾- Bu.v. 7. Sumanabuddhavamsa.

⁽²⁾- Chỉ cho thiền Diệt thọ tướng (nirodhasamāpatti) – Ns.

Đây là Tăng hội thứ II của Ngài, có Kinh văn sau.

13- Tatoparaṃ sannipāte; vimale kañcanaṃ pabbate.

Navutikoṭṭisaḥassānaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Lân khác có sự tụ hội, ở núi Kañcana những vị trong sạch.

Có 90 ngàn 10 triệu vị, là lân tụ hội thứ hai” (sđd. 13).

Tăng hội III.

Khi vua trời Sakka cùng hội chúng chư thiên đến chiêm ngưỡng Phật tướng, bấy giờ có 800 triệu Thánh Tăng Alahán được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave...”. Giữa đại chúng Tăng, Đức Thế Tôn Sumana ban lời Giáo giới giải thoát.

Đây là Tăng hội III của Ngài, có Kinh văn sau.

14- Yadā sakko devarājā; buddhadassanupāgami.

Asitikoṭṭisaḥassānaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

“Khi vua trời Sakka; đến diện kiến Đức Phật.

Có 80 ngàn 10 triệu vị; là cuộc tụ hội thứ ba”⁽¹⁾.

Đức Thế Tôn thể hiện Song thông lực để nhiếp phục ngoại giáo ở kinh thành Sunandavatī⁽²⁾,

Tiền thân Đức Phật Gotama.

Vào thời ấy, tiền thân Đức Phật Gotama là Rắn chúa Atula có nhiều thần lực. Rắn chúa Atula biết tin Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian, khi vua trời Sakka cùng các thiên nhân tùy tùng cùng với vua Arindama và tùy tùng của Đức vua đến hỏi Đức Thế Tôn về tịch diệt (nirodha), Rắn chúa Atula cùng với tùy tùng cũng tháp tùng đến yết kiến Đức Thế Tôn Sumana.

Sau thời pháp thoại của Đức Thế Tôn, rắn chúa Atula vô cùng hoan hỷ, đã cúng dường đến Đức Phật và một tỷ Thánh Tăng Alahán trọn 7 ngày với những thức ăn thượng vị.

Vào ngày thứ 7, sau khi cúng dường vật thực xong, Rắn chúa dâng đến Đức Thế Tôn Sumana cùng tất cả Tỷkheuru mỗi vị một bộ tam y quý và Rắn chúa Atula xin nương nhờ Tam bảo.

Đức Thế Tôn Sumana tiên tri rằng: “ Sau 2 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, Rắn chúa Atula này sẽ trở thành vị Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sumana.**

- Đức Thế Tôn Sumana cao 90 hắc tay, như cột trụ bằng vàng, hào quang từ thân của Ngài tỏa ra khắp 10 ngàn thế giới⁽³⁾.

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Sumana là Trưởng lão Saraṇa và Trưởng lão Bhāvitatta. Thị giả là Trưởng lão Udena.

- Hai nữ Thủ tinh văn tối thắng của Đức Phật Sumana là Trưởng lão ni Soṇā và Trưởng lão ni Upasaṇā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Sumana là Ngài Varuṇa và Ngài Saraṇa.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Sumana là bà Cālā và bà Upacālā.

Đức Thế Tôn Sumana sống đến 90 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi đại tự Aṅgāra. Bảo tháp thờ Xá Lợi của Ngài cao bốn do tuần được kiến tạo ngay trong Đại tự Aṅgāra.

Dứt lịch sử Đức Phật Sumana.

(1)- Bu.v. 11- 4. Sumanabuddhavaṃsa.

(2)- BuA. 128.

(3)-Bu.v. 29. Sumanabuddhavaṃsa.

5- Đức Phật Revata.

Sau khi Đức Thế Tôn Sumana viên tịch, tuổi thọ nhân loại giảm dần xuống còn 10 năm, rồi tuổi thọ nhân loại tăng dần đến atăng kỳ năm, lại giảm xuống đến thời còn 60 ngàn năm thì Đức Phật Revata xuất hiện trên thế gian.

Theo thông lệ của chư Phật, Bôtát đang hưởng an lạc nơi cung trời Tusita (Đấusuất), chư thiên và Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới thỉnh Bôtát giáng trần.

Sau khi quán xét 5 điều tròn đủ, Bôtát giáng sinh vào thai bào của bà Hoàng Vipulā, cha của Bôtát là Đức vua Vipula cai trị nơi kinh thành Sudhaññavatī.

Bôtát Revata sống tại gia 6 ngàn năm trong ba cung điện: Cung điện Sudassana, cung điện Ratanagghi và cung điện Āvela, mỗi cung điện có 10 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Bôtát là công nương Sudassanā.

Khi Bôtát Revata chứng kiến bốn điều: Già, bệnh, chết và vị samôn; Bôtát lìa bỏ kinh thành ra đi xuất gia trên cỗ xe do các con ngựa thuần chủng kéo đi, có bốn đạo binh chũng: Tượng binh, mã binh, Xa binh và bộ binh theo hộ vệ Ngài. Trong ngày ấy, nàng Sudassanā vừa sinh ra người con trai là Thái tử Varuṇa.

Khi Bôtát xuất gia, có 10 triệu người cùng xuất gia theo hầu Ngài.

Bôtát khổ hạnh 7 tháng rồi thọ thực trở lại, hội chúng Samôn tùy tùng lìa bỏ Ngài.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, Bôtát nhận bát cơm sữa của nàng Sādhudevi con gái của một trưởng giả dâng cúng.

Vào buổi chiều, Bôtát đi đến cội cây Nāga (Mù u), trên đường đi Ngài nhận 8 bó cỏ của du sĩ lỏa thể Varunindhara cúng dường.

Khi đến cội cây Nāga, Bôtát đi vòng quanh cội cây ba vòng, rồi Ngài trải 8 bó cỏ nơi cội cây Nāga về hướng Đông bắc, một Bảo tọa Chiến thắng hiện khởi cho Bôtát, Ngài ngồi trên Bảo tọa mặt hướng về Đông, sau khi nhiếp phục toàn bộ ma quân, khi ánh mặt trời vừa lên cũng là lúc Ngài chứng đạt Vô thượng Chánh giác.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Revata.*

Thắng hội I.

Đức Thế Tôn sau 7 tuần hưởng hương vị giải thoát quanh 7 chỗ nơi cội cây Nāga, Đại phạm thiên thỉnh cầu Đức Thế Tôn khai mở pháp giải thoát đến chúng sinh. Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Ngài theo đường hư không đến vườn Varuṇā, nơi có 10 triệu vị Tỳkhuu theo Ngài đi xuất gia khi trước đang trú ngụ.

Sau thời Chuyển pháp Luân, 10 triệu vị Tỳkhuu chứng Thánh quả Alahán, chư thiên, Phạm thiên thành đạt ba Thánh quả thấp không thể đếm được. Đây là Thắng hội I của Ngài. Có kinh văn sau.

3- Tassābhisamayā tīṇi; ahesuṃ dhammadesane.

Gaṇanāya na vattabbo; paṭhamābhisamayo ahu.

“Ngài có ba Thắng hội; trong sự Giáng pháp của Ngài.

Hội chúng này không thể đếm được; là Thắng hội đầu tiên”⁽¹⁾.

Thắng hội II.

Vào thời điểm Đức Thế Tôn du hành đến thành Uttara, đây là kinh đô của vua Arindama. Kinh thành này được gọi là Uttara vì vượt trội hơn tất cả những kinh thành khác.

Vị vua này có danh hiệu là Arindama vì chiến thắng tất cả những kẻ nghịch (sabbarindama).

Vua Arindama được tin Đức Thế Tôn Revata đến viếng kinh thành Uttara của mình, Đức vua cùng đại chúng tùy tùng của mình là 30 triệu người ra khỏi Hoàng thành đón tiếp Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, Đức vua cho thắp sáng đèn dài 3 gāvuta (= 12 km) .

⁽¹⁾- Bu. vi.3. Revatabudhdavaṃsa.

Đức vua Arindama thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng ngự đến Hoàng cung thọ thực vào ngày mai, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Đức vua Arindama cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳkhuu trọn 7 ngày. Vào ngày thứ 7, sau khi thọ thực xong rồi, Đức Thế Tôn với pháp thoại chúc phúc đến hội chúng, pháp thoại phù hợp với ý nghĩ của hội chúng (manonukūla), mang đến Thánh quả cho 10 ngàn triệu chúng sinh (nhân loại và thiên nhân). Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn:

4- Yadā arindamaṃ rājaṃ; vinesi revato muni.

Tadā koṭisahassānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Khi ấy vua Arindama; được Bậc ẩn sĩ Revata chỉ dạy.

Có một ngàn 10 triệu vị (hiểu pháp); là Tăng hội thứ hai” (sđd.4).

Tăng hội III.

Khi Đức Thế Tôn Revata trú ngụ gần thị trấn Uttara, Ngài an trú vào định Diệt thọ tưởng 7 ngày. Cư dân nơi thị trấn Uttara mang vật thực ... đến cúng dường đại chúng Tỳkhuu, bạch hỏi rằng:

- Thưa các Tôn giả, Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu?

- Nay các gia chủ, Đức Thế Tôn đang an trú trong định Diệt thọ tưởng 7 ngày.

Vào ngày thứ 7, khi Đức Thế Tôn Revata xuất khỏi thiền Diệt thọ tưởng, cư dân mang vật thực ... đến cúng dường Đức Thế Tôn Revata.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại đề cập đến ân đức của sự chứng đạt thiền Diệt, những điều kiện thành tựu chứng đạt Thiền Diệt.

Pháp thoại mang lại Thánh quả Alahán cho một tỷ chúng sinh (chư thiên và nhân loại). Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn.

5- Sattāhaṃ paṭisallānā; vuṭṭhahitvā narāsabho.

Koṭisatamaṃ naramarūnaṃ; vinesi uttame phale.

“Sau 7 ngày ra khỏi thiền tịnh; Bậc Nhân Nguru đã chỉ dạy.

Một trăm 10 triệu nhân thiên; chứng đạt quả tối thượng” (sđd.5).

**Ba Tăng hội của Đức Thế Tôn Revata.*

Tăng hội I.

Nơi kinh thành Sudhaññavatī (là sinh quán của Bôtát Revata), giữa Đại chúng Tăng Alahán không thể tính đếm được, không mời tự đến để hành lễ Uposatha (Bôtát). Đức Thế Tôn Revata ban lời *Giáo giới giải thoát*.

Đây là Tăng hội I của Ngài.

Tăng hội II.

Một lần khác, nơi thành phố Mekhala, có đến một tỷ Thánh Tăng Alahán được xuất gia theo cách : “Ethā bhikkhave ...”, cùng nhau tụ hội lại để hành lễ Uposatha (Bôtát). Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát* đến hội chúng Tăng ấy. Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Atikkantā gaṇanapathamaṃ; paṭhamamaṃ ye samāgatā.

Koṭisatasahassānaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Hội chúng không thể đếm; lần đầu tụ hội lại.

Có 100 ngàn 10 triệu; là lần tụ hội thứ hai” (sđd. 7).

Tăng hội III.

Cũng nơi thành phố Mekhala này, vị Thượng thủ thỉnh văn đệ I của Đức Thế Tôn là Ngài Varuṇa lâm trọng bệnh, bấp bênh giữa sống và chết.

Đức Thế Tôn Revata ngự đến kinh thành Mekhala viếng thăm Ngài Varuṇa, Ngài thuyết lên pháp thoại đề cập đến Tam tướng, có đến một ngàn tỷ nam cư sĩ đến thăm hỏi bệnh tình của Trưởng lão Varuṇa, được nghe pháp thoại của Đức Thế Tôn, chứng đắc Thánh quả Alahán. Tất cả xin được xuất gia và Đức Thế Tôn đã cho tất cả xuất gia bằng cách “Ethā bhikkhave ...”.

Vào đêm trăng tròn, tất cả tụ hội lại để hành lễ Uposatha (Bôtát), giữa Đại chúng Tăng Alahán, Đức Thế Tôn Revata ban lời *Giáo giới giải thoát*.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

9- Tassa gilānapucchāya; ye tadā upagatā muni.

Koṭisahassā arahanto; tatiyo āsi samāgamo.

“*Hỏi thăm bịnh vị ấy, Bạc Ấn sĩ đến nơi ấy.*

Có 100 ngàn 10 triệu; là lần tụ hội thứ ba”. (sđd. 9).

***Tiên thân của Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy, thiên thân Đức Phật Gotama là Balamôn có tên là Atideva cư trú nơi thành Rammavati, Ngài tinh thông mọi nghệ thuật của giai cấp Balamôn.

Có lần Balamôn Atideva đến đánh lễ Đức Thế Tôn, nghe pháp thoại từ Đức Thế Tôn Revata, Balamôn Atideva hân hoan với pháp thoại của Đức Thế Tôn, tán thán ân đức của Đức Thế Tôn như: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến Revata với 1.000 kệ ngôn.

Balamôn Atideva cúng dường đến Đức Thế Tôn chiếc y choàng trị giá 1.000 đồng vàng của mình. Nhân đó Đức Thế Tôn Revata tiên tri trước đại chúng rằng: “Sau 2 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, Balamôn Atideva này sẽ là bậc Chánh giác tương lai có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Revata.**

Đức Phật Revata cao 80 hắc tay, hào quang của Ngài chiếu sáng xa 1 do tuần, cả ngày lẫn đêm.

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Revata là Trưởng lão Varuṇa và Trưởng lão Brahmadeva. Thị giả là Trưởng lão Sambhava.

- Hai nữ Thỉnh văn tối thắng của Đức Phật Revata là Trưởng lão ni Bhadā và Trưởng lão ni Subhaddā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Revata là Ngài Paduma và Ngài Kuñjara.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Revata là bà Sirimā và bà Yasavati.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Revata là 60 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi vườn hoa Mahāsāra, trước khi viên tịch Đức Phật Revata nguyện Xá lợi của Ngàn phân tán khắp các phương⁽¹⁾.

Bảo tháp thờ Xá lợi của Ngài được nhân loại và chư thiên lễ bái cúng dường.

Dứt lịch sử Đức Phật Revata.

6- Đức Phật Sobhita.

Sau khi Đức Phật Revata viên tịch, tuổi thọ nhân loại giảm dần đến khi còn 10 năm rồi lại tăng dần đến atăng kỳ năm. Sau đó lại giảm xuống, khi nhân loại có tuổi thọ là 90 ngàn năm thì Đức Thế Tôn Sobhita hiện khởi trên thế gian.

Đức Thế Tôn Sobhita thực hành pháp Balamôn viên mãn với thời gian là 4 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất.

Bồ tát sống nơi cung trời Tusita thọ hưởng an lạc, chư thiên và Phạm thiên từ 10 ngàn thế giới đi đến thỉnh Bồ tát giáng sinh về cõi người để chứng đạt Vô thượng Chánh giác.

Sau khi quán xét thấy hội đủ năm điều, Bồ tát giáng sinh vào thai bào của bà Hoàng Sudhammā, cha Ngài là Đức vua Sudhamma trị vì kinh thành có tên là Sudhamma.

Sau 10 tháng trú trong thai bào, Bồ tát ra khỏi lòng mẹ nơi vườn hoa Sudhamma.

Bồ tát Sobhita sống đời tại gia 9 ngàn năm trong ba cung điện là: Cung điện Kumuda, cung điện Nalina và cung điện Paduma với 70 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Ngài là công nương Makhiladevi⁽²⁾ (nàng còn có tên gọi là Samaṅgi⁽¹⁾).

⁽¹⁾- Bu. vii. 41. Revatabuddhavamsa; BuA. 131.

⁽²⁾- Sơ giải lịch sử chư Phật, bản tiếng Miến (BuAB) ghi là Manilā

Khi nàng Makhiladevī vừa sinh ra người con trai là Thái tử Sīha, Bôtát thấy hình ảnh vị Samôn, kinh cảm trí (saṃvegañāṇa) hiện khởi đến Bôtát Sobhita, Ngài quyết định xuất gia.

Bôtát Sobhita xuất gia ngay chính trong tòa cung điện Ngài đang sống, Bôtát thực hành pháp niệm hơi thở, chứng đắc Tứ thiên, cũng chính trong tòa cung điện này, Ngài thực hành khổ hạnh 7 ngày.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, Bôtát thọ dụng bát cơm sữa do chính tay bà Hoàng Makhiladevī cúng dường.

Sau khi thọ dụng cơm sữa, Ngài phát nguyện rằng: “Rất đông chúng sinh đang tìm kiếm ta, cung điện được trang hoàng xinh đẹp này hãy đi vào không trung, đến nơi ta sẽ giác ngộ. Tất cả những người của cung điện này hãy ra đi theo ý của họ”.

Khi Bôtát Sobhita phát nguyện vừa dứt lời, tòa cung điện bay bổng lên không trung trước sự kinh ngạc và hân hoan của cư dân trong kinh thành Sudhamma. Hào quang từ cung điện phát ra chiếu sáng khắp mọi hướng, gió thổi vào những chùm chuông treo quanh cung điện tạo ra những âm thanh vi diệu như những nhạc công đại tài tấu lên những bản nhạc tuyệt diệu. Các nữ nhạc trong cung điện cùng nhau hát lên những khúc ca với âm điệu du dương làm say đắm lòng người nghe.

Cung điện đi trong không trung không quá nhanh cũng không quá chậm, không quá cao cũng không quá thấp, bốn đạo binh chùng gìn giữ cung điện của Bôtát cũng bay lơ lửng trong không trung, như bốn đoàn binh trời theo bảo hộ cung điện.

Cung điện theo đường hư không đi đến vùng trung tâm trái đất rồi hạ xuống nơi cội cây Nāga cao 18 hắc tay với tàn nhánh tỏa rộng.

Các cung nữ luôn cả bà Hoàng Makhiladevī cũng tỏa đi khắp nơi để vui thích với cảnh trí thiên nhiên của vùng đất trung tâm quả địa cầu. Bốn đoàn binh chùng cũng tản mác khắp nơi,

Bôtát ngồi yên nơi trong cung điện, sau khi chiến thắng những đạo quân ma, Ngài chứng đắc Vô thượng Chánh giác khi mặt trời vừa ló dạng.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Sobhita.*

Thắng hội I.

Trải qua 49 ngày hưởng hương vị giải thoát ở 7 nơi quanh cội cây Nāga, Đức Phật Sobhita nhận lời khai mở pháp giải thoát của vị Đại phạm thiên.

Ngài suy xét: “Ai là người được tế độ trước tiên?”. Ngài thấy duyên lành của hai vương tử Asama và Sumetta (là hai người em khác mẹ với Ngài).

Đức Thế Tôn Sobhita theo đường hư không đến vườn Ngự Uyển Sudhamma, bảo người giữ vườn gọi hai vương tử Asama và Sumetta đến. Hai vương tử cùng đồng đảo tùy tùng của mình đi đến vườn Ngự Uyển Sudhamma đánh lễ Đức Thế Tôn Sobhita.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại Chuyển Pháp luân, tế độ vô số chúng sinh (nhân loại, chư thiên và Phạm thiên) chứng đắc Thánh quả.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Tāya parisāya sambuddho; dhammacakkaṃ pavattayi.

Gaṇanāya na vattabbo; paṭhamābhisamayo ahu.

“Đấng Chánh giác có ba lần lãnh hội pháp; Ngài chuyển động bánh xe pháp.

Hội chúng không thể đếm được; là Thắng hội đầu tiên”⁽²⁾.

Thắng hội II.

(1)- Bu.viii.18. Sobhitabuddhavaṃsa.

(2)- Bu.vii. 4. Sobhitabuddhavaṃsa.

Vào dịp Đức Thế Tôn Sobhita thể hiện Song thông lực nơi cây Cittapātālī, gần cổng thành Sudassana để nhiếp phục ngoại đạo. Rồi Ngài ngự lên cõi Tāvatisa (Ba mươi ba), thuyết lên tạng Thắng pháp (Abhidhamma), dứt pháp thoại có đến 900 triệu chư thiên và Phạm thiên chúng đạt Thánh quả Alahán, trong đó có vị thiên tử Sudhamma (hậu thân của bà Hoàng Sudhammā, là mẹ của Bôtát Sobhita).

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- Tato parampi desente; marūnañca samāgame.

Navutikoṭisahassānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Lần khác khi giảng pháp, nơi hội chúng chư thiên.

Có 90 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội thứ hai” (sđd.5).

Thắng hội III.

Vương tử Jayasena cho kiến tạo một Đại tự rộng một dotuần , ngoài ra còn kiến tạo một vườn hoa với những cây quý như: Asoka (Vô ưu), Campaka, Punnāga, cây có lõi cứng, Vakula ... cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Trong lễ dâng cúng Đại tự và vườn hoa quý, Đức Thế Tôn Sobhita phúc chúc bằng thời pháp thoại thích hợp.

Dứt pháp thoại có mười ngàn triệu chúng sinh chúng Thánh quả.

Đây là Thắng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Tassa yāgaṃ pakittento; dhammaṃ desesi cakkhumā.

Tadā koṭisahassānaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Khi vị ấy cúng dường; Bạc Hữu Nhãn giảng pháp.

Nơi ấy có một ngàn 10 triệu; là Thắng hội lần ba” (sđd.7).

**Ba Tăng hội của Đức Thế Tôn Sobhita.*

Tăng hội I.

Vua Uggata trị vì nơi kinh thành Sunandavatī, vua Uggata kiến tạo nơi kinh thành Sunandavatī, ngôi Đại tự Surinda (Surindārāma) cúng dường đến Đức Thế Tôn Sobhita và chư Tỳkhuu Tăng.

Trong lễ hội cúng dường Tự viện Sunanda, có một tỷ Alahán xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave ...” tham dự.

Vào đêm trăng tròn của ngày cúng dường tự viện, một ngàn triệu vị Thánh Alahán tụ hội lại để hành lễ Bôtát (uposatha).

Đức Thế Tôn Sobhita đã ban lời *Giáo giới giải thoát* đến hội chúng Tăng ấy. Đây là Tăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

8- Sannipātā tayo āsura; sobhitassa mahesino.

Khiṇāsavānaṃ vimalānaṃ; santacittāna tādinaṃ.

“Vị có ba Tăng hội; là Bạc Đại ẩn sĩ Sobhita.

Không còn ô nhiễm, trong sạch; có tâm an tịnh như vậy”.

9-Uggato nāma so rājā; dānaṃ deti naruttame.

Tamhi dāne samāgañchuma; arahantā satakoṭiyo.

“Vua Uggata; cúng dường đến bậc Tối Thượng.

Trong lần cúng dường này; có 100 koti Alahán hội lại”(sđd. 8-9).

Tăng hội II.

Lại nữa, vua Uggata xây dựng ngôi đại tự Dhammaganārāma trong thành phố Mekhala cúng dường đến Đức Phật Sobhita và Tăng chúng.

Có 900 triệu Alahán tụ hội lại để hành lễ Uposadha (Bôtát), Đức Thế Tôn Sobhita ban lời *Giáo giới giải thoát* đến hội chúng Tăng ấy.

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

10- Punāparaṃ puragaṇo; deti dānaṃ naruttame.

Tadā navutikoṭinaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Vào lần khác, nhóm người tụ hội; dâng cúng vật thí đến Đấng Tối Thượng.

Khi ấy có 90 mười triệu vị; là lần tụ hội hai”(sđd.10).

Tăng hội III.

Đức Thế Tôn Sobhita trú ngụ nơi cung trời Tāvātimsa ba tháng (tính theo cõi nhân loại) để thuyết tạng Thắng pháp.

Sau đó Ngài ngự về nhân giới vào ngày trăng tròn, có 800 triệu vị Thánh Alahán tụ hội lại để hành lễ Bôttát.

Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát* trước Hội chúng Tăng ấy.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có kinh văn sau.

11- Devaloke vasitvāna; yadā orohatī jino.

Tadā asītikoṭīnaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

“Sau khi đã cư ngụ cõi trời; Đấng Chiến Thắng xuống trần.

Khi ấy có 80 mười triệu; là lần tụ hội thứ ba”(sđd.11).

***Tiền thân Đức Phật Gotama.**

Bấy giờ nơi thành Rammavatī, có một Bàlamôn kiệt xuất là Sujāta.

Vào một lần an cư mùa mưa của Đức Thế Tôn Sobhita và Tăng chúng nơi thành Rammavatī, Bàlamôn Sujāta nghe được pháp thoại của Đức Thế Tôn, Bàlamôn Sujāta quy ngưỡng Tam Bảo.

Bàlamôn Sujāta cúng dường vật thực đến Đức Phật cùng Tăng chúng trọn cả ba tháng mùa mưa.

Đức Thế Tôn tán thán công hạnh của Bàlamôn Sujāta, tiên tri giữa Đại chúng rằng: “ Sau 2 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất nữa, Bàlamôn Sujāta là vị Chánh giác tương lai, có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sobhita.**

Đức Phật Sobhita cao 58 hắc tay, hào quang của Ngài chiếu sáng khắp 10 phương xa bao nhiêu tùy theo ý của Ngài

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Sobhita là Trưởng lão Asama và Trưởng lão Sunetta. Thị giả là Trưởng lão Anoma.

- Hai nữ Thủ tinh văn tối thắng của Đức Phật Sobhita là: Trưởng lão ni Nakulā và Trưởng lão ni Sujātā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Sobhita là Ngài Ramma và Ngài Sudatta.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Sobhita là bà Nakulā và bà Cittā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Sobhita là 90 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi tự viện Sīha, trước khi viên tịch, Ngài nguyện Xá lợi của Ngài phân tán khắp nơi và được nhân loại cùng chư thiên lập những Bảo tháp tôn thờ Xá lợi của Ngài, ngày đêm lễ bái cúng dường.

Phụ lục.

***Trưởng lão Kaṇhadinna⁽¹⁾.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Sobhita, tiền thân của Ngài có cúng dường đến Đức Phật Sobhita bằng *punnāga*⁽²⁾.

Một lần khác, khi ở Cittakūṭa (núi Citta), tiền thân của Ngài có cúng dường đến Đức Phật Sobhita trái *giripunnāga*, Ngài chính là Trưởng lão Giripunnāgiya được đề cập trong tập Apadāna (Ký sự)⁽³⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Sobhita.

Sau khi Đức Phật Sobhita viên tịch, trải qua 1 atăng kỳ trái đất không có vị Chánh giác nào xuất hiện trên thế gian.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 5).

(2)- Thag. v. 179; ThagA. i. 304.

(3)- Ap.ii, 416.

Tiếp đến một kiếp trái đất có 3 vị Chánh giác xuất hiện (gọi là varakappa), là: Đức Phật Anomadassī, Đức Phật Paduma và Đức Phật Narada.

7- Đức Phật Anomadassī.

Sau khi hoàn tất 30 pháp Balamật với thời gian là 16 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, Bôtát tái sinh về cõi Tusita (Đầu suất).

Theo lời thỉnh cầu của chư thiên và Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới, Bôtát giáng sinh vào thai bào của bà Hoàng Yasodharā, cha Bôtát là Đức vua Yasavā trị vì nơi kinh thành Candavatī.

Khi Bôtát còn nằm trong thai bào, một vầng hào quang từ thân bà Hoàng Yasodharā tỏa ra khoảng 80 hắc tay, vầng hào quang này át cả ánh sáng mặt trời và mặt trăng.

Sau 10 tháng nằm trong thai bào, Bôtát ra khỏi lòng mẹ nơi vườn hoa Sunanda⁽¹⁾, có một trận mưa 7 loại châu báu rơi xuống, người ta mãi mê ngắm nhìn những giọt mưa châu ngọc xinh đẹp. Do vậy, vị Thái tử sơ sinh được đặt tên là Anomadassī.

Bôtát Anomadassī sống tại gia 10 ngàn năm trong ba tòa Cung điện: Cung điện Siri, cung điện Upasiri và cung điện Vaḍḍha⁽²⁾, có 23 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Ngài là công nương Sirimā.

Khi thấy được đầy đủ bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và vị Samôn, Bôtát Anomadassī quyết định xuất gia, Ngài dùng kiệu ra đi xuất gia, có 30 triệu tùy tùng theo Ngài cùng xuất gia, vào ngày hôm ấy, nàng Sirimā vừa sinh ra Thái tử Upavāna.

Bôtát khổ hạnh 10 tháng, rồi Ngài thọ thực trở lại, hội chúng Samôn tùy tùng lìa bỏ Ngài đến vườn Sudassana gần thành Subhavatī trú ngụ.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, Bôtát đi đến làng Balamôn Anupama thọ nhận bát cơm sữa do nàng Anupamā con của trưởng giả Anupama cúng dường.

Vào buổi chiều từ rừng cây Sāla, Bôtát đi đến cội cây Ajjuna, Ngài nhận 8 bó cỏ của du sĩ lửa thể Anupama cúng dường.

Bôtát trải 8 bó cỏ nơi cội cây Ajjuna về hướng Đông bắc, một Bảo tọa Chiến thắng hiện khởi cho Ngài.

Bôtát Anomadassī ngồi trên Bảo tọa chiến thắng quân ma, khi mặt trời vừa lên Ngài chứng đạt Vô thượng Chánh giác.

Khi ấy phước tướng của Đức Phật hiển lộ, bất kỳ người hay chư thiên, Phạm thiên khi nhìn thấy Phật tướng đều phát sinh tâm hân hoan.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Anomadassī.*

Thắng hội I.

Đức Thế Tôn Chuyển pháp luân nơi vườn Sudassana gần thành Subhavatī, tế độ chúng sinh chứng đắc Thánh quả không thể đếm được, trong đó có 30 triệu vị Tỳkhuu xuất gia theo Ngài trước đây chứng đạt Thánh quả Alahán.

Đây là thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- Dhammābhisamayo tassa; iddho phīto tadā ahu.

Koṭisatāni abhisamimsu; paṭhame dhammadesane.

“Thắng hội pháp của vị ấy; thành tựu với số lượng.

Hàng trăm 10 triệu không tính được; là lần giảng pháp đầu tiên”⁽³⁾.

Thắng hội II.

Sau khi thể hiện Song thông lực nơi cây Asana gần cổng thành Osadhī để nhiếp phục chúng ngoại đạo.

(1)- Bản tiếng Miên ghi là: Sumanda.

(2)- BuA. Ghi là Sirivaḍḍha.

(3)- Bu. viii.4. Anomadassībuddhavaṃsa.

Đức Thế Tôn ngự lên cung trời Tāvātimsa thuyết lên tạng Thắng pháp trọn ba tháng tính theo cõi nhân loại, tế độ 800 triệu chư thiên và Phạm thiên chứng đạt Thánh quả.

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

6- Tato param abhisamaye; vassante dhammavutṭhiyo.

Asītikotiyo bhisamimsu; dutiye dhammadesane.

“Lại Thắng hội khác; cơn mưa pháp trút xuống.

Có 80 triệu vị lãnh hội; lần thứ nhì giảng pháp” (sđd.6).

Thắng hội III.

Một lần khác, Đức Thế Tôn thuyết lên bài kinh Maṅgala (Hạnh phúc), tế độ 780 triệu chúng sinh chứng đạt Thánh quả.

Đây là Thắng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Tatoparañhi vassante; tappayante ca pāṇinaṃ.

Aṭṭhasattatikotīnaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Lại lần khác, cơn mưa (pháp); làm mát dịu chúng sinh.

Có 78 triệu vị; là Thắng hội lần ba” (sđd.7).

**Ba Tạng hội của Đức Phật Anomadassī.*

Tạng hội I.

Một thời Đức Thế Tôn trú ngụ nơi thành Soreyya, Ngài thuyết pháp thoại tế độ vua Isidatta cùng với 800 ngàn tùy tùng của Đức vua.

Dứt pháp thoại, tất cả đều chứng Thánh quả Alahán và được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

Đây là Tăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

8- Sannipātā tayo āsum; tassāpi ca mahesino.

Abhiññābalappattānaṃ; pupphitānaṃ vimuttiyā.

“Có ba lần tụ hội; của Bậc Đại Ấn sĩ ấy.

Bậc chứng đạt Thắng trí lực; đã kết hoa giải thoát”.

9- Aṭṭhasatasahassānaṃ; sannipāto tadā ahu.

Pahīnamadamohānaṃ; santacittāna tādinaṃ.

“Có 800 ngàn vị; đã tự tụ hội lại.

Đã diệt trừ tham, si; tâm an tịnh kiên định” (sđd.8-9)..

Tạng hội II.

Một lần khác, nơi thành Rādhavātī Đức Thế Tôn thuyết pháp thoại tế độ vua Madhurindhara cùng với 700 ngàn tùy tùng.

Dứt Pháp thoại tất cả đều chứng Thánh quả Alahán và được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

10- Sattasatasahassānaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

Anaṅgaṇānaṃ virajānaṃ; upasantāna tādinaṃ.

“Có 700 ngàn vị; là lần tụ hội thứ hai.

Không ô nhiễm, không bụi trần; có sự an tịnh kiên định” (sđd. 10).

Tạng hội III.

Cũng nơi kinh thành Soreyya, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại tế độ vua Soreyya cùng với 600 ngàn tùy tùng.

Dứt Pháp thoại tất cả đều chứng Thánh quả Alahán và được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

11- Channaṃ satasahassānaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

Abhiññābalappattānaṃ; nibbutānaṃ tapassinaṃ.

“Có 600 ngàn vị; là lần tụ hội thứ ba.

Đã đạt Thắng trí lực; nỗ lực chứng tịch diệt” (sđd.11).

**Tiền thân của Đức Phật Gotama.*

Vào thời ấy, tiền thân Đức Phật Gotama là một đại tướng đạoxa, cai quản vô số đạoxa.

Được tin Đức Phật hiện khởi trên thế gian, vị tướng đạoxa kiến tạo một đại sảnh bằng 7 loại ngọc báu có hình dạng như mặt trăng, vô cùng nguy nga tráng lệ, cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng.

Đồng thời Tướng đạoxa còn cúng dường vật thực đến Đức Phật và Tăng chúng trọn 7 ngày.

Vào ngày thứ 7, Đức Thế Tôn Anomadassī tiên tri rằng: “Sau 1 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, tướng đạoxa này trở thành bậc Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Anomadassī.**

Đức Phật Sobhita cao 58 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng tự nhiên là 12 dotuần.

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Anomadassī là Trưởng lão Nisabha và Trưởng lão Anoma. Thị giả là Trưởng lão Anoma.

- Hai nữ Tinh văn tối thắng của Đức Phật Anomadassī là Trưởng lão ni Sundarī và Trưởng lão ni Sumanā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Anomadassī là Ngài Nandivaddha và Ngài Sirivaddha.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Anomadassī là bà Uppalā và bà Padumā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Anomadassī là 100 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi khu vườn Dhammārāma, Xá lợi của Ngài được tôn thờ trong Bảo tháp cao 25 dotuần.

Phụ lục.

*Chính thời pháp của trưởng lão Nisabha làm cho đạo sĩ Sarada có ước nguyện trở thành vị Thượng thủ tinh văn tay phải của Đức Chánh giác tương lai (là Ngài Sāriputta sau này), sau đó trưởng giả Sirivaddha đã ước nguyện thành Thượng thủ tinh văn tay trái (là Ngài Moggallāna sau này) và Đức Thế Tôn Anomadassī đã thọ ký cho hai vị ấy.

*Cũng trong thời Đức Phật Anomadassī, tiền thân của Trưởng lão Bakkula là một đạo sĩ khổ hạnh.

Khi Đức Phật Anomadassī bị bệnh, đạo sĩ khổ hạnh đã tìm thuốc quý cúng dường đến Đức Phật⁽¹⁾.

***Trưởng lão Mettaji.**

Trong thời Đức Phật Gotama còn tại tiền, Ngài sinh ra trong xứ Magadha, con của một gia tộc Balamôn, được đặt tên là Mettaji.

Thấy được đau khổ của các dục lạc, Ngài xuất gia làm ẩn sĩ.

Được nghe sứ mạng của Đức Thế Tôn là tế độ chúng sinh thoát khỏi khổ luân hồi, do tiền duyên thúc đẩy ẩn sĩ Mettaji đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch hỏi về sự tu tập được trắng trướng hay tu tập bị thối giảm (*pavattiyo*).

Sau khi nghe Đức Thế Tôn giải đáp, Ngài hân hoan xin được xuất gia trong Tăng đoàn, nỗ lực hành pháp chẳng bao lâu chứng Thánh quả Alahán.

Để nói lên chánh trí của mình, Ngài có kệ ngôn sau.

94- ‘Namo hi tassa bhagavato; sakyaputtassa sirīmato.

Tenāyaṃ aggappattena; aggadhammo sudesito’ti.

“Kính lễ Đức Thế Tôn ấy, Đấng an lành giòng Thích tử.

Ngài chứng đạt tối thượng; thuyết giảng pháp tối thượng”⁽²⁾.

Tiền sự.

⁽¹⁾- AA. i. 169.

⁽²⁾- Thag.i. 94. Mettajittheragāthā.

Vào thời Đức Phật Anomadassī, tiền thân Ngài Mettaji là một gia chủ, có xây dựng một tường rào quanh cội Bồ đề.

Vào 100 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài là vị vua có vương hiệu là Sabbaghana (Sabbosana)⁽¹⁾.

Ngài chính là trưởng lão Anulomadāyaka nói trong tập Apadāna⁽²⁾.

***Trưởng lão Ambādāyaka.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Anomadassī, tiền thân của Ngài là con khi ở núi Tuyết, có dâng lên Đức Phật Anomadassī một quả xoài, do phước báu này, hâu thân con khi được tự tại trên thiên giới 57 kiếp trái đất và làm vua 14 lần với vương hiệu Ambatthaja⁽³⁾.

***Trưởng lão Pañcasilāsamādāniya.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn Mahāsāla trong thành Vesāli, chứng đắc Thánh quả Alahán khi được 7 tuổi.

Khi nghe cha mẹ thọ trì 5 giới, Ngài nhớ lại tiền kiếp, vào thời Đức Phật Anomadassī, tiền thân của Ngài là người chèo đò ở thành Candavatī.

Người chèo đò này quy ngưỡng Tam bảo và thọ trì năm giới từ nơi Trưởng lão Nisabha (một trong hai nam cận sự tối thắng của Đức Phật Anomadassī), giữ gìn 5 giới trong sạch suốt 10 ngàn năm.

Tiền thân Ngài làm vua trời Sakka 30 lần, làm vị Đại đế nơi nhân giới là 500 lần⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Bharata.**

Ngài là một gia chủ ở thành Campā, nghe Ngài Soṇa Koḷivisa xuất gia, Ngài cùng em trai là Nandaka cũng xuất gia trong Tăng đoàn, không bao lâu Ngài chứng Thánh quả Alahán.

Ngài cùng em trai Nandaka đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, trình lên Đức Thế Tôn về sự tu tập Phạm hạnh của mình.

Trước Đức Thế Tôn, Ngài nói lên hai kệ ngôn tuyên bố chánh trí của mình, để sách tấn Nandaka và giúp đỡ Nandaka chứng đạt Thắng trí.

175 - Ehi nandaka gacchāma; upajjhāyassa santikaṃ.

Sihanādaṃ nadissāma; buddhaseṭṭhassa sammukhā.

“Hãy đến này Nandaka; cùng đến gần Thế độ sư.

Rống lên tiếng rống sư tử; trước Đức Phật tối thượng”.

176- Yāya no anukampāya; amhe pabbājayī muni.

So no attho anuppatto; sabbasaṃyojanakkhayo”ti.

“Có lòng bi悯 với chúng ta; Bậc Ân sĩ cho chúng ta xuất gia.

Ta thành đạt mục đích; cắt đứt tất cả mọi trói buộc”⁽⁵⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Anomadassī, tiền thân của Ngài có cúng dường đến Đức Phật đôi dép đẹp rất tiện dụng⁽⁶⁾.

Dứt lịch sử Anomadassī.

8- Đức Phật Paduma.

Sau khi Đức Phật Anomadassī viên tịch, tuổi thọ nhân loại giảm dần đến khi còn 10 năm rồi lại tăng dần lên đến atăng kỳ năm.

(1)- ThagA.i, 194.

(2)- Ap.i.173.

(3)- Ap.i, 116-7.

(4) – Ap. i. 76.

(5)- Thaga. ii. 175-6. Bharatatheragāthā.

(6)- ThagA. i.300.

Sau đó lại giảm xuống cho đến thời tuổi thọ là 100 ngàn năm, khi ấy Đức Phật Paduma xuất hiện trên thế gian.

Khi đã tròn đủ 30 pháp Balamật, Bôtát tái sinh về cõi Tusita, rồi giáng sinh vào thai bào của bà Hoàng Asamā (bà có tên là Asamā vì có sắc đẹp không ai sánh nổi), cha Ngài là Đức vua Asama⁽¹⁾, cai trị vì kinh thành Campa.

Bôtát sinh ra nơi vườn hoa Campaka, bấy giờ có một trận mưa hoa sen rơi khắp cõi Diêmphù (Jambu). Do sự kiện này, Bôtát được đặt tên là Paduma (Liên hoa).

Bôtát Paduma sống đời tại gia là 10 ngàn năm, trong ba tòa cung điện: Cung điện Uttara, cung điện Vasuttara và cung điện Yasuttara⁽²⁾, mỗi cung điện có 10 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Ngài là Công nương Uttarā.

Khi thấy đầy đủ bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và vị Samôn, Bôtát Paduma quyết định ra đi xuất gia, Ngài ra đi xuất gia trên cỗ xe do hai con ngựa thuần chủng kéo đi, theo Ngài có 10 triệu nam tử tùy tùng cùng xuất gia làm Samôn. Vào hôm ấy nàng Uttarā vừa sinh ra Thái tử Ramma.

Bôtát thực hành khổ hạnh 8 tháng, rồi Ngài thọ thực lại, hội chúng tùy tùng lìa bỏ Ngài.

Vào ngày Ngài chứng Vô thượng Chánh giác, Bôtát thọ dụng bát cơm sữa của nàng Dhaññavati, con gái của trưởng giả Sudhañña cư ngụ nơi thành phố Sudhañnavati cúng dường.

Bôtát Paduma nhận tám bó cỏ của du sĩ Tittthaka, Ngài chứng Vô thượng Chánh giác nơi cội cây Soṇa.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Paduma.*

Thắng hội I.

Đức Thế Tôn Paduma Chuyển pháp luân nơi vườn Dhanañjaya gần thành Dhañnavati, tế độ 10 triệu vị Tỳkhuu xuất gia với Ngài chứng đạt Thánh quả Alahán. Thời pháp thoại này mang Thánh quả đến một tỷ chúng sinh. Đây là Thắng hội I của Ngài.

Thắng hội II.

Khi Đức Thế Tôn Paduma trở về Hoàng cung tế độ quyến thuộc, Ngài truyền phép xuất gia đến vương tử Sāla và vương tử Upasāla là hai người em trai khác mẹ với Ngài cùng với tùy tùng của hai vương tử. Pháp thoại mang đến Thánh quả cho 900 triệu chúng sinh.

Đây là Thắng hội II của Ngài, có Kinh văn sau.

4- Paṭhamābhisamaye buddho; koṭisatamabodhayi.

Dutiyābhisamaye dhīro; navutikoṭimabodhayi.

“Đức Phật có Thắng hội đầu tiên; là 100 triệu vị.

Bậc trí tuệ có Thắng hội lần hai; 90 triệu giác ngộ”⁽³⁾.

Thắng hội III.

Khi thấy con trai Ngài là Ramma trí đã tăng trưởng, Đức Phật Paduma thuyết kinh Giáo giới Ramma, mang Thánh quả đến 800 triệu chúng sinh chứng đắc Thánh quả.

Đây là Thắng hội III của Ngài, có Kinh văn sau.

5- Yadā ca padumo buddho; ovadī sakamatrajam.

Tadā asitikoṭinam; tatiyābhisamayo ahu.

“Và khi Đức Phật Paduma; giáo huấn người con trai của mình.

Có 80 triệu vị; là Thắng hội thứ ba”^(sđd.5).

**Ba Tăng hội của Đức Phật Paduma.*

⁽¹⁾- Nhưng trong JA.i, 36 gọi là Paduma.

⁽²⁾- Bu. ix, ghi là Nandā, Suyasā, Uttarā. Be ghi là: Nandā, Vasubhā, Yasuttarā; BuAB. Ghi là: Nanduttarā, Vasuttarā, Yasuttarā.

⁽³⁾- Bu. ix.4. Padumabuddhavaṃsa.

Tăng hội I.

Đức vua Bhāvitatta⁽¹⁾ cùng với tùy tùng là một tỷ (100 ngàn koṭi) người đến dâng lễ Đức Thế Tôn. Thấy được duyên lành Thánh quả của đại chúng này, Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại thích hợp.

Dứt pháp thoại tất cả đều chứng Thánh quả Alahán, được xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave ...”.

Vào ngày trăng tròn, tất cả không mời cùng tụ hội nơi Đức Thế Tôn Paduma. Giữa đại chúng Tăng 100 ngàn koṭi vị, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát*.

Đây là Tăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

6- Sannipātā tayo āsum; padumassa mahesino.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

“*Có ba lần tu hội; Bậc Đại ẩn sĩ Paduma.*”

“*Có 100 ngàn mười triệu vị; là tụ hội đầu tiên*”(sđd.6).

Tăng hội II.

Khi Đức Thế Tôn Paduma an cư mùa mưa trong rừng gần thành phố Usabhavatī. Vào ngày hành lễ Pavāraṇā (Tự tứ), đại chúng trong thành Usabhavatī cùng nhau đến nơi Đức Thế Tôn Paduma đang an cư mùa mưa, cúng dường đến Đức Thế Tôn nhiều lễ vật đi theo với niềm tịnh tín đặt nơi Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích ứng, dứt pháp thoại có 300 ngàn thiện giatử chứng đắc Thánh quả Alahán, rồi tất cả xin được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Phật, tất cả được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

Khi các cư sĩ hiểu phước báu cùng lợi ích cao thượng về sự cúng dường y *Kaṭhina*, cùng nhau tiến hành thực hiện lễ cúng dường y *Kaṭhina* đến các vị Tỳkhuu.

Trưởng lão Sāla vị Tướng quân Chánh pháp (Dhammasenāpati) được các vị Tỳkhuu an cư mùa mưa cử ra nhận lãnh y *Kaṭhina*. Các vị Tỳkhuu cùng phụ giúp Tướng quân Chánh pháp cắt vải *Kaṭhina*, may y ... Đức Phật có tham dự một phần như xô kim ...

Sau khi tiến hành nhận lãnh y *kaṭhina* xong, vào đêm trăng tròn, giữa đại chúng Tăng có 300 ngàn vị Tỳkhuu Alahán, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát*.

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Kathinatthārasamaye; uppanne kathinacīvare.

Dhammasenāpatitthāya; bhikkhū sibbiṃsu cīvaram.

“*Vào thời điểm tiến hành Kaṭhina; y kaṭhina phát sinh lên.*”

“*Có Tướng quân chánh pháp; các Tỳkhuu may y, giao y cho vị ấy*”.

8- Tadā te vimalā bhikkhū; chaḷabhiññā mahiddhikā.

Tiṇi satasahassāni; samiṃsu aparājitā.

“*Các Tỳkhuu trong sạch; có sáu thắng trí, đại thần lực.*”

“*Có 300 ngàn vị; những vị không còn bị khuất phục*”(sđd.7-8).

Tăng hội III.

Vào dịp khác, Đức Thế Tôn Paduma an cư mùa mưa trong khu rừng giống như rừng Gosiṅga(Sừng bò), cư dân quanh vùng đi đến cúng dường Đức Thế Tôn và Tăng chúng, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích ứng.

Dứt pháp thoại có 200 ngàn thiện gia tử chứng đắc Thánh quả Alahán, được xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave ...”

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

9- Punāparam so narāsabho; pavane vāsaṃ upāgami.

Tadā samāgamo āsi; dvinnaṃ satasahassinaṃ.

⁽¹⁾- BuAB. Ghi là Subhāvitatta.

*“Vào dịp khác, bậc Nhân Ngưu; đã an cư mùa mưa trong rừng.
Có cuộc tụ hội nơi đây; có 200 ngàn vị”(sđd.9).*

***Tiên thân Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy, tiên thân của Đức Phật Gotama là sư tử vương.

Khi Đức Thế Tôn Paduma ngự trú trong rừng, Sư tử chúa trong thấy Đức Thế Tôn Paduma đang an trú trong định Diệt thọ tướng, sư tử chúa khởi tâm tịnh tín, đi vòng quanh Đức Thế Tôn ba vòng, rồi rống lên ba tiếng rống để xua đuổi thú rừng, giữ an tịnh cho Đức Thế Tôn.

Sư tử chúa nằm hầu Đức Thế Tôn trọn 7 ngày, không đi tìm vật thực, trong tâm sư tử chúa luôn ghi nhận hình ảnh của Đức Thế Tôn với sự hân hoan.

Sau 7 ngày, Đức Thế Tôn xuất khỏi thiền Diệt, nhìn thấy sư tử chúa nằm hầu bên cạnh mình, Đức Thế Tôn quyết định rằng: “Các vị Tỳkhuu hãy đến đây”, khi ấy hằng chục triệu vị Thánh Tăng nhận được lệnh của Đức Thế Tôn, cùng nhau đi đến hầu Đức Thế Tôn.

Nhìn thấy chư Tăng đi đến, sư tử chúa phát sinh niềm tin nơi chư Thánh Tăng. Giữa Đại chúng Tăng, Đức Phật Paduma tuyên bố rằng: “ Sau một atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, Sư tử chúa này sẽ là bậc Chánh giác trong tương lai với tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Paduma.**

Đức Phật Paduma cao 58 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng xa bao nhiêu là tùy theo ý Ngài .

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Paduma là Trưởng lão Sāla và Trưởng lão Upasāla. Thị giả là Trưởng lão Varuṇa.

- Hai nữ Tinh văn tối thắng của Đức Phật Paduma là Trưởng lão ni Rādā và Trưởng lão ni Surādā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Paduma là Trưởng giả Bhuyya và Trưởng giả Asama.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Paduma là bà Rucī và bà Nandarāmā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Padma là 100 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi khu vườn Dhammārāma, Xá lợi của Ngài được rải tán khắp nhân thiên.

Phụ lục.

***Trưởng lão Ankolaka pupphiya.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Ngài được xem là Trưởng lão Anūpama trong tập Kệ ngôn trưởng lão Tăng (Theragāthā).

Ngài sinh ra trong một gia tộc giàu có ở xứ Kosala. Được gọi là Anūpama (không thể so sánh được) vì Ngài rất xinh đẹp.

Khi trưởng thành, do duyên lành thôi thúc nên Ngài xuất gia trong Tăng đoàn, đi vào rừng thực hành thiền Quán.

Tuy vậy, tâm của Ngài mãi rong chơi một thời gian, về sau Ngài dạy tâm rồi nỗ lực hành pháp, chứng Thánh quả Alahán.

Có hai kệ ngôn của Ngài trong tập Theragāthā.

213- Nandamānāgatam cittam; sūlamāropamānakam.

Tena teneva vajasi; yena sūlam kaliṅgaram.

“Tâm đến nơi hoan lạc kiêu hãnh; bị giáo nhọn đâm trúng.

Nếu người mãi sống như vậy; là sống với gậy cùng giáo nhọn”.

“Tāham cittakaliṃ brūmi, tam brūmi cittadubbhakam;

Satthā te dullabho laddho, mānatthe maṃ niyojayī”ti.

“Ta gọi người, này tâm; người phá vỡ hạnh phúc.

Bậc Đạo sư khó gặp, người được; chớ dẫn ta đến nơi có hại”⁽¹⁾.

⁽¹⁾- Thag .ii. 213-4. Anūpamatheragāthā.

***Tiên sự.**

Vào thời Đức Phật Paduma, tiền thân của Ngài có cúng dường đến Đức Phật Paduma hoa *Anikola*⁽¹⁾.

Vào 30 kiếp trái đất trước, tiền thân của Ngài có cúng dường đến Đức Phật Độc giác Paduma⁽²⁾.

***Trưởng lão Asokapūjaka.**

Vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Paduma, tiền thân của Ngài là người giữ vườn Ngự Uyển Tivarā, có cúng dường đến Đức Phật Paduma bông Asoka.

Vào 70 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài làm vua 16 lần với vương hiệu Arunañjaha⁽³⁾.

***Trưởng lão ni Dhammadinnā.**

Về công hạnh của vị Thánh nữ Alahán “đệ nhất giảng pháp” trong hàng nữ đệ tử của Đức Phật Gotama, chúng tôi sẽ trình bày ở những tập sau. Ở đây chỉ nêu lên tiền sự của bà trong thời Đức Phật Paduma.

Vào thời Đức Phật Paduma, tiền thân bà Dhammadinnā là một nô tỳ, nằng cúng dường đến Đức Phật Paduma bột cary khi thấy Đức Phật đang đi khất thực, chủ của nằng thấy vậy, nhận nằng là con dâu.

Về sau khi đi nghe pháp nơi vị Trưởng lão ni của Đức Phật Paduma, được nghe vị Thánh nữ này là “đệ nhất giảng pháp” trong hàng nữ Thỉnh văn của Đức Phật Paduma, nằng ao ước được địa vị ấy trong tương lai.

Dứt lịch sử Đức Phật Paduma.

9- Đức Phật Nārada.

Sau khi Đức Phật Paduma viên tịch, tuổi thọ nhân loại giảm dần đến khi còn 10 năm, rồi tăng dần đến atăng kỳ năm.

Sau đó lại giảm xuống, đến thời nhân loại có tuổi thọ là 90 ngàn năm, bấy giờ Đức Thế Tôn Nārada xuất hiện trong thế gian.

Bồ tát từ cung trời Tusita (Đầu suất) giáng sinh vào thai bào của bà Anomā, Chánh hậu của vua Chuyển Luân Sudeva cai trị nơi kinh thành Dhaññavatī.

Sau 10 tháng nằm trong thai bào, Bồ tát sinh ra nơi vườn hoa Dhanañjaya. Vào ngày lễ đặt tên của Bồ tát, từ trên trời những cây như ý (mañirukkha) nhiều loại y phục quý cùng vô số trang sức rơi xuống hoặc tuôn ra không ngớt, do sự kiện này, Bồ tát được đặt tên là Nārada (NARA nghĩa là: “Vật trang sức quý, thích hợp; DA nghĩa là người cho).

Bồ tát Nārada sống tại gia là 9 ngàn năm trong ba tòa cung điện là: Cung điện Jitā, cung điện Vijita và cung điện Abhirāmā⁽⁴⁾, có 120 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Ngài là công nương Jitasenā⁽⁵⁾.

Khi chúng kiến được bốn sự kiện: Già, bệnh, chết và vị Samôn.

Thông thường các vị Bồ tát Chánh giác kiếp chót, các Ngài thấy đủ bốn hiện tượng trên đường đi đến vườn Thượng Uyển của Hoàng cung, rồi sau đó Bồ tát đi đến một địa điểm khác để xuất gia, do đó các Ngài dùng phương tiện di chuyển như voi, ngựa, xe ngựa, kiệu.

Riêng Bồ tát Nārada cùng với bốn đạo quân tùy tùng bảo vệ Ngài, đi đến khu vườn Thượng Uyển Dhanañjaya của Hoàng cung, vườn Thượng Uyển này nằm bên ngoài kinh thành Dhaññavatī.

(1)- Ap.i. 287.

(2)- Thaga. i. 334-6.

(3)- Ap. i. 199.

(4)- BuA gọi ba cung điện này với tên là Vijita, Vijitāvī và Jitābhirāma.

(5)- BuAB. Ghi là Vijitasenā.

Chính nơi vườn Thượng Uyển này, Bôtát thấy được đủ bốn hiện tượng trên với thời gian cách xa nhau.

Lần cuối Ngài thấy được hình ảnh vị Sa môn nơi cổng vào vườn Thượng Uyển, ngay khi ấy Ngài khởi ý nghĩ: “Ta sẽ xuất gia như vị Samôn này”, khi ấy Bôtát được tin nàng Jitasenā vừa sinh ra người con trai là Thái tử Nanduttara.

Bôtát từ bỏ tất cả những vật trang điểm đang mang trên người, giao lại cho người quản kho, bằng cách bộ hành Bôtát đi vào vườn Thượng Uyển tìm nơi hợp ý. Nơi đây Ngài quyết định cắt tóc xuất gia, Ngài ném tóc lên hư không, vua trời Sakka hứng lấy tóc mang về cung trời Tāvātimsa (Ba mươi ba) tôn thờ trong tháp Cūlamanī.

Có một triệu tùy chúng của Bôtát cùng xuất gia với Bôtát.

Bôtát thực hành khổ hạnh 7 ngày, vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, Bôtát thọ nhận bát cơm sữa do bà Hoàng Jitasenā (vợ Ngài) cúng dường.

Vào buổi chiều, Bôtát một mình đi đến cây *Mahāsoṇa*, quan giữ vườn Thượng Uyển là Sudassana thấy Ngài tỏ ý muốn ngồi nơi cội cây, nên dâng lên Ngài 8 bó cỏ.

Bản Sớ giải Lịch sử chư Phật có giải chi tiết về cây *Mahāsoṇa* này như sau: Cây cao 90 hắc tay, thân cây rất lớn và tròn nhẵn, những nhánh lớn xòe rộng ra như cánh dù, những nhánh nhỏ đều đặn cân đối đan sát vào nhau, lá cây có màu xanh đậm đan kín vào nhau dày đặc không có kẽ hở khiến ánh sáng mặt trời không thể xuyên qua được. vị thần cây trú ngụ nơi ấy đã xua đuổi các loài chim, nên chúng không thể đến cây *Mahāsoṇa* làm tổ hoặc phóng uế nơi ấy, hoa cây *Soṇa* có màu đỏ tươi thắm.

Cây *Mahāsoṇa* được xem như cây chúa trong thời ấy và rất nổi tiếng (vipulo rukkho). Nơi cội cây *Mahāsoṇa*, Bôtát Nārada trải tám bó cỏ và Bảo tọa Chiến thắng xuất hiện cho Ngài.

Khi mặt trời vừa ló dạng, Ngài chứng Vô thượng Chánh giác.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Nārada.*

Thắng hội I.

Đức Thế Tôn khai thị pháp giải thoát (Chuyển pháp luân) nơi vườn Thượng Uyển Dhanañjaya, dứt thời Pháp thoại của Đức Thế Tôn có 1.000 tỷ chúng sinh chứng Thánh quả, trong đó có 100 ngàn vị Samôn theo Ngài xuất gia chứng Thánh quả Alahán.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

6- Pāpuṇitvāna sambodhiṃ; dhammacakkaṃ pavattayi.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamābhisamayo ahu.

“Sau khi chứng Toàn giác; Ngài Chuyển Pháp Luân.

Có 100 ngàn mười triệu; là Thắng hội đầu tiên”⁽¹⁾.

Thắng hội II.

Nơi thành phố Mahādoṇa cạnh sông lớn linh thiêng (như con sông Hằng thời Đức Phật Gotama) có con rắn chúa Doṇa có đại thần lực, rất hung hăng. Nếu cư dân dọc theo sông không tế lễ đến rắn chúa Doṇa, rắn chúa Doṇa sẽ dâng nước làm lũ lụt, phá hại mùa màng, hay làm hạn hán, hoặc tạo ra những cơn mưa đá hay mưa lớn cuốn trôi tài sản cùng dân cư quanh bờ sông.

Đức Thế Tôn Nārada với Phật trí quán thấy duyên lành của đại chúng, Ngài suy nghĩ: “Như Lai đến nhiếp phục rắn chúa Doṇa, đại chúng sẽ nhận được lợi ích lớn, quả báu lớn”.

Đức Thế Tôn Nārada cùng đại chúng Tỳkhuu du hành đến thành phố Mahādoṇa, đi đến đền thờ rắn chúa Doṇa.

(1)- Bu. x. 6. Nāradabuddhavaṃsa

Khi trông thấy Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu, cư dân trong thành phố Mahādoṇa thỉnh cầu Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, kính thỉnh Ngài đừng đến nơi ấy, nơi ấy có con rắn chúa Doṇa rất hung dữ.

Nhưng Đức Thế Tôn im lặng đi đến nơi, ngồi lên bảo tọa kết bằng những loại hoa thơm dành cho rắn chúa.

Với Phật lực vô biên, Đức Thế Tôn Nārada nhiếp phục được rắn chúa Doṇa, rồi Đức Thế Tôn Nārada thể hiện Song thông lực làm sinh khởi niềm tin của đại chúng, kế tiếp Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại mang Thánh quả đến cho 900 ngàn triệu nhân thiên.

Đây là Thăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Mahādoṇaṃ nāgarājaṃ; vinayanto mahāmuni.

Pāṭiheraṃ tadākāsi; dassayanto sadevake.

“Rắn chúa Mahādoṇa; được Đại ẩn sĩ nhiếp phục.

Ngài thể hiện điều kỳ diệu⁽¹⁾; tất cả nhân thiên đều trông thấy”.

8- Tadā devamanussānaṃ; tamhi dhammappakāsane.

Navutikoṭisahasāni; tarimsu sabbasaṃsayamaṃ.

“Khi ấy chư thiên cùng nhân loại; được nghe pháp từ vị ấy.

Có 90 ngàn mười triệu; tất cả đều vượt qua nghi hoặc”(sdd.7-8).

Thăng hội III.

Khi thấy trí của con trai Ngài là Tỳkhuu Nanduttara thuần thực, Đức Thế Tôn Nārada thuyết giảng pháp thoại giáo giới đến Ngài Nanduttara.

Dứt pháp thoại Ngài Nanduttara chứng Thánh quả Alahán, có 800 triệu nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

9- Yamhi kāle mahāvīro; ovaḍi sakamatrajaṃ.

Asitikoṭisahasānaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Vào thời điểm Đấng Đại Hùng; giáo giới con trai mình.

Có 80 ngàn mười triệu; là Thăng hội III của Ngài”(sdd.9).

**Ba Tầng hội của Đức Phật Nārada.*

Tầng hội I.

Nơi thành phố Thullakoṭṭhita có hai thanh niên bạn thân với nhau là Balamôn Bhaddasāla và Balamôn Vijitamitta⁽²⁾ (hai vị Thượng thủ thỉnh văn của Đức Phật Nārada sau này), cùng nhau đi tìm pháp bất tử.

Hai thanh niên Balamôn này đi đến yết kiến Đức Thế Tôn Nārada, nhìn thấy được 32 đại nhân tướng của Đức Thế Tôn, hai người kết luận rằng: “Chắc chắn đây là Bạc Chánh giác, là Bạc Đạo sư của chúng ta”.

Sau thời Pháp thoại của Đức Thế Tôn, hai vị cùng 1.000 tỷ tùy tùng chứng Thánh quả Alahán.

Đây là Tầng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

10- Sannipātā tayo āsuraṃ; nāradaṃ mahesinaṃ.

Koṭisatasahasānaṃ; paṭhama āsi samāgamaṃ.

“Có ba lần tụ hội của vị ấy; Đại ẩn sĩ Nārada.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là lần tụ hội đầu tiên”(sdd. 10).

Tầng hội II.

Khi Đức Thế Tôn Nārada trở về kinh thành để tế độ quyến thuộc.

Ngài thuật lại công hạnh của Ngài kể từ khi Ngài phát nguyện thành Bạc Chánh giác cho đến khi Ngài thành Bạc Chánh giác.

Dứt pháp thoại có đến 900 ngàn triệu vị chứng Thánh quả Alahán.

(1)- Chỉ cho Song thông lực.

(2)- Bản của Tích Lan là Jitamitta.

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

11-Yadā buddho buddhagūṇaṃ; sanidānaṃ pakāsayi.

Navutikoṭisahassāni; samimsu vimalā tadā.

“Vào lúc Đức Phật giảng ân đức Phật; duyên khởi của điều này.

Có 90 ngàn 10 triệu vị; không còn mọi ô nhiễm tụ hội”(sđd.11).

Tăng hội III.

Một rắn chúa là Verocana cảm phục uy lực của Đức Thế Tôn, kiến tạo một khánh sảnh rộng ba gāvuta canh bờ sông, thỉnh Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu đến khách sảnh để cúng dường vật thực.

Hội chúng rông cùng với nhân thiên đến tham dự buổi đại thí của rắn chúa Verocana.

Sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại chúc phúc đến rắn chúa Verocana. Dứt pháp thoại có 800 ngàn thiện gia tử chứng Thánh quả.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

12- Yadā verocano nāgo, dānaṃ dadāti satthuno;

Tadā samimsu jinaputtā, asītisatasahassiyō.

“Vào lúc rắn Verocana; cúng dường đến Bạc Đạo sư.

Khi ấy con Bạc Chiến thắng tụ hội; là tám trăm ngàn vị”(sđd.12).

***Tiền thân Đức Phật Gotama.**

Lúc bấy giờ tiền thân của Đức Phật Gotama là một ẩn sĩ tóc bện (jaṭila) sống ẩn cư nơi núi rừng, Ngài chứng đạt tám tầng thiên cùng 5 pháp thân thông.

Quán xét thấy được công hạnh của ẩn sĩ tóc bện, với lòng bi mẫn Đức Thế Tôn Nārada cùng với đại chúng Tỳkhuu và 800 triệu nam cận sự, tất cả đều chứng Thánh quả Anahàm đến nơi ẩn cư của ẩn sĩ tóc bện.

Ẩn sĩ tóc bện với tâm hân hoan kiến tạo nơi ngụ cho Đức Thế Tôn cùng đại chúng. Sau khi nghe pháp thoại của Đức Thế Tôn, ẩn sĩ tán thán ân đức Đức Phật.

Vào buổi sáng hôm sau, Ẩn sĩ tóc bện đến Bắc Cưu lư châu tìm vật thực thượng vị mang về cúng dường đến Đức Phật cùng đại chúng xuất gia lần tại gia. Ẩn sĩ đã cúng dường đến Đức Phật và đại chúng như thế trọn 7 ngày.

Để tỏ lòng tôn kính vô hạn với Bạc Đạo sư, Ẩn sĩ tóc bện đi vào rừng sâu tìm lõi cây chiênđàn quý nhất, mang về cúng dường đến Đức Phật Nārada.

Đức Thế Tôn tiên tri giữa đại chúng rằng: “ Sau 1 atăng kỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, Ẩn sĩ tóc bện này sẽ trở thành Bạc Chánh giác với tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Nārada.**

Đức Phật Nārada cao 88 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng một dotuần.

- Hai vị Thượng thủ thỉnh văn của Đức Phật Nārada là Trưởng lão Bhaddasāla và Trưởng lão Vijitamitta. Thị giả là Trưởng lão Vāsetṭha.

- Hai nữ Thỉnh văn tối thắng của Đức Phật Nārada là Trưởng lão ni Uttarā và Trưởng lão ni Phaggunā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Nārada là Trưởng giả Uggarinda và Trưởng giả Vasabha.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Nārada là bà Nidavarī và bà Caṇḍī.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Padma là 90 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi vườn Sudassana, Bảo tháp thờ Xá Lợi của Ngài cao bốn dotuần.

***Phụ lục.**

***Trưởng lão Naḷāgārika.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Nārada, tiền thân của Ngài có dựng cho Đức Phật một thảo am gần núi Hārīta.

Hậu thân gia chủ này làm vua trên cõi chư thiên 74 lần, làm vua nhân giới là 34 lần⁽¹⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Valliya được ghi nhận trong Theragāthā (Kệ ngôn trưởng lão Tăng)⁽²⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Nārada.

Sau khi Đức Phật Nārada viên tịch, giáo pháp của Ngài được kéo dài đến 90 ngàn năm rồi biến mất.

Trải qua 1 Atăng kỳ trái đất, không có vị Chánh giác nào xuất hiện trên thế gian, gọi là *kiếp trống* (sññakappa).

Cách hiện kiếp này trở về trước là 100 ngàn kiếp trái đất, trong kiếp trái đất này chỉ có một vị Chánh giác xuất hiện, gọi là *sārakappa*, đó là Đức Chánh giác Padumuttara (Liên Hoa).

10- Đức Phật Padumuttara.

Sau khi viên mãn 30 pháp Balamật, Bôtát tái sinh về cung trời Tusita (Đấusắt), thọ hưởng thiên lạc với thời gian là 576 triệu năm.

Vào thời nhân loại có tuổi thọ là 100 ngàn năm, nhận lời thỉnh cầu của chư thiên và Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới Bôtát giáng phàm.

Từ cung trời Tusita, Bôtát giáng sinh vào thai bào của bà Hoàng Sujātā⁽³⁾, cha Bôtát là Đức vua Ānanda⁽⁴⁾ trị vì kinh thành Hamsavatī.

Bôtát ở trong thai bào 10 tháng rồi ra khỏi lòng mẹ nơi vườn Thượng Uyển Hamsavatī, ngày Ngài sinh ra có trận mưa hoa sen rơi xuống khắp quốc độ, do sự kiện này Bôtát được đặt tên là Padumuttara.

Bôtát Padumuttara sống tại gia là 10 ngàn năm trong ba tòa cung điện: Cung điện Navavāhana, cung điện Yasavāhana, cung điện Vasavattī, mỗi cung điện có 40 ngàn cung nữ xinh đẹp hầu hạ; vợ Ngài là Công nương Vasudattā⁽⁵⁾.

Vào ngày nàng Vasudattā sinh ra Thái tử Uttara⁽⁶⁾, Bôtát thấy được hiện tượng thứ tư là vị Samôn, Ngài trở về cung điện của mình.

Ý niệm xuất gia vừa khởi lên trong tâm của Ngài, lập tức tòa cung điện Vasavattī bốc lên hư không, di chuyển trong hư không như tòa cung điện chư thiên, cả bốn đạo binh chúng bảo vệ cung điện cũng theo đường hư không theo sau tòa cung điện. Cung điện Vasavattī đi đến vùng đất trung tâm gần cây Đại giác (mahābodhi) liền hạ xuống.

Bôtát Padumuttara bước ra khỏi cung điện, cắt tóc xuất gia trở thành vị Samôn, tòa cung điện cùng các nữ nhân trong cung điện theo đường hư không trở về chỗ cũ. Bốn đạo binh chúng theo gương Ngài, cùng xuất gia ngay khi ấy. Bôtát Padumuttara khổ hạnh 7 ngày.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesakha, Ngài lia bỏ hội chúng, rồi thọ dụng bát cơm sữa do nàng Rucinandā⁽⁷⁾ con gái một trưởng giả trong làng Ujjenī cúng dường.

Vào buổi chiều Bôtát đi đến cội cây Salala, Ngài nhận tám bó cỏ do một du sĩ lỏa thể là Sumitta cúng dường, tám bó cỏ này trở thành Bảo tọa chiến thắng của Ngài nơi cội cây Salala. Trên Bảo tọa chiến thắng, Bôtát thành tựu Vô thượng

(1)- Ap .i. 178 .

(2)- ThagA. i. 247.

(3)- Trong SA.iii, 89 và AA.i, 287 ghi là Sumedhā.

(4)- BuAB; SA.i, 89; AA.1, 287 ghi là Nanda. DhpA.i, 417 ghi là Sunanda.

(5)- BuAB . Ghi là Uttaradevī.

(6)- SnA.i, 341 ghi là Uparevata.

(7)- BuAB. Ghi là Rucānandā

Chánh giác khi mặt trời vừa ló dạng, ngay lập tức một trận mưa hoa sen rơi xuống khắp cả thế gian.

Sau 7 ngày thiền tịnh nơi Bảo tọa chiến thắng, Đức Thế Tôn khởi ý: “Ta sẽ bước xuống Bảo tọa”, Ngài duỗi chân ra bước xuống Bảo tọa, khi Ngài vừa đặt chân xuống dù nơi đó có nước hay không có nước, một bông sen lớn nở đất nổi lên nở ra đỡ lấy chân Đức Thế Tôn, bông sen ấy có cánh sen trải rộng 90 hắc tay, các tua nhụy sen tỏa rộng khoảng 30 hắc tay, gương sen lớn khoảng 10 hắc tay⁽¹⁾, phần sen tung cao khi chân Ngài đạp xuống khoảng 58 hắc tay⁽²⁾. Mỗi bước chân của Đức Phật đều có một cánh sen như thế đỡ lấy chân Ngài.

Các vị Giáo thọ sư Tương ưng kinh cho biết: “Chính vì điều kỳ diệu này, Bạc Đạo sư Padumuttara nổi tiếng khắp thế gian”.

** Ba Thắng hội của Đức Phật Padumuttara.*

Thắng hội I.

Nhận lời thỉnh cầu của Đại Phạm thiên, Đức Phật Padumuttara quán xét thế gian thấy được duyên lành của hai Tử hoàng là Devala và Sujāta (hai vị Thượng thủ thỉnh văn) đang trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển Mithilā.

Theo đường hư không Đức Phật Padumuttara đến vườn Ngự Uyển Mithilā, bảo người giữ vườn thông báo hai vị Tử hoàng đang vui chơi trong vườn. Nghe người giữ vườn báo tin, hai vị Tử hoàng bàn luận với nhau rằng: “Thái tử Padumuttara, con trai của bác chúng ta đã thành bậc Chánh giác, Ngài đang ngự đến vườn Ngự Uyển Mithilā, chúng ta hãy đến đánh lễ Ngài”.

Hai vị tử hoàng cùng với đoàn tùy tùng đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại, vận chuyển bánh xe pháp cho lăn đi; dứt pháp thoại có 1.000 tỷ nhân thiên chứng Thánh đạo.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

3- Padumuttarassa bhagavato; paṭhame dhammadesane.

Koṭisatasahassānaṃ; dhammābhisamayo ahu.

“Đức Thế Tôn Padumuttara; thuyết giảng pháp lần đầu.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội của Ngài”⁽³⁾.

**Thắng hội II.*

Lần khác, khi đạo sĩ Sarada (người sinh ra trước Đức Phật) rao giảng cho tín đồ của mình về chủ thuyết sai lệch (tà kiến), chủ thuyết này sẽ dẫn người thực hành theo rơi vào khổ cảnh.

Đức Thế Tôn Padumuttara đi đến hội chúng ấy, thuyết lên pháp thoại phá tà kiến.

Sau thời pháp thoại có 3 triệu 700 ngàn chúng sinh chứng Thánh quả.

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

4-Tato parampi vassante; tappayante ca pāṇine.

Sattatiṃsatasahasassānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Vào lúc khác là trận mưa (pháp), làm êm dịu hài lòng.

Có 37 trăm ngàn; là Thắng hội hai”^(sdd. 4).

**Thắng hội III.*

Khi Đức Thế Tôn Padumuttara cư ngụ nơi thành Mithilā, Đức vua Ānanda (cha của Bô tát Padumuttara) sai 20 vị đại thần cùng 20 ngàn tùy tùng thỉnh Đức Thế Tôn ngự về kinh thành Hamsavati.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại tế độ 20 vị Đại thần cùng 20 ngàn tùy tùng chứng Thánh quả và tất cả xuất gia trong Giáo pháp của Đức Phật theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

(1)- BuAB. Ghi là 12 hắc tay.

(2)- SnA.

(3)- Bu. xii. 3. Padumuttarabuddhavaṃsa.

Đức Thế Tôn trở về kinh thành Hamsavatī, Ngài thể hiện Song thông lực để nhiếp phục tính ngã mạn của thân tộc, rồi thuyết lên Lịch sử chư Phật.

Dứt pháp thoại có 5 triệu nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- Yamhi kāle mahāvīro; ānandaṃ upasaṅkami.

Pitusantikaṃ upagantvā; āhanī amatadundubhiṃ.

“Vào thời điểm Đấng Đại Hùng; đi đến Ananda.

Trước sự hiện diện người cha; Ngài gióng lên trống bắt tử”.

6- Āhate amatabherimhi; vassante dhammavutṭhiyā.

Paññāsasatasahassānaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Trống bắt tử gióng lên; cơn mưa pháp rơi xuống.

Có 50 trăm ngàn; là Thăng hội lần ba”(sđd.5-6).

**Ba Tầng hội của Đức Phật Padumuttara.*

Tầng hội I.

Vào ngày trăng tròn tháng Māgha (tháng giêng âm, theo lịch VN), nơi vườn Mithilā có 1.000 tỷ vị Thánh Alahán xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave..” tự tụ hội lại.

Đức Thế Tôn Padumuttara ban lời Giáo giới giải thoát đến Đại chúng Tăng. Đây là Tầng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

8- Sannipātā tayo āsum; padumuttarassa satthuno.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

“Vị ấy có ba lần tụ hội; là Bạc Đạo Sư Padumuttara.

Có 100 ngàn mười triệu; là lần tụ hội đầu tiên”(sđd. 8).

Tầng hội II.

Khi an cư mùa mưa trên núi Vebhāra, Đức Thế Tôn Padumuttara thuyết pháp tế độ đại chúng đến yết kiến Ngài. Có 900 triệu người được xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave ...”.

Đây là Tầng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

9- Yadā buddho asamasamo; vasi vebhārapabbate.

Navutikoṭisahasassānaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Khi Đức Phật như các bậc Vô song; trú ở núi Vebhāra.

Có 90 ngàn 10 triệu; là lần tụ hội thứ hai”(sđd.9).

Tầng hội III.

Khi Đức Thế Tôn du hành đến những làng quê để tế độ chúng sinh, một Tầng hội xuất hiện với số lượng là 800 triệu vị Thánh Alahán.

Đây là Tầng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

10- Puna cārikaṃ pakkante; gāmanigamaratṭhato.

Asitikoṭisahasassānaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

“Lại nữa, trong lần Ngài du hành; từ làng, thị trấn, quốc độ.

Có 80 ngàn 10 triệu vị; là lần tụ hội thứ ba”(sđd.10).

**Tiên thân Đức Phật Gotama.*

Vào thời ấy, tiên thân Đức Phật Gotama là vị Đại thần cai quản thành Jatika⁽¹⁾, có đại tài sản.

Vị Đại thần tổ chức một cuộc đại thí cúng dường vật thực thượng vị cùng y quý đến Đức Thế Tôn Padumuttara và đại chúng Tỳkhuu Tăng.

Giữa đại chúng, Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri rằng: “Sau 100 ngàn kiếp trái đất kể từ kiếp này trở đi, Thiện gia tử này trở thành vị Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

**Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Padumuttara.*

⁽¹⁾- BuAB. Ghi là Jaṭila.

Trong thời Đức Phật Padumuttara không còn những tôn chủ dị giáo, truyền thuyết nói: “Đó là do lời nguyện của Ngài trong quá khứ”.

Khi Đức Phật Padumuttara xuất hiện khai giảng pháp bất tử, các tôn chủ ngoại giáo vô cùng sâu khổ, họ bị mất uy lực và bị suy tàn. Họ không còn được sự tôn kính, cúng dường hay những điều tương tự.

Thực ra, với điều kỳ diệu của Đức Phật Padumuttara là: “Mỗi bước chân của Ngài, có đóa sen đỡ lấy” làm phát sinh niềm tin mãnh liệt nơi đại chúng, nên những chủ thuyết sai lệch của những tôn chủ dị giáo đã bị đại chúng bác bỏ, khi họ đến bất cứ nơi nào đều bị cư dân nơi ấy tấn xuất ra khỏi trú xứ.

Những tôn chủ dị giáo cùng đồ chúng phải đi đến xin nương nhờ nơi Đức Phật Padumuttara. Với lòng bi mẫn, Đức Thế Tôn Padumuttara đã an trú tất cả vào Tam quy và năm giới.

Một điều kỳ diệu nữa là: Giáo pháp của Ngài luôn được rực sáng bởi những vị Thánh Alahán thành tựu được 5 pháp tự tại (tức là không có những vị Thánh Alahán Nhứt minh, tối thiểu từ Tam minh trở lên).

Khi chứng kiến Đức Thế Tôn ban cho đệ tử Ngài địa vị tối thắng trong hàng Tỳkhuu, Tỳkhuu ni, cận sự nam, cận sự nữ. Những thiện gia nam nữ cư sĩ đã ước nguyện đạt địa vị Tối thắng trên, những vị ấy đã thành tựu ước nguyện trong thời Đức Phật Gotama, như: Ngài AññaKoṇḍañña, Ngài Mahā Kassapa, Ngài Anuruddha, Ngài Ānanda, Ngài Revata ...

Đức Phật Padumuttara cao 58 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng 12 dotuần, không bị ngăn cản bất cứ vật gì như núi, tường, vách ...

- Hai vị Thượng thủ thính văn của Đức Phật Padumuttara là Trưởng lão Devala⁽¹⁾ và Trưởng lão Sujāta. Thị giả là Trưởng lão Sumana.

- Hai nữ Thính văn tối thắng của Đức Phật Padumuttara là Trưởng lão ni Amittā và Trưởng lão ni Asamā .

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Padumuttara là Trưởng giả Vittiṇṇa và Trưởng giả Tissa.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Padumuttara là bà Hatthā và bà Vicittā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Padumuttara là 100 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi tự viện Nanda (Nadārāma), Bảo tháp thờ Xá Lợi của Ngài cao 12 dotuần.

***Phụ lục.**

Những vị Thánh đệ tử có ước nguyện “*hạnh tối thắng*” như đệ nhất về hạnh mặc y cũ rách, đệ nhất về thiên nhãn, đệ nhất về Giáo giới Tỳkhuu ni, đệ nhất về hạnh ở rừng ... chúng tôi sẽ lần lượt trình bày sau.

Trong phần phụ lục này chúng tôi chỉ nêu ra những vị có tạo phước lành vào thời Đức Phật Padumuttara và chứng đắc Thánh quả Alahán thời Đức Phật Gotama.

***Trưởng lão Ajita.**

Có thể là Ajitamānava (thanh niên Ajita)⁽²⁾ là đệ tử của Balamôn Bāvarī⁽³⁾, nhưng chuyện của Ngài hoàn toàn khác với Ngài Ajitamānava được tường thuật trong bản Sớ giải “Kệ ngôn trưởng lão Tăng”.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân của Ngài có đốt đèn cúng dường ánh sáng đến Đức Phật Padumuttara. Nhờ phước lành này, Ngài hưởng an lạc trên thiên giới 60.000 kiếp trái đất.

⁽¹⁾- SA.ii, 90 và ThagA.i, 115. Ghi là Revata.

⁽²⁾- Ap. i. 335.

⁽³⁾- Ap.i, 337.

Vào thời Đức Phật Gotama, Ngài từ cung trời Tusita (Đầusuất) tái sinh về nhân giới. Vào ngày Ngài sinh ra, tất cả những kim loại, châu ngọc trong kinh thành Kosala rực sáng, nên Ngài được đặt tên là Ajita.

Khi Ngài tu tập nơi núi Tuyết (Himavā), biết được tin “Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian”.

Về sau Ngài gia nhập Tăng đoàn, chứng đắc Thánh quả Alahán.

***Trưởng lão Añjanavaniya.**

Ngài là con một vương tử ở kinh thành Vesālī của xứ Vajjī.

Khi kinh thành Vesālī bị ba tai nạn: Hạn hán, bệnh dịch và phi nhân, vua xứ Vajjī thỉnh Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành Vesālī.

Đức Thế Tôn giải tỏa ba tai nạn ấy bằng bài kinh Ratanasutta (kinh Châu báu), Ngài có mặt trong thính chúng, hân hoan với ân đức Tam bảo, Ngài xin được xuất gia trong Giáo đoàn.

Sau khi xuất gia Ngài đi vào rừng Añjana (añjanavana) ở Sāketa để trú ngụ. Khi mùa an cư đến, Ngài tìm được chiếc ghế dài bị quăng bỏ, Ngài kê chiếc ghế dài của mình lên bốn hòn đá, phủ kín cỏ bên ngoài chỉ chừa một lỗ nhỏ để ra vào, Ngài thiền tịnh trên chiếc ghế ấy, sau một tháng Ngài chứng Thánh quả Alahán⁽¹⁾. Hân hoan Ngài nói lên kệ ngôn:

55- Āsandim kutikam katvā; oḡayha añjanam vanam.

Tisso vijjā anuppattā; kaṭam buddhassa sāsana”nti.

“Làm am thất, giữ rừng nằm; nơi rừng sâu Añjana.

Ba mình ta đạt được; lời Phật dạy làm xong”⁽²⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân của Ngài là thợ kết vòng hoa tên là Sudassana, có cúng dường hoa đến Đức Phật Padumuttara.

Hậu thân gia chủ Sudassana được làm vua 16 lần với vương hiệu Devuttara.

Ngài được xác nhận là Trưởng lão Muṭṭhipupphiya trong tập Apadāna⁽³⁾.

***Trưởng lão Isimuggadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài có cúng dường bánh *Isimugga* trộn mật ong đến Đức Phật Padumuttara cùng 108.000 vị Tỳkhuu. Do phước lành này, 44 kiếp trái đất trước hậu thân vị ấy đã 38 lần làm vua với vương hiệu Mahisamanta⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Ukkhitapadumiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là người làm vòng hoa ở kinh thành Hamsavatī.

Có lần người thợ hoa đang hái hoa sen trong hồ, nhìn thấy Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu đang đi du hành, người thợ hoa tung những cánh bông sen lên không trung với ước nguyện là trở lành lọng che cho Đức Phật.

Đức Phật dùng thần thông khiến những cánh hoa sen lơ lửng trên không thành lọng che nắng cho Đức Thế Tôn.

Do hạnh sự này, hậu thân người thợ hoa sinh về cõi Tāvatisa (Ba mươi ba), là cung chủ tòa thiên cung Satapatta.

Và được làm vua trên thiên giới 1.000 lần, làm vua nơi nhân giới là 500 lần⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Uttareyadāyaka.**

(1)- ThagA. i. 127.

(2)-Thag. v. 55.

(3)- Ap. i. 142.

(4)- Ap. i. 193-4.

(5)- Ap. i. 275.

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là giáo sư ở kinh thành Hamsavati.

Một hôm vị giáo sư cùng các đệ tử đi tắm, gặp Đức Phật, vị giáo sư cúng dường thượng y (uttariya) đến Đức Phật.

Tắm thượng y bay lơ lửng trên không trung che nắng cho Đức Phật và các vị Tỳkhuu.

Do hạnh sự này, hậu thân vị ấy có 30 ngàn kiếp trái đất sinh về thiên giới, làm vua Trời là 50 lần, vua cõi nhân giới là 36 lần.

Ở nơi nào Ngài đi đến đều được che bởi những vải quý và muốn gì đều được như ý⁽¹⁾.

***Trưởng lão Udakadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài cúng dường nước đến Đức Phật Padumuttara.

Do phước lành này này, hậu thân của vị ấy có thể tìm thấy nước bất kỳ nơi nào theo ý⁽²⁾.

Kệ ngôn trong Apadāna của Ngài được thấy trong Bản Sớ giải Theragāthā dưới tên Trưởng lão Mahā Gavaccha⁽³⁾ và Trưởng lão Gaṅgātīriya⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Udāna (hay Udena).**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là một ẩn sĩ sống cùng 84.000 đệ tử trong khu ẩn xá gần núi Paduma (Padumapabbata) của rừng núi Tuyết.

Nghe một đạoxa tán thán ân Đức Phật, ẩn sĩ tìm đến yết kiến Đức Phật và cúng dường đến Đức Phật một cánh bông sen, đồng thời nói lên những kệ ngôn tán thán ân đức Phật⁽⁵⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Udena được đề cập trong kinh *Ghoṭamukha*⁽⁶⁾.

Sau khi Đức Thế Tôn Gotama viên tịch, Trưởng lão Udena trú ngụ ở rừng xoài Khemiya (Khemiyambavana) gần thành Bārāṇasī (Balanại).

Bàlamôn Ghoṭamukha ở kinh thành Pāṭaliputta (Hoa thị thành) đi đến thành Bārāṇasī do có vài việc cần phải.

Bàlamôn Ghoṭamukha đến viếng Ngài Udena, hỏi pháp nơi Ngài; sau buổi đàm đạo, Bàlamôn Ghoṭamukha hoan hỷ xin làm đệ tử cư sĩ và xin cúng dường Ngài Udena mỗi ngày 500 tiền vàng, lợi lộc mà vua Aṅga ban cho Bàlamôn Ghoṭamukha hằng ngày.

Nhưng Trưởng lão Udena từ chối, khuyên Bàlamôn Ghoṭamukha dùng số tiền này kiến tạo một Giảng đường cho các Tỳkhuu ở kinh thành Pāṭaliputta và Giảng đường này có tên gọi là Ghoṭamukhī.

Theo Bản Sớ giải⁽⁷⁾, Bàlamôn Ghoṭamukha có quan điểm: “Mỗi người phải tìm vinh quang cho chính mình, dù phải hy sinh mẹ hay cha”.

Tuy có quan điểm như thế, nhưng khi mệnh chung, ông vẫn tái sinh về thiên giới, nơi cõi chư thiên.

Biết được phước lành của mình, từ thiên giới vị thiên tử này hóa thân xuống nhân giới, gặp người em gái, chỉ cho bà nơi chôn dấu tài sản trước kia, bảo người

(1)- Ap. i. 272-3.

(2)- Ap. ii. 437.

(3)- ThagA. i. 57.

(4)- ThagA. i. 249.

(5)- Ap. ii. 362.

(6)- M .ii. 157.

(7)- MA. ii. 786.

em gái dùng tiền này trùng tu một trai đường trong một Tự viện mà các vị Tỳkhu đang tu sửa.

***Trưởng lão Upaḍḍhadussadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là người cày ruộng, thấy Trưởng lão Alahán Sujāta đi tìm vải cũ rách để may y, người cày ruộng dâng cho Trưởng lão phân nửa chiếc áo đang mặc.

Do hạnh sự này, hậu thân người cày ruộng sinh làm Thiên vương 33 lần, làm vua cõi người 77 lần⁽¹⁾.

***Trưởng lão Upasīva.**

Ngài là một trong 16 môn đệ của Balamôn Bāvari⁽²⁾.

Khi cùng các đồng môn đến viếng Đức Phật Gotama, các câu hỏi của Ngài được ghi lại thành kinh Upasīvamānava pucchā (những câu hỏi của thanh niên Upasīva)⁽³⁾.

Sau khi nghe Đức Thế Tôn giải đáp, Ngài Upasīva cùng 1.000 đệ tử chứng Thánh quả Alahán và tất cả xin gia nhập vào Tăng đoàn.

Theo tập Apadāna (Ký sự), vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân của Ngài là một ẩn sĩ khổ hạnh, tu tập nơi núi Anoma.

Có lần Đức Phật Padumuttara đến nơi cư ngụ của ẩn sĩ, ẩn sĩ soạn sẵn nơi ngồi cho Đức Thế Tôn, bằng cách trải cỏ và hoa tươi, rồi cúng dường đến Đức Thế Tôn trái cây và nhiều thoi trầm hương quý.

Do hạnh sự này, hậu thân ẩn sĩ tái sinh về thiên giới 30 kiếp trái đất, làm Thiên vương 71 lần.

Nhưng trong tập Apadāna không đề cập đến Balamôn Bāvari⁽⁴⁾.

***Trưởng lão ni Ubbirī.**

Trong thời Đức Phật Gotama tại tiền, bà sinh vào một gia đình quyền quý nơi kinh thành Sāvatti.

Bà rất xinh đẹp nên được tuyển vào hậu cung của vua Kosala (có thể là vua Pasenadi). Vài năm sau, bà sinh ra một nàng con gái rất xinh đẹp đặt tên là Jivā (Jīvanti), vua Kosala hài lòng đặt bà lên địa vị Hoàng hậu, nhưng vài năm sau nàng Jivā mệnh chung, bà Ubbirī trở nên điên loạn, hằng ngày ra nghĩa địa than khóc cho người con gái Jivā của mình.

Một hôm bà muốn đi đến yết kiến Bạc Đạo sư, nhưng lại đi ra bờ sông Aciravatī than khóc.

Thấy được duyên lành của bà Ubbirī, Đức Thế Tôn ngự đến bờ sông Aciravatī, hỏi bà rằng:

- Vì sao nàng than khóc?

- Bạch Thế Tôn, con khóc cho con của con là Jivā vẫn số.

- Nơi đây đã từng chôn xác 84.000 người con gái của nàng cùng có tên là Jivā, vậy nàng khóc cho Jivā nào?

Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

51- Amma jīvāti vanamhi kandasī; attānaṃ adhigaccha ubbiri.

Cullāsītisahassāni; sabbā jīvasanāmikā.

Etamhālāhane daḍḍhā; tāsamaṃ kamanusocasi.

“Người than khóc trong rừng, hối Jivā; Ubbiri đến tột độ cái ta.

Có 84.000 người; tất cả tên là Jiva.

Nơi thiêu xác chết này⁽⁵⁾; người sầu muộn người nào”.

(1)- Ap. ii. 436.

(2)- Sn.v. 1007.

(3)- Sn.v. 1069-76.

(4)- Ap. ii, 345.

(5)- Aḷāhana.

Bà quán tưởng lời dạy của Bậc Đạo sư, chúng đấng Thánh quả Alahán.

Bà nói lên hai kệ ngôn sau:

52- Abbahī vata me sallam; duddasaṃ hadayassitaṃ.

Yaṃ me sokaparetāya; dhītusokaṃ byapānudi.

“Mũi tên khó thấy được; đâm trúng trái tim ta.

Ngài nhổ ra tên sâu muộn; sâu con gái bức hại”.

53- Sājja abbūlhasallāhaṃ; nicchātā parinibbutā.

Buddhaṃ dhammañca saṅghañca; upemi saraṇaṃ muni”nti.

“Mũi tên nhổ ra rồi; chấm dứt mọi ham muốn.

Đức Phật, Giáo pháp và Tăng chúng; ta đến nương nhờ tịch lặng”(1).

Bản Sớ giải “Kệ ngôn Trưởng lão ni” không đề cập đến việc bà Ubbirī xuất gia trong Ni đoàn, nhưng bản Apadāna (Ký sự) có đề cập đến.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân bà Ubbirtī là một thiếu nữ ở trong thành Hamsavatī.

Nàng thiếu nữ ở nhà một mình, nhìn thấy vị Thánh Alahán đang đi khát thực, nàng cúng dường vật thực đến Ngài.

Do phước lành này, hậu thân nàng thiếu nữ sinh về thiên giới, 80 lần làm vị Thiên hậu, làm Chánh hậu cõi nhân loại là 70 lần(2).

***Trưởng lão Ekacintita.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là một thiên tử trên thiên giới, khi thấy mình sắp mệnh chung, thiên tử sâu muộn, không biết sẽ tái sinh về cảnh giới nào.

Thiên tử xuống đánh lễ Ngài Sumana là đệ tử của Đức Phật Padumuttara, Trưởng lão Sumana khuyên vị thiên tử nên nương nhờ ân đức Phật. Vị thiên tử làm theo lời dạy và tâm tư vị ấy không còn sầu khổ trước sự chết sắp đến(3).

***Trưởng lão Ekadīpiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là một gia chủ thấp đèn nơi cõi Đại giác Saḷala của Đức Phật Padumuttara.

Do hạnh sự này, 16 ngàn kiếp trái đất về trước, hậu thân gia chủ ấy làm vua bốn lần với vương hiệu là Candābha(4).

***Trưởng lão Ekasussadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là người cắt cỏ ở thành Hamsavatī, có cúng dường đến Đức Phật Padumuttara chiếc thượng y.

Do hạnh sự này, hậu thân gia chủ ấy là thiên vương 36 lần, vua cõi nhân loại là 33 lần. Ngài có thân thông do phước là “muốn có y phục khi nào thì có ngay khi ấy”(5).

***Trưởng lão Ekapadumiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là thiên nga chúa.

Có lần thiên nga chúa thấy Đức Thế Tôn thiền tịnh nơi bờ hồ gần chỗ thiên nga chúa trú ẩn, Thiên nga chúa cúng dường đến Đức Phật Padumuttara một cành hoa sen(6).

(1)- Thig. 52-53. Ubbirītherīgāthā.

(2)- ThigA. 53.

(3)- Ap. i. 194.

(4)- Ap. i. 189.

(5)- Ap. ii. 379.

(6)- Ap. i. 276.

***Trưởng lão Ekāsanadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là một ẩn sĩ khổ hạnh tên là Nārada Kassapa, sống ở gần núi Kosika.

Có lần nhìn thấy Đức Phật Padumuttara đi ngang qua rừng, ẩn sĩ cúng dường đến Đức Phật chiếc ghế ngồi và nói lời tán thán ân đức Phật.

Đức Thế Tôn Padumuttara phúc chúc đến ẩn sĩ thời pháp ngạn.

Do hạnh sự này, hậu thân ẩn sĩ được 50 lần làm Thiên vương và làm vua cõi nhân loại 80 lần, một thần thông do phước của Ngài là: “Bất cứ nơi đâu, Ngài đều có thể tìm ra ghế ngồi theo ý muốn, dù là trong rừng hay dưới nước”(1).

***Trưởng lão Opavuyha.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Tiền thân Ngài muốn cúng dường đến Đức Phật Padumuttara con ngựa *Ajāniya*, nhưng các vị đệ tử Phật bảo: “Đức Thế Tôn không nhận lễ phẩm là sinh vật còn sống”, vị gia chủ cúng dường lễ phẩm có giá trị tương đương với con ngựa quý.

Hậu thân gia chủ ấy được làm đại đế 28 lần; vào 24 kiếp trái đất trước, vị ấy là vua Chuyển Luân có đại uy lực(2).

***Trưởng lão Kumudadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Tiền thân Ngài là con chim Kakudha thời Đức Phật Padumuttara, con chim có cúng dường đến Đức Thế Tôn một cành hoa sen,

Vào 1.600 kiếp trái đất trước hậu thân con chim có 8 lần làm vua với vương hiệu Varuṇa(3), có khả năng Ngài chính là Trưởng lão Malitavambha(4).

***Trưởng lão Kassapa.**

Ngài là con của Balamôn Udicca ở kinh thành Sāvatti (Xávệ), cha Ngài mất khi Ngài còn nhỏ.

Có lần Ngài đi đến Đại tự Jetavana (Kỳ Viên), nghe Đức Phật thuyết pháp chứng Sơ quả, Ngài xin mẹ được xuất gia trong Giáo đoàn của Đức Phật.

Có lần Ngài theo Đức Thế Tôn đi du hành sau khi mãn mùa an cư, Ngài về cáo từ mẹ, mẹ Ngài khuyên nhủ Ngài bằng kệ ngôn.

82- Yena yena subhikkhāni; sivāni abhayāni ca.

Tena puttaka gacchassu; mā sokāpahato bhavā”ti.

“Đi đến nơi để xin ăn; an toàn và không lo sợ.

Con hãy đến nơi ấy; đừng va chạm sợ hãi, với hữu”.

Ngài suy nghĩ: “Mẹ ta mồn ta hãy đi đến nơi giải thoát khỏi sinh hữu”, Ngài nỗ lực triển khai thiền quán, chứng Thánh quả Alahán.

Và Ngài lập lại kệ ngôn trên để nói lên Thánh trí của mình(5).

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân của Ngài là một Balamôn tinh thông ba tạng Veda (Vệ đà).

Một hôm được trông thấy Đức Phật Padumuttara, vị Balamôn thông thái đành lễ Đức Thế Tôn rồi tung nắm hoa *Sumana* lên không trung cúng dường Đức Thế Tôn, nắm hoa *Sumana* kết thành lọng che cho Đức Phật.

Hậu thân Balamôn đã làm vua 25 lần với vương hiệu Cittaṃmāla (Cittamāla)(6). Ngài là Trưởng lão Sereyyaka nói trong tập Apadāna(1).

(1)- Ap. ii. 381.

(2)- Ap. i. 106.

(3)- Ap. i. 180.

(4)- ThagA. i. 211

(5)- Thag. v. 82. Kassapatheragāthā.

(6)- ThagA. i. 177.

***Trưởng lão Kuṭivihārī (1).**

Ngài là con một Vương tử ở kinh thành Vesālī.

Khi kinh thành Vesālī bị ba tai nạn: Hạn hán, bệnh dịch và phi nhân.

Chúng kiến được uy lực của Đức Phật qua bài kinh Châu báu (Ratanasutta), Ngài xuất gia trong giáo đoàn .

Trong khi phát triển tuệ quán Ngài đi ngang qua cánh đồng, trời đổ mưa, Ngài đi vào căn chòi trống của người giữ ruộng.

Ngồi trong chòi lá, Ngài triển khai tuệ quán, chứng đắc Thánh quả Alahán ngay tại nơi ấy.

Người giữ ruộng đi đến căn chòi của mình, thấy Ngài ngồi trong đó, hỏi rằng: “Ai ở trong chòi lá này?”. Ngài đáp rằng: “Vị Tỳkhu ở trong chòi lá” và nói lên kệ ngôn.

56- Ko kuṭikāyaṃ bhikkhu kuṭikāyaṃ; vītarāgo susamāhitacitto.

Evam jānāhi āvuso; amoghā te kuṭikā katā”ti.

“Ai trong chòi, Tỳkhu trong chòi; tâm định tinh, ly tham.

Hiền giả hãy biết như vậy; người trong chòi không mê muội”⁽²⁾.

Người giữ ruộng hân hoan rằng: “Thật may mắn cho tôi, thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến và ngồi trong chòi này”.

Với thiên nhĩ siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe sự đối đáp giữa hai vị, từ Hương thất Ngài phóng hào quang đến chòi lá nói lên kệ ngôn với người giữ ruộng.

Vihāsi kuṭiyaṃ bhikkhu; santacitto anāsavo.

Tena kammavipākena; devindo tvaṃ bhavissasi.

“Tỳkhu trú trong chòi; tâm định tinh vô nhiễm.

Quả của việc làm này; người nhận được thiên giới”

Chattimsakkhattuṃ devindo, devarajjaṃ karissasi;

Catuttimsakkhattuṃ cakkavattī, rājā raṭṭhe bhavissasi;

Ratanakuṭi nāma paccekabuddho, vītarāgo bhavissasi”ti.

“Sáu, 7 lần thiên giới; trở thành vị vua trời.

Bốn mươi lần Chuyển Luân; nhận được vua quốc độ.

Độc giác tên Ratanakuṭi; diệt tham ái chứng đạt”⁽³⁾.

Kể từ đó Ngài được gọi là Kuṭivihārī.

Tiền sự.

Trong thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài có cúng dường Đức Phật nước mắt.

Ngài có thể là Trưởng lão Udakapūjaka được nói đến trong tập Apadāna⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Kuṭivihārī (2).**

Chuyện của Ngài tương tự như trên, có chi tiết sai khác như sau.

Khi Ngài ngồi trong căn chòi cũ nát của mình, Ngài khởi lên ý nghĩ: “Chòi này cũ nát, ta nên cất lại căn chòi mới”.

Một thiên nhân đang tầm cầu pháp giải thoát, muốn tâm Ngài giao động mạnh nên nói lên kệ ngôn lời gián dị nhưng ý thâm sâu như sau.

57- Ayamāhu purāṇiyā kuṭi; aññaṃ patthayase navaṃ kuṭiṃ.

Asaṃ kuṭiyā virājaya; dukkhā bhikkhu puna navā kuṭi”ti.

“Căn chòi này cũ kỹ; Ngài muốn chòi mới khác.

Hãy dẹp bỏ chòi mới; chòi mới, Tỳkhu hãy biết khờ”⁽⁵⁾.

Ngài xúc động mạnh, nỗ lực phát triển tuệ quán chứng đạt Thánh quả Alahán. Trưởng lão dùng kệ ngôn trên nói lên Thánh trí của mình⁽¹⁾.

⁽¹⁾- Ap. i. 155.

⁽²⁾- Thag. v. 56.

⁽³⁾-ThagA. i. 129.

⁽⁴⁾- Ap. i. 142.

⁽⁵⁾- Thag.v. 57.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân của Ngài có cúng dường Đức Phật cây quạt.

Ngài có thể là Trưởng lão Naḷamāliya được nói trong tập Apadāna⁽²⁾.

***Trưởng lão Kosalavihārī.**

Ngài là con một Vương tử trong thành Vesālī, chứng kiến uy lực Ratanasutta (kinh Châu báu), Ngài xuất gia là Sadi.

Đến tuổi Ngài thọ giới Tỳkhu, khi thọ Tỳkhu giới Ngài sống trong rừng gần ngôi làng trong xứ Kosala.

Một gia chủ cúng dường cho Ngài căn chòi lá ở cạnh cội cây, nơi căn chòi lá này, Ngài tinh tấn phát triển tuệ quán chứng đạt Thánh quả Alahán.

Hân hoan Ngài nói lên kệ ngôn.

59- Saddhāyāhaṃ pabbajito; araññe me kuṭikā katā.

Appamatto ca ātāpī; sampajāno patissato”ti .

“*Xuất gia với niềm tin; trong rừng ta ở chòi lá.*

Thận trọng và tinh cần; tỉnh giác cùng với niệm”⁽³⁾.

Ngài được gọi là Kosalavihārī vì sống rất lâu trong xứ Kosala⁽⁴⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là ẩn sĩ khổ hạnh.

Có lần ẩn sĩ cúng dường đến Đức Phật nhiều rễ củ.

Vào 54 kiếp trái đất trước, hậu thân ẩn sĩ làm vua với vương hiệu Sumekhalisama.

Ngài chính là Trưởng lão Bilādiyāyaka được nói trong tập Apadāna⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Khaṇḍasumana.**

Ngài sinh ra trong một gia đình tộc trưởng Pāvā của xứ Malla.

Ngài có tên gọi là Khaṇḍasumana (hoa lài) vì ngày Ngài sinh ra, nhà Ngài có đầy hoa lài và đường mía.

Khi nghe Đức Thế Tôn giảng pháp nơi rừng xoài của gia chủ Cunda ở Pāvā, Ngài hân hoan xin xuất gia.

Không bao lâu sau Ngài chứng đạt sáu thẳng trí, nhớ lại tiền hạnh của mình là: Vào thời Đức Phật Kassapa, tiền thân của Ngài muốn cúng dường hoa đến Bảo tháp thờ Xá Lợi Đức Phật Kassapa, nhưng không tìm được hoa vì Đức vua đã mua hết tất cả hoa, nên Ngài đành phải mua hoa lài để cúng dường Bảo tháp thờ Xá Lợi Đức Phật Kassapa⁽⁶⁾.

Hân hoan Ngài nói lên kệ ngôn sau.

96-Ekapupphaṃ cajitvāna; asīti vassakoṭiyo.

Saggesu paricāretvā, sesakenamhi nibbuto”ti.

“*Từ bỏ một cánh hoa; có 80 mười triệu năm.*

Nơi thiên giới, sau khi từ bỏ; còn lại sống tịch tịnh”⁽⁷⁾.

***Tiền sự.**

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài có xây hàng rào bằng gỗ trầm hương quanh Bảo tháp thờ Xá Lợi Đức Phật Padumuttara.

Ngài có thể là Trưởng lão Sapparivāriya được nói trong tập Apadāna⁽⁸⁾.

***Trưởng lão Khitaka.**

(1)- ThagA. i. 130.

(2)- Ap. i. 143.

(3)- Thag. v. 59.

(4)- ThagA. i. 134.

(5)- Ap. i. 145.

(6)- ThagA. i. 198.

(7)- Thag. v. 96.

(8)- Ap. i. 172,

Trong thời Đức Phật Gotama còn tại tiền, Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn trong thành Sāvatti (Xá-vệ).

Được nghe danh tiếng đệ nhất thần thông của Ngài Moggallāna (Mục-Kiền-Liên), Ngài nghĩ: “Ta sẽ thành tựu thần thông lực như Ngài Moggallāna”.

Ngài xin xuất gia trong Tăng đoàn, nỗ lực tu tập thiền chỉ và thiền quán, chứng đạt sáu thắng trí.

Ngài tế độ chúng sinh bằng các thắng trí ấy nhất là thần túc thông và tha tâm thông; khi các vị Tỷ-khưu hỏi Ngài:

- Nay hiền giả Khitaka, có phải hiền giả dùng thần thông?

Ngài trả lời bằng kệ ngôn.

104- Lahuko vata me kāyo; phuttho ca pītisukhena vipulena.

Tūlamiva eritaṃ mālutena; pilavatīva me kāyo”ti.

“Thân ta thật nhẹ nhàng; và xúc chạm hỷ lạc mạnh.

Như bông nhẹ trước gió; thân ta nhẹ trôi đi”⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là một Dạ-xoa chúa.

Có lần dạ-xoa chúa này đi đến đánh lễ và nghe pháp từ Đức Phật Padumuttara.

Vào 80 kiếp trái đất trước, hậu thân dạ-xoa chúa là vị vua với vương hiệu Sumaṅgala⁽²⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Supāricariya được nói trong tập Apadāna⁽³⁾.

***Trưởng lão Hārīta.**

Ngài sinh vào một gia tộc Balamôn ở kinh thành Sāvatti (Xá-vệ), vì tự hào dòng dõi Balamôn của mình, Ngài thường gọi người khác là “hạ đẳng”.

Nghe được Giáo pháp của Đức Thế Tôn, Ngài khởi niềm tin xuất gia trong Tăng đoàn nhưng vì thói quen nên vẫn còn tật xấu ấy.

Khi nghe Đức Thế Tôn giảng pháp, quán xét lại tâm tư mình, Ngài buồn khổ vì thói xấu kiêu mạn về dòng tộc này, Ngài nỗ lực diệt trừ tính kiêu mạn, chứng đắc Thánh quả Alahán.

Hân hoan Ngài nói lên kệ ngôn.

261- Yo pubbe karaṇiyāni; pacchā so kātomicchati.

Sukhā so dhamasate ṭhānā; pacchā ca manutappati.

“Người nào, việc cần làm trước; người ấy lại làm sau.

Tự phá hoại an lạc địa; sau sâu khổ hồi tiếc”.

262- Yañhi kayirā tañhi vade; yaṃ na kayirā na taṃ vade.

Akarontaṃ bhāsamaṇaṃ; pariḷānanti paṇḍitā.

“Điều có làm, nói lên; điều không làm, không nói.

Không làm lại nói lên; bậc hiền trí thấu rõ”.

263- Susukhaṃ vata nibbānaṃ; sammāsambuddhadesitaṃ.

Asokaṃ virajaṃ khemaṃ; yattha dukkhaṃ nirujjhati”ti.

“Đạt Níp-bàn, khéo an lạc; Bậc Chánh giác giảng dạy.

An ổn, không sầu, không nhớ bận; nơi ấy chấm dứt mọi đau khổ”⁽⁴⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài có cúng dường năm hương liệu vào hỏa đài của Đức Phật Padumuttara⁽⁵⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Gandhapūjaka được nói trong tập Apadāna⁽¹⁾.

(1)- Thag. v. 104.

(2)- ThagA. i. 209.

(3)- Ap.i. 181.

(4)- Thag. vss. 261-3. Hārītatheragāthā.

(5)- ThagA. i. 376.

***Trưởng lão Gandhokadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Trong thời Đức Phật Padumuttara, một lễ hội được tổ chức cúng dường cây Đại giác của Đức Phật Padumuttara, tiền thân của Ngài dùng nước thơm tưới vào cội Đại giác để vinh danh Đức Thế Tôn.

Một trận mưa lớn khởi lên và sét đánh trúng Ngài, mệnh chung Ngài tái sinh về Thiên giới. Từ thiên giới vị Thiên tử cùng thiên chúng tùy tùng đi đến nơi hỏa thiêu xác Ngài, vị thiên tử nói lên những vần kệ tán thán Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Vào 128 kiếp trái đất trước tiền thân của Ngài là vị Đại đế có vương hiệu Samvasita⁽²⁾.

***Trưởng lão Dhotaka.**

Ngài là một trong 16 môn đệ của Bàlamôn Bāvari được cử đến viếng Đức Thế Tôn Gotama.

Những câu hỏi của Ngài và lời giải đáp của Đức Phật được ghi thành tập kinh Dhotakamānavapucchā⁽³⁾.

Sau lời giải đáp của Đức Phật, Ngài cùng 1.000 môn đệ chứng Thánh quả Alahán và tất cả xin xuất gia trong Tăng đoàn của Đức Phật Gotama.

Tiền sự,

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là vị Giáo thọ Chalaṅga, có 1.800 đệ tử.

Vị Giáo thọ sư cùng đệ tử xây cây cầu Bhagīrathī để Đức Thế Tôn cùng chư Tỳkhuu sử dụng⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Jambuphaliya.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Trong thời Đức Phật Padumuttara tiền thân Ngài là một gia chủ có cúng dường đến Đức Phật những trái đào đầu mùa⁽⁵⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Nadi Kassapa⁽⁶⁾.

***Trưởng lão Jātipupphiya.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Trong thời Đức Phật Padumuttara tiền thân Ngài có đặt một vòng hoa lên nhục thân của Đức Phật Padumuttara trong lễ hỏa thiêu nhục thân Đức Phật. Mệnh chung, hậu thân vị ấy tái sinh về cõi Nimmānaratī (Hóa lạc thiên)⁽⁷⁾.

***Trưởng lão Ti-Ukkādhāriya.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Trong thời Đức Phật Padumuttara tiền thân Ngài thắp ba ngọn đuốc (ukkā) và cầm đuốc đứng nơi cội Đại giác của Đức Phật để cúng dường ánh sáng⁽⁸⁾.

***Trưởng lão Ti-Padumiya.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Trong thời Đức Phật Padumuttara tiền thân Ngài là thợ làm vòng hoa, trên đường đến Hoàng cung để giao hoa, thấy Đức Phật Padumuttara, người thợ hoa tung ba cánh hoa sen cúng dường đến Đức Phật.

Ba cánh hoa sen tạo thành vòng hoa trên đầu Đức Thế Tôn.

Mệnh chung, người thợ kết hoa tái sinh về thiên giới là chủ thiên cung Mahāvithhārika cao 300 dotuần⁽¹⁾.

(1)- Ap. ii. 406.

(2)- Ap. i. 105.

(3)- Sn. p. 204.

(4)- Ap.ii. 344.

(5)- Ap. ii. 395.

(6)- ThagA. i. 415.

(7)- Ap. i. 405.

(8)- Ap. ii. 404.

***Trưởng lão Sirima.**

Trong thời Đức Phật tại tiền, Ngài sinh vào một gia tộc trong thành Sāvatti, Ngài được đặt tên là Sirima vì khi mẹ Ngài mang thai Ngài, gia đình luôn được may mắn.

Ngài có người em trai tên là Sirivaḍḍha vì khi mang thai vị này, tài sản gia đình tăng trưởng.

Khi Trưởng giả Anāthapiṇḍika cúng dường Đại tự Kỳ Viên (Jetavanavihāra), hai Ngài cảm phục uy lực của Đức Thế Tôn nên xin xuất gia trong Tăng đoàn.

Dù chưa chứng đắc Thánh quả nhưng Ngài Sirivaḍḍha được hàng xuất gia cũng như hàng cư sĩ cung kính, còn riêng Ngài Sirima do ảnh hưởng một ác nghiệp nên không được tôn kính.

Tuy vậy, Ngài Sirima luôn tinh cần tu tập chỉ và quán, chứng đạt sáu thăng trí.

Các vị Tỳkhuu phàm xem thường Ngài và cung kính Ngài Sirivaḍḍha. Để cảnh tỉnh những vị ấy, Ngài nói lên kệ ngôn.

159- Pare ca naṃ pasamsanti; attā ce asamāhito.

Moghaṃ pare pasamsanti; attā hi asamāhito.

“Người khác tán thán nó; kẻ tự ngã không an tịnh.

Người khác khen ngu muội; kẻ tự ngã không an tịnh”.

160- Pare ca naṃ garahanti; attā ce susamāhito.

Moghaṃ pare garahanti; attā hi susamāhito”ti.

“Người khác khinh thường nó; kẻ tự ngã khéo an tịnh.

Người khác khinh thường sai lầm; kẻ tự ngã khéo an tịnh”⁽²⁾.

Ngài Sirivaḍḍha nghe kệ ngôn, tâm xúc động mạnh, tinh cần thiền quán chẳng bao lâu chứng Thánh quả Alahán.

Những vị kinh thường Ngài Sirima trước đây đã sám hối Ngài.

Tiền sự.

Trước khi Bôtát Padumuttara giáng sinh vào lòng mẹ, tiền thân của Ngài là ẩn sĩ Devala hướng dẫn một hội chúng đông đảo.

Ẩn sĩ Devala xây dựng một tháp để cúng dường chư Phật.

Khi Đức Thế Tôn Padumuttara xuất hiện trên thế gian, ẩn sĩ Devala mệnh chung sinh về cõi Phạm thiên. Từ cõi Phạm thiên Ngài xuống nhân giới dạy các môn đệ trước đây của mình nên xuất gia trong giáo pháp của Đức Thế Tôn⁽³⁾.

Ngài chính là Trưởng lão Puḷinuppādaka được nói trong tập Apadāna⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Dhajadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Trong thời Đức Phật Padumuttara tiền thân Ngài là một gia chủ, có treo cờ quanh cột Đại giác của Đức Phật.

Hậu thân vị ấy làm vua hai lần với vương hiệu là Uggata và Megha⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Dhammasava.**

Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn trong xứ Magadha, được nghe Đức Thế Tôn giảng pháp ở Dakkhināgiri (Nam sơn), Ngài xuất gia trong Tăng đoàn. Nhờ tinh cần hành pháp chẳng bao lâu Ngài chứng Thánh quả Alahán. Hân hoan Ngài nói lên kệ ngôn.

107- Pabbajim tulayitvāna, agārasmānagāriyaṃ.

Tisso vijjā anuppattā; kamaṃ buddhassa sāsana”nti.

“Suy tư, cân nhắc ta xuất gia; sống đời sống không nhà.

⁽¹⁾- Ap. i. 124.

⁽²⁾- Thag. 159-160. Sirimattheragāthā.

⁽³⁾- ThagA. i. 279.

⁽⁴⁾- Ap. ii. 426.

⁽⁵⁾- Ap. i. 277.

Ba mình ta đạt được; lời Phật dạy làm xong⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân của Ngài là vị ẩn sĩ khổ hạnh có tên là Suvaccha sống trong một chồi lá.

Có lần Đức Thế Tôn thi triển thần thông gần chồi lá của ẩn sĩ, ẩn sĩ hoan hỷ, đi để đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi cúng dường đến Đức Thế Tôn những cánh hoa nāga (mù u).

Cách đây 31 kiếp trái đất, hậu thân ẩn sĩ Suvaccha là vị vua có vương hiệu là Mahāratha⁽²⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Nāgapupphiya được nói trong tập Apadāna⁽³⁾.

***Trưởng lão Vidhūpanadāyaka.**

Trong thời Đức Phật Gotama.

Ngài chứng Thánh quả Alahán khi được 7 tuổi .

Trong thời Đức Phật Padumuttara tiền thân Ngài là một gia chủ, có cúng dường đến Đức Thế Tôn cây quạt và tán thán Đức Thế Tôn trong lúc Ngài hầu quạt Đức Thế Tôn.

Hậu thân gia chủ ấy làm vua 16 lần với vương hiệu là Vijamāna⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Sataraṃsika.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài thấy Đức Phật khởi tâm tịnh tín, đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn.

Trong hiện kiếp Ngài xuất gia lúc 7 tuổi và thân Ngài luôn chiếu sáng.

Cách đây 60 ngàn kiếp trái đất tiền thân Ngài bốn lần làm vua với vương hiệu Roma⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Sannidhāpaka.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là một ẩn sĩ, có cúng dường đến Đức Phật Padumuttara trái bí (*āmaṇḍa*) và nước uống.

Cách đây 41 kiếp trái đất, hậu thân ẩn sĩ là vị vua có vương hiệu là Arindama⁽⁶⁾.

***Trưởng lão Saparivāracchattadāyaka(1).**

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là một gia chủ.

Khi nghe Đức Phật giảng pháp, gia chủ hoan hỷ giương dù rồi tung lên hư không, che cho Đức Phật.

Vào thời Đức Phật Gotama, hậu thân gia chủ này xuất gia lúc 7 tuổi, khi vi ấy thọ giới Tỳkhuu, Balamôn Sunanda che lọng cho Ngài, Trưởng lão Sāriputta thấy vậy thốt lời hoan hỷ⁽⁷⁾.

Ngài tinh cần hành pháp chứng Thánh quả Alahán.

***Trưởng lão Saparivāracchattadāyaka (2).**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài đóng hàng rào bằng gỗ trầm hương quanh tháp thờ Đức Phật Padumuttara.

Cách đây 15 kiếp trái đất, Ngài làm vua 8 lần với vương hiệu Pamatta⁽⁸⁾.

***Trưởng lão Saparivārasana.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

(1)- Thag. 107. Dhammasavattheragāthā.

(2)- ThagA. i. 214.

(3)- Ap.i. 179.

(4)- Ap.i. 103.

(5)- Ap. i. 104.

(6)- Ap.i. 97.

(7)- Ap.i. 172.

(8)- Ap.i. 173,

Vào thời Đức Phật Padumuttara tiền thân Ngài là một gia chủ, có thỉnh Đức Thế Tôn đến tư gia cúng dường vật thực.

Gia chủ trang trí nơi ngồi của Đức Thế Tôn xinh đẹp bằng hoa lài, rồi cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn khi Ngài ngồi vào ghế ngồi⁽¹⁾.

***Trường lão Sayanadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài có cúng dường Đức Phật chiếc giường⁽²⁾.

***Trường lão Sucinta.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là nông dân, có cúng dường đến Đức Phật nông phẩm đầu mùa của mình⁽³⁾.

***Trường lão Susārada.**

Ngài là thân tộc xa với Trường lão Sāriputta (Xá Lợi Phất), vì cơ thể Ngài chậm phát triển, và chậm hiểu nên được gọi là Susārada.

Khi nghe Trường lão Sāriputta giảng pháp, Ngài khởi lên niềm tin xuất gia trong Tăng đoàn, nhờ tinh cần hành pháp, Ngài chứng đạt Thánh quả Alahán, hân hoan với Thánh quả đã đạt được, Ngài nói lên kệ ngôn.

75- Sādhū suvihitāna dassanaṃ; kaṅkhā chijjati buddhi vaḍḍhati.

Bālampi karonti paṇḍitaṃ; tasmā sādhu satamaṃ samāgamo”ti.

“Lành thay, khéo tu tập thấy biết; cắt đứt nghi, tăng trưởng hiểu biết.

Kẻ ngu trở thành người trí; do vậy, kết giao với thiện lành thay”⁽⁴⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là một ẩn sĩ Balamôn có cúng dường đến Đức Phật trái cây ngọt khi ẩn sĩ thấy Đức Phật đi khát thực.

Cách đây 700 kiếp trái đất trước, tiền thân của Ngài là vị vua có vương hiệu là Smaṅgala⁽⁵⁾.

Ngài là Trường lão Phaladāyaka được nói trong tập Apadāna⁽⁶⁾.

***Trường lão Rakkhita.**

Ngài sinh ra trong một gia tộc quyền quý ở Vedehanigama trong thành Devadaha. Là một trong 500 Thích tử được hội đồng bộ tộc Sākya (Thích Ca) và Koliya cho xuất gia theo hầu Đức Thế Tôn để tạ ơn Đức Thế Tôn đã giảng hòa hai bộ tộc khi tranh chấp nước giòng sông Rohinī.

Khi nghe Đức Phật thuyết Bốn sự Kuṇāla (Kuṇāla jāta), Ngài nhận thức được hiểm nguy của dục lạc, phát triển tuệ quán, chứng đắc Thánh quả Alahán. Ngài tuyên bố chánh trí của mình qua kệ ngôn.

79- Sabbo rāgo pahīno me; sabbo doso samūhato.

Sabbo me vigato mohō; sītibhūtosmi nibbuto”ti.

“Tất cả tham ta cắt đứt; tất cả sân được nhờ bỏ.

Tất cả si ta từ bỏ; ta tịch tịnh mát lạnh”⁽⁷⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài nghe Đức Phật giảng pháp, Ngài nói lên kệ ngôn tán thán sự uyên bác của Đức Phật⁽⁸⁾.

Ngài chính là Trường lão Sobhita được nói đến trong tập Apadāna⁽⁹⁾.

(1)- Ap. i. 107.

(2)- Ap. i. 98.

(3)- Ap. ii. 385.

(4)- Thag. vs. 75

(5)- ThagA. i. 167.

(6)- Ap. i. 160.

(7)- Thag. vs. 79.

(8)- ThagA. i. 173.

(9)- Ap. i. 163.

Dứt lịch sử Đức Phật Padumuttara.

Sau kiếp trái đất xuất hiện Đức Chánh giác Padumuttara, trải qua 70 ngàn kiếp trái đất không có vị Chánh giác nào hiện khởi trong thế gian.

Cách hiện kiếp này trở về trước 30 ngàn kiếp trái đất, có kiếp trái đất xuất hiện hai vị Chánh giác (gọi là maṇḍakappa), đó là Đức Phật Sumedha và Đức Phật Sujāta.

11- Đức Phật Sumedha.

Sau khi thực hành tròn đủ 30 pháp Balamật, Bồtát tái sinh về cõi Tusita (Đầu suất) thọ hưởng thiên lạc với thời gian là 576 triệu năm. Theo truyền thống chư Bồtát Chánh giác kiếp chót, Ngài nhận lời thỉnh cầu của chư thiên, Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới, Ngài giáng phàm.

Bồtát tái sinh vào thai bào của bà Hoàng Sudattā, cha Ngài là Đức vua Sudatta trị vì kinh thành Sudassana.

Sau 10 tháng, Bồtát ra khỏi thai bào nơi vườn Ngự Uyển Sudassana, khi Ngài vừa ra khỏi thai bào cũng là lúc mặt trời xế màn đêm hiện ra chói lọi, do sự kiện này Bồtát được đặt tên là Sumedha.

Bồtát Sumedha sống tại gia 9 ngàn năm, trong ba cung điện: Cung điện Sucanda⁽¹⁾, cung điện Kañcana⁽²⁾ và cung điện Sirivaḍḍha⁽³⁾, có 48 ngàn cung nữ xinh đẹp hầu hạ, vợ Bồtát là công nương Sumanā.

Khi thấy đầy đủ bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và vị Samôn; Bồtát quyết định xuất gia. Ngài ngồi trên lưng voi rời khỏi Hoàng thành ra đi xuất gia, có khoảng 110 triệu người cùng theo Ngài xuất gia.

Vào ngày hôm ấy, nàng Sumanā vừa sinh ra Thái tử Sumitta (hay Punabbasumitta).

Bồtát Sumedha khổ hạnh trong 8 tháng rồi thọ thực trở lại, hội chúng tùy tùng lìa bỏ Ngài đi đến vườn Sudassana trú ngụ.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesakha, Bồtát thọ dụng bát cơm sữa do nàng Nakulā, con gái của một trưởng giả nơi làng Nakula cúng dường.

Vào buổi chiều Ngài đi đến cội cây Nīpa⁽⁴⁾, nhận 8 bó cỏ do du sĩ lửa thể Sirivaḍḍha dâng cúng. Tám bó cỏ trở thành Bảo tọa chiến thắng của Bồtát Sumedha nơi cội cây Nīpa, trên Bảo tọa chiến thắng, Bồtát chiến thắng ngũ ma, chứng đắc Vô thượng Chánh giác vào lúc mặt trời vừa lên.

**Ba thắng hội của Đức Phật Sumedha.*

Thắng hội I.

Nhận lời thỉnh cầu của Đại Phạm thiên, Đức Thế Tôn Sumedha khai mở pháp giải thoát nơi vườn hoa Sudassana gần kinh thành Sudassana, tế độ 110 triệu vị Samôn tùy tùng trước đây của Ngài, trong đó có 2 vị Tử hoàng là Saraṇa và Sabbakāma (hai vị Thượng thủ của Ngài sau này).

Pháp thoại lần đầu tiên của Đức Phật Sumedha mang Thánh quả đến cho một ngàn tỷ nhân thiên.

Đây là thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Tassāpi abhisamayā tīṇi; ahesuṃ dhammadesane.

Koṭisatasahassānam; paṭhamābhisamayo ahu.

“Vị ấy có ba thắng hội; việc thuyết giảng pháp của vị ấy.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội đầu tiên của Ngài”⁽⁵⁾.

(1)- BuAB ghi là Sucandana; BuAC ghi là Sucandanaka.

(2)- BuAC ghi là Koñca.

(3)- BuAB ghi là Vaḍḍhana.

(4)- Bu. xii, 21 ghi là Nimba.

(5)- Bu.xii. 4. Sumedhabuddhavaṃsa.

Thắng hội II.

Vào dịp khác, sau khi xuất khỏi Đại bi định, Đức Thế Tôn Sumedha dùng Phật trí quán xét thế gian tìm người hữu duyên nên tế độ.

Đức Thế Tôn quyết định tế độ đạoxa ăn thịt người có tên là Kumbhakaṇṇa, Ngài một mình đi đến đền thờ của đạoxa Kumbhakaṇṇa.

Với uy lực của bậc Chánh giác Ngài đã nhiếp phục đạoxa Kubhakaṇṇa, đạoxa xin quy ngưỡng ân đức Tam bảo.

Ngày hôm sau, đức vua quốc độ ấy phải mang Thái tử đến làm tế vật cho đạoxa, đại chúng mang theo những lễ vật cùng với Thái tử đến khu đền của đạoxa; đạoxa ẵm Thái tử rồi trao đến Đức Thế Tôn Sumedha.

Nghe được tin tốt đẹp này, đại chúng cùng nhau đến đánh lễ Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại, mang Thánh quả đến cho nhân thiên là 900 triệu vị, trong đó đạoxa Kumbhakaṇṇa.

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn.

5- Punāparaṃ kumbhakaṇṇaṃ; yakkhaṃ so damayī jino.

Navutikoṭisahassānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Lần khác với Kumbhakaṇṇa; Đấng Chiến Thắng nhiếp phục đạoxa.

Có 90 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội lần hai” (sđd. 5)

Thắng hội III.

Một lần khác nơi kinh thành Upakāri, trong vườn Sirinanda, Đức Thế Tôn thuyết giảng bài pháp “bốn sự thật”, mang Thánh quả đến cho 800 tỷ nhân thiên. Đây là Thắng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

6- Punāparaṃ amitayaso; catusaccaṃ pakāsaya.

Asītikotiṣahassānaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Một lần khác, bậc có danh tiếng vô hạn; giảng giải về bốn sự thật.

Có 80 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội thứ ba” (sđd.6).

**Ba Tăng hội của Đức Phật Sumedha.*

Tăng hội I.

Vào lúc Đức Phật Sumedha khai mở pháp bát tử nơi vườn Ngự Uyển Sudassana, có 100 mười triệu vị chứng Thánh quả Alahán và được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave...”.

Đây là Tăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

8- Sudassanaṃ nāma nagaraṃ; upagañchi jino yadā.

Tadā khīṇāsavā bhikkhū; samimsu satakotiyo.

“Thành phố tên Sudassana; Bậc Chiến Thắng ngự đến đó.

Nơi đây những Tỳkhuu sạch ô nhiễm; tụ hội lại một tỷ vị”(sđd.8).

Tăng hội II.

Đức Thế Tôn Sumedha an cư mùa mưa nơi núi Devakūṭa. Đại chúng tổ chức dâng y Kathina, có 900 triệu vị Tỳkhuu Alahán tụ hội lại.

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

9-Punāparaṃ devakūṭe; bhikkhūnaṃ kathinatthate.

Tadā navutikoṭīnaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Vào lúc khác nơi núi Devakūṭa; lễ Kathina của các Tỳkhuu.

Nơi đây có 90 triệu vị, là lần tụ hội thứ hai”(sđd.9).

Tăng hội III.

Vào lần khác, Đức Thế Tôn du hành tế độ chúng sinh, có 800 triệu vị Alahán theo hầu Ngài. Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

10- Punāparaṃ dasabalo; yadā carati cārikaṃ.

Tadā asītikotiṇaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

“Lần khác Đấng Thập lực; Ngài đi du hành.

Có 80 triệu vị; là lần tụ hội thứ ba”(sđd.10).

**Tiền thân Đức Phật Gotama.*

Vào thời ấy, tiền thân Đức Phật Gotama là một thanh niên tên là Uttara có đại tài sản là 800 triệu mỗi thứ.

Thanh niên Uttara cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng rất trọng thể. Giữa đại chúng Đức Thế Tôn Sumedha tuyên bố rằng: “Sau 30 ngàn kiếp trái đất kể từ kiếp trái đất này, thiện gia tử này sẽ trở thành Đức Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

Nghe lời tiên tri của Đức Phật Sumedha, tâm thanh niên Uttara vô cùng hân hoan, đã bố thí hết tài sản của mình và xuất gia là Tỳkhuu trong Giáo pháp của Đức Phật Sumedha.

Sau khi thông thạo pháp học, Bồ tát thực hành thiền tịnh, chứng đạt tám tầng thiền cùng 5 thắng trí. Mệnh chung sinh về Phạm thiên giới.

****Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sumedha.***

Đức Phật Sumedha cao 88 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng một dotuần, không bị ngăn cản bất cứ vật gì như núi, tường, vách ...

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Sumedha là Trưởng lão Saraṇa và Trưởng lão Sabbākāma. Thị giả là Trưởng lão Sāgara.

- Hai nữ Thủ tinh tối thắng của Đức Phật Sumedha là Trưởng lão ni Rāmā và Trưởng lão ni Surāmā .

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Sumedha là Trưởng giả Uruvela và Trưởng giả Yasava.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Sumedha là bà Yasodharā và bà Sirimā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Sumedha là 90 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi tự viện Medha (Medhārāma), Xá lợi của Ngài rải tán khắp nhân thiên.

Phụ lục.

****Thiên tử Anekavaṇṇa.***

Là một thiên tử ở cõi Tāvātimsa (Ba mươi ba), có hào quang át cả hào quang của vua trời Sakka, nhờ tạo phước trong Phật giáo thời Đức Phật Gotama còn tại tiền, khi gặp vị thiên tử này vua Trời Sakka phải lánh mặt vì hổ thẹn⁽¹⁾.

Vào thời Đức Phật Sumedha, tiền thân vị thiên tử này là vị Tỳkhuu, nhưng sau đó vị ấy hoàn tục.

Khi Đức Thế Tôn Sumedha viên tịch, vị Tỳkhuu ấy hối tiếc đã bỏ lỡ cơ hội, nên đi đến đánh lễ Bảo tháp thờ Xá lợi Đức Phật Sumedha và nguyện giữ giới⁽²⁾.

****Trưởng lão Abhaya.***

Là một Balamôn trong thành Sāvatti, khi nghe Đức Thế Tôn giảng pháp, Ngài xuất gia trong Tăng đoàn.

Có lần Ngài đi khất thực, nhìn thấy một nữ nhân trang điểm xinh đẹp, Ngài bị dục tướng chi phối, nhưng Ngài trấn tĩnh được, phát triển tuệ quán chứng Thánh quả Alahán⁽³⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Sumedha, tiền thân Ngài có gặp Đức Phật Sumedha trong rừng và cúng dường đến Đức Phật vòng hoa Salala.

Cách đây 19 kiếp trái đất, tiền thân Ngài làm vua 16 lần với vương hiệu Mimmita.

Ngài được xác định là Trưởng lão Vaṭṭasakkiya được nói trong tập Apadāna⁽⁴⁾.

****Trưởng lão Uttiya.***

(1)- Dhpa. i. 426-7.

(2)- VvA. 318.

(3)- Thag. v. 98; ThagA. i. 201-2.

(4)- Ap.i. 174.

Ngài sinh ra trong một gia tộc vương tử dòng Sākya (Thích Ca) nơi thành Kapilavatthu (Catỳlavê).

Khi Đức Thế Tôn trở về kinh thành Kapilavatthu (Catỳlavê) để thăm thân tộc, Ngài chứng kiến uy lực Song thông của Đức Thế Tôn nên khởi niềm tin, xuất gia trong Tăng đoàn.

Trong thời gian tu học, Ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, thiên định của Ngài bị thổi thất, khởi lên dục cảm. Ngài cố gắng chế ngự những tư tưởng dục lạc bằng sự suy quán về những thể trước, khi đi vào liêu thất để thiền tịnh, tâm của Ngài rất giao động và cố gắng nhiếp phục những tư tưởng xấu.

Ngài chọn buổi trưa để thực hành thiền tịnh, nỗ lực thiền quán, nhờ nhàm chán các dục lạc Ngài thoát khỏi khổ sinh tử.

Hân hoan Ngài nói lên kệ ngôn.

99- Saddaṃ sutvā sati muṭṭhā, piyaṃ nimittaṃ manasikaroto;

Sārattacitto vedeti, tañca ajjhosa tiṭṭhati;

Tassa vaḍḍhanti āsavā, saṃsāraṃ upagāmino”ti.

“Nghe âm thanh, mắt ghi nhận; ý hướng đến tướng luyến ái.

Tâm nhận lấy thích thú; an trú với tướng đắm nhiễm.

Khiến ô nhiễm tăng trưởng; là dẫn đến luân hồi”⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Sumedha, tiền thân Ngài là một gia chủ có cúng dường đến Đức Phật chiếc giường cùng với mùng mền và thảm

Cách đây 20 kiếp trái đất, tiền thân Ngài ba lần làm vua với vương hiệu Suvanṇābha⁽²⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Pallāṅkadāyaka được nói đến trong tập Apadāna⁽³⁾.

***Trưởng lão Candanamāliya.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Sumedha, tiền thân Ngài là một trưởng giả có đại tài sản, sau khi bố thí hết gia sản Ngài xuất gia làm ẩn sĩ.

Ẩn sĩ có cúng dường đến Đức Phật sàng tọa, xoài, hương trầm và hoa Sāla.

Có lần tiền thân Ngài làm vua trị vì kinh thành Vebhāra do do Thiên thần kiến trúc Vissakamma kiến tạo⁽⁴⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Valliya được ghi nhận trong tập Theragāthā⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Pañcahatthiya.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Sumedha, tiền thân Ngài có cúng dường đến Đức Phật năm năm hoa huệ, tạo thành một vòng hoa trên đầu Đức Phật.

Tiền thân Ngài làm vua năm lần với vương hiệu Hatthiya⁽⁶⁾.

***Trưởng lão Bhaddāli.**

Có lần Ngài an cư mùa mưa nơi Đại tự KỳViên (Jetavanavihāra), nghe Đức Thế Tôn giảng pháp môn “ăn một chỗ ngồi” (nhất tọa thực), Ngài cảm thấy bất bình nên lánh mặt Đức Phật suốt ba tháng.

Khi Đức Thế Tôn sắp du hành, theo lời khuyên các vị đồng phạm hạnh, Ngài đến sám hối Đức Phật, Đức Phật nhân đó thuyết lên kinh Bhaddāli⁽⁷⁾.

Tương truyền, có một kiếp tiền thân Ngài tái sinh làm quạ rất háu đói, trong kiếp này Ngài thường đói bụng, nên có biệt hiệu là Mahāchātaka (Kẻ ăn nhiều)⁽⁸⁾.

(1)- Thag. v. 99.

(2)- ThagA. i. 202-3.

(3)- Ap. i. 175.

(4)- Ap. ii. 423.

(5)- ThagA. i. 293.

(6)- Ap. i. 97.

(7)- M. i. 437.

(8)- MA. ii. 648.

Thời Đức Phật Sumedha, tiền thân Ngài gặp Đức Phật đang thiền tịnh trong rừng, tiền thân Ngài đi đến dọn dẹp chung quanh chỗ ngồi của Đức Phật và cầm lọng che cho Đức Phật⁽¹⁾.

****Trưởng lão Madhudāyaka.***

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Sumedha, tiền thân Ngài là một ẩn sĩ sống tu tập cạnh bờ sông Sindhu, có cúng dường đến Đức Phật đường mật.

Truyền thuyết nói rằng: Ngày Ngài sinh ra, có một trận mưa mật ngọt rơi xuống⁽²⁾. Có khả năng Ngài chính là Trưởng lão Mahānāma⁽³⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Sumedha.

12- Đức Phật Sujāta.

Sau khi Đức Phật Sumedha viên tịch, tuổi thọ nhân loại giảm dần cho đến khi còn 10 năm, rồi tăng dần lên đến atăng kỳ năm. Sau đó giảm dần xuống, đến khi tuổi thọ nhân loại là 90 ngàn năm thì Đức Phật Sujāta xuất hiện trên thế gian.

Sau khi viên mãn 30 pháp Balamật, Bôtát tái sinh về cõi Tusita (Đầusuất), nhận lời thỉnh cầu của chư thiên và Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới. Bôtát giáng sinh vào thai bào của bà Hoàng Pabhācatī, cha Ngài là Đức vua Uggata trị vì kinh thành Sumaṅgala.

Từ khi Bôtát giáng sinh vào thai bào, mọi người đều an lạc, nên Bôtát được đặt tên là Sujāta.

Bôtát Sujāta sống tại gia là 9 ngàn năm trong ba tòa cung điện: Cung điện Siri, cung điện Upasiri và cung điện Nanda, có 23 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Ngài là công nương Sirinandā.

Sau khi nhìn thấy bốn điềm tướng, Bôtát cưới ngựa thuần chủng Hamsavāha ra đi xuất gia, có 90 triệu người theo Bôtát ra đi xuất gia. Vào ngày hôm ấy, nàng Sirinandā vừa sinh ra Thái tử Upasena.

Bôtát Sujāta thực hành khổ hạnh 9 tháng, vào ngày trăng tròn tháng Vesakha Bôtát thọ dụng bát cơm sữa do con gái của trưởng giả Sirinanda trong thành phố Sirinanda cúng dường.

Vào buổi chiều, Bôtát đi đến cây Mahāvelu (Đại Trúc), trên đường đi Ngài nhận 8 bó cỏ của một du sĩ lửa thể là Sunanda cúng dường.

Cây tre (velu) này có thân rất lớn, tàn lá đan vào nhau dày đặc khiến ánh sáng mặt trời không thể xuyên qua, cây tre thẳng tắp trông rất khả ái.

Cây tre chỉ có một đốt nằm phía trên cao, từ đốt tre này những tàn nhánh tỏa ra như chiếc lọng lớn rất xinh đẹp, xem như cây tre này không có đốt nơi thân, thân tre hoàn toàn không có gai.

Nơi cội cây Mahāvelu, Bôtát trải tám bó cỏ làm Bồđoàn, một Bảo tọa chiến thắng hiện ra cho Ngài.

Trên Bảo tọa chiến thắng, Bôtát thắng phục năm loại ma vương, diệt trừ mọi ô nhiễm. Khi mặt trời vừa ló dạng, Ngài chứng đạt Vô thượng Chánh giác.

****Ba Thắng hội của Đức Phật Sujāta.***

Nhận lời thỉnh cầu giảng pháp Bất tử của Đại Phạm thiên.

Với Phật trí, Đức Phật Sujāta thấy được duyên lành của Tử hoàng Sudassana (là em trai khác mẹ với Ngài) cùng với con trai quan Tế tự là Deva (Sudeva).

Theo đường hư không, Đức Thế Tôn ngự đến vườn hoa Sumaṅgala gần kinh thành Sumaṅgala, nơi đây Đức Thế Tôn khai mở bánh xe pháp.

Dứt pháp thoại có 800 triệu nhân thiên chứng Thánh quả.

(1)- Ap. ii. 365 .

(2)- Ap. i. 325.

(3)- ThagA. i. 228.

Đây là Thăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Desente pavaram dhammam; sujāte lokanāyake.

Asītikotī abhisamimsu; paṭhame dhammadesane.

“Khai giảng pháp cao quý; Sujāta, bậc Lãnh đạo thế gian.

**Có 80 triệu triệu trong Thăng hội này; là lần đầu tiên giảng pháp”⁽¹⁾.*

Thăng hội II.

Khi Đức Thế Tôn thể hiện Song thông lực ở ngay cổng thành Sudassana nơi cội cây cổ thụ Sāla để nhiếp phục ngoại giáo, rồi Ngài ngự lên cung trời Tāvātimsa (Ba mươi ba) thuyết lên tặng Thăng pháp.

Thời pháp thoại này mang đến Thánh quả cho 3.700.000 chư Thiên và Phạm thiên.

Đây là Thăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- Yadā sujāto amitayaso, deve vassam upāgami;

Sattatimsasatasahassānam, dutiyābhisamayo ahu.

“Sujāta, vị có danh tiếng vô lượng; an cư mùa mưa ở cõi trời.

Có 37 trăm ngàn; là Thăng hội lần hai” (sđd.5).

Thăng hội III.

Khi trở về Hoàng cung để tế độ thân quyến, Đức Thế Tôn Sujāta thuyết pháp thoại tế độ chúng sinh. Có 6 triệu nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thăng hội III của Ngài. Có Kinh văn.

6- Yadā sujāto asamasamo; upagacchi pitusantikam.

Saṭṭhisatasahassānam; tatiyābhisamayo ahu.

“Sujāta, tương đương với bậc Vô song; đi đến gặp người cha.

Có 60 trăm ngàn vị; là Thăng hội lần thứ ba” (sđd.6).

**Ba Tăng hội của Đức Thế Tôn Sujāta.*

Tăng hội I.

Nơi thành Sudassana, trong vườn Ngự Uyển Sudassana, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát* đến đại chúng Tăng, là 6 triệu người chứng Thánh quả Alahán và được xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave ...”.

Đây là Tăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

8- Abhiññābalappattānam; appattānam bhavābhavē.

Saṭṭhisatasahassāni; paṭhamam sannipatimsu te.

“Thăng trí lực chứng đạt; không đến hữu này hữu khác.

Có 60 trăm ngàn; lần tụ hội đầu tiên của Ngài” (sđd.8).

Tăng hội II.

Khi Đức Thế Tôn Sujāta từ cung trời Tāvātimsa (Ba mươi ba) trở về nhân giới.

Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát* đến Đại chúng Tăng, là 5 triệu vị Thánh Alahán, xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ..”.

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

9- Punāparam sannipāte; tidivorohaṇe⁽²⁾ jine.

Paññāsasatasahassānam; dutiyo āsi samāgamo.

“Lần tụ hội khác, Bậc Chiến Thắng từ cõi trời trở về.

Có 50 trăm ngàn; là lần tụ hội thứ hai” (sđd.9).

Tăng hội III.

Vị Tướng quân Chánh pháp của Đức Phật Sujāta là Trưởng lão Sudassana, dẫn 400 ngàn thiện gia tử đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn với pháp thoại tế độ tất cả chúng đấng Thánh quả Alahán và cho tất cả xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave ...”.

(1)- Bu. xiii. 4. Sujātabuddhavaṃsa.

(2)- Tidiva thường là tên dùng chỉ cõi Ba mươi ba.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

10- Upasaṅkamanto narāsaḥmaṇ; tassa yo aggasāvako.

Catūhi sataśaḥsehi; sambuddhaṇ upasaṅkami.

“Đến gần bậc Nhân Ngưu; là đệ tử Tối thắng của vị ấy.

Có bốn trăm ngàn; Bậc Chánh giác có lân tụ hội kê” (sđd.10).

***Tiên thân Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy, tiên thân của Đức Phật Gotama là vị vua Chuyển Luân.

Sau khi đến yết kiến Đức Thế Tôn Sujāta, vua Chuyển Luân cúng dường trọng thể đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng trọn 7 ngày.

Giữa đại chúng, Đức Phật Sujāta tiên tri rằng: “Sau 30 ngàn kiếp trái đất, kể từ kiếp trái đất này. Vị vua Chuyển Luân này trở thành vị Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

Nghe được lời tiên tri này, vua Chuyển Luân phát sinh hỷ lạc, cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng toàn bộ vương quốc của mình, rồi xuất gia trở thành vị Tỳkhuu trong Tăng đoàn.

Sau khi thông suốt pháp học, Ngài thực hành thiền tịnh chứng đắc 8 thiền chứng cùng 5 pháp thân thông.

Mệnh chung, Bô tát tái sinh về Phạm thiên giới.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sujāta.**

Đức Phật Sujāta cao 50 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng khắp mọi phương hướng, xa bao nhiêu tùy ý.

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Sujāta là Trưởng lão Sudassana và Trưởng lão Sudeva. Thị giả là Trưởng lão Nārada.

- Hai nữ Tinh văn tối thắng của Đức Phật Sujāta là Trưởng lão ni Nāgā và Trưởng lão ni Nāgasamātā .

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Sujāta là Trưởng giả Sudatta và Trưởng giả Citta.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Sujāta là bà Subhaddā và bà Padumā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Sujāta là 90 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi tự viện Silarāma, Bảo tháp thờ Xá lợi của Ngài cao 3 gāvuta.

Dứt lịch sử Đức Phật Sujāta.

Sau khi Đức Phật Sujāta viên tịch, trải qua thời gian dài kiếp trống (suññakappa) là 28.200 kiếp trái đất không có vị Chánh giác nào xuất hiện.

Cách hiện kiếp này trở về trước 1800 kiếp trái đất, trái đất này có ba vị Chánh giác xuất hiện (gọi là *varakappa*) là: Đức Phật Piyadassī, Đức Phật Aṭṭhadassī và Đức Phật Dhammadassī.

13- Đức Phật Piyadassī.

Như thông lệ chư Phật, vị Bô tát đã hoàn mãn 30 pháp Balamật, Ngài tái sinh về cung trời Tusita (Đầu suất) thọ hưởng thiên lạc là 576 triệu năm.

Nhận lời thỉnh cầu của chư Thiên và Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới, Bô tát tái sinh về nhân giới, Ngài nhập thai bào của bà Hoàng Sucandā (hay Candā), cha của Bô tát là Đức vua Sudatta trị vì kinh thành Sudhaññavatī (hay Sudassana).

Sau 10 tháng trú trong thai bào, Bô tát đản sinh nơi vườn Ngự Uyển Varuṇa. Vào ngày lễ đặt tên cho Bô tát, mọi người đều nhìn nhau với sự thân thương, đồng thời rất nhiều điều dễ thương xuất hiện, nên Ngài được đặt tên là Piyadassī,

Bồ tát sống tại gia 9 ngàn năm trong ba tòa cung điện: Cung điện Sunimala⁽¹⁾, cung điện Vimala và cung điện Giribrahā⁽²⁾, có 30 ngàn cung nữ xinh đẹp hầu hạ, vợ Ngài là công nương Vimalā.

Khi chúng kiến trọn vẹn bốn hiện tượng, Bồ tát ra đi xuất gia trên chiếc xe có ngựa thuần chủng kéo đi, có 10 triệu người cùng xuất gia theo Ngài, cũng trong ngày hôm ấy, nàng Vimalā vừa sinh ra Thái tử Kañcana⁽³⁾.

Bồ tát Piyadassī hành khổ hạnh 6 tháng, vào ngày trăng tròn tháng Vesakha, Bồ tát thọ dụng bát cơm sữa của nàng con gái Balamôn trưởng giả Vasabha ở làng Varuṇā dâng cúng.

Vào buổi chiều Bồ tát đi đến cội cây Kakudha (cây Bàng), Bồ tát nhận 8 bó cỏ do du sĩ lỏa thể Sujāta dâng cúng, tám bó cỏ trở thành Bảo tọa chiến thắng của Ngài. Ngồi trên Bảo tọa chiến thắng Bồ tát chiến thắng năm loại ma vương, khi mặt trời vừa ló dạng Ngài chứng Vô thượng Chánh giác.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Piyadassī.*

Thắng hội I.

Đức Thế Tôn Piyadassī chuyển Pháp Luân nơi vườn Usabhavana gần thành Usabhavati, tế độ 10 triệu vị Samôn xuất gia theo Ngài khi trước, Đức Thế Tôn mang Thánh quả đến cho 1.000 tỷ nhân thiên.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

3- Tassāpi atulatejassa; ahesuṃ abhisamayā tayo.

Koṭisatasahassānam; paṭhamābhisamayo ahu.

“Vị có uy lực vô song; có ba lần Thắng hội.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội đầu tiên”⁽⁴⁾.

Thắng hội II.

Có Thiên chủ Sudassana cư ngụ trên núi Sudassana không xa kinh thành Subhavati lắm, Thiên chủ này chủ trương tà kiến.

Hàng năm cư dân khắp quốc độ thời ấy phải mang lễ phẩm đến dâng cúng cho thiên chủ Sudassana.

Đức Thế Tôn Piyadassī đến núi Sudassana để tế độ thiên chủ Sudassana, bấy giờ thiên chủ Sudassana đi dự đại hội đạ xoa. Đức Thế Tôn ngồi vào chỗ ngồi của thiên chủ Sudassana, Ngài phát ra hào quang 6 màu xinh đẹp soi sáng cả vùng núi Sudassana, các tùy tùng của Sudassana cúng dường Đức Thế Tôn vô số các loại hương hoa ...

Khi thiên chủ Sudassana trở về, thấy hào quang 6 màu phát ra từ cung điện của mình, Sudassana suy nghĩ: “Ta chưa hề thấy được hào quang sáu màu rực rỡ xinh đẹp như thế này, người này là ai? Người hay thiên nhân mà dám chiếm chỗ cư ngụ của ta”.

Khi Thiên chủ Sudassana nhìn thấy Đức Thế Tôn đang thiền tịnh trên bảo tọa, các tùy tùng đang ngồi hầu bên dưới.

Sudassana nổi cơn giận dữ rằng: “Ông Samôn trọc đầu này đang ngồi nơi Bảo tọa vinh quang của ta, được hội chúng của ta vây quanh. Được, ta sẽ cho ông Samôn ấy biết sức mạnh của ta”.

Thiên chủ Sudassana biến ngọn núi trở thành khối lửa khổng lồ, nhìn vào trong ánh lửa, y thấy Đức Phật vẫn bình thản vô sự, hào quang từ thân của Ngài càng chiếu ra xinh đẹp bội phần, y nghĩ: “Ông Samôn này chịu đựng được lửa. Ta sẽ nhận chìm ông Samôn này trong nước”. Y hóa ra khối nước khổng lồ ngập tràn cả cung điện, nhưng cả đến chèo y hay một sợi lông của Ngài cũng không hề thấm ướt.

⁽¹⁾- BuA. Ghi là Sunimmala

⁽²⁾- Bản Buddhavaṃsa Tīch Lan (Bu.Be) ghi là Giriguhā.

⁽³⁾- BuA. Ghi là Kañcana

⁽⁴⁾- Bu. xiv. 3. Piyadassībuddhavaṃsa.

Thấy Đức Phật vô sự giữa bức tường nước dày đặc, hào quang từ thân của Ngài lại càng xinh đẹp tỏa ra từ khối nước khổng lồ. Thiên chủ Sudassana càng tức giận, liền tạo ra chín trận mưa với 9 loại vũ khí để sát hại vị Samôn, nhưng tất cả đều trở thành vật cúng dường dưới chân Đức Phật.

Càng tức tối, Sudassana tóm lấy hai chân Đức Phật, y vượt qua đại hải mênh mông đến tận núi Cakkavāla (Luân vi), ném Đức Phật ra khỏi thế giới này, nhưng khi trở về chỗ ngụ y thấy Đức Phật vẫn ngồi yên trên Bảo tọa nơi cung điện của y.

Y suy nghĩ: “Ồ! Vị Samôn này có đại uy lực, ta không thể trục xuất vị ấy ra khỏi chỗ ngụ được, nếu có ai chứng kiến sự thất bại của ta thì thật là nhục nhã cho ta. Trước khi không có ai trông thấy ta hãy bỏ ra đi”.

Biết được ý nghĩ của thiên chủ Sudassana, Đức Thế Tôn Piyadassī quyết định: “Tất cả nhân loại, chư thiên, Phạm thiên hãy trông thấy Sudassana đang ôm chân Như Lai”.

Và Sudassana không thể rời bỏ chỗ ngụ, y đang ôm lấy chân Đức Thế Tôn.

Ngày hôm ấy, tất cả các vị vua cùng dân chúng mang lễ vật đến cung tế cho Thiên chủ Sudassana, nhìn thấy Sudassana đang ôm chân Đức Phật, ngạc nhiên, tất cả đều la lên rằng: “Thiên vương Sudassana của chúng ta đang xoa bóp chân vị Samôn. Ân đức của Ngài quả thật kỳ diệu”.

Với tâm thành kính tất cả chấp tay lên trán đánh lễ Đức Phật để tỏ lòng tôn kính. Trước hội chúng ấy, Đức Thế Tôn thuyết pháp thoại, có 900 triệu nhân thiên chứng Thánh quả Alahán.

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Sudassano devarājā; micchādīṭṭhimarocayi,
Tassa dīṭṭhim vinodento; satthā dhammadesayi.

“Thiên vương Sudassana; đã chủ trương tà kiến.

Khi xưa tan tà kiến vị ấy; Bậc Đạo sư giảng pháp”.

5- Janasannipāto atulo; mahāsannipatī tadā.

Navutikoṭisahassānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Một cuộc tụ hội vô song; đó là cuộc tụ hội lớn.

Có 90 ngàn 10 triệu; là Thắng hội thứ hai”(sđd. 4-5).

Thắng hội III.

Nơi kinh thành Kamuda rộng khoảng 9 dotuần, có Tỳkhuu Soṇa là người chống lại Đức Phật Piyadassī.

Tỳkhuu Soṇa thuyết phục Thái tử Mahāpaduma giết cha cướp ngôi, rồi cùng vua Mahāpaduma âm mưu sát hại Đức Phật.

Sau nhiều lần thất bại, Tỳkhuu Soṇa xúi giục vua Mahāpaduma thả voi hung dữ nhất là voi Doṇamukha để sát hại Đức Phật khi Ngài đi vào kinh thành khất thực.

Người quản tượng tên là Doṇamukha lại là người thiếu trí, suy nghĩ rằng: “Nếu ta không làm theo lời Đức vua, vị ấy sẽ hại ta mất chức hay giết chết ta”.

Sau khi cho voi Doṇamuka uống nhiều rượu mạnh, y thả voi ra để sát hại Đức Phật, nhưng với từ tâm của Đức Phật, voi Doṇamukha quỳ mọp dưới chân Đức Phật.

Chứng kiến điều kỳ diệu này, tất cả cư dân kinh thành Kamuda tán thán ân đức Phật vang dội.

Đức Thế Tôn thuyết pháp đến hội chúng, có 800 triệu nhân thiên chứng đạt Thánh quả Alahán.

Đây là Thắng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

6- Yadā doṇamukhaṃ hatthim; vinesi narasārathi.

Asītikotiṭisahassānaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Khi voi Doṇamukha; được Đấng Lãnh Đạo điều phục.

Có 80 ngàn 10 triệu; là Thắng hội lần ba”.

**Ba Tầng hội của Đức Phật Piyadassī.*

Tầng hội I.

Nơi kinh thành Sumaṅgala có hai thanh niên bạn thân, đó là Thái tử Pālita và Sabbadassī con của Tế lễ sư.

Được nghe Đức Thế Tôn Piyadassī du hành đến thành Sumaṅgala; hai người cùng với tùy tùng là 100 ngàn 10 triệu người đến yết kiến Đức Thế Tôn, nghe được pháp thoại của Đức Thế Tôn Piyadassī, tâm hoan hỷ tổ chức cuộc đại thí đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng trọn 7 ngày

Vào ngày thứ 7, sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn phước chúc bằng thời pháp thoại. Dứt pháp thoại, Pālita và Sabbadassī cùng hội chúng hai vị chứng đạt Thánh quả Alahán.

Đây là Tầng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Sannipātā tayo āsum; tassāpi piyadassino.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

“Có ba lần tụ hội; của Đức Phật Piyadassī.

Có 100 ngàn 10 triệu; là lần tụ hội đầu tiên” (sđd.7).

Tầng hội II.

Vào lúc Đức Thế Tôn thu phục thiên vương Sudassana, pháp thoại của Ngài mang đến Thánh quả Alahán cho 900 triệu người. Tất cả được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave...”. Đây là Tầng hội II của Ngài.

Tầng hội III.

Khi Đức Thế Tôn thu phục voi Doṇamkha, pháp thoại của Ngài mang Thánh quả Alahán đến cho 800 triệu người. Tất cả đều được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

Đây là Tầng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

8- Tato paraṃ navutikoṭī; samimsu ekato munī.

Tatiye sannipātamhi; asītikotiyo ahū.

“Lại lần khác, 90 mười triệu vị; các vị ẩn sĩ tụ hội.

Cuộc tụ hội lần ba; có 80 mười triệu vị” (sđd.8).

***Tiên thân Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy tiên thân Đức Phật Gotama là thanh niên Balamôn Kassapa có đại tài sản.

Thanh niên Kassapa nghe pháp thoại của Đức Thế Tôn, đã kiến tạo một ngôi đại tự rộng lớn xinh đẹp, cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng, đồng thời quy ngưỡng Tam bảo.

Vào ngày lễ cúng dường đại tự đến Đức Phật và Tăng chúng, giữa đại chúng Đức Thế Tôn Piyadassī tiên tri rằng: “Sau 1,800 đại kiếp kể từ đại kiếp này trở đi, thiện gia tử này sẽ là vị Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Piyadassī.**

Đức Phật Piyadassī cao 80 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng khắp mọi phương hướng, xa bao nhiêu tùy ý.

- Hai vị Thượng thủ thính văn của Đức Phật Piyadassī là Trưởng lão Pālita và Trưởng lão Sabbadassī. Thị giả là Trưởng lão Sobhita.

- Hai nữ Thính văn tối thắng của Đức Phật Piyadassī là Trưởng lão ni Sujātā và Trưởng lão ni Dhammadinnā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Piyadassī là Trưởng giả Sannaka và Trưởng giả Dhammika.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Piyadassī là bà Visākhā và bà Dhammadinnā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Piyadassī là 90 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi tự viện Assattha (Assatthārāma), Bảo tháp thờ Xá lợi của Ngài cao 3 do tuần.

Phụ lục.

***Trưởng lão Nigrodha.**

Trong thời Đức Phật Gotama còn tại tiền, Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn danh tiếng trong thành Sāvatti (Xá-vệ).

Khi Đại tự Kỳ viên (Jetavanavihāra) được cúng dường đến Tăng đoàn có Đức Phật là vị Thượng thủ, Ngài hân hoan với những đại nhân tướng cùng vẻ uy nghiêm của Đức Phật nên xuất gia trong Tăng đoàn, Ngài nỗ lực hành pháp chẳng bao lâu chứng Thánh quả Alahán cùng 5 thăng trí.

Suy tư đến lợi ích của Giáo pháp dẫn xuất ra khỏi sinh tử luân hồi, Ngài nói lên kệ ngôn.

21- Nāhaṃ bhayassa bhāyāmi; satthā no amatassa kovido.

Yattha bhayaṃ nāvatiṭṭhati; tena maggena vajanti bhikkhavo”ti.

“Với ta, không còn sợ hãi; Bậc Đạo sư chúng ta thông suốt bất tử.

Nơi sợ hãi không chỗ trú; Tỳkhuu đi trên đường ấy”⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Piyadassī tiền thân Ngài là một trưởng giả, sau khi từ bỏ gia sản Ngài xuất gia làm ẩn sĩ, sống trong rừng cây Sāla, chứng đắc thiền định cùng 5 thăng trí..

Có lần ẩn sĩ thấy Đức Thế Tôn đang an trú trong định diệt thọ tướng, ẩn sĩ làm mái che cho Đức Thế Tôn rồi đứng chấp tay hầu Ngài cho đến khi Đức Phật xuất khỏi đại định. Đức Thế Tôn khởi ý nghĩ: “Các Tỳkhuu đệ tử Như Lai hãy đến đây”.

Nhận được lệnh của Đức Thế Tôn, chư Tỳkhuu tề tựu đến khu rừng Sāla, ẩn sĩ cúng dường chỗ ngồi đến Đức Phật và các vị Tỳkhuu. Giữa đại chúng Tỳkhuu, Đức Thế Tôn tiên tri về sinh thú của ẩn sĩ⁽²⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Sālaṃḍapiya được nói trong tập Apadāna⁽³⁾.

***Trưởng lão Padumakūṭāgāriya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Piyadassī tiền thân Ngài là thợ săn, có lần thấy Đức Phật Piyadassī an trú trong định diệt thọ tướng trong rừng, người thợ săn cất cho Đức Phật một căn lều để Đức Phật trú ẩn⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Pabbhāradāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Piyadassī tiền thân Ngài có lần dọn chỗ cho Đức Phật trú (pabbhāra), đồng thời múc nước đổ vào nơi chứa để Đức Phật sử dụng.

Cách đây 20 kiếp trái đất tiền thân Ngài là vị vua có vương hiệu là Susuddha⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Pāpanivāriya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Piyadassī tiền thân Ngài quét dọn sạch sẽ con đường kinh hành của Đức Phật và tinh cần trong mọi công tác phật sự.

Cách đây 11 kiếp trái đất, tiền thân Ngài là vị vua có vương hiệu Aggideva⁽⁶⁾.

***Trưởng lão Hemaka.**

Là một trong 16 môn đệ của Balamôn Bāvarī.

Ngài đến gặp Đức Phật để hỏi pháp, khi Đức Thế Tôn giải đáp các câu hỏi của Ngài, Ngài cùng 1.000 môn đệ chứng Thánh quả Alahán rồi xuất gia trong Tăng đoàn⁽¹⁾.

(1)- Thag. 21. Nigrodhatheragāthā.

(2)- ThagA. i. 74.

(3)- Ap. ii. 431; nhưng các kệ của ông trong Apadāna còn được nói là của Trưởng lão Tissa (ThigA. i. 273).

(4)- Ap. i. 326.

(5)- Ap. i. 252.

(6)- Ap.i. 212.

Trong thời Đức Phật Piyadassī tiền thân Ngài là ẩn sĩ Anoma, có cúng dường Đức Phật một bảo tọa⁽²⁾.

***Trường lão Tambapupphiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Piyadassī tiền thân Ngài trốn vào rừng vì phạm tội. Thấy cây Đại giác của Đức Phật Piyadassī, tiền thân Ngài quét dọn sạch sẽ chung quanh cội cây rồi rải hoa, đánh lễ cây Đại giác.

Cách đây 3 kiếp trái đất tiền thân Ngài là vị vua có vương hiệu là Samphusita⁽³⁾. Có khả năng Ngài là Trường lão Vanavaccha⁽⁴⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Piyadassī.

14- Đức Phật Atthadassī.

Sau khi Đức Phật Atthadassī viên tịch, tuổi thọ nhân loại giảm dần xuống đến khi còn 10 năm, rồi lại tăng dần đến atăng kỳ năm, rồi lại giảm xuống đến khi còn 100 ngàn năm. Bấy giờ Đức Phật Atthadassī xuất hiện trên thế gian.

Theo thông lệ chư Bôtát Chánh giác, khi thực hành viên mãn 30 pháp độ, Bôtát tái sinh về cõi Tusita (Đầu suất). Theo lời thỉnh cầu của chư thiên Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới, Ngài giáng phàm.

Ngài tái sinh vào thai bào của bà Hoàng Sudassanā, cha Ngài là Đức vua Sāgata trị vì nơi kinh thành tráng lệ Sobhana.

Bôtát trú trong thai bào 10 tháng, Ngài đản sinh nơi vườn hoa Sucindhana, khi vừa sinh ra, Bôtát suy nghĩ: “Những kho tàng chôn dấu của tất cả mọi người, hãy được tìm thấy” và chủ nhân của những kho tàng ấy phát hiện tài sản của gia tộc chôn dấu.

Do sự kiện này Ngài được gọi là Atthadassī.

Bôtát Atthadassī sống tại gia là 10 ngàn năm trong ba tòa cung điện: Cung điện Amaragiri, cung điện Suragiri và cung điện Girivāhana, có 30 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Ngài là công nương Visākhā.

Khi thấy được đầy đủ bốn hiện tượng, Bôtát cưới ngựa chúa Sudasana ra đi xuất gia, có 90 triệu người theo Ngài ra đi xuất gia. Ngày hôm ấy nàng Visākhā vừa sinh ra Thái tử Sela⁽⁵⁾.

Bôtát Atthadassī thực hành khổ hạnh 8 tháng, vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, khi ấy cư dân trong vùng tế lễ nàng rắn chúa Sucindharā.

Nữ rắn chúa Sucindharā cảm nhận được ân đức của Bôtát, nàng không dùng bát cơm sữa ấy, hiện thân cho Bôtát thấy mặt cùng đại chúng, rồi cúng dường đến Bôtát chiếc bát bằng vàng bên trong chứa đầy cơm sữa.

Vào buổi chiều, Bôtát đi đến cội cây Campaka⁽⁶⁾, rắn chúa Dhammaruci dâng cho Bôtát 8 bó cỏ. Tám bó cỏ này trở thành Bảo tọa chiến thắng của Bôtát, ngồi trên Bảo tọa Bôtát nỗ lực hành pháp, chứng đắc Vô thượng Chánh giác khi mặt trời vừa ló dạng.

***Ba Thắng hội của Đức Phật Atthadassī.**

Thắng hội I.

Đức Phật Atthadassī Chuyển pháp luân đầu tiên nơi vườn Anoma gần thành Anomā để tế độ 90 triệu vị Samôn theo Ngài xuất gia,

(1)- Sn. vs. 1006, 1084-7.

(2)- Ap.ii. 352.

(3)- Ap. i. 176.

(4)- ThagA. i. 222 .

(5)- Bu. xv. 16. Atthadassībuddhavamsa. Ghi là Sena.

(6)- Tiếng Simhale gọi là cây Sapu. Là loại cây cổ thụ rất cao, hoa có màu vàng và rất thơm. Cây chỉ mọc trong vùng nhiệt đới và có họ với cây quajak. Tại Sri-lanka, cây chủ yếu được trồng ở vùng Kandy. Gỗ của cây được dùng đóng những vật dụng trong nhànư bàn, ghế, tủ ...sau khi được ngâm dưới bùn khoảng 1 tháng và được chế biến. Nhựa cây có màu trắng dùng để đốt đèn.

Dứt pháp thoại có 1.000 tỷ nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau..

3- Tassāpi lokanāthassa; ahesuṃ abhisamayā tayo.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamābhisamayo ahu.

“Vị Lãnh đạo thế gian ấy; có ba Thăng hội.

Một trăm ngàn 10 triệu; là Thăng hội đầu tiên”⁽¹⁾.

Thăng hội II.

Khi Đức Thế Tôn lên cõi trời Tāvātimsa (Ba mươi ba), thuyết lên tạng Thăng pháp (abhidhamma), có 1.000 tỷ chư thiên và Phạm thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Yadā buddho atthadassī; carate devacārikam.

Koṭisatasahassānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Khi Đức Phật Atthadassī; Ngài du hành đến cõi trời.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là Thăng hội lần hai” (sđd.4).

Thăng hội III.

Khi Đức Phật Atthadassī trở về kinh thành Sobhana để tế độ quyền thuộc, Ngài thuyết lên Lịch sử chư Phật. Có 1.000 tỷ nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- Punāparam yadā buddho; desesi pitusantike.

Koṭisatasahassānaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Đức Phật lại lần khác nữa; Ngài đến viếng người cha.

Có 100 ngàn 10 triệu; là Thăng hội lần thứ ba” (sđd.5).

**Ba Tạng hội của Đức Phật Atthadassī.*

Tăng hội I.

Nơi kinh thành Sucandaka có Thái tử Santa kết bạn với Upasanta là con trai vị Tế lễ sư.

Cả hai tinh thông ba bộ Veda (Vệ Đà), nhận thấy không có cốt lõi chi cả, Thái tử Santa cho bốn người thông minh, có sự hiểu biết cao, giữ bốn cổng thành với chỉ thị rằng: “Nếu các người nghe có vị Samôn hay Balamôn nào đã giác ngộ, hãy thông báo cho chúng ta biết”.

Khi Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu du hành đến kinh thành Sucandaka, được tin này người gác cổng thành thôn báo cho Thái tử Santa biết.

Thái tử Sata và Upasanta cùng 1.000 tùy tùng ra khỏi cổng thành để đón tiếp Đức thế Tôn và Tăng chúng. Thịnh Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu vào Hoàng cung, cúng dường vật thực đến Đức Phật và chư Tăng 7 ngày.

Vào ngày thứ 7, sau khi thọ thực xong, Đức Phật Atthadassī phúc chúc bằng thời pháp thoại thích ứng đến đại chúng; dứt pháp thoại có 98 ngàn vị đạt Thánh quả Alahán, được xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave ...”.

Đây là Tăng hội I của Ngài.

Tăng hội II.

Đức Thế Tôn giáo giới con trai Ngài là Trưởng lão Sela, pháp thoại mang đến Thánh quả Alahán cho 88 ngàn người.

Đây là Thăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau:

7- Aṭṭhanavutisahasānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

Aṭṭhāsītisahasānaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Có 98 ngàn vị; là lần tụ hội đầu tiên.

Có 88 ngàn vị; là lần tụ hội thứ hai” (sđd.7).

Tăng hội III.

⁽¹⁾- Bu. xv. 3. Atthadassībuddhavaṃsa.

Một lần khác khi nhân loại, chư thiên và Phạm thiên tụ hội, Đức Thế Tôn thuyết kinh Hạnh phúc (Maṅgalasutta), có 78 ngàn người chứng đắc Thánh quả Alahán.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

8- Atthasattatisatasahassānaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

Anupādā vimuttānaṃ; vimalānaṃ mahesinaṃ.

“Có 78 ngàn vị; là lần tụ hội thứ ba.

Không nắm giữ, giải thoát; đại ẩn sĩ trong sạch” (sđd, 8).

***Tiền thân của Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy, Bôtát là một Bàlamôn có đại tài sản tên là Susīma, cư ngụ nơi kinh thành Campaka, sau khi bố thí hết tài sản ngài xuất gia làm ẩn sĩ, chứng đạt 8 thiên cùng 5 thăng trí.

Ngài giảng dạy đại chúng về pháp vô tội, pháp có tội. thế nào là phước, thế nào là vô phước.

Khi Đức Thế Tôn Atthadassī đến kinh thành Sudassana, trời trận mưa pháp xuống thế gian. Ẩn sĩ Sussīma có mặt trong hội chúng, nghe được pháp thâm sâu của Đức Thế Tôn, ẩn sĩ lên cõi Tāvatisa (Ba mươi ba) nhặt những cánh thiên hoa như hoa Maṅḍala (mandarava), hoa sen, hoa trầm hương ...

Ngài vận dụng thần thông chính mình, tạo ra trận mưa thiên hoa cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng chư Thánh Tăng.

Giữa đại chúng, Đức Thế Tôn tiên tri rằng: “Sau 1800 kiếp trái đất, người này sẽ trở thành bậc Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Atthadassī.**

Đức Phật Atthadassī cao 80 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng một dotuần.

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Atthadassī là Trưởng lão Santa và Trưởng lão Upasanta. Thị giả là Trưởng lão Abhaya.

- Hai nữ Tinh văn tối thắng của Đức Phật Atthadassī là Trưởng lão ni Dhammā và Trưởng lão ni Sudhammā .

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Atthadassī là Trưởng giả Nakula và Trưởng giả Nisabha.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Atthadassī là bà Malikā và bà Sunandā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Atthadassī là 100 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi Tự viện Anoma. Theo nguyện lực của Đức Phật Atthadassī, Xá lợi của Ngài rải tán trong cõi nhân thiên.

Phụ lục.

***Trưởng lão Ālambanadāyāka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài có cúng dường đến Đức Phật vật máng những chiếc y (ālambana).

Cách đây 60 kiếp trái đất, tiền thân của Ngài ba lần làm vua với vương hiệu Ekāpassita⁽¹⁾.

***Trưởng lão Ekachattiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài là một ẩn sĩ có rất đông môn đệ sống cạnh bờ sông Candabhāgā.

Có lần ẩn sĩ cùng môn đệ đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, dùng lọng che cho Đức Phật.

⁽¹⁾- Ap. i. 213.

Các đây 77 kiếp trái đất, tiền thân Ngài là vua trời cõi chư Thiên, là vua cõi nhân loại hằng ngàn lần⁽¹⁾.

***Trưởng lão Ekudāna (Ekudāniya).**

Ngài là con một Đại thần Balamôn trong thành Sāvatti (Xávệ).

Khi Đại tự Kỳ viên được cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng, Ngài cảm phục uy đức của Đức Thế Tôn nên xuất gia Sadi trong giáo đoàn.

Trong suốt thời gian Sadi, Ngài sống trong rừng. Có lần Ngài đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn để học pháp, bấy giờ Trưởng lão Sāriputta đang thiền tịnh cách Đức Thế Tôn không xa, Đức Thế Tôn nói kệ ngôn.

68 - Adhichetaso appamajjato; munino monapathesu sikkhato.

Sokā na bhavanti tādino; upasantassa sadā satīmato”ti.

“Cần trọng với tâm tăng thượng; ẩn sĩ học tập trú nơi toàn hảo.

Nơi ấy không sâu, không lo sợ; thường chú niệm an tịnh”⁽²⁾.

Ngài học thuộc kệ ngôn ấy rồi trở về rừng, chỉ lập lại kệ ngôn ấy khi có ai hỏi Pháp nơi Ngài, do đó Ngài được gọi là Ekudāniyatthera (Trưởng lão một câu kệ). Theo Kệ ngôn Ngài thực hành rồi triển khai thiền quán chứng đắc Thánh quả Alahán.

Tương truyền, vào ngày Uposata (Bồ tát), Trưởng lão thường tụng lên kệ ngôn ấy cho các vị chư thiên trong rừng nghe, chư thiên hoan hỷ tán thán Ngài vang dội.

Có lần, hai vị Trưởng lão lâu thông kinh điển của Đức Thế Tôn đến viếng thăm Trưởng lão Ekudāniya, mỗi vị có 500 đệ tử tùy tùng.

Trưởng lão Ekudāniya ân cần tiếp đãi khách Tăng chu đáo, vào ngày Uposatha (Bồ tát), Trưởng lão thỉnh hai vị Pháp sư Tam tạng thuyết pháp đến chư thiên trong rừng.

Hai vị Pháp sư thuyết pháp, nhưng không có vị thiên nhân nào tán thán, hai vị Pháp sư trách Trưởng lão Ekudāniya rằng:

- Này Hiền giả, hiền giả nói chư thiên trong rừng thường tán thán khi nghe pháp, nhưng vì sao không thấy được việc này?

- Thưa các Ngài, những ngày Uposatha trước đây đều có như vậy. Hôm nay vì sao chư thiên im lặng, tôi cũng không rõ.

- Vậy Hiền giả hãy thuyết pháp xem sao?

Trưởng lão Ekudāna thuyết lên kệ ngôn quen thuộc và chư thiên trong rừng tán thán vang dội. Hai vị Pháp sư trách móc rằng:

- Chư thiên trong rừng này cũng thiên vị.

Khi trở về Đại tự Kỳ viên, hai vị Pháp sư trình lên Đức Thế Tôn việc này. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhuu, người học thuộc nhiều hoặc thuyết ra nhiều pháp, Ta không gọi là người *người giữ pháp* (dhammadharo); người chỉ thuộc lòng một câu kệ mà thấu triệt chân lý, xứng đáng gọi là *người giữ pháp*.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

259- Na tāvatā dhammadharo, yāvatā bahu bhāsati;

Yo ca appampi sutvāna, dhammaṃ kāyena passati;

Sa ve dhammadharo hoti, yo dhammaṃ nappamajjati.

“Không phải là người giữ pháp; chỉ vì nói nhiều.

Người dù nghe ít; thấy rõ nhóm pháp.

Đó là người giữ pháp; người không bỏ rơi Pháp”⁽³⁾.

(1)- Ap. ii. 367 .

(2)- Thag. v. 68. Ekudāniyatheragāthā.

(3)- Dhp. Kệ nôn 259; DhA, iii. 384.

Về sau, khi Trưởng lão Ānanda yêu cầu Ngài giảng pháp đến các Tỳkhuu ni ở trong thành Sāvattthi, Ngài cũng chỉ nói lên kệ ngôn trên.

Ni chúng không thu đạt được gì nên khó chịu với Ngài, hiểu tâm ý của Ni chúng, Ngài liền thi triển thần thông về sự hiểu biết Pháp của Ngài và được ni chúng ngưỡng mộ.

Kệ ngôn trên được ghi nhận trong tạng Luật (vinaya)⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Piyadassī, tiền thân Ngài là một đạxa, khi nghe Đức Thế Tôn Piyadassī viên tịch, đạxa than khóc vì hối tiếc đã đánh mất cơ hội, không được đánh lễ Đức Phật.

Trưởng lão Sāgara đệ tử của Đức Phật Piyadassī khuyên đạxa đến đánh lễ Bảo tháp thờ Xá lợi Đức Phật Piyadassī. Đạxa vâng lời và hành trì được 5 năm.

Vào 7 kiếp trước, tiền thân Ngài bốn lần làm vua với vương hiệu Bhūripaṇṇa.

Vào thời Đức Phật Kassapa, tiền thân Ngài là một gia chủ, có nghe Đức Phật Kassapa nói lên kệ ngôn trên, gia chủ xuất gia trong Giáo pháp của Đức Phật Kassapa, tu tập 10 ngàn năm, nhưng không chứng đắc chi cả⁽²⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Paccupattthānasaṇṇaka được nói trong tập Apadāna⁽³⁾.

***Trưởng lão Kumudamāliya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài là thần quý (rakkhava) trú nơi hồ gần vùng núi Tuyết, có cúng dường đến Đức Phật một vòng hoa.

Vào 15 kiếp trước, tiền thân của Ngài làm vua 7 lần với vương hiệu Sahassaratha⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Pavittṭha.**

Thời Đức Phật tại tiền, Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn trong xứ Magadha (Makiệttđà), Ngài có khuynh hướng xuất gia sống đời sống du sĩ.

Nghe hai du sĩ Upatissa và Kolita xuất gia trong Giáo pháp của Samôn Gotama, du sĩ Pavittṭha suy nghĩ: “Lý thuyết của Samôn Gotama phải tốt đẹp nên hai du sĩ trí tuệ Upatissa và Kolita mới gia nhập vào giáo đoàn này”.

Du sĩ Pavittṭha đến nghe Đức Phật giảng pháp, khởi niềm tin xuất gia, nỗ lực hành pháp chẳng bao lâu chứng đạt Thánh quả Alahán.

Hân hoan Ngài nói lên chánh trí của mình qua kệ ngôn.

87- Khandhā diṭṭhā yathābhūtaṃ; bhavā sabbe padālitā.

Vikkhīṇo jātisamsāro; natthi dāni punabbhavo”ti.

“Các uẩn thấy như thật; mọi sinh hữu phá hủy.

Chất dứt sinh luân hồi; không còn tái sinh lại”⁽⁵⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Atthadassī, tiền thân Ngài là ần sĩ Kesava (còn gọi là Nārada), có lần ần sĩ được diện kiến Đức Phật, ần sĩ tỏ lòng cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn.

Cách đây 7 kiếp trái đất, tiền thân Ngài là vị vua với vương hiệu Amittatāpana⁽⁶⁾.

Ngài là Trưởng lão Ekadaṃsaniya được nói trong tập Apadāna⁽⁷⁾.

***Trưởng lão Caṅkamadāyaka.**

(1)- Vin. iv. 54.

(2)- ThagA.i. 153.

(3)- Ap.i. 153,

(4)- Ap. i. 186 .

(5)- Thag. vs. 87. Pavittṭhattheragāthā.

(6)- ThagA.i. 185.

(7)- Ap.i. 168.

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài là gia chủ, có xây dựng cho Đức Phật con đường kinh hành.

Hậu thân gia chủ làm thiên vương ba lần, và vua Chuyển Luân 3 lần⁽¹⁾.

***Trưởng lão Sīha.**

Trong thời Đức Phật tại tiền, Ngài sinh vào gia tộc vương giả ở xứ Malla. Ngài đi đến đánh lễ Đức Phật, Đức Phật giảng pháp thoại thích ứng với cơ tánh của Ngài, hoan hỷ Ngài xin xuất gia trong giáo đoàn.

Ngài ẩn tu trong rừng để hành thiền, nhưng không định tâm được, Đức Phật phóng hào quang đến nơi trú ẩn của Ngài, dạy Ngài kệ ngôn.

83- Sīhappamatto vihara; rattindivamatandito.

Bhāvehi kusalam dhammaṃ; jaha sīghaṃ samussaya”nti.

“*Này Sīha, chớ sống lơ là; đêm ngày không biếng nhác.*

Hãy tăng trưởng thiện pháp; là bỏ sự tích tụ”⁽²⁾.

Ngài nỗ lực thực hành theo lời dạy của Đức Thế Tôn, chẳng bao lâu chứng Thánh quả Alahán.

Ngài dùng kệ ngôn trên để nói lên Chánh trí của mình.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài là một Nhân điều (kinnara) sống ở bờ sông Candabhāgā.

Nhân điều nhìn thấy Đức Phật du hành trên không liền chấp hai cánh đánh lễ Đức Phật. Khi Đức Phật hạ thân nơi cội cây, Nhân điều đi đến cúng dường Đức Phật miếng gỗ trầm hương và những cánh hoa.

Vào 14 kiếp trước, hậu thân Nhân điều ba lần làm vua với vương hiệu Rohiṇi.

Có thể Ngài là Trưởng lão Candanapūjaka được nói đến trong tập Apadāna⁽³⁾.

***Trưởng lão Jagatikāraka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài có kiến tạo một điện thờ nơi Bảo tháp thờ Xá lợi Đức Phật⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Taraṇiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài là con rùa lớn sống ở sông Vinatā. Rùa dùng lưng đưa Đức Phật sang sông⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Desapūjaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài là một gia chủ, nhìn thấy Đức Phật đi hành trên hư không, Ngài chấp tay hướng theo đánh lễ.

Trong một tiền kiếp Ngài làm vua với vương hiệu là Gosujāta⁽⁶⁾.

***Trưởng lão Dhammapāla.**

Ngài sinh ra trong một gia tộc Bàlamôn của xứ Avanti.

Sau khi Đức Thế Tôn viên tịch, Ngài theo học tại Takkasilā, khi thành tài Ngài trở về quê hương; trên đường về Ngài trông thấy một Trưởng lão ngồi thiền tịnh trong một thảo am.

Thanh niên Dhammapāla đến đánh lễ và được Trưởng lão giảng pháp, Ngài khởi niềm tin xin xuất gia. Nhờ tinh cần hành pháp, chẳng bao lâu Ngài chứng được sáu tầng trí.

(1)- Ap. i. 99.

(2)- Thag. 83. Sīhattheragāthā.

(3)- Ap. i. 165.

(4)- Ap.i. 221.

(5)- Ap. ii. 428.

(6)- Ap.i. 183.

Trong khi suy tư hân hoan trong thánh quả giải thoát, có hai Sadi leo lên cây hái trái, nhánh cây gãy ngã xuống, Ngài đưa tay hứng lấy hai Sadi bằng năng lực thần thông, đặt hai Sadi xuống đất, Ngài nói lên kệ ngôn.

203- Yo have daharo bhikkhu; yuñjati buddhasāsane.

Jāgaro sa hi suttesu; amoghaṃ tassa jīvitam.

“Người nào là Tỳkhuu trẻ; chú tâm lời Phật dạy.

Tỉnh thức giữa người ngủ; vị ấy sống không trông rỗng”.

204- Tasmā saddhañca sīlañca; pasādaṃ dhammadassanaṃ.

Anuyuñjetha medhāvī; saraṃ buddhāna sāsana”nti.

“Do vậy, với tín và giới; thấy pháp trong sạch.

Bậc hiền trí thực hành; theo lời dạy Đức Phật”⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Atthadassī, tiền thân Ngài có cúng dường đến Đức Phật một trái *pilakkha* (một loại trái giống trái sung).

Ngài có thể là Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka nói trong tập Apadāna⁽²⁾.

Theo Bản Sớ giải Theragāthā, kệ ngôn trong tập Apadāna được gán cho hai vị Trưởng lão là Dhammapāla và Passika⁽³⁾.

***Trưởng lão Vatthadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài là *Garuḷa* (giống như Nhân điểu), có cúng dường đến Đức Phật bộ y khi thấy Ngài trên đường đi đến núi Gandhamādana.

Vào 36 kiếp trước, tiền thân Ngài là vị vua với vương hiệu Aruṇaka⁽⁴⁾.

*** Trưởng lão Sucintita.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Atthadassī tiền thân Ngài là thợ săn, có cúng dường đến Đức Phật bữa cơm thịt rừng.

Vào 160 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài làm vua hai lần với vương hiệu Varuṇa.

Vào 38 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài làm vua 8 lần với vương hiệu Dīghāyuka⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Sumaṅgala.**

Ngài sinh ra trong một gia đình nghèo nơi làng nhỏ của thành Sāvatti, lớn lên làm nghề nông tự nuôi sống bằng những dụng cụ nghề nông như liềm, cuốc ...

Một hôm thấy vua Pasenadi cúng dường vật thực thượng vị đến các vị Tỳkhuu, Ngài suy nghĩ: “Ta là việc cực nhọc cả ngày vẫn không đủ ăn, các vị Samôn này sống thật an nhàn. Vậy ta hãy xuất gia sống đời sống Samôn như các vị ấy”.

Ngài xin được xuất gia trong Tăng đoàn với một vị Trưởng lão, rồi xin thầy tế độ một đề tài thiên quán, Ngài đi vào rừng ẩn cư để thiên tịnh.

Sống hạnh độc cư, Ngài trở nên buồn nản, Ngài quyết định trở về làng cũ, trên đường về, nhìn thấy nông dân làm lụng lam lũ dưới nắng nóng, áo quần bê bết cát bụi, Ngài dạy tâm rằng: “Này Sumaṅgala, người muốn trở về với đời sống cực nhọc như thế này sao? Vì sao người không tinh cần để không còn phải rơi lại trạng thái khổ như thế này nữa chứ?”.

Dạy tâm xong, Ngài trở vô rừng, tinh tấn tu tập, chứng đạt Thánh quả Alahán Alahán.

⁽¹⁾- Thag. vs. 203 – 204.

⁽²⁾- Ap. i. 298. Và được lập lại trong Ap.ii. 410.

⁽³⁾- ThagA. i. 355.

⁽⁴⁾- Ap. i. 116.

⁽⁵⁾- Ap. i. 115.

Trong kệ ngôn Trưởng lão Tăng có ghi nhận lời kệ của Ngài là.
 43- Sumuttiko sumuttiko sāhu, sumuttikomhi tīhi khujjakehi;
 Asitāsu mayā naṅgalāsu, mayā khuddakuddālāsu mayā.
 Yadipi idhameva idhameva, atha vāpi alameva alameva;
 Jhāya sumaṅgala jhāya sumaṅgala, appamatto vihara sumaṅgalā”ti.
*“Khéo thoát, ôi! Khéo thoát; thật sự ta khéo thoát.
 Thoát ba sự cong queo; Ta thoát cong với liềm.
 Ta thoát cột với cày; Ta thoát cực với cuốc.
 Nếu có dây, có dây; thật đủ chán, đủ chán.
 Hỡi Smaṅgala; hỡi Sumaṅgala.
 Hãy thiền, hãy thiền định; hỡi Sumaṅgala.
 Hãy sống không phóng dật (HTTMC dịch) (1).*

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Atthadassī⁽²⁾, tiền thân Ngài là một gia chủ, có lần nhìn thấy Đức Phật sau khi tắm, Ngài đắp một y để phơi khô thân mình, hoan hỷ với thân Phật xinh đẹp, gia chủ chấp tay đánh lễ Đức Thế Tôn.

Vào 116 kiếp trước, tiền thân của Ngài đã hai lần làm vua với vương hiệu Ekacintita⁽³⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Atthadassī.

15- Đức Phật Dhammadassī.

Sau khi Đức Phật Atthadassī viên tịch, tuổi thọ nhân loại giảm dần xuống còn 10 năm, lại tăng dần đến atăng kỳ năm, rồi lại giảm xuống.

Đến khi tuổi thọ nhân loại là 100 ngàn năm, bấy giờ Đức Phật Dhammadassī xuất hiện trên thế gian.

Từ cung trời Tusita (Đầu suất), Bôtát giáng sinh vào lòng của bà Hoàng Sunandā, cha của Bôtát là Đức vua Saraṇa, đang trị vì nơi kinh thành Saraṇa.

Từ khi Bôtát sinh vào thai bào, những luật trong quốc độ được xem xét và tu chỉnh lại, khi Bôtát vừa sinh ra nơi vườn hoa Saraṇa, những điều phi pháp trong quốc độ tự biến mất tất cả, chỉ còn lại những điều đúng pháp; xem như Đức vua Saraṇa cai trị quốc độ theo pháp.

Do sự kiện này, Bôtát được đặt tên là Dhammadassī.

Bôtát Dhammadassī sống tại gia 8 ngàn năm trong ba tòa cung điện: Cung điện Araja, cung điện Viraja và cung điện Sudassana, có hơn 100 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Ngài là công nương Vicikolī.

Vào ngày nàng Vicikolī sinh ra Thái tử Puñṇavaḍḍhana, Bôtát thấy được điều thứ tư là “vị Samôn”.

Nơi tòa cung điện, vào lúc nửa đêm Bôtát thức giấc ngồi trên chiếc Vương sàng, Ngài nhìn thấy các mỹ nữ nằm ngủ để lộ ra những cảnh bất mỹ, tựa như những xác chết được quăng vào bãi tha ma, Bôtát có tâm nhằm chán thế gian, khởi lên ý nghĩ: “Ta hãy từ bỏ tất cả những ô trược này, ra đi xuất gia”.

Ý nghĩ ra đi xuất gia khởi lên, lập tức tòa cung điện Sudassana bốc lên di chuyển trong hư không như mặt trời thứ hai xuất hiện, theo sau là bốn đạo binh chùng bảo vệ cung điện, tựa như những thiên thần theo sau bảo vệ tòa thiên cung của vị Thiên chủ.

Khi đến gần vùng trung tâm, tòa cung điện hạ xuống cách cây Kuravaka⁽¹⁾ không xa.

(1)- Thag.43. Sumaṅgalatheragāthā.

(2)- Có sách ghi là vào thời Đức Phật Siddhattha.

(3)- ThagA. i. 111 ; Ap. i. 147 .

Bồ tát ra khỏi cung điện, Ngài cắt tóc xuất gia, mặc vào người bộ y phục samôn do vị Phạm thiên cúng dường, tòa cung điện lại bốc lên hư không rồi hạ xuống cách cây Kuravaka nửa gāvuta (2km), những nữ nhân trong cung điện bước ra khỏi cung điện, bốn đạo binh chúng cũng hạ thân xuống, những nam nhân thấy Bồ tát xuất gia, họ cũng xuất gia theo Ngài là 100 ngàn triệu vị (100 tỷ) vị.

Bồ tát Dhammadassī thực hành khổ hạnh 7 ngày, vào ngày trăng tròn tháng Vesakha, Ngài thọ dụng bát cơm sữa do công nương Vicikolī dâng cúng, Bồ tát trải qua một ngày nơi khu rừng Badara (cây Mận).

Vào buổi chiều Ngài đi đến cây Kuravaka, trên đường đi Ngài nhận 8 bó cỏ do người giữ ruộng lúa tên Sirivaḍḍha cúng dường.

Ngài trải 8 bó cỏ nơi cội cây Kuravaka, một Bảo tọa chiến thắng hiện khởi cho Ngài, trên Bảo tọa Bồ tát ngồi treo chân và chiến thắng 5 loại ma vương, khi mặt trời vừa lên Ngài chứng đạt Vô thượng Chánh giác.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Dhammadassī.*

Thắng hội I.

Đức Thế Tôn Dhammadassī chuyển Pháp luân nơi vườn Isipatana, mang Thánh quả đến cho 100 ngàn 10 triệu (1.000 tỷ) vị.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Có kinh văn sau.

2-Tassāpi atulatejassa; dhammacakkappavattane.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamābhisamayo ahu.

“Vị có uy lực vô song; vận chuyển bánh xe Pháp.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội đầu tiên của Ngài”⁽²⁾.

Thắng hội II.

Đức vua Sañjaya trị vì nơi kinh thành Tagara, vua Sañjaya nhận thấy mối nguy hiểm trong dục lạc, nên đi xuất gia cùng với 90 mươi triệu (900 triệu) tùy tùng. Tất cả đều đạt được 8 thiên chứng cùng 5 thắng trí.

Vào một buổi sáng, Bậc Đạo sư Dhammadassī đưa Phật Nhãn quán xét thế gian, thấy được duyên lành của 900 triệu vị ẩn sĩ này.

Ngài theo đường hư không đến nơi ẩn cư của các ẩn sĩ, nơi đây Đức Phật Dhammadassī giảng pháp thoại thích ứng, dứt pháp thoại tất cả đều chứng Thánh quả Dự Lưu.

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

3- Yadā buddho dhammadassī; vinesi sañjayamaṃ isiṃ.

Tadā navutikoṭiṇaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Lần khác Đức Phật Dhammadassī; hướng dẫn ẩn sĩ Sañjaya.

Có 90 mươi triệu; là Thắng hội lần thứ hai”^(sđđ3).

Thắng hội III.

Lần khác, khi vua Trời Sakka muốn nghe pháp từ Đức Thế Tôn.

Vua trời cùng với 800 triệu thiên chúng tùy tùng, đến yết kiến Đức Thế Tôn Dhammasassī.

Nghe xong thời pháp thoại, tất cả đều chứng đạt Thánh quả.

Đây là Thắng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Yadā sakko upāgañchi; sapaṛiso vināyakaṃ.

Tadā asitikoṭiṇaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Lần khác, vua trời Sakka; với tùy chúng đến viếng Bậc Lãnh Đạo.

Lần này có 80 mươi triệu vị; là Thắng hội lần ba”^(sđđ.4).

**Ba Tăng hội của Đức Phật Dhammadassī.*

Tăng hội I.

⁽¹⁾- Trong Bản văn tr. 220 -221 gọi là cây Bimbijāla; trong Bu.19 gọi là cây Amaranth màu đỏ. Trong JA.v, 155; JA. i, 39. Từ Rattakuravakara được xem như đồng nghĩa với Bimbijā. Trong ApA. 43.Cây Kuravaka màu đỏ cũng được gọi là cây Bimbijāla.

⁽²⁾- Bu, xvi. 2. Dhammadassibuddhavaṃsa.

Nơi kinh thành Saraṇa, Đức Thế Tôn Dhammadassī tế độ hai người em khác mẹ với Ngài cùng các tùy chúng hai vị ấy.

Tất cả là 10 tỷ vị đều chứng Thánh quả và xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”, rồi Đức Thế Tôn an cư mùa mưa nơi ấy.

Vào ngày lễ Tụ tứ (pavāraṇā), Đức Thế Tôn ban *lời Giáo giới giải thoát* giữa đại chúng Tỳkhuu ấy.

Đây là Tăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

6- Yadā buddho dhammadassī; saraṇe vassaṃ upāgami.

Tadā koṭisatasahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

“Lúc, Đức Phật Dhammadassī; an cư mùa mưa gần Saraṇa.

Khi ấy có một ngàn 10 triệu vị; đây là lần tụ hội đầu tiên”(sđd.6).

Tăng hội II.

Sau khi an cư mùa mưa ở cõi Tāvātimsa (Ba mươi ba) thuyết lên Tạng Thắng pháp tế độ chư thiên và Phạm thiên.

Đức Thế Tôn Dhammadassī trở về nhân giới, nhân loại tề tựu đến cung nghinh Đức Thế Tôn từ thiên giới trở về.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại, có một tỷ người chứng Thánh quả Alahán và được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave...”.

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Punāparaṃ yadā buddho; devato eti mānusaṃ.

Tadāpi satakoṭīnaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Một lần khác, Đức Phật; từ thiên giới trở về cõi người.

Khi ấy có 100 triệu vị; là lần tụ hội thứ hai”(sđd.7).

Tăng hội III.

Nơi Đại tự Sudassana, Đức Thế Tôn thuyết pháp thoại liên hệ đến ân đức của sự thực hành pháp Dhutnga (Đầu đà). Pháp thoại mang đến Thánh quả Alahán cho 800 triệu người chứng Thánh quả Alahán và tất cả được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

8- Punāparaṃ yadā buddho; pakāsesi dhute gūṇe;

Tadā asītikoṭīnaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

“Lại lần khác, Đức Phật; giảng ân đức pháp Đầu đà.

Có 80 triệu vị, là lần tụ hội thứ ba”(sđd.8).

***Tiền thân Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy, tiền thân Đức Phật Gotama là vị Thiên chủ Sakka.

Có lần thiên chủ Sakka cùng thiên chúng tùy tùng ở hai cõi: Cõi Tứ đại vương và cõi Ba mươi ba đến đánh lễ Đức Thế Tôn, Thiên chủ Sakka cùng thiên chúng cúng dường thiên hương, thiên hoa ... các thiên thần nhạc sĩ tấu lên những khúc nhạc trời cúng dường để Đức Phật và Tăng chúng.

Giữa đại chúng Đức Thế Tôn Dhammadassī tiên tri rằng: “ Sau 1800 kiếp trái đất, vị Thiên vương Sakka này sẽ là vị Chánh giác tương lai có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Dhammadassī.**

Đức Phật Dhammadassī cao 80 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng khắp 10 ngàn thế giới.

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Dhammadassī là Trưởng lão Paduma và Trưởng lão Phussadeva. Thị giả là Trưởng lão Sunetta.

- Trưởng lão Hārīta là vị Đệ nhất hạnh Đầu đà của Đức Phật Dhammadassī.

- Hai nữ Tinh văn tối thắng của Đức Phật Dhammadassī là Trưởng lão ni Khemā và Trưởng lão ni Sabbadinā (Saccadinā).

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Dhammadassī là Trưởng giả Subhadda và Trưởng giả Kaṭṭisaha.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Dhammadassī là bà Sāliyā và bà Valiyā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Atthadassī là 100 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi Tự viện Kesā (Kesārāma) trong thành phố Sālavatī. Bảo tháp tôn thờ Xá Lợi của Ngài cao 3 do tuần.

Phụ lục.

***Trường lão Paripuṇṇaka.**

Trong thời Đức Phật Gotama, Ngài sinh ra trong một gia tộc quyền quý nơi thành Kapilavatthu (Catylavê).

Vì mọi môn học vấn đều thông thạo cùng với gia sản của Ngài sung mãn, nên Ngài được gọi là Paripuṇṇaka (Viên mãn), Ngài sống trong sự xa hoa, hưởng thụ hằng trăm món vật dục.

Khi nghe Đức Thế Tôn đi khất thực để sống, Ngài suy nghĩ: “Thái tử Siddhattha (SĩĐạtTa) trước đây sống trong nhung lụa, hưởng thụ những vật dục hơn hẳn ta, nhưng Ngài đã từ bỏ lối sống hưởng thụ, thực hành pháp và nhờ đó trở thành vị cứu tinh cho nhân thiên, có ích lợi gì cho ta với đời sống tại gia này, Ta hãy xuất gia sống đời sống phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Đức Thế Tôn”.

Ngài Paripuṇṇaka xuất gia trong Tăng đoàn, nỗ lực hành pháp và trở thành vị Thánh Alahán.

Hân hoan nói lên Thánh quả Alahán đã chứng đạt của mình, Ngài nói lên kệ ngôn.

91- Na tathā maṭaṃ satarasaṃ, sudhannaṃ yaṃ mayajja paribhuttaṃ;
Aparimitadassinā gotamena, buddhena desito dhammo”ti.

“Dầu có hưởng món ăn; như cam lồ trăm vị.

Nhưng không thể sánh bằng; món ta ăn hôm nay.

Đây là pháp vi diệu; được Phật Gotama.

Bậc tri kiến vô lượng; đã thuyết giảng cho ta. (HT TMC dịch)⁽¹⁾

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Dhammadassī, tiền thân Ngài là một gia chủ từng cúng dường nhiều lễ vật lên Bảo tháp thờ Xá Lợi Đức Thế Tôn.

Vào 94 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài làm vua 16 lần dưới vương hiệu Thūpasikhara⁽²⁾.

Ngài có thể là Trường lão Ṭambhāropaka nói trong tập Apadāna⁽³⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Dhammadassī.

Sau khi Đức Thế Tôn Dhammadassī viên tịch, trải qua 1.706 kiếp trái đất không có vị Chánh giác nào xuất hiện trên thế gian.

Cách hiện kiếp này trở về trước 94 kiếp trái đất, trong kiếp trái đất ấy chi xuất hiện một vị Chánh giác (gọi là sarakappa), đó là Đức Phật Siddhattha.

16- Đức Phật Siddhattha.

Khi tuổi thọ nhân loại từ atăng kỳ năm giảm xuống còn 100 ngàn năm.

Theo thông lệ, Bôtát Chánh giác từ cung trời Tusita, nhận lời thỉnh cầu của chư Thiên, Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới, Ngài nhập vào thai bào của bà Hoàng Subhassā, cha Bôtát là Đức vua Udena trị vì kinh thành Vebhāra.

Bôtát đản sinh nơi vườn hoa Viriya, khi Bôtát ra khỏi thai bào, tất cả ước muốn mọi người dù lớn hay nhỏ đều thành tựu, tất cả mọi công trình đang xây dựng dù lớn hay nhỏ đều hoàn tất, nên Ngài được gọi là Siddhattha.

⁽¹⁾- Thag. 91. Paripuṇṇakatheragāthā.

⁽²⁾- ThagA. i. 190.

⁽³⁾- Ap. i. 171.

Bồ tát Siddhattha sống tại gia là 10 ngàn năm, trong ba cung điện: Cung điện Kola, cung điện Suppala và cung điện Paduma⁽¹⁾, có 48 ngàn cung nữ xinh đẹp hầu hạ, vợ Ngài là công nương Somanassā⁽²⁾.

Vào ngày trăng tròn tháng Āsalha (tháng 6 âm, theo lịch VN), nàng Somanassā sinh ra Thái tử Anupama, Bồ tát Siddhattha cũng chứng kiến đầy đủ bốn điềm tướng, Bồ tát quyết định xuất gia.

Ngài ngự trên chiếc kiệu bằng vàng, đến vườn Ngự Uyển Viriya và xuất gia nơi đây, có đến 1.000 tỷ người xuất gia theo hầu Bồ tát.

Bồ tát thực hành khổ hạnh 10 tháng, vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, Bồ tát thọ dụng bát cơm sữa do nữ Balamôn Sumettā con gái của Balamôn trưởng giả làng Asadisa cúng dường.

Bồ tát nghỉ trưa nơi khu rừng Badara, vào buổi chiều Ngài đi đến cây cổ thụ Kaṇikāra, trên đường đi Ngài nhận 8 bó cỏ do người giữ ruộng tên Varuṇa cúng dường.

Nơi gốc cây Karaṇika, Bồ tát trải tám bó cỏ và Bảo tọa chiến thắng hiện khởi cho Ngài.

Trên Bảo tọa Bồ tát Siddhattha chiến thắng toàn bộ năm loại ma, khi mặt trời vừa ló dạng, Ngài chứng đạt Vô thượng Chánh giác.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Siddhattha.*

Thắng hội I.

Đức Phật Siddhattha Chuyển pháp luân nơi vườn Nai, cách cây Đại giác Karaṇika 18 do tuần tế độ một tỷ vị Samôn xuất gia theo hầu Ngài.

Pháp thoại này mang đến Thánh quả cho 1.000 tỷ nhân thiên.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

3- Tassāpi atulatejassa; ahesuṃ abhisamayā tayo.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamābhisamayo ahu.

“Vị có uy lực vô song; có ba lần thắng hội.

Có 100 ngàn 10 triệu; là Thắng hội đầu tiên”⁽³⁾.

Thắng hội II.

Nơi kinh thành Bhīmarattha trị vì bởi vua Bhīmarattha, Đức vua Bhīmaratta được tin Đức Thế Tôn Siddhattha xuất hiện trên thế gian, cử các đại thần đến thỉnh Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành Bhīmarattha.

Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu du hành đến thành Bhīmarattha.

Đức vua ra tận cổng thành đón tiếp Đức Thế Tôn, thỉnh Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu ngự vào Khánh đường rộng lớn đã được kiến tạo trước ở giữa kinh thành, cư dân kinh thành tụ hội đông đảo để cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng.

Đức vua cúng dường đến Đức Thế Tôn Siddhattha cùng Tăng chúng trọng thể.

Sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn phúc chúc bằng thời pháp thoại. Ngài đã gióng lên tiếng trống pháp với âm giọng du dương như tiếng chim Calāngtàngià, đầy đủ tám âm điệu như tiếng nói của vị Phạm thiên.

Dứt pháp thoại có 900 triệu nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Punāparaṃ bhīmarathe; yadā āhani dundubhiṃ.

Tadā navutikoṭīnaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Lần khác nơi thành Bhīmaratta; Ngài gióng lên tiếng trống.

Khi ấy có 90 mươi triệu vị; là Thắng hội thứ hai” (sđd.4).

(1)- Bu.xvii. 14. Ghi là Kokamudā.

(2)- Bu.xvii.15. Ghi là Sumanā.

(3)- Bu. xvii. 3. Siddhatthabuddhavaṃsa.

Thắng hội III.

Lần trở về kinh thành Vebhāra để viếng vua Udena cùng thân tộc, Đức Thế Tôn giảng về lịch sử chư Phật.

Pháp thoại mang đến Thánh quả cho 900 triệu nhân thiên.

Đây là Thắng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- *Yadā buddho dhammaṃ desesi; vebhāre so puruttame.*

Tadā navutikoṭīnaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Khi Đức Phật, bậc Tối thượng giảng pháp, nơi thành Vebhāra.

Có 90 mươi triệu vị; là Thắng hội thứ ba”(sđd.5).

**Ba Tăng hội của Đức Phật Siddhattha.*

Tăng hội I.

Lần tụ hội thứ I xảy ra nơi kinh thành Amara.

Nơi kinh thành Amara có hai vị vua là anh em đang cùng trị vì vương quốc, đó là vua Sambahula⁽¹⁾ và vua Sumitta.

Vào buổi sáng, với Phật trí, Đức Thế Tôn quán xét thế gian, Ngài thấy được duyên lành hai vị vua cùng hội chúng của hai vị ấy.

Đức Thế Tôn theo đường hư không ngự đến kinh thành Amara, hạ thân ở giữa kinh thành rồi Đức Thế Tôn Siddhattha lưu lại dấu chân nơi ấy.

Sau đó Đức Thế Tôn đi vào vườn Ngự Uyển Amara, Ngài ngồi trên tảng đá bằng phẳng ở giữa kh vườn, tảng đá trở nên mát lạnh do ảnh hưởng từ tâm của Đức Phật.

Hai vị vua nhìn thấy dấu chân của Đấng Đại sĩ, liền theo dấu vết bậc Đại nhân, đến vườn Ngự Uyển.

Nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi trên tảng đá bằng phẳng, trong tâm hai vị vua khởi lên ý nghĩ: “Đây là bậc Đạo sư của chúng ta”.

Hai vị vua đến đàng lẽ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên hợp lễ.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích ứng, dứt pháp thoại hai vị vua cùng 1.000 triệu tùy tùng chứng Thánh quả Alahán. Tất cả đều được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”. Đây là Tăng hội I của Ngài.

Tăng hội II.

Một lần khác, giữa các vị Tỳkhu Alahán được xuất gia theo cách : Ehi bhikkhu...” có số lượng là 900 triệu vị, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát* đến đại chúng Tăng ấy. Đây là Tăng hội II của Ngài.

Tăng hội III.

Một lần khác, nơi Đại tự Sudassana có cuộc tụ hội của 800 triệu vị Tỳkhu Alahán được xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave...”, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát* đến Hội chúng Tăng ấy.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

6- *Sannipātā tayo āsum; tasmimpi dvipaduttame.*

Khiṇāsavānaṃ vimalānaṃ; santacittāna tādinaṃ.

“Ngài có ba lần tụ hội; vị không có bậc thứ hai hơn Ngài.

Những vị trong sạch, không còn ô nhiễm; có tâm an tịnh kiên định”.

7- *Koṭīsatānaṃ navutīnaṃ; asītiyāpi ca koṭīnaṃ.*

Ete āsum tayo ṭhānā; vimalānaṃ samāgame.

“Có 100 mươi triệu, 90 ; và 80 mươi triệu như vậy.

Là ba lần tụ hội như thế; sự tụ hội trong sạch” (sđd.6-7).

***Tiên thân Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy, tiên thân Đức Phật Gotama là thanh niên Balamôn Maṅgala, cư ngụ nơi thành Surasena.

⁽¹⁾- BuAC ghi là Sambahula; BuAB gọi là Sambala và giải thích: “Từ Sambahula” là cách giải thích từ Sambala. Trong Bu. xvii. 18 ghi là Samphala.

Thanh niên Balamôn Maṅgala tinh thông ba Tạng Veda (Vệđà) cùng những nghệ thuật Balamôn luôn cả kinh điển Vedāṅga.

Nhận thấy không có cốt lõi trong giáo thuyết Balamôn, thanh niên Maṅgala đã bố thí hết gia sản có giá trị là hằng trăm triệu tiền vàng, xuất gia làm ẩn sĩ tu tập nơi vùng núi Tuyết, đạt 8 thiên chứng cùng 5 thăng trí.

Được tin Đức Thế Tôn Siddhattha xuất hiện trên thế gian, ẩn sĩ Maṅgala đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Sau khi đánh lễ Đấng Tối Thượng trong tam giới, ẩn sĩ Maṅgala ngồi vào nơi hợp lễ, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích ứng với khuynh hướng Chánh giác của ẩn sĩ.

Hoan hỷ với thời pháp thoại của Đức Phật Siddhatta, ẩn sĩ Maṅgala dùng năng lực thần thông đi đến những vùng đất hiểm trở tìm những trái cây quý hiếm và đây hương vị, mang đến Đại tự Surasena cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng 900 triệu vị Thánh Tăng Alahán.

Giữa đại chúng, Đức Thế Tôn Siddhattha tiên tri rằng: “Sau 94 đại kiếp kể từ kiếp này, ẩn sĩ này sẽ trở thành Đấng Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Siddhattha**

Đức Phật Siddhattha cao 80 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng khắp 10 ngàn thế giới.

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Siddhattha là Trưởng lão Sambhula và Trưởng lão Sumitta. Thị giả là Trưởng lão Revata.

- Hai nữ Thỉnh văn tối thắng của Đức Phật Siddhattha là Trưởng lão ni Silavā và Trưởng lão ni Surāmā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Siddhattha là Trưởng giả Suppiya và Trưởng giả Samudda.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Siddhattha là bà Rammā và bà Surammā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Atthadassī là 100 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi vườn hoa Anoma gần thành Anoma.

Bảo tháp tôn thờ Xá Lợi của Ngài cao 4 do tuần.

Phụ lục.

***Trưởng lão Buddhasañña.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào 94 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài là một gia chủ, nhìn thấy Đức Phật Siddhattha, khởi tâm hoan hỷ tịnh tín, đánh lễ Đức Phật⁽¹⁾.

***Trưởng lão Vitasoka.**

Ngài là em vua Dhammāsoka (ADục), là vị Tử hoàng trong hoàng tộc Moriya (Khổng Tước).

Khi đến tuổi trưởng thành, Ngài trở thành đệ tử cư sĩ của Trưởng lão Giridatta, thông thạo ba Tạng Kinh điển.

Một hôm khi cắt tóc, Ngài soi gương thấy được vài sợi tóc bạc, tâm tư bị xúc động mạnh, Ngài triển khai pháp quán, cố gắng thiên tịnh, ngay tại chỗ ngồi Ngài chứng Thánh quả Dự lưu.

Rồi Ngài xin được xuất gia với Trưởng lão Giridatta, không bao lâu Ngài chứng Thánh quả Alahán và tuyên bố Thánh trí của mình qua hai kệ ngôn (hai kệ ngôn này được đưa vào trong lần kết tập Phật ngôn III).

169- Kese me olikhissanti; kappako upasaṅkami.

Tato ādāsamādāya; sarīraṃ paccavekkhaṃ.

“Hãy cạo tóc cho ta; người cạo tóc đã đến.

⁽¹⁾- Ap.i. 152.

Ta cầm lấy cái gương; quán sát thân thể (ta).

170- Tuccho kāyo adissittha, andhakāro tamo byagā;

Sabbe colā samucchinnā, natthi dāni punabbhavo”ti.

“Thân được thấy trống rỗng; chìm tối trong đêm đen.

Mọi vải quần chặt đứt; nay không còn tái sinh. (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Siddhattha, tiền thân Ngài là một ẩn sĩ, nghe Đức Phật xuất hiện trên thế gian, ẩn sĩ lia bỏ am thất đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Nhưng ẩn sĩ còn cách Đức Phật 150 dotuần, lâm trọng bệnh rồi mệnh chung với tâm tịnh tín nơi Đức Phật.

Ngài có thể là Trưởng lão Buddhasañña được nói đến trong tập Apadāna⁽²⁾.

****Trưởng lão Bodhighariya.***

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Siddhattha, tiền thân Ngài có xây dựng một sảnh đường gần cây Đại giác của Đức Phật để cúng dường đến Tăng chúng.

Vào 65 kiếp trước, hậu thân gia chủ làm vua cai trị kinh thành Kāsila dài 10 dotuần, rộng 8 dotuần do Thiên tử Vissakamma xây dựng, cung điện Đức vua có tên là Maṅgala⁽³⁾.

****Trưởng lão Sudhāpiṇḍiya.***

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào 94 kiếp trái đất trước, trong thời Giáo pháp của Đức Phật Siddhattha, tiền thân của Ngài là một gia chủ có cúng dường hồ để xây dựng Bảo tháp thờ Xá Lợi Phật Siddhattha.

Vào 30 kiếp trái đất trước, hậu thân gia chủ này là vị Đại đế có vương hiệu là Paṭisaṅkhāra⁽⁴⁾.

****Trưởng lão Hatthidāyaka.***

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào 94 kiếp trái đất trước trong thời Đức Phật Siddhattha, tiền thân Ngài là một gia chủ, có cúng dường đến Đức Thế Tôn Siddhattha con voi.

Bảy mươi kiếp trái đất trước, hậu thân gia chủ này làm vua 16 lần với vương hiệu Samantapāsādikā⁽⁵⁾.

****Trưởng lão Ākāsuḅkhipiya.***

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào 94 kiếp trái đất trước trong thời Đức Phật Siddhattha, tiền thân Ngài là một gia chủ, có cúng dường đến Đức Thế Tôn Siddhattha bông sen và tung lên không trung một bông khác để cúng dường.

Vào 30 kiếp trái đất trước, hậu thân gia chủ này làm vua với vương hiệu Antatikkhacara⁽⁶⁾.

****Trưởng lão Ukkhepaḅa Vaccha.***

Trong thời Đức Phật còn tại thế, Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn Vaccha trong thành Sāvatti (XáVệ).

Nghe được pháp thoại của Đức Thế Tôn, Ngài phát khởi tâm tịnh tín xuất gia trong Tăng đoàn và trú ở một làng trong xứ Kosala.

Ngài học pháp với nhiều vị Tỷkhu, nhưng đến khi học pháp nơi Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất), Ngài mới phân biệt được: Luật - Kinh và Thắng pháp.

⁽¹⁾- Thag. 169-170. Vitasokatheragāthā; ThagA.i. 295.

⁽²⁾- Ap.ii. 420.

⁽³⁾- Ap.ii. 401.

⁽⁴⁾- Ap.i. 133.

⁽⁵⁾- Ap.i. 208.

⁽⁶⁾- Ap.i. 230.

Ngài nỗ lực học thuộc cả ba Tạng (trước khi Kết tập Phật ngôn I)⁽¹⁾, rồi thực hành pháp chứng Thánh quả Alahán⁽²⁾.

Về sau Ngài trở thành vị Giáo thọ sư danh tiếng.

Theo Ngài Dhammapāla, Ngài có danh hiệu là Ukkhepakata vì Ngài có thể đọc vanh vách cả ba Tạng⁽³⁾.

Một hôm Ngài ngồi nói với Ngài như nói với người khác qua kệ ngôn.

65- Ukkhepakatavacchassa, saṅkalitaṃ bahūhi vassehi;

Taṃ bhāsati gahaṭṭhānaṃ, sunisinno ulārapāmojjo”ti.

“*Vaccha đã quăng bỏ⁽⁴⁾ xong, những chất chứa⁽⁵⁾ nhiều năm.*

Vị ấy nói như vậy với các gia chủ;

Với tâm rộng lớn, vị ấy ngồi nơi trang trọng”⁽⁶⁾.

Tiền sự.

Trong thời Đức Phật Siddhattha, tiền thân Ngài Vaccha là một gia chủ có cúng dường đến Giảng pháp đường của Đức Phật một cây cột trụ.

Vào 65 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài là vị Đại đế có vương hiệu là Udena, cung điện bảy tầng của Đức vua được xây trên một cột trụ cao.

Ngài có thể là Trưởng lão Ekattambhika nói trong tập Apadāna (Ký sự)⁽⁷⁾.

***Trưởng lão Uttara.**

Ngài là con một gia tộc Balamôn nơi thành Sāketa, được đặt tên là Uttara.

Trong một chuyến đi buôn nơi thành Sāvatti, Ngài chứng kiến uy lực Song thông của Đức Thế Tôn nơi cây xoài Ganda (Gandaamba), tâm Ngài vô cùng ngưỡng mộ Đức Thế Tôn.

Rồi khi nghe được Đức Thế Tôn thuyết kinh Kālakārāma⁽⁸⁾ ở Sāketa, Ngài xin xuất gia trong Tăng đoàn rồi theo Đức Phật đi đến thành Rājagaha (Vương xá). Nơi đây, Ngài tinh cần phát triển tuệ quán chứng đạt sáu Thăng trí.

Khi trở về kinh thành Sāvatti (Xávệ) để hầu hạ Đức Thế Tôn, các vị Tỷkhuu hỏi Ngài:

-Thưa hiền giả Uttara, hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?

Ngài tuyên bố Thánh trí của mình với hai kệ ngôn.

161- Khandhā mayā pariññātā; taṇhā me susamūhatā.

Bhāvitā mama bojjhaṅgā; patto me āsavakkhayo.

“*Khéo hiểu rõ các nhóm; ta khéo nhổ sạch ái luyến.*

Khéo tu tập giác chi; Ta chứng đạt vô nhiễm”.

162- Sohaṃ khandhe pariññāya; abbahitvāna jāliniṃ.

Bhāvayitvāna bojjhaṅge; nibbāyissaṃ anāsavo”ti.

“*Vị thấu triệt các nhóm; thoát ra khỏi lưới rập.*

Đã thành tựu giác chi; không ô nhiễm viên tịch”⁽⁹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Siddhattha, tiền thân Ngài là một gia chủ có niềm tin trong sạch đặt nơi Đức Thế Tôn.

Khi Đức Phật viên tịch, gia chủ cho hội tất cả gia đình đi đến đánh lễ Xá lợi Đức Phật và cúng dường cây phướn.

Ngài chính là Trưởng lão Dhātupūjaka nói trong tập Apadāna (Ký sự)⁽¹⁾.

(1)- Xem *Brethren*, p. 66. n. 1.

(2)- *ThagA. i. 147.*

(3)- *ThagA. i. 149.*

(4)- *Ukkhepa.*

(5)- *Saṅkalitaṃ*

(6)- *Thag. 69. Ukkhepakataṭṭheragāthā.*

(7)- *Ap. i. 56 – 57.*

(8)- *A. ii. 24.*

(9)- *Thag. 161-2. Uttaratheragāthā; ThagA. i. 283.*

Có thể Ngài là Trưởng lão Uttara được nói trong kinh Uttarasutta⁽²⁾.

***Trưởng lão Uttiya (hay Uttika).**

Ngài là con một gia tộc Balamôn ở kinh thành Sāvatti (Xá-vệ), khi đến tuổi trưởng thành Ngài xuất gia tầm cầu pháp bất tử, trở thành một du sĩ,

Một lần trong khi bộ hành, du sĩ nhìn thấy Đức Thế Tôn, liền đi đến chào hỏi và vấn pháp.

Nghe Đức Thế Tôn giảng pháp, Ngài hoan hỷ xin xuất gia trong Tăng đoàn.

Do giới hạnh của Ngài không thanh tịnh nên Ngài không chứng đạt Thánh quả, thấy các vị Tỳkhuu tuyên bố lên Thánh trí của mình.

Ngài đến thỉnh cầu Đức Thế Tôn thuyết văn tắt để Ngài nương theo đó thực hành. Đức Thế Tôn dạy:

- Nay Tỳkhuu, người phải thực hành thanh tịnh về học giới được Đấng Như Lai thuyết giảng.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết văn tắt về hạnh Samôn.

Nương theo lời dạy này, Ngài nỗ lực thực hành pháp, trong lúc cố gắng hành pháp Ngài lâm trọng bệnh, nhưng Ngài không thối giảm tinh tấn và vượt qua được chướng ngại, chứng Thánh quả Alahán.

Ngài nói lên Thánh trí của mình qua kệ ngôn.

30- Ābādhe me samuppanne; sati me udapajjatha.

Ābādhō me samuppanno; kālo me nappamajjitu”nti.

“Trong khi ta lâm bệnh; niệm khởi lên nơi ta.

Trong khi ta lâm bệnh; không phải thời phóng dật”.(HT. TMC dịch)⁽³⁾.

Tiền sử.

Vào thời Đức Phật Siddhattha, tiền thân Ngài là một con sấu sống trong sông Candabhāgā, từng dùng lưng đưa Đức Phật qua sông.

Hậu thân con sấu làm Thiên vương 7 lần và làm vua dưới thế 3 lần⁽⁴⁾.

Ngài chính là Trưởng lão Uttiya được đề cập trong Tăng Chi Bộ Kinh⁽⁵⁾, theo đó Đức Phật có giải thích cho Ngài biết rằng “năm dục trưởng dưỡng” phải được đoạn tận bằng cách tu tập Thánh đạo Tám Ngành.

Trong một bài kinh khác của Āṅguttara nikāya (Tăng Chi Bộ)⁽⁶⁾, Ngài có bạch xin Phật thuyết pháp văn tắt để ông sẽ sống một mình an tịnh, Đức Phật dạy Ngài làm cho thanh tịnh các pháp căn bản trong các thiện pháp.

Có thể Ngài cũng chính là du sĩ Uttiya, vị từng bạch hỏi Đức Phật về sự tồn tại của thế gian ... và được Ngài Ānanda giúp để hiểu rõ tầm quan trọng của các câu mà Đức Phật trả lời.

Dứt lịch sử Đức Phật Siddhattha.

Sau khi Đức Phật Siddhattha viên tịch là kiếp trống (suññakappa). Cách hiện kiếp này trở về trước 92 kiếp trái đất, trong kiếp trái đất này có hai vị Chánh giác xuất hiện (maṇḍakappa) là: Đức Phật Tissa và Đức Phật Phussa.

17- Đức Phật Tissa.

Khi nhân loại có tuổi thọ là 100 ngàn năm, Bôtát khi viên mãn 30 pháp Balamật, Ngài tái sinh về cõi Tusita (Đầu suất).

Theo lời thỉnh nguyện của các chư Thiên, Phạm thiên trong 10 ngàn thế giới, Bôtát tái sinh về nhân giới, là con của bà Hoàng Padumā (bà có tên gọi này vì mắt

(1)- Ap. ii. 425.

(2)- A. iv. 162.

(3)- Thag. 30. Uttiya theragāthā, ThagA. i. 89 .

(4)- Ap. i. 79-80.

(5)- A. v. 22.

(6)- A. v. 193.

bà giống như đóa hoa sen), cha Ngài là Đức vua Saccasandha⁽¹⁾, trị vì nơi kinh thành Khema.

Sau 10 tháng nằm trong thai bào, Bôtát đản sinh nơi vườn hoa Anomā, Ngài được gọi là Tissa.

***Sự đặt tên.**

Có hai cách đặt tên: Anvattha và rulhi.

- *Anvattha*. Là sự đặt tên dựa vào một sự kiện đặc biệt nào đó.

- *Rulhi*. Là sự đặt tên thông thường tùy ý, không dựa vào sự kiện đặc biệt chi cả.

Bôtát Tissa được đặt tên theo cách rSulhi.

Bôtát Tissa sống tại gia 7 ngàn năm trong ba tòa cung điện: Cung điện Guhā⁽²⁾, cung điện Selanārī⁽³⁾ và cung điện Nisabhā, có 33 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Bôtát là công nương Subhaddā.

Vào ngày nàng Subhaddāsinh ra Thái tử Ānanda, Bôtát Tissa thấy điềm tướng “vị Samôn”, Ngài quyết định ra đi xuất gia.

Bôtát cưỡi ngựa chúa Sonuttara lìa bỏ kinh thành ra đi xuất gia.theo gương Ngài có 10 triệu tùy tùng xuất gia làm Samôn theo hầu Ngài.

Bôtát Tissa khổ hạnh trong 8 tháng, vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, Ngài thọ dụng bát cơm sữa do nàng Virā, con gái một trưởng giả ở làng Vira cúng dường.

Vào buổi chiều, Bôtát đi đến cây cổ thụ Asana, trên đường đi Bôtát nhận 8 bó cỏ do người giữ ruộng tên là Vijisaṅgāmaka dâng cúng.

Nơi cội cây Asana, Bôtát trải 8 bó cỏ, Bào tọa chiến thắng hiện khởi cho Ngài. Trên Bào tọa chiến thắng Ngài chứng Vô thượng Chánh giác khi mặt trời vừa ló dạng.

***Ba Thắng hội của Đức Phật Tissa.**

Thắng hội I.

Đức Thế Tôn Tissa khai mở Pháp giải thoát lần đầu tiên nơi vườn Ngự Uyển của rừng Nai (Migādāya), gần kinh thành Yasavatī.

Ngài dạy người giữ vườn Ngự Uyển báo tin cho hai Thái tử Brahmadeva và Udaya (hai vị Thượng thủ tương lai của Ngài).

Hai Thái tử nghe tin Đức Phật Tissa đang ngụ nơi vườn Ngự Uyển, liền cùng với đoàn tùy tùng đến đánh lễ Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn thuyết lên bài pháp Chuyển pháp luân thấu suốt cả 10 ngàn thế giới. Dứt pháp thoại có hằng trăm mười triệu nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- So buddho dasasahassimhi; viññāpesi giramaṃ sucim.

Koṭṭisatāni abhisamimsu; paṭhame dhammadesane.

“Trong 10 ngàn thế giới, Đức Phật; công bố pháp thanh tịnh.

Có hằng trăm 10 triệu vị; là lần đầu giảng pháp”⁽⁴⁾.

Thắng hội II.

Khi 10 triệu vị Samôn xuất gia theo Bôtát, hay tin Đức Thế Tôn khai mở pháp giải thoát nơi rừng Nai. những vị ấy đi đến kinh thành Yasavatī.

Những vị Samôn ấy sau khi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi vào nơi hợp lễ.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích ứng, dứt pháp thoại có 900 triệu nhân thiên dẫn đầu là 10 triệu vị Samôn chứng đạt Thánh quả giải thoát. Đây là Thắng hội II của Ngài.

Thắng hội III.

(1)- BuAB. Ghi là Jayasandha.

(2) Bu xviii.29, cũng như bản BuAB. Bản BuAC ghi là Guhasela..

(3)- Bản BuAC ghi là Nārīsa hay Nārīsa. Bản BuAC ghi là Nārīsa.

(4)- Bu. xviii. 4. Tissabuddhavaṃsa.

Khi nhân thiên tranh luận với nhau về những điều hạnh phúc (maṅgala), nhưng không tìm thấy câu giải đáp thỏa đáng.

Cùng nhau đến hỏi pháp hạnh phúc nơi Đức Thế Tôn Tissa, Đức Thế Tôn thuyết lên kinh Hạnh phúc (Maṅgalasutta).

Dứt thời pháp có 600 triệu nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- Duttiyo navutikoṭīnaṃ; tatiyo saṭṭhikoṭīyo.

Bandhanāto pamocesi; satte naramarū tadā.

“Lần hai có 90 mươi triệu; lần ba có 60 mươi triệu.

Đã thoát khỏi trói buộc; người cùng chư thiên như thế”. (sđd.5).

*Ba Tăng hội của Đức Phật Tissa.

Tăng hội I.

Tăng hội đầu tiên khởi lên nơi thành Yasavatī.

Đức Thế Tôn đi vào thời an cư mùa mưa với 100 ngàn vị Tỳkhuu được xuất gia bằng cách : “Etha bhikkhave ...”, trong mùa an cư ấy, tất cả đều chứng Thánh quả Alahán.

Khi hành lễ Tự tứ (pavāraṇā). Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát* đến Hội chúng Tăng ấy. Đây là Tăng hội I của Ngài.

Tăng hội II.

Nơi kinh thành Nārivahana được trị vì bởi vua Sujāta.

Vua Sujāta cung thỉnh Đức Thế Tôn Tissa ngự đến kinh thành Nārivahana.

Khi Đức Thế Tôn du hành đến kinh thành Nārivahana, Đức vua Sujāta cùng tùy tùng ra khỏi kinh thành đón tiếp Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng ngự đến Hoàng cung.

Đức vua cúng dường trọng thể đến Đức Phật và Tăng chúng. Sau đó, Đức vua Sujāta cúng dường vô song thí đến Đức Phật và Tăng chúng suốt 7 ngày, vào ngày thứ 7, sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn chúc phúc bằng pháp thoại thích ứng.

Dứt pháp thoại, Đức vua Sujāta truyền ngôi vua cho Thái tử Nārivahana, vua Sujāta cùng đoàn tùy tùng của mình xin được xuất gia, tất cả được xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave ...”.

Tin vua Sujāta xuất gia trong giáo pháp của Đức Thế Tôn Tissa lan truyền khắp nơi, đại chúng đến yết kiến Đức Thế Tôn. Sau khi nghe pháp tất cả xin được xuất gia và các vị ấy được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

Vào ngày trăng tròn, Đấng Thập lực ban lời *Giáo giới giải thoát* đến hội chúng Tăng có số lượng là 9 triệu vị.

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Khīṇāsavasatasahassānaṃ; paṭhama āsi samāgamo.

Navutisatasahassānaṃ; duttiyo āsi samāgamo.

“Có một trăm ngàn bậc vô nhiễm; là lần tụ hội đầu tiên.

Có 90 trăm ngàn (9 triệu) vị; là lần tụ hội thứ hai” (sđd.7).

Tăng hội III.

Đức Thế Tôn khi trở về kinh thành Khemavatī để tế độ quyền thuộc, Ngài thuyết lên Lịch sử chư Phật.

Dứt pháp thoại có 8 triệu người xuất gia theo cách : “Etha bhikkhave ...”. Giữa hội chúng Tăng này, Đức Thế Tôn Tissa đã ban lời *Giáo giới giải thoát*.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

8- Asītisatasahassānaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

Khīṇāsavānaṃ vimalānaṃ; pupphitānaṃ vimuttiyā.

“Có 80 trăm ngàn vị; là lần tụ hội thứ ba.

Những bậc vô nhiễm và trong sạch; hoa giải thoát nở rộ” (sđd.8).

***Tiền thân Đức Phật Gotama.**

Nơi kinh thành Yasavatī, có Đức vua Sujāta trị vì.

Suy gẫm về sự sinh tử triền miên, vua Sujāta khởi lên kinh sợ dòng luân hồi, Ngài từ bỏ vương quốc phồn thịnh, cùng với nhóm tùy tùng thân tín ra đi xuất gia làm ẩn sĩ trước khi Đức Thế Tôn Tissa hiện khởi trên thế gian.

Ẩn sĩ Sujāta đạt được 8 thiên chứng cùng 5 thắng trí.

Được tin Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian, tâm ẩn sĩ Sujāta ngập tràn phi lạc. Trước khi đến yết kiến Đức Thế Tôn Tissa, ẩn sĩ Sujāta suy nghĩ: “Ta sẽ tôn vinh ân đức Phật”.

Với năng lực thần thông của mình, ẩn sĩ đến cõi trời Ba mươi ba (Tāvātimsa), tìm những cánh thiên hoa như: Paricchattaka, Salala cùng những loại thiên hoa khác như hoa Mandāra ... , ẩn sĩ đi đến vườn Cittalata, nhặt những cánh thiên hoa bỏ vào một giỏ lớn rộng 1 gāvuta, rồi trở về nhân giới.

Ẩn sĩ theo đường hư không đến dâng lễ Đức Thế Tôn Tissa, cúng dường thiên hoa dưới chân Đức Phật, thiên hoa tỏa mùi hương ngào ngạt lan tỏa khắp kinh thành.

Ngoài ra, trước hàng tứ chúng đông đảo, ẩn sĩ Sujāta đứng cầm lọng che cho Đức Phật, chiếc lọng Paduma làm bằng những tua nhụy sen trời kết lại, nên hương thơm từ chiếc lọng Paduma tỏa ra ngào ngạt.

Giữa đại chúng, Đức Thế Tôn Tissa tiên tri rằng: “Sau 92 kiếp trái đất kể từ kiếp trái đất này, ẩn sĩ Sujāta này sẽ trở thành vị Chánh giác, có tộc họ là Gotama, có tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Tissa**

Đức Phật Tissa cao 60 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng theo ý cả Ngài.

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Tissa là Trưởng lão Brahmadeva và Trưởng lão Udaya. Thị giả là Trưởng lão Samaṅga⁽¹⁾.

- Hai nữ Thánh văn tối thắng của Đức Phật Tissa là Trưởng lão ni Phussā và Trưởng lão ni Sudattā .

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Tissa là Trưởng giả Sambala và Trưởng giả Sirī.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Tissa là bà Gotamī và bà Upasenā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Tissa là 100 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi Đại tự Sunanda gần thành Sunandavatī cùng với tất cả vị Thánh Alahán đệ tử của Ngài. Bảo tháp tôn thờ Xá lợi của Ngài cao 3 do tuần.

Phụ lục.

***Trưởng lão Puṇṇamāsa.**

Ngài là con của Bàlamôn Samiddhi, là một điền chủ ở kinh thành Sāvatti (Xá vệ), ngày Ngài sinh ra đời tất cả chai lọ trong nhà đều đầy những đồng tiền vàng nên Ngài được đặt tên là Puṇṇamāsa,

Khi trưởng thành Ngài thành lập gia thất có được một người con trai.

Nghe được pháp thoại của Đức Thế Tôn, Ngài xuất gia thọ giới Tỳkhu trong Tăng đoàn.

Dưới sự chỉ dẫn của Đức Thế Tôn, Ngài nỗ lực hành đạo, lấy *bốn sự thật* làm đề tài quán xét và chứng Thánh quả Alahán.

Sau đó Ngài trở về kinh thành Sāvatti trú ngụ nơi nghĩa địa.

Khi người con trai của Ngài mệnh chung, người vợ cũ của Ngài trang điểm thật xinh đẹp đi cùng với nhiều người đến nơi cư ngụ của Ngài, thuyết phục Ngài quay trở về để giữ gia tài vì không có người thừa kế gia sản ấy.

Ngài nói lên tâm đã giải thoát không còn vướng bận thế sự của mình qua kệ ngôn.

10- Vihari apekkaṃ idha vā huraṃ vā; yo vedaū samito yatatto.

⁽¹⁾- BuAC ghi là Samattha.

Sabbesu dhammesu anūpalitto; lokassa jaññā udayabbayañcā”ti.
“Sống không nương ở đây hay về sau; ai hiểu an tịnh⁽¹⁾, tự chế ngự⁽²⁾.
Không nhiễm đắm các pháp; hiểu thấu sinh diệt trong đời”⁽³⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Tissa, tiền thân Ngài là một thợ săn, có lần nhìn thấy chiếc y Paṃsukūla của Đức Phật ở trong rừng, người thợ săn phát tâm hoan hỷ hồi tưởng đến công hạnh của Đức Thế Tôn, người thợ săn liệng bỏ cung tên, chấp tay đánh lễ chiếc y⁽⁴⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Paṃsukūlasaññika được đề cập trong tập Apadāna (Ký sự)⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Pañcahatthiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama,

Và 92 đại kiếp trước, tiền thân Ngài là một Bàlamôn cùng với các đệ tử đang đi trên đường, nhìn thấy Đức Thế Tôn Tissa cùng với các Tỳkhuu tùy tùng đang đi du hành.

Bàlamôn hoan hỷ tung lên 5 nắm hoa huệ cúng dường đến Đức Thế Tôn.

Vào 13 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài được làm vua 5 lần với vương hiệu Sabhāsammata⁽⁶⁾.

***Trưởng lão Padasaññaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama,

Và 92 đại kiếp trước, tiền thân Ngài là một gia chủ, nhìn thấy dấu chân của Đức Phật Tissa, gia chủ khởi tâm tịnh tín nơi ân đức Phật, đánh lễ dấu chân ấy.

Vào 7 kiếp trái đất trước, hậu thân gia chủ là vị Đại đế với vương hiệu Sumedha⁽⁷⁾.

***Trưởng lão Suhemanta.**

Ngài sinh ra trong một gia đình Bàlamôn rất giàu có ở ngoài biên địa.

Một hôm Bàlamôn Suhemanta nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp trong Vườn Nai ở Saṅkassa, Ngài khởi lòng tin, xin gia nhập Tăng Đoàn.

Ngài nhanh chóng trở thành người tụng Tam Tạng và đắc quả Alahán đúng thời.

Ngài suy nghĩ: “Ta đã thành đạt những gì mà người đệ tử có thể thành đạt được. Vậy ta hãy phục vụ Tăng chúng với sở học của mình”.

Ngài trở thành vị Giáo thọ sư cho các vị Tỳkhuu và cố vấn cho các Tỳkhuu giải quyết những vấn đề khó khăn.

Một hôm Ngài nói với đại chúng có trí như sau.

106- Sataliṅgassa atthassa; satalakkhaṇadhārino.

Ekaṅgadassī dummedho; satadassī ca paṇḍito”ti.

“Trăm ý nghĩa hiện bày; trăm tướng trạng ẩn khuất.

Kẻ ngu thấy có một; bậc trí thấy cả trăm”⁽⁸⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Tissa, tiền thân Ngài là thợ rừng, từng cúng dường đến Đức Phật bông nguyệt quế (*punnāga*) khi thấy Đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây.

Vào 91 kiếp trái đất trước, hậu thân người thợ rừng là vị vua có vương hiệu Tamonuda⁽⁹⁾.

(1)- Samito.

(2)- Yatatto.

(3)- Thag. 10. Puṇṇamāsatheragāthā.

(4)- ThagA. i. 297.

(5)- Ap. ii. 418.

(6)- Ap.i. 193.

(7)- Ap.i. 119.

(8)- Thag. 106. Suhemantatheragāthā.

(9)- ThagA. i. 212.

Ngài là Trưởng lão Punnāgapupphiya nói trong tập Apadāna (Ký sự)⁽¹⁾.

***Trưởng lão Naḷinakesariya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào 92 kiếp trước tiên thân Ngài là con chim nước. Thấy Đức Phật Tissa du hành trên không trung, chim dùng mỏ đựng Phật một bông sen.

Vào 73 kiếp trái đất trước, tiên thân Ngài là vị vua có vương hiệu là Satapatta⁽²⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Tissa.

18- Đức Phật Phussa.

Sau khi Đức Phật Tissa viên tịch, tuổi thọ nhân loại từ 100 ngàn năm giảm dần xuống còn 10 năm, rồi lại tăng dần đến atăng kỳ năm. Rồi lại giảm dần xuống đến khi còn 90 ngàn năm, bấy giờ Đức Phật Phussa xuất hiện trên thế gian.

Từ cung trời Tusita (Đầusuất), Bồ tát tái sinh vào thai bào của bà Hoàng Sirimā, cha Ngài là Đức vua Jayasena trị vì kinh thành Kāsika.

Sau 10 tháng mang thai, bà Hoàng Sirimā sinh ra Bồ tát nơi vườn hoa Sirimā. Vì Bồ tát sinh ra vào ngày chòm sao Phussa chiếu sáng, nên Ngài được đặt tên là Phussa.

Bồ tát Phussa sống tại gia 9 ngàn năm⁽³⁾, trong ba tòa cung điện: Cung điện Garuḷa⁽⁴⁾ cung điện Hamsa và cung điện Suvanṇabhārā⁽⁵⁾ có 30 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Ngài là Công nương Kisāgotamī.

Khi Bồ tát chứng kiến điềm tướng thứ tư là “vị Samôn” cũng là ngày nàng Kisāgotamī hạ sinh Thái tử Anupama.

Bồ tát Phussa quyết định ra đi xuất gia, Ngài cưỡi trên lưng voi Maṅgala (Hạnh phúc) ra khỏi kinh thành cùng với đoàn tùy tùng là 10 triệu người.

Khi Bồ tát xuất gia, 10 triệu tùy tùng theo gương Ngài xuất gia để phục vụ Ngài.

Bồ tát khổ hạnh trong sáu tháng, ngày trăng tròn tháng Vesākha, Bồ tát thọ dụng bát cơm sữa do nàng Sirivaḍḍhā con gái trưởng giả trưởng làng cúng dường.

Vào buổi chiều, Bồ tát đi đến cây cổ thụ Āmalaka (Amalạc), trên đường đi Bồ tát nhận tám bó cỏ do ẩn sĩ khổ hạnh (tāpasa) cúng dường.

Nơi cội cây Āmalaka, Bồ tát trải 8 bó cỏ, một Bảo tọa chiến thắng xuất hiện cho Ngài. Trên Bảo tọa chiến thắng, Bồ tát chiến thắng toàn bọn māra, thành tựu Vô thượng Chánh giác khi mặt trời vừa ló dạng.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Phussa.*

Thắng hội I.

Đức Thế Tôn Phussa khai mở pháp giải thoát nơi rừng Isipatana, gần thành Sankassa để tế độ 10 triệu vị Samôn theo Ngài xuất gia khi trước.

Pháp thoại mang lại Thánh quả cho 1.000 tỷ chư thiên và nhân loại.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

3- Dhammacakkaṃ pavattente; phusse nakkhattamaṅgale.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamābhisamayo ahu.

“Đức Phật Phussa vận chuyển bánh xe pháp; trong buổi lễ hội các vì sao⁽⁶⁾.

Có 100 ngàn 10 triệu vị; là Thắng hội đầu tiên”⁽¹⁾.

(1)- Ap. i. 180.

(2)- Ap.i. 223.

(3)- BuAC. Ghi là 6.000 năm, Bu và BuAB thống nhất là 9.000 năm, vì so sánh với tuổi thọ của Đức Phật Phussa.

(4)- BuBC. Ghi là Garuḷapakka; BuAB ghi là Garuḷapekkha

(5)- BuAC. Ghi là Suvanṇahārā.

(6)- Đoạn Kinh văn này khá tối nghĩa:

*Đó là ngày chòm sao Phussa chiếu tỏ rạng.

*Đó là sinh nhật của Bồ tát Phussa.

Thắng hội II.

Đức vua Sirivaḍḍha trị vì kinh thành Bārāṇasī, đã từ bỏ vương quốc ra đi xuất gia làm ẩn sĩ, có 90 ngàn tùy tùng theo Ngài xuất gia làm ẩn sĩ để phục vụ Ngài.

Đức Thế Tôn Phussa theo đường hư không đến ẩn xá của 90 ngàn ẩn sĩ. Ngài thuyết lên pháp thoại tế độ 9 triệu nhân thiên chứng đắc Thánh quả. Đây là Thắng hội II của Ngài.

Thắng hội III.

Khi Đức Thế Tôn Phussa giáo giới cho Tỳkhu Anupama (con trai Ngài), có sự lãnh hội Giáo pháp của 8 triệu nhân thiên.

Đây là Thắng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Navutisatasahassānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

Asītisatasahassānaṃ; tatiyābhisamayo ahu.

“Có 90 trăm ngàn vị; là Thắng hội lần hai.

Có 80 trăm ngàn vị; là Thắng hội lần ba” (sđd.4).

**Ba Tăng hội của Đức Phật Phussa.*

Tăng hội I.

Nơi kinh thành Kaṇṇakujja có Thái tử Surakkhita và Dhammasena là con vị Tế lễ sư. Hai vị là đôi bạn thân chí thân.

Đức Thế Tôn Phussa cùng đại chúng Tỳkhu du hành đến kinh thành Kaṇṇakujja.

Hai vị đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, thỉnh Đức Thế Tôn ngự đến Hoàng cung để cúng dường vật thực.

Hai vị cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng trọn 7 ngày, vào ngày thứ 7 Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích ứng. Hai vị cùng 6 triệu tùy tùng chứng Thánh quả Alahán. Đây là Tăng hội I của Ngài.

Tăng hội II.

Đức Thế Tôn Phussa khi trở về kinh thành Kāsika để tế độ quyền thuộc, Ngài thuyết lên Lịch sử chư Phật.

Dứt pháp thoại có 5 triệu vị trở thành”*Hãy đến đây này các Tỳkhu ...”.*

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- Sannipātā tayo āsuṃ; phussassāpi mahesino.

Khīṇāsavānaṃ vimalānaṃ; santacittāna tādinaṃ.

“Có ba lần tụ hội, của bậc Đại ẩn sĩ Phussa.

Là những bậc vô nhiễm, trong sạch; có tâm an tịnh kiên định”.

6- Saṭṭhisatasahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

Paññāsasatasahassānaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Có 60 trăm ngàn vị; là lần tụ hội thứ nhất.

Có 50 trăm ngàn vị. là lần tụ hội thứ hai” (sđd.5-6).

Tăng hội III.

Khi Đức Thế Tôn Phussa thuyết lên kinh Hạnh phúc (Maṅgalasutta), có 4 triệu người xuất gia theo cách : “*Etha bhikkhave ...”.*

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

7- Cattārīsasatasahassānaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

Anupādā vimuttānaṃ; vocchinnapaṭisandhinaṃ.

“Có 40 trăm ngàn vị; là lần tụ hội thứ ba.

Không nắm giữ, giải thoát; đã chấm dứt sự tái sinh” (sddd.7).

**Tiên thân Đức Phật Gotama.*

Vào thời ấy, Bô tát Gotama là vị vua Vijitāvī trị vì kinh thành Arindana.

⁽¹⁾-BuA. xix. 3. Phussabuddhavaṃsa.

Được nghe Pháp từ Đức Thế Tôn Phussa, vua Vijitāvī từ bỏ vương quốc, xuất gia trong Giáo pháp của Đức Phật Phussa.

Khi thông thuộc Pháp luật, Trưởng lão Vijitāvī thực hành pháp, chứng đắc 8 thiên chứng cùng 5 pháp thân thông.

Giữa đại chúng, Đức Phật Phussa tiên tri rằng: “Sau 92 kiếp trái đất kể từ kiếp trái đất này, Tỳkhuu Vijitāvī trở thành vị Chánh giác có tộc họ là Gotama, có tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Phussa.**

Đức Phật Phussa cao 50 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng theo ý cả Ngài.

- Hai vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Phussa là Trưởng lão Surakkhita và Trưởng lão Dhammasena. Thị giả là Trưởng lão Sabhiya.

- Hai nữ Thịnh văn tối thắng của Đức Phật Phussa là Trưởng lão ni Cālā và Trưởng lão ni Upacālā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Phussa là Trưởng giả Dhanañjaya và Trưởng giả Visakha.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Phussa là bà Padumā và bà Nagā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Tissa là 90 ngàn năm, Ngài viên tịch nơi vườn Sona⁽¹⁾ gần thành Kusinārā. Xá lợi của Ngài được rải tản khắp nhân thiên.

Phụ lục.

***Trưởng lão Padumapupphiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Phussa, tiền thân của Ngài cúng dường đến Đức Phật Phussa một cánh bông sen, rồi sau đó xuất gia trong Tăng đoàn của Đức Phật Phussa.

Vào 48 kiếp trái đất trước, tiền thân của Ngài có 18 lần là vị Đại đế với vương hiệu là Padumabhāsa⁽²⁾.

***Trưởng lão Phaladaayaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào 92 kiếp trái đất kiếp trước, tiền thân của Ngài là một ẩn sĩ ẩn cư nơi núi Tuyết, có cúng dường đến Đức Phật Phussa một nắm trái cây rừng⁽³⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Phussa.

19- Đức Phật Vipassī.

Sau khi Đức Thế Tôn Phussa viên tịch, kiếp trái đất sau đó chỉ xuất hiện một vị Chánh giác (sārahakappa) có Hồng danh là Vipassī⁽⁴⁾.

Khi nhân loại có tuổi thọ từ atăng kỳ năm giảm dần xuống đến 80 ngàn năm, từ cung trời Tha Hóa tự tại, Bôtát giáng sinh vào thai bào của bà Hoàng Bandhumatī, cha Ngài là Đức vua Bandhumā trị vì kinh thành Bandhumatī. Bôtát được sinh ra nơi khu vườn có đầy nai tên là Khema.

Bôtát Vipassī thuộc dòng tộc Koṇḍañña.

Những nhà tinh thông tướng pháp, sau khi chiêm tướng Bôtát đã chọn cho Ngài cái tên là Vipassī.

Luận giải về Hồng danh Vipassī như sau:

a- Khi sinh ra Bôtát có đôi mắt tinh tường do phước nghiệp của Ngài, mắt Bôtát như mắt chư thiên, có thể thấy rõ trong ban đêm như ban ngày.

b- Như mắt chư thiên không hề nhắm lại, cũng vậy mắt Bôtát không hề nhắm lại, cho dù lúc Ngài ngủ.

(1)- BuAB; BuAC. Ghi là Sena.

(2)- Ap.i. 132.

(3)- Ap.i. 130.

(4)- Trong D.ii. Kinh Đại Bốn (Mahāpadānasutta), Đức Phật Gotama có đề cập đến Bôtát Vipassai.

c- Khi Bôtát nhìn sự việc, Ngài có khả năng suy xét thấy được những uẩn khúc sau sự kiện ấy.

Tương truyền, có lần Thái tử Vipassī được trang điểm xinh đẹp mang đến vua cha là Bandhamā.

Đức vua ẵm Thái tử trong lòng vui đùa cùng con, bấy giờ có một vụ kiện, các vị xử án đã xử sai.

Bôtát nhìn thấy, Ngài không hài lòng liền khóc lên, mọi người tìm hiểu nguyên nhân nhưng không thấy. Đức vua suy nghĩ: “Hay có sự sai lầm trong việc xử kiện”.

Khi cho xử lại vụ kiện, các vị xử án thấy mình xử sai lầm, nên xử lại đúng đắn, bấy giờ Bôtát nín khóc.

Để thử xem sự việc có phải do nguyên nhân này mà Bôtát khóc không? Đức vua cho xử vụ án như ban đầu, lập tức Bôtát khóc lớn lên, khi xử vụ kiện đúng đắn thì Bôtát nín khóc.

Bôtát Bôtát Vipassī sống tại gia 8 ngàn năm, trong ba tòa cung điện: Cung điện Nanda, cung điện Sunanda và cung điện Sirimā, có 120 ngàn cung nữ xinh đẹp phục vụ, vợ Ngài là công nương Sudassanā (còn gọi là Sutanū).

Bôtát Vipassī chứng kiến bốn điềm tướng, Ngài quyết định ra đi xuất gia, vào ngày ấy nàng Sudassanā vừa sinh ra cho Ngài một hậu duệ (tanaya) là Thái tử Samavattakkhandha.

Bôtát ra khỏi kinh thành trên cỗ xe ngựa do những con ngựa thuần chủng kéo đi, sau khi xuất gia Bôtát cho cỗ xe ngựa quay về Hoàng cung.

Có 84 ngàn tùy tùng của Bôtát, vào sáng hôm đó tất cả đi đến cung điện Bôtát để theo phục vụ Ngài, nhưng không thấy Ngài, tất cả ra về để dùng buổi sáng, rồi quay trở lại cung điện của Bôtát, khi ấy cỗ xe do ngựa thuần chủng quay về, người đánh xe cho biết: “Thái tử đã xuất gia”.

Tất cả liền đi tìm Bôtát và xuất gia làm Samôn để hầu Ngài.

Bôtát khổ hạnh tám tháng, vào ngày trăng tròn tháng Vesākha Bôtát thọ dụng bát cơm sữa do nàng Sudassanā con gái trưởng giả Sudassana cúng dường.

Vào buổi chiều, Bôtát đi đến cây cổ thụ Pāṭalī (cây có hoa giống như loa kèn), cây Pāṭalī này cao 50 hắc tay, tàn nhánh xòe rộng ra 50 hắc tay, khi ấy từ gốc đến ngọn cây Pāṭalī trở hoa thơm ngát và cây lại vượt cao thêm 8 hắc tay. Vào ngày hôm ấy, không những cây Pāṭalī trở hoa mà tất cả cây trong rừng đều trở hoa.

Trên đường đi đến cây Pāṭalī, Bôtát nhận 8 bó cỏ do người giữ ruộng tên là Sujāta. Nơi cội cây Pāṭalī, Bôtát trải 8 bó cỏ, một Bảo tọa chiến thắng hiện khởi cho Ngài, ngồi trên Bảo tọa chiến thắng, Ngài chiến thắng toàn bọn māra, thành tựu Vô thượng Chánh giá khi mặt trời vừa ló dạng.

**Ba Tháng hội của Đức Phật Vipassī.*

Thăng hội I.

Đức Phật Vipassī khai mở pháp giác ngộ lần đầu tiên nơi vườn nai Khema để tế độ người em trai khác mẹ với Ngài là Thái tử Khaṇḍa cùng với thanh niên Tssa là con trai vị Tế lễ sư (hai vị này là hai Thượng thủ Thịnh văn của Đức Phật Vipassī⁽¹⁾).

Dứt pháp thoại Chuyển pháp luân, số lượng nhân thiên chứng Thánh quả không thể đếm được, riêng hai Ngài Khandha và Tissa cùng tùy chúng của mình là 6, 8 triệu người chứng Thánh quả Dự lưu, xin xuất gia và được xuất gia theo cách: “Ehi bhikkhu ... và chứng Thánh quả Alahán không lâu sau đó.

Đây là Thăng hội I của Ngài. Có Kinh văn sau.

3- Dhammacakkaṃ pavattetvā; ubho bodhesi nāyako.

Gaṇanāya na vattabbo; paṭhamābhisamayo ahu.

⁽¹⁾-BuA.237.

*“Vận chuyển bánh xe pháp; Bạc Lãnh đạo giác ngộ hai người.
Hội chúng không tính đếm được; là Thắng hội đầu tiên”⁽¹⁾.
Thắng hội II.*

Được tin Thái tử Khaṇḍa và thanh niên Tissa xuất gia trong Giáo pháp của Đức Phật Vipassī. Đại chúng trong kinh thành Bandhumatī đến yết kiến Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại, tế độ 84 ngàn chúng sinh chứng Thánh quả.

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Punāparam amitayaso; tattha saccam pakāsaya.
Caturāsītisahassānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

*“Lại lần khác, bậc danh tiếng vô song; Ngài giảng về chân lý.
Có 84 ngàn vị; là Thắng hội lần hai” (sđd.4).*

Thắng hội III.

Có 84 ngàn tùy tùng của Bôttát Vipassī khi Ngài còn sống tại gia, hội chúng này xuất gia theo hầu Ngài. Được tin Đức Phật đang ngự trú trong vườn Ngự Uyển Khema, họ đi đến viếng Đức Phật.

Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại tế độ tất cả chúng đấng Thánh quả. Đây là Thắng hội lần III của Ngài. Có Kinh văn sau.

5- Caturāsītisahassāni; sambuddham anupabbajum.
Tesamārāmapattānaṃ; dhammaṃ desesi cakkhumā.

“Có 84 ngàn người; xuất gia theo Đấng Chánh giác.

Những vị ấy đến tự viện; Bạc hữu nhãn giảng pháp đến họ”.

6- Sabbākārena bhāsato; sutvā upanisādino.

Tepi dhammavaram gantvā; tatiyābhisamayo ahu.

“Tất cả được giảng dạy; sau khi nghe an trú vào Đức Phật.

Đạt đến pháp theo nhiều cách; là Thắng hội lần ba” (sđd. 5-6).

**Ba Tầng hội của Đức Phật Vipassī.*

Tầng hội I.

Nơi vườn Nai Khema, giữa hội chúng 6,8 triệu vị Tỳkhuu là hội chúng của hai Ngài Khaṇḍa và Tissa. Đức Thế Tôn Vipassī ban lời *Giáo giới giải thoát*. Đây là Tầng hội I của Ngài.

Tầng hội II.

Khi Đức Thế Tôn thị hiện Song thông để tế độ quyến thuộc, rồi Ngài thuyết lên Lịch sử chư Phật.

Có 100 ngàn vị xin được xuất gia và Đức Thế Tôn cho xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

Giữa hội chúng Tầng này, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát*. Đây là Tầng hội II của Ngài.

Tầng hội III.

Ba vị Tử hoàng cùng cha khác mẹ với Bôttát Vipassī, sau khi dẹp loạn ở biên cương thẳng trận trở về. Đức vua Bandhama ban cho ba vị Tử hoàng một điều ước, ba vị Tử hoàng xin được cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tầng chúng một tháng.

Ba vị Tử hoàng thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tầng chúng đến lãnh địa của mình để cúng dường.

Sau đó ba vị Tử hoàng cùng 80 ngàn tùy tùng được nghe pháp từ Đức Thế Tôn và được xuất gia theo cách: “Etha bhikkhave ...”.

Giữa hội chúng Tầng này, Đức Thế Tôn Vipassī ban lời *Giáo giới Giải thoát*. Đây là Tầng hội III của Ngài. Có kinh văn sau.

7- Sannipātā tayo āsum; vipassissa mahesino.

⁽¹⁾- Bu.xx. 3. Vipassibuddhavaṃsa.

Khīṇāsavānaṃ vimalānaṃ; santacittāna tādinaṃ.

“Có ba lần tụ hội, của Đại Ấn sĩ Vipassī.

Là những bậc vô nhiễm, trong sạch; tâm an tịnh kiên định”.

8- Aṭṭhasaṭṭhisatasahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

Bhikkhusatasahassānaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Có 68 trăm ngàn; là lần tụ hội đầu tiên.

Có 100 ngàn vị Tỳkhuu; là lần tụ hội thứ hai”

9- Asitibhikkhusahassānaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

Tattha bhikkhugaṇamajjhe; sambuddho atirocati.

“Có 80 ngàn vị Tỳkhuu, là lần tụ hội thứ ba”.

“Giữa hội chúng Tỳkhuu ấy; Bậc Chánh giác chói sáng” (sđđ.7-9).

Lễ Bốtát (uposatha) thời Giáo pháp của Đức Thế Tôn Vipassī, 7 năm mới thực hiện một lần⁽¹⁾ và tất cả Tăng chúng đều có mặt⁽²⁾.

***Tiên thân Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy, tiên thân Đức Phật Gotama là rắn chúa Atula có thần thông.

Rắn chúa Atula cùng hội chúng của mình đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, tôn vinh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng với những khúc nhạc thù diệu.

Rắn chúa Atula thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng ngự đến trú xứ của mình, rắn chúa Atula cho xây dựng một khánh sảnh rộng lớn và xinh đẹp.

Rắn chúa cúng dường đến Đức Thế Tôn một ghế ngồi bằng 7 loại ngọc báu, rồi cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng trọn 7 ngày.

Vào ngày thứ 7, sau khi thọ thực xong, giữa hội chúng Đức Thế Tôn tiên tri rằng: “Sau 91 kiếp trái đất kể từ kiếp trái đất này, rắn chúa Atula sẽ trở thành vị Chánh giác có tộc họ là Gotama, có tên gọi là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Vipassī.**

Đức Phật Vipassī cao 80 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng tự nhiên xa 7 do tuần.

- Hai vị Thượng thủ thỉnh văn của Đức Phật Vipassī là Trưởng lão Khaṇḍa và Trưởng lão Tissa. Thị giả là Trưởng lão Asoka.

- Hai nữ Thỉnh văn tối thắng của Đức Phật Vipassī là Trưởng lão ni Candā và Trưởng lão ni Candamittā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Vipassī là Trưởng giả Punabbasumitta và Trưởng giả Nāga.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Vipassī là bà Sirimā và bà Uttarā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Vipassī là 80 ngàn năm, Đức Thế Tôn Vipassī viên tịch nơi Tự viện Sumitta (Sumittārāma), khi Đức Thế Tôn Vipassī viên tịch, tất cả những vị Thánh Alahán cùng viên tịch trong ngày.

Bảo tháp tôn thờ Xá lợi của Ngài cao 7 do tuần.

Phụ lục.

***Trưởng lão Añña Koṇḍañña.**

Vào thời Đức Phật Vipassī, tiên thân của Ngài là trưởng giả Cūlakāla có cúng dường lúa ngâm sữa đến Đức Phật Vipassī, cùng với 8 giai đoạn khác của vụ mùa⁽³⁾.

*** Tiên thân trưởng giả Jotika.**

Gia chủ Jotika là đệ nhất trưởng giả trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Vipassī, tiên thân Ngài Jotika là gia chủ Aparājita ở trong thành Bandhumatī.

(1)- D.ii. Kinh Đại Bốn (Mahāpadānasutta).

(2)- Sp.i, 186.

(3)- ThagA. ii. 1; DhA. i. 80. Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 1).

Khi anh của Ngài xuất gia và đắc quả Alahán trong Giáo pháp của Phật Vipassī, Ngài thỉnh ý anh mình về cách sử dụng tài sản để tạo công đức.

Theo lời khuyên của anh, Ngài dùng 7 loại ngọc quý kiến tạo một Hương thất (Gandhakūṭi) cúng dường đến Đức Phật Vipassī, cung cấp mọi thứ sang quý như nước tắm bông thơm cho Hương thất...

Ngài ba lần rải châu báu lên đến đầu gối nơi Hương thất, để ai đến nghe Đức Phật thuyết pháp muốn lượm thì lượm.

Khi khánh thành Gandhakūṭi (Hương thất) của Đức Phật, gia chủ Aparājita cúng dường đến 6.800.000 Tỳkhuu trong 9 tháng.

Trong thời Đức Phật Gotama, hậu thân Aparājita là trưởng giả Jotika.

Khi xuất gia trong giáo pháp này, chẳng bao lâu Ngài chứng Thánh quả Alahán.

Trong một tiền kiếp khác, tiền thân Ngài Jotika có cúng dường Phật Độc Giác cây mía⁽¹⁾.

*** Tiền thân gia chủ Menḍaka.**

Trong thời Đức Phật Vipassī, tiền thân của Ngài Menḍaka là cháu của gia chủ Apārajita, cũng có tên gọi là Apārajita, khi gia chủ Apārajita kiến tạo Hương thất cúng dường đến Đức Phật Vipassī, người cháu xin hùn phước nhưng bị từ chối.

Người cháu cho kiến tạo Kuñjarasāla (Tượng đường) đối diện với Hương thất⁽²⁾.

*** Trưởng lão Tikicchaka.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào Thời Đức Phật Vipassī, khi Trưởng lão Asoka (Thị giả của Đức Phật Vipassī) bị bệnh, tiền thân Ngài Tikicchaka là vị lương y, trị bệnh cho Ngài Asoka.

Vào 8 đại kiếp trước, Ngài là vị vua có vương hiệu là Sabbosadha⁽³⁾, Ngài chính là Trưởng lão Tekicchakāni được nói đến trong tập Apadāna⁽⁴⁾.

*** Trưởng lão Ajita mānava (thanh niên Ajita).**

Ngài là vị đệ tử trưởng của Balamôn Bāvari, theo lời dạy của thầy Ngài cùng 15 bạn đồng môn đến viếng và hỏi pháp từ Đức Phật Gotama.

Khi được Đức Phật giải đáp, Ngài cùng 1.000 đệ tử của mình chứng quả Alahán.

Vào thời Đức Phật Vipassī, tiền thân Ngài Ajita có cúng dường đến Đức Thế Tôn trái kapittha.

Ngài Ajita có thể là trưởng lão Kapīthaphaladāyaka được đề cập trong Apadāna⁽⁵⁾.

*** Trưởng lão Ajjuna.**

Ngài là con một Đại thần ở kinh thành Sāvattihī (Xávệ).

Lúc trẻ Ngài là môn đệ của Nigaṇṭha Nātaputta, nhưng không hài lòng với giáo thuyết này.

Ngài khâm phục Song thông lược của Đức Thế Tôn Gotama, nên xin xuất gia trong Giáo pháp này và đắc quả Alahán⁽⁶⁾.

Vào thời Phật Vipassī, tiền thân Ngài là sư tử và có dâng lên Phật cành sāla trở bông.

Ngài có thể là Trưởng lão Sālapupphadāyaka nói trong Apadāna⁽⁷⁾.

(1)- DhA. iv. 199-207.

(2)- Về Gia chủ Menḍaka sẽ được trình bày ở những tập sau -Ns.

(3)- Ap.i, 190.

(4)- ThagA. i. 442.

(5)- Ap. ii. 449.

(6)- Thag. vs. 405-10. ThagA. i. 448.

(7)- Ap.i, 169.

***Trưởng lão Anusamsāvaka.**

Ngài là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Vipassī, tiền thân Ngài có cúng dường đến Đức Phật Vipassī một muông cơm đây⁽¹⁾.

***Trưởng lão Abhaya (1).**

Vị Trưởng lão Alahán này trùng tên với Vương tử Abhaya (anh khác mẹ với vua Ajātasattu) con trai của vua Bimbisāra, nên có sự lầm lẫn hai vị là một. Tuy về sau, khi Thái tử Ajātasattu (AxáThế) giết cha đoạt ngôi, vương tử Abhaya chán nản xuất gia trong giáo Pháp của Đức Thế Tôn Gotama và chứng Thánh quả Alahán.

Trong thời Đức Phật Vipassī, tiền thân Ngài Abhaya (1) có cúng dường bông dứa rừng đến Đức Phật Vipassī.

Ngài có danh hiệu là Ketakapupphiya được đề cập trong tập Apadāna⁽²⁾.

***Trưởng lão ni Abhirūpa Nandā.**

Trong thời Đức Phật Gotama bà là con một Tộc trưởng thuộc dòng ThíchCa (Sākya), bà sinh ra ở kinh thành Kapilavatthu.

Nhờ nghe Pháp của Đức Thế Tôn bà chứng Thánh quả Alahán.

Vào thời Phật Vipassī, tiền thân bà Abhirūpa Nandā là con gái của một trưởng giả giàu có trong kinh thành Bandhumatī.

Nghe Đức Phật thuyết pháp, nàng quy ngưỡng ân đức Tam Bảo, khi Đức Thế Tôn Vipassī viên tịch, nàng cúng dường một chiếc tán bằng vàng cần ngọc thạch trên nền hòa đài của Đức Phật Vipassī⁽³⁾.

*** Trưởng lão Amoraphaliya.**

Ngài là vị Thánh Alahán trong giáo pháp của Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Vipassī, tiền thân của Ngài có cúng dường đến Đức Phật Vipassī trái Amora⁽⁴⁾.

*** Trưởng lão Ambapiṇḍiya.**

Là vị Thánh Alahán trong thời Đức Phật Gotama, vì Ngài có thân hình cao lớn nên còn được gọi là Romasa.

Vào thời Đức Phật Vipassī, tiền thân của Ngài có cúng dường một chùm xoài đến Đức Phật Vipassī⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Avyādhika.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Vipassī tiền thân của Ngài là một gia chủ trưởng giả. Gia chủ này kiến tạo một ngôi nhà sưởi ấm (aggisālā) cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng, ngoài ra còn xây dựng một bệnh viện với nhà tắm có nước nóng cho người bệnh dành cho chư Tăng và đại chúng.

Vào 7 kiếp trái đất trước, hậu thân gia chủ ấy là vị Đại đế với vương hiệu là Aparājita⁽⁶⁾.

***Trưởng lão Ātuma.**

Trong thời Đức Phật Gotama còn tại tiền, Ngài sinh ra nơi kinh thành Sāvatti (XáVệ), là con của một vị Đại thần, được đặt tên là Ātuma.

Khi Ngài trưởng thành, cha mẹ Ngài tìm lương duyên cho Ngài, nhưng do tiền duyên tích lũy, Ngài chán nản cuộc sống gia đình nên xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn trở thành vị Tỳkhu.

(1)- Ap.i, 247.

(2)- Ap. ii. 449-50.

(3)- Ap. ii. 608.

(4)- Ap. ii. 447.

(5)- Ap. i, 247.

(6)- Ap.i. 215.

Tuy vậy, mẹ Ngài vẫn khuyến dụ Ngài quay về với đời sống thế tục, Ngài nói kệ ngôn để tuyên bố chí nguyện của mình như sau.

72- Yathā kaḷīro susu vaḍḍhitaggo; dunnikkhamo hoti pasākhajāto.
Evaṃ ahaṃ bhariyāyānitāya; anumaññaṃ maṃ pabbajitomi dānī”ti.

“*Như cây măng lớn mạnh, khó vượt khỏi cây cành.*

Cũng vậy, đến với ta, đem vấn đề có vợ trở về.

Hãy vui lòng chấp nhận, nay ta đã xuất gia” (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Phật Vipassī, tiền thân Ngài là một gia chủ có cúng dường đến Đức Phật nước hoa và phấn thơm.

Vào 33 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài là vị vua có vương hiệu Sugandha. Ngài có thể chính là Trưởng lão Gandhodakiya nói trong tập Apadāna⁽²⁾.

***Trưởng lão Bodhivandaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào 91 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài là gia chủ, từng đánh lễ cội Đại giác (mahābodhi) của Đức Phật Vipassī⁽³⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Vipassī.

Sau khi Đức Phật Vipassī viên tịch, trải qua 59 kiếp trái đất không có vị Chánh giác nào xuất hiện trên thế gian (suññakappa).

Cách hiện kiếp này trở về trước, kiếp trái đất thứ 31, có 2 vị Chánh giác xuất hiện (maṇḍakappa), là Đức Phật Sikhī và Đức Phật Vessabhū.

20- Đức Phật Sikhī.

Khi tuổi thọ nhân loại giảm dần từ atăng kỳ năm đến khi còn 70 ngàn năm, từ cung trời Tusita Bôtát giáng sinh vào thai bào của bà Hoàng Pabhāvatī, cha Bôtát là Đức vua Aruṇa (hay Aruṇavā) cai trị kinh thành Aruṇavatī.

Kinh thành này có tên gọi là Aruṇavatī vì có rất nhiều tường thành vây quanh (avaraṇāvī). Sau 10 tháng trú trong thai bào, Bôtát đản sinh nơi vườn hoa Nisabha.

Vào ngày lễ đặt tên, Bôtát được đặt tên là Sikhī, vì khi ấy hiếc khăn bịt đầu của Ngài, nơi cột chéo khăn nhô ra như cục thịt (uṇhisa) dựng thẳng đứng như ngọn lửa (sikhā).

Bôtát Sikhī sống đời sống tại gia là 7 ngàn năm trong ba tòa cung điện là Sucanda, Giri và Vasabha, có 24 ngàn mỹ nữ xinh đẹp giỏi múa hát phục vụ Ngài, Hoàng hậu của Bôtát Sikhī là nàng Sabbakāmā.

Khi Hoàng hậu Sabbakāmā vừa sinh hạ Thái tử Atula (Vô song), cũng là lúc Bôtát Sikhī chứng kiến trọn vẹn bốn hiện tượng: Già, bệnh, chết và vị Samôn, nên Ngài ra đi xuất gia tìm đạo giải thoát.

Bôtát cưới voi ra đi xuất gia, có 70 triệu tùy tùng theo gương Ngài sống đời sống Samôn.

Bôtát Sikhī thực hành khổ hạnh 8 tháng, rồi Ngài thọ thực trở lại, nhóm Samôn tùy tùng từ bỏ Ngài, đi đến vườn Migācira gần kinh thành Aruṇavatī trú ngụ.

Vào ngày trăng tròn tháng Visākha, Ngài đi đến thị trấn Sudassanā, nhận bát cơm sữa do nàng Piyadassī con gái của trưởng giả nơi thị trấn ấy cúng dường.

(1)- Thag. v. 72, Ātumatheragāthā (kệ ngôn trưởng lão Ātuma); ThagA. i. 160.

(2)- Ap. i. 157-8.

(3)- Ap. i. 290.

Vào buổi chiều, Bôttát đi đến cội Đại giác Puṇḍarīka (cây xoài trắng, như có câu giải thích: Setambarukkha⁽¹⁾), trên đường đi Ngài nhận 8 bó cỏ do du sĩ Animadassī cúng dường.

Khi Ngài trái tám bó cỏ nơi gốc cây Đại giác, một Bảo tọa chiến thắng hiện khởi cho Ngài.

Cây Đại giác Puṇḍarīka tương tự như cây Đại giác Pāṭali của Đức Phật Vipassī, cao 50 hắc tay, tàn nhanh xòa rộng 50 hắc tay, toàn thân cây nở đầy hoa cùng những quả chen chúc nhau, quả non ở bên trong, quả già ở ngoài và những quả chín mọng lộ ra tỏa hương thơm dịu dịu khắp chung quanh.

Trên Bảo tọa chiến thắng, Bôttát Sikhī chiến thắng toàn bộ năm loại ma, khi mặt trời vừa ló dạng, Ngài chứng đại Vô thượng Chánh giác.

Trái quả 7 tuần lễ hưởng hương vị giải thoát quanh cội cây Đại giác, Đức Phật Sikhī nhân lời thỉnh cầu của vị Đại Phạm thiên, khai mở pháp Bất tử tế độ người hữu duyên.

**Ba Thắng hội của Đức Phật Sikhī.*

Thắng hội I.

Đức Thế Tôn Sikhī thấy được duyên lành của 70 triệu vị Samôn tùy tùng trước đây của Ngài, tất các đang trú ngụ nơi vườn Migācira gần kinh thành Aruṇavatī. Đức Thế Tôn Sikhī theo đường hư không đến vườn Migācira.

Nơi vườn Migācira Đức Thế Tôn khai mở đạo lộ Bất tử qua bài pháp Chuyển pháp luân để tế độ 70 triệu vị Samôn tùy tùng cùng chư thiên.

Dứt Pháp thoại có một trăm ngàn mười triệu (một ngàn tỷ) nhân thiên chứng Thánh đạo.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Như có Kinh văn sau.

3- Dhammacakkaṃ pavattente; sikhimhi jinapuṅgave.

Koṭisatasahassānaṃ; paṭhamābhisamayo ahu.

“Bánh xe Pháp đang vận chuyển; (từ) Sikhī bậc chiến thắng tối thượng.

Có 100 ngàn mười triệu; đây là Thắng hội đầu tiên của Ngài”⁽²⁾.

Thắng hội II.

Nơi kinh thành Aruṇavatī có hai vị tử hoàng rất thông tuệ là Abhibhū và Sambhava (là hai vị Thượng thủ tương lai của Đức Phật Sikhī).

Hai vị Tử hoàng nghe danh tiếng tốt đẹp của Đức Thế Tôn Sikhī, nên cùng 100 ngàn tùy tùng đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn với pháp thoại tế độ tất cả đều chứng đắc Thánh quả Alahán.

Pháp thoại đã mang đạo quả đến cho 900 tỷ nhân thiên.

Đây là Thắng hội lần II của Ngài. Như có Kinh văn sau.

4- Aparampi dhammaṃ desente; gaṇasetṭhe naruttame.

Navutikoṭisahasānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Lần khác, Pháp được thuyết giảng; (từ) bậc Tối thượng đứng đầu hội chúng.

Có 90 ngàn mười triệu; đây là Thắng hội lần II của Ngài (sdd).

Thắng hội III.

Nơi cổng thành Suriyavatī, Đức thế Tôn Sikhī thể hiện Song thông lực nơi cây Campaka (cây Cây) để nhiếp phục sự kiêu mạn của chúng ngoại giáo.

Nhân đó, Ngài thuyết lên Pháp thoại để tế độ nhân thiên, có 800 tỷ nhân thiên chứng Thánh đạo.

Đây là Thắng hội III của Ngài. Như có Kinh văn sau.

5- Yamakapāṭihāriyañca, dassayante sadevake.

Asītikotiṭisahasānaṃ, tatiyābhisamayo ahu.

⁽¹⁾- BvA. 247.

⁽²⁾- Bv. Sikhībuddhavaṃso (3).

*“Khi thể hiện Song thông, đến chư thiên và nhân loại.
Có 80 ngàn mười triệu; là Tăng hội iii của Ngài” (sđd).*

**Ba Tăng hội của Đức Phật Sikhī.*

Tăng hội I.

Giữa hội chúng gồm 100 ngàn vị Thánh Tăng Alahán được xuất gia theo cách “etha bhikkhave ...” (là tùy tùng của hai vị Từ hoàng Abhibhū và Sambhava), Đức Thế Tôn đã ban lời Giáo giới giải thoát.

Đây là Tăng hội I của Ngài.

Tăng hội II.

Khi Đức Thế Tôn trở về kinh thành Aruṇavatī tế độ quyến thuộc, Ngài tế độ 80 ngàn người thân tộc chúng đắc Thánh quả và tất cả đều được xuất gia theo cách “etha bhikkhave”...

Giữa hội chúng Alahán này, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát*. Đây là Tăng hội II của Ngài.

Tăng hội III.

Lần khác, Đức Thế Tôn Sikhī cảm thảng voi Dhanpālaka ở kinh thành Dhanañjaya. Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại, tế độ 70 ngàn người chúng Thánh quả và xuất gia theo cách “ etha bhikkhave ...”, giữa hội chúng Tăng này, Đức Thế Tôn đã ban lời Giáo giới giải thoát.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Như có Kinh văn sau.

7- Bhikkhusatasahassānaṃ; paṭhama āsi samāgamo.

Asītibhikkhusahassānaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“Một trăm ngàn Tỳkhuu tụ hội; là hội chúng đầu tiên.

Tám mươi ngàn Tỳkhuu tụ hội; là hội chúng thứ hai”.

8- Sattatibhikkhusahassānaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

Anupalitto padumaṃva; toyamhi sampavaḍḍhitam.

“Bảy mươi ngàn Tỳkhuu tụ hội; là hội chúng thứ ba.

Như hoa sen xanh trong sạch; không nhiễm ô dù sinh trong bùn” (sđd).

****Tiên thân Đức Phật Gotama.***

Vào thời ấy, tiên thân Đức Phật Gotama là vị vua có tên là Arindama, cai trị kinh thành Paribhutta.

Đức Thế Tôn Sikhī cùng đại chúng Tăng lần lượt du hành đến kinh thành Paribhutta.

Được tin Đức Thế Tôn đến kinh thành Paribhutta, vua Arindama hân hoan ra khỏi Hoàng cung cùng đông đảo tùy tùng đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Sau khi nghe pháp thoại, Đức vua thỉnh Đức Thế Tôn ngự đến Hoàng cung để thọ thực liên tục 7 ngày.

Vào ngày thứ 7 Đức vua cúng dường đến Đức Thế Tôn bộ Tam y đặc giá nhất, ngoài ra mỗi vị Tỳkhuu đều được cúng dường bộ Tam y trị giá là 100.000 đồng vàng.

Đức vua còn cúng dường đến Đức Thế Tôn con voi hạnh phúc được xem là quốc bảo của quốc độ, toàn thân voi được trang điểm xinh đẹp bằng những trang sức quý, không chỗ nào trên thân voi không có vật trang sức.

Đức Thế Tôn đưa Vị lai trí quán xét, rồi Ngài tiên tri giữa đại chúng rằng: “Sau 31 kiếp trái đất, kể từ kiếp trái đất này. Vị thiện gia tử này sẽ chúng đạt Vô thượng Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Sidhattha”.

****Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sikhī.***

Đức Phật Sikhī cao 60 hắc tay, hào quang từ thân của Ngài chiếu sáng tự nhiên cả ngày lẫn đêm xa 30 do tuần.

- Hai vị Thượng thủ thỉnh văn của Đức Phật Sikhī là Trưởng lão Abhibhū và Trưởng lão Sambhava, Thị giả là Trưởng lão Khemañkara .

- Hai nữ Thánh văn tối thắng của Đức Phật Sikhī là Trưởng lão ni Akhilā (Makhilā) Candā và Trưởng lão ni Padumā.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Sikhī là Trưởng giả Sirivaḍḍha và Trưởng giả Canda (Nanda).

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Sikhī là bà Cittā và bà Sivāvati.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Sikhī là 70 ngàn năm, Đức Thế Tôn Sikhī viên tịch nơi Tự viện Dussa (Dussārāma)⁽¹⁾ gần thành Silavati.

Xá lợi của Ngài tụ thành khối và được tôn thờ trong Bảo tháp cao 3 do tuần.

Đức Thế Tôn Sikhī sáu năm mới tụng Giới bốn (Pāṭimokkha) một lần.

Phụ lục.

***Trưởng lão Abhibhū.**

Là Thượng thủ tinh văn tay phải của Đức Thế Tôn Sikhī(2).

Kinh Aruṇavatī ghi nhận (3) Ngài theo Phật Sikhī đến cõi Phạm thiên, và theo lời dạy của Đức Phật, Ngài thuyết bài pháp về sự quyết tâm hành pháp, đi kèm với những thần thông.

Ngài xưng lên bài kệ bắt đầu bằng “Ārabhata, nikkhamatha, yuñjatha buddhasāsane” rất thường được trích dẫn.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) nói rằng: “Ngài Abhibhū chọn chủ đề này, vì Ngài biết rằng chủ đề ấy có thể được thính chúng, người và thiên nhân chấp nhận(4).

Được nghe một vị sadi ở Pācīnapabbata tụng kinh Aruṇavatī Sutta, Trưởng lão Milakkhatissa của Tích Lan lắng tai chú ý đến các câu kệ và có cảm tưởng rằng kệ được thuyết để khuyến khích Tỳkhuu có nhiệt tâm như Ngài, Ngài cố gắng hành pháp và đắc quả Anahàm, không bao lâu sau Ngài đắc Thánh quả Alahán(5).

Kinh do Phật thuyết vào ngày trăng tròn tháng Jetṭhamāsa (tháng 6 âm, tính theo lịch VN)(6).

Ngài Abhibhū chứng minh rằng chỉ bằng bài pháp như thuyết cho một nhóm Tỳkhuu nghe, Ngài có thể đứng trong cõi Phạm thiên làm cho cả ngàn thế giới đều nghe được tiếng nói của Ngài(7).

Trong Ānguttara Nikāya(8), được biết Ānanda có hỏi Đức Phật “ thần lực của Abhibhū so với thần lực của Phật như thế nào?”. Đức Phật trả lời rằng Abhibhū chỉ là đệ tử, rồi Ngài mô tả thần lực bất khả tư nghì của Đấng Như Lai.

Theo kinh Aruṇavatī, Ngài Abhibhū là một Bàlamôn, nhưng trong Chú giải Buddhavaṃsa, Ngài là một Tử hoàng(9).

Trong Chú giải Paṭisambhidhāmagga⁽¹⁰⁾, chuyện của Ngài được xem như một điển hình của thần biến thông (vikubbana-iddhi), theo đó một người có thể biến mình để được thấy ở nhiều nơi trong một lúc.

Vào thời Đức Phật Sikhī, tiên thân Trưởng lão Adhonupphiy là một ẩn sĩ có thần lực, tu tập nơi núi Tuyết có cúng dường đến Ngài Abhibhū những cánh hương hoa, sau đó do quả nghiệp ẩn sĩ bị trần nuốt chết⁽¹¹⁾.

*** Trưởng lão ni Ambapālī.**

(1)- Bản tiếng Miến ghi nhận là : Tự viện Assa (Assārāma).

(2)- D. ii. 9; J. i. 41; Bu. xxi. 20.

(3)- S.i. 154.

(4)- SA. i. 172-3.

(5)- AA.i. 21-2.

(6)- AA.i 436.

(7)- S.i. 154.

(8)- A.i. 226; AAA.i. 436.

(9)- BvA, p. 202.

(10)- PsA. 488.

(11)- Ap. 128-9.

Là nàng đệ nhất kỹ nữ nơi kinh thành Vesāli.

Một viên quan giữ vườn Ngự Uyển của kinh thành Vesāli hiếm muộn con, ông nhặt được một bé gái dưới gốc xoài, do vậy ông đặt tên bé gái là Ambapālī (nữ nhân giữ cây xoài) và đem về nuôi.

Cô bé lớn lên trở thành một quốc sắc thiên hương, khiến vương tôn công tử xa gần tranh nhau để chiếm nàng. Để tránh sự xung đột, họ đặt nàng làm kỹ nữ để mọi hàng vương giả có thể viếng thăm.

Được biết thù lao trả cho nàng mỗi đêm là 50 kahāpana, trong số khách quyền quý đến với nàng có cả vua Bimbisāra (Bình Sa).

Vua Bimbisāra có với nàng Ambapālī một người con trai là Trưởng lão Vimala Koṇḍañña danh tiếng sau này⁽¹⁾ và kinh thành Vesāli một thời rất thịnh vượng nhờ nàng.

Thấy vậy, vua Bimbisāra đào tạo một nàng kỹ nữ tuyệt sắc tên là Sīlavatī⁽²⁾ ở kinh thành Rājagaha (Vương xá)⁽³⁾.

Về sau, nàng Ambapālī trở thành đệ tử trung kiên của Đức Phật, cúng dường đến Đức Phật và Tăng đoàn khu vườn xoài của mình cùng ngôi tự viện được kiến tạo ngay trong vườn ấy.

Việc này xảy ra trong chuyến du hành sau cùng của Phật đến Vesāli, trước khi Ngài viên tịch.

Khi nghe Đức Phật đến Koṭigāma gần Vesāli, nàng cùng tùy tùng đi xe lộng lẫy đến đánh lễ Đức Phật, Đức Thế Tôn cảnh tỉnh các vị Tỳkhuu nên giữ niệm, kéo bị nhan sắc của nàng Ambapālī làm điên đảo tâm.

Sau khi nghe pháp xong nàng thỉnh Đức Phật và chư tăng thọ trai vào ngày hôm sau. Đức Phật im lặng nhận lời và nàng đã từ chối nhường buổi cúng dường vật thực này với các vương tử người Licchavi ở Vesāli⁽⁴⁾.

Sau khi cúng dường vật thực xong, nàng Ambapālī dâng vườn xoài của mình lên Phật và Tăng Đoàn.

Đức Phật nhận vật cúng dường của nàng và trú lại đây một thời gian trước khi đi Beluva⁽⁵⁾.

Khi về già, chính nhờ bài pháp của Trưởng lão Vimala Koṇḍañña, bà Ambapālī xuất gia, bà nỗ lực tu tập thiền quán bằng cách chiêm nghiệm luật vô thường xảy ra ngay trong thân thể lão suy của bà và chứng đắc Thánh quả Alahán⁽⁶⁾.

Bà có 10 kệ ngôn trong tập Kệ ngôn Trưởng lão ni (Therīgāthā) nói về mình.

Trong Therīgāthā có hai câu kệ mà truyền thuyết nói là của Ānanda dùng để khuyên các Tỳkhuu bị Ambapālī làm cho tâm điên đảo. Không thấy nói kệ này được dùng trước hay sau khi bà gia nhập Tăng Đoàn⁽⁷⁾.

Tiền sự.

Vào thời Phật Sikhī tiền thân của bà đã xuất gia trong Ni đoàn của Đức Phật. Trong lúc còn là một nữ sadi, bà có tham dự đoàn Tỳkhuu ni đến lễ bái trước một

(1)- ThagA. i. 146.

(2)- Nàng là mẹ của Lương y Jivaka Komārabhacca và nàng kỹ nữ Sirimā.

(3)- Vin. i. 268.

(4)- DA. ii. 545. Bản Sớ giải có giải thích thêm là: “Trên đường yết kiến Phật trở về, vì quá đỗi vui mừng về ý nghĩ thỉnh Phật đến thọ trai ngày hôm sau, Ambapālī từ chối không nhường đường cho các công tử Licchavi đi viếng Đức Phật và từ chối sự nhường lại buổi cúng dường ấy với mọi giá.

Trước khi Ambapālī đến đánh lễ, Đức Phật cảnh tỉnh các Tỳkhuu cần định tĩnh để tránh bị nhan sắc của nàng làm điên đảo.

(5)- Ở đây trong Tạng Luật (Vin.i.231-3 và Tạng Kinh (D.ii. 95-8) có sai khác chi tiết chút ít. Trong Dīgha, Đức Phật ngụ trong Ambapālivana (vườn xoài của nàng Ambapālī) chứ không phải ở Koṭigāma (làng Koti), dù vườn xoài của nàng Ambapālī nằm trong Koṭigāma.

(6)- ThigA. 206-7.

(7)- ThagA. ii. 129.

đền thờ, thấy bãi nước miếng trên sân đền và không biết là của ai, bà mở lời mắng rằng: “Kỹ nữ nào đã nhổ nước miếng ra đây?”.

Thật ra đó là bãi nước miếng do một nữ trưởng lão Alahán đi trước khạc nhanh xuống sân đền, vì lời mắng mỏ này, bà bị đọa làm kỹ nữ trong lần tái sinh kiếp chót của bà⁽¹⁾.

Trong tập Apadāna (Ký sự) và cả trong bản Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão ni có cho nhiều chi tiết hơn về bà Ambapālī.

Bà là con của gia đình Khattiya trong thời Phật Phussa và từng làm nhiều điều thiện nên được sanh làm mỹ nữ trong nhiều kiếp sau.

Vì lời phi báng Tỳkhuu ni nói trên, bà bị đọa địa ngục và về sau bị đọa làm kỹ nữ trong 10.000 kiếp.

Vào thời Phật Kassapa bà sống độc thân⁽²⁾.

***Trưởng lão Ajinadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Tiền thân Ngài vào thời Đức Phật Sikhī, có cúng dường đến Đức Phật miếng da cừu.

Năm kiếp trái đất trước, tiền thân của Ngài là vua Chuyển luân Sudāyaka⁽³⁾.

***Trưởng lão Āyāgadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Sikhī, tiền thân Ngài có đánh lễ Bảo tháp thờ Xá lợi Phật Sikhī với tâm tịnh tín hoan hỷ, ngoài ra còn cung cấp tiền cho nhóm thợ mộc xây dựng một *phước xá* (āyāga)⁽⁴⁾.

Kết quả hậu thân gia chủ ấy sinh về cõi Trời, có khả năng làm chư Thiên từng phục mình và có thể làm mưa theo ý muốn⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Āvopupphiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Sikhī tiền thân Ngài là một gia chủ, khi nghe Đức Thế Tôn giảng pháp, vị gia chủ hoan hỷ, tung những cách hoa lên không trung để cúng dường Đức Thế Tôn.

Vào 20 kiếp trái đất trước, hậu thân gia chủ là vị vua với vương hiệu là Sumedha⁽⁶⁾.

***Trưởng lão Nandaka.**

Trong thời Đức Phật Gotama, Ngài sinh ra ở Campā (kinh đô xứ Aṅga), trong một gia tộc trung lưu, là em trai của Trưởng lão Bharata, được đặt tên là Nandaka. Nghe tin Ngài Soṇa Koḷivisa xuất gia, hai anh em Ngài suy nghĩ: “Thanh niên Soṇa Koḷivisa được nuôi dưỡng tế nhị như vậy, hưởng hồ chi chúng ta”, cả hai đều xin xuất gia trong Tăng đoàn.

Ngài Bharata nhờ tinh cần nhanh chóng chứng đạt Alahán cùng các Thắng trí (abhiññā), còn Ngài Nandaka vì còn nhiều tư tưởng không trong sáng nên không thể nhiếp phục tâm được.

Với mong muốn giúp Ngài Nandaka giác ngộ, Ngài Bharata đến giảng pháp cho em. Khi ấy có đoàn xe buôn đi ngang qua, một con bò kéo xe đuối sức đã quy xuống do không thể kéo cỗ xe của nó vượt qua vũng bùn lầy lội.

Người trưởng đoàn thấy vậy bèn cho nó ăn cỏ, uống nước, con bò bình phục cố gắng đứng dậy và kéo cỗ xe vượt qua vũng bùn.

(1)- ThigA. 206-7.

(2)- Ap. ii. 613 ; ThigA. 213.

(3)- Ap. i. 213 – 14.

(4)- Bản Sớ giải tập Apādāna nói là: Tiền thân Ngài xây dựng một Trai đường để cúng dường đến Tăng chúng.

(5)- Ap. i. 89-90.

(6)- Ap. i. 112.

Ngài Bharata hướng sự chú tâm của Ngài Nandaka vào chi tiết này, trở thành đề mục thiền quán cùng với sự nỗ lực tinh cần, chẳng bao lâu Ngài Nandaka chứng Thánh quả Alahán.

Ngài Nandaka tuyên bố Thánh trí của mình trước mặt Ngài Bharata như sau.

173- Yathāpi bhaddo ājañño; khalitvā patititṭhati.

Bhiyyo laddāna samvegaṃ; adīno vahate dhuraṃ.

“Như con vật hiền thiện; thuộc giống tốt, khéo luyện.

Sau khi ngã quy xuống; lại gượng đứng lên dậy.

Lấy được thêm sức mạnh; không bỏ⁽¹⁾ kéo gánh nặng”.

174- Evaṃ dassanasampannaṃ; sammāsambuddhasāvakaṃ.

Ājāniyaṃ maṃ dhāretha; puttaṃ buddhassa orasa”nti.

“Cũng vậy, hãy nhận con; đệ tử bậc Chánh giác.

Con đầy đủ chánh kiến; khéo tu luyện thuần thục.

Con thật, con chánh thống; của Đức Phật Chánh giác” (HT. TMC dịch)⁽²⁾.

***Tiên sự.**

Vào thời Đức Phật Sikhī, tiền thân Ngài Nandaka là tiều phu.

Một ngày nọ, người tiều phu nhìn thấy Đức Thế Tôn Sikhī đang đi kinh hành. Hoan hỷ với hình ảnh đó, người tiều phu rải cát cúng dường trên lối đi của Đức Phật⁽³⁾.

***Trưởng lão Asanattavika.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Sikhī, tiền thân Ngài đi lạc trong rừng, đến đến thờ (uttama) Đức Phật Sikhī. Tưởng niệm đến các hạnh lành của Đức Phật, vị ấy thốt lời tán thán và đi vào đền đánh lễ.

Vào 27 kiếp trái đất trước, hậu thân vị ấy làm vua 7 lần với vương hiệu Atulya⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Usabha (1).**

Ngài sinh ra trong một gia tộc trưởng giả ở xứ Kosala (Kiềutátla).

Trong ngày Đại tự Kỳviên (Jetavanavihāra) được cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng. Ngài khởi tâm tịnh tín, xuất gia Sadi nơi Giáo pháp của Đức Phật, rồi vào rừng sống độc cư nơi chân núi.

Một hôm sau cơn mưa, Ngài ra khỏi động thất và thấy núi rừng đáng yêu, suy nghĩ rằng: “Tuy vô tri, các cây và giây leo này vẫn tăng trưởng trọn vẹn nhờ có điều kiện thời tiết thuận lợi. Còn ta, đã có duyên đầy đủ, sao không nhờ thiện tánh để tăng trưởng?”. Ngài lấy đó làm đề tài thiền quán, nỗ lực hành pháp chứng đạt Thánh quả Alahán. Hân hoan Ngài nói lên kệ ngôn.

110- “Nagā nagaggesu susamvirūḷhā; udaggameghena navena sittā.

Vivekakāmassa araññasaññino; janeti bhiyyo usabhassa kalyata”nti.

“Những cây⁽⁵⁾ được vươn; nhờ mây cao⁽⁶⁾ tưới mát.

Với mưa mới nhấm nhuần; được xanh tươi lớn mạnh.

Đối với Usabha; ưa thích sống viễn ly.

Ý thức được rừng núi; vị ấy khiến sinh khởi.

Rất nhiều điều tốt đẹp. (HT. TMC dịch)⁽⁷⁾.

Tiên sự.

(1)- Ādina.

(2)- Thag. 173 – 174. Nandakatheragāthā; ThagA. i. 299 .

(3)- Ap. II. 418.

(4)- Ap. i. 255.

(5)- Nāgā

(6)- Udagga.

(7)- Thag. 110. Usaabhatheragāthā; ThagA. i. 217 .

Vào thời Phật Sikhī, tiền thân Ngài là một thiên nhân (devaputta) từng dâng hoa đến Đức Phật. những cánh hoa kết thành vòng hoa treo lơ lửng bên trên Phật trong bảy ngày.

Vào mười kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài làm vua với vương hiệu là Jutindhara.

Ngài được xác định là Trưởng lão Mandāravapūjaka nói trong tập Apadāna⁽¹⁾.

***Trưởng lão Usabha (2).**

Thời Đức Phật Gotama còn tại tiền, Ngài sinh ra trong thành Kapilavatthu thuộc vương tử giòng Sākya (ThíchCa), được đặt tên là Usabha.

Khi Đức Thế Tôn đến viếng nhà Ngài, Ngài ngưỡng mộ thần lực cùng trí tuệ của ân đức của Đức Thế Tôn nên xin xuất gia trong Tăng đoàn.

Nhưng Ngài không lo thực hành Samôn hạnh chỉ thích giao du với nhiều người, ban ngày đi rong đến gặp người này, người nọ; ban đêm thì nằm ngủ.

Một đêm nọ, Ngài nằm mộng chiêm bao thấy mình đắp y đỏ thẫm, ngồi trên lưng voi vào thành khất thực; nơi đó, Ngài thấy dân chúng hợp quần, Ngài xuống voi và hổ thẹn.

Ăn năng về sự lười nhác của mình, Ngài lấy cơn mộng làm đề tài khích lệ sự tinh tấn thực hành thiền quán và chứng đắc Thánh quả Alahán.

Ngài tuyên bố lên chánh trí của mình qua hai kệ ngôn.

197- Ambapallavasaṅkāsaṃ; aṃse katvāna cīvaraṃ.

Nisinno hatthigīvāyaṃ; gāmaṃ piṇḍāya pāviṣiṃ.

“Vai đắp phủ tấm y; giống như màu bông xoài.

Ngồi trên lưng con voi; ta vào làng khất thực.

198- Hatthikkhandhato oruyha, saṃvegaṃ alabhiṃ tadā,

Sohaṃ ditto tadā santo, patto me āsavakkhayo”ti.

“Từ lưng voi leo xuống; ta cảm nhận xúc động(2).

Trước ta rất ngạo mạn. Nay ta thật lắng dịu.

Ta đã chứng đạt được; các ô nhiễm đoạn diệt (HT.TMC dịch)(3).

Tiền sự.

Vào thời Phật Sikhī tiền thân Ngài là một gia chủ cúng dường đến Đức Phật trái *kosamba*.

Ngài là Trưởng lão Kosamba-phaliya nói trong tập Apadāna⁽⁴⁾.

***Trưởng lão ni Somā.**

Bà là ái nữ quan Tế sư của vua Bimbisāra (BìnhSa).được đặt tên là Somā.

Khi Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành Rajagaha để tế độ vua Bimbisāra, rồi đến Hoàng cung thọ thực, bà trở thành tín nữ của Ngài. Sau đó bà xuất gia trong Ni đoàn, nỗ lực thực hành thiền quán chứng Thánh quả quả Alahán cùng với Nghĩa tín thọ, pháp tín thọ.

Một hôm, sau khi thọ thực xong bà đi vào rừng Andhana gần thành Sāvatti thiên tịnh nơi gốc cây cổ thụ, Māra (ác ma) đến phá sự an tịnh của bà, tàn hình không cho bà thấy và nói kệ rằng:

60- Yaṃ taṃ isilhi pattaḃbaṃ; thānaṃ durabhisambhavaṃ.

Na taṃ dvaṅgulapaññāya; sakkā pappotumitthiyā”.

“Địa vị⁽⁵⁾ khó chứng đạt; chỉ Thánh nhân chứng đạt.

Trí nữ nhân hai ngón⁽⁶⁾; sao hy vọng chứng đạt”.

(1)- Ap. i. 178.

(2)- Saṃvega.

(3)- Thag. 197 -198. Usabhatheragāthā; ThagA. i. 319 .

(4)- Ap.ii. 449.

(5)- Thāna (vị trí). Trong S.i. 129 cũng có kệ ngôn này, Ngài Buddhagosa giải thích là những Thánh quả.

(6)- Đây là câu tục ngữ của người Ấn cổ. Bản Sớ giải nói rằng: “Các bà nấu cơm hay dùng hai ngón tay vò thừ hạt cơm để biết cơm chín sống thế nào, do đó có câu nói này.

Bà phản đối bằng hai kệ ngôn sau.

61- Itthibhāvo no kim kayirā; cittamhi susamāhite.

Ñāṇamhi vattamānamhi; sammā dhammaṃ vipassato.

62- Sabbattha vihatā nandī; tamokhandho padālito.

Evam jānāhi pāpima; nihato tvamasi antakā”ti.

“Nữ nhân chướng ngại gì?; khi tâm khéo thiền định.

Khi trí tuệ triển khai; chánh quán pháp vi diệu.

Ở tất cả mọi nơi; hỷ lạc được đoạn tận.

Khỏi tối tăm mù mịt; đã bị làm tan nát.

Hỡi này kẻ ác ma; người hãy biết như vậy.

Người chính là ác ma; người đã bị bại trận” (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

***Tiên sự.**

Vào thời Đức Phật Sikhī, tiền thân bà Somā sinh ra trong một gia đình quyền quý và làm Hoàng hậu của Vua Aruṇavā (cha của Bồ tát Sikhī).

Một hôm bà cúng dường đến Đức Phật Sikhī bông sen mà vua tặng bà. Do công hạnh này, trong nhiều kiếp sau bà có da màu bông sen và thơm ngát hương sen.

Tiền thân bà Somā làm thiên hậu 72 lần và là Chánh hậu của vua Chuyển Luân 63 lần.

Bà là Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā nói trong Apadāna (Ký sự)⁽²⁾.

*** Trưởng lão Surādha.**

Ngài là em trai út của Trưởng lão Rādha.

Theo gương anh, Ngài xuất gia trong Tăng đoàn, tinh cần hành pháp và đắc Thánh quả Alahán.

Ngài nói lên hai kệ ngôn tuyên bố lên Thánh trí của mình như sau.

135- Khiṇā hi mayham jāti; vusitaṃ jinasānaṃ.

Pahīno jālasaṅkhāto; bhavanetti samūhatā.

“Sinh của ta đã tận; Chiến thắng dạy, làm xong.

Lưới lạnh được đoạn diệt; gốc sinh hữu nhổ lên”.

136- Yassatthāya pabbajito; agārasmānagāriyaṃ.

So me attho anuppatto; sabbasaṃyojanakkhayo”ti.

“Mục đích hạnh xuất gia; bỏ nhà sống không nhà.

Đích ấy đã đạt được; mọi kiết sử, diệt xong”. (HT.TMC dịch)⁽³⁾.

Tiên sự.

Vào thời Đức Phật Sikhī, tiền thân Ngài có cúng dường đến Đức Phật trái chanh (*mātuluṅga*)⁽⁴⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Mātuluṅgaphaladāyaka nói trong Apadāna⁽⁵⁾.

*** Trưởng lão Sunāga.**

Trong thời Đức Phật Gotama, Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn nơi làng Nālala, là bạn của Ngài Sāriputta.

Nghe được Pháp thoại của Đức Thế Tôn, Ngài hoan hỷ xuất gia trong Tăng đoàn, nỗ lực hành pháp chứng đắc Thánh quả Alahán. Ngài nói lên kệ ngôn tuyên bố sự thành đạt của mình như sau.

85- Cittanimitassa kovido; pavivekarasaṃ vijāniya.

Jhāyaṃ nipako patissato; adhigaccheyya sukhaṃ nirāmisā”nti.

“Thiền xảo tướng của tâm; biết vị ngọt viễn ly.

Hành thiền, niệm thận trọng; chứng lạc không thể gian” (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

(1)- Thig.60-62. Somātherīgāthā; ThigA. 66.

(2)- Ap. ii. 601.

(3)- Thag. 135-6. Surādhattheragāthā.

(4)- ThagA. i. 254 .

(5)- Ap.ii. 446.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Sikhī, tiền thân Ngài là một Bàlamôn thông thạo Veda (Vệđà), sống trong rừng gần núi Vasabha và có ba ngàn học trò.

Một hôm, Bàlamôn nhận ra Đức Phật với 32 đại nhân tướng, tâm Bàlamôn vô cùng hoan hỷ, mệnh chung được sinh về thiên giới.

Vào 27 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài làm vua với vương hiệu Siridhara⁽²⁾.

Ngài là Trưởng lão Rahosañña nói trong Apadāna⁽³⁾.

Dứt lịch sử Đức Phật Sikhī.

21- Đức Phật Vessabhū.

Sau khi Đức Thế Tôn Sikhī viên tịch, tuổi thọ nhân loại giảm dần đến khi còn 10 năm, rồi tuổi thọ nhân loại tăng dần đến vô lượng năm. Rồi lại giảm xuống cho đến khi tuổi thọ nhân loại là 60 ngàn năm.

Bấy giờ Bôtát đã viên mãn 30 pháp Balamật, Ngài đang tái sinh về cõi Tusita (Đầusuất). Theo lời thỉnh cầu của chư thiên và Phạm thiên 10 ngàn thế giới, Bôtát tái sinh vào thai bào của bà Hoàng Yasavatī là bậc có giới hạnh (sīlavatī), cha Ngài là Đức vua Supatita cai trị kinh thành Anupama⁽⁴⁾.

Sau 10 tháng trú trong thai bào, Ngài sinh ra nơi hoa viên Anoma⁽⁵⁾.

Khi vừa chào đời Bôtát nói lên kệ ngôn: “*Agga’ham’asmi lokassa ...*” âm giọng hùng dũng như tiếng rống bò chúa Vasabha⁽⁶⁾ chiến thắng (*vasabhanādahetuttā*)⁷, do vậy Ngài được đặt tên là Vessabhū.

Bôtát sống đời cư sĩ sáu ngàn năm trong ba cung điện Ruci, Suruci và Vaḍḍhana⁽⁸⁾, có 30 ngàn cung nữ xinh đẹp điều luyện trong nghệ thuật ca múa đàn ... hầu hạ. Vợ Ngài là công nương Sucittā.

Vào ngày bà Hoàng Sucittā vừa sinh Thái tử Suppabuddha, cũng là ngày Bôtát thấy được hình ảnh vị Samôn và Ngài quyết định xuất gia.

Bôtát ra đi xuất gia bằng chiếc kiệu vàng, có 37,000 người theo gương Ngài xuất gia để phục vụ Ngài.

Bôtát Vessabhū khổ hạnh 6 tháng, rồi Ngài thọ thực lại, từ bỏ hội chúng tùy tùng đi nơi khác.

Vào ngày trăng tròn tháng Vesākha, Ngài nhận bát cơm sữa do nàng Sirivaddhanā con gái một thương giả ở làng Sicittani cúng dường.

Vào buổi chiều, Bôtát đi đến cội cây Sāla, trên đường đi Ngài nhận 8 bó cỏ do rắn chúa Narinda hóa thân thành người cúng dường.

Cây Sāla này cao, có tàn nhánh xòe rộng như cây Puṇḍarīka của Đức Thế Tôn Sikhī, toàn thân cây Sāla trở đầy hoa.

Sau khi đi ba vòng quanh cội Sāla, Bôtát trải 8 bó cỏ ở hướng Đông bắc cội Sāla, một Bảo tọa chiến thắng rộng khoảng 40 hắc tay (ratana) hiện khởi cho Ngài.

Trên Bảo tọa chiến thắng Ngài thắng phục năm loại ma, khi mặt trời vừa ló dạng, Ngài chứng đạt Vô thượng Chánh giác.

**Ba thắng hội của Đức Phật Vessabhū.*

Thắng hội I.

(1)- Thag. 85. Sunāgatheragāthā.

(2)- ThagA. i. 142.

(3)- Ap. i. 166 .

(4)- BvAB. Ghi là Anoma.

(5)- Theo Bản Sớ giải (BvA) là Anūpama.

(6)- Có ba loại bò chúa là Vasabha, Usabha và Nisabha. Vasabha là bò chúa đứng đầu.

(7) - Nhưng MṬ. 63 có một giảng giải khác: *hīnaṃ janānaṃ abhībhūto maggena abhībhavitakiesahīno ti vā*. Dvy. 333 gọi Ngài là Visabhū.

(8)- Trong BvA ghi là Rativaddhana.

Sau 7 tuần lễ ngự ở 7 nơi quanh cội Đại giác, Đức hế Tôn nhận lời thỉnh cầu của Đại phạm thiên, khai mở Pháp bát tử.

Ngài đưa Phật trí quán xét thế gian thấy được duyên lành hai vị tử hoàng Soṇa và Uttara là em khác mẹ với Ngài (đây là hai vị Thượng thủ thỉnh văn tương lai cả Ngài). Đức Thế Tôn Vessabhū theo đường hư không đến vườn Ngự Uyển Aruna gần kinh thành Anupama, Đức Thế Tôn bảo người giữ vườn thông báo cho hai vị tử hoàng biết có Đức Thế Tôn đang ngự trú trong vườn Ngự Uyển.

Hai vị Tử hoàng cùng tùy tùng đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại Chuyển pháp luân.

Dứt Pháp thoại có 800 ngàn triệu nhân thiên chứng đắc Thánh quả.

Đây là Thắng hội I của Ngài. Như có kinh văn sau.

3- Dhammacakkaṃ pavattente; vessabhūlokanāyake.

Asītikotiṣaḥassānaṃ; paṭhamābhisamayo ahu.

“Bánh xe pháp lăn đi; do Vessabhū vị lãnh đạo thế gian.

Có 80 ngàn mười triệu vị; là Thắng hội đầu tiên của Ngài”⁽¹⁾.

Thắng hội II.

Khi Đức Thế Tôn Vessabhū du hành các nơi để tế độ chúng sinh, nơi một địa điểm Ngài thuyết lên Pháp thoại tế độ 700 ngàn triệu nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thắng hội II của Ngài. Có Kinh văn sau.

4- Pakkante cārikaṃ ratṭhe; lokajetṭhe narāsabhe.

Sattatikotiṣaḥassānaṃ; dutiyābhisamayo ahu.

“Du hành khắp quốc độ; vị Tối thượng, vô song (của) thế gian.

Có 70 ngàn mười triệu; là Thắng hội II của Ngài” (sđd).

Thắng hội III.

Lại dịp khác, cũng tại nơi kinh thành Anupama, Đức Phật Vessabhū phá tan mạng lưới tà kiến rối rắm của các tôn chủ dị giáo, kéo ngọn cờ phi pháp của họ xuống, trương cao ngọn cờ Chánh pháp; Đức Thế Tôn thể hiện Song thông lực trước sự chứng kiến của vô số nhân thiên. Với pháp thoại, Đức Thế Tôn Vessbhū tế độ 600 triệu nhân thiên chứng Thánh quả.

Đây là Thắng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

6- Mahāacchariyaṃ disvā; abbhutaṃ lomahaṃsanaṃ.

Devā ceva manussā ca; bujjhare satṭhikoṭiyo.

“Đã thấy những điều kỳ diệu vĩ đại; phi thường khiến lòng dựng đứng.

Cả chư thiên và người; có 60 mười triệu giác ngộ” (sđd).

**Ba Tăng hội của Đức Phật Vipassī.*

Tăng hội I.

Vào ngày trăng tròn tháng Magha, giữa hội chúng Tăng 80 ngàn vị Alahán có hai vị Thượng thủ Soṇa và Uttra cùng hội chúng hai vị ấy. Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát (Ovādapāṭimokha)*.

Đây là Tăng hội I của Ngài.

Tăng hội II.

Nhóm Samôn 37 ngàn vị, tùy tùng của Bôtát Vessabhū trước đây, khi Bôtát lìa bỏ họ, các vị ấy đi du phương.

Khi nghe tin Đức Thế Tôn vận chuyển bánh xe pháp cho chạy đi, nhóm Samôn này đi đến yết kiến Đức Thế Tôn nơi thị trấn Soreyya.

Đức Thế Tôn với pháp thoại tế độ tất cả chúng Thánh quả Alahán và cho tất cả xuất gia theo cách “etha bhikkhave ...”.

⁽¹⁾- Bu.3. Vessabhūbuddhavaṃsa.

Giữa hội chúng Tăng có bốn đặc điểm này là: Là đêm trăng tròn, không mời tự tụ hội đến, là bậc Alahán tối thiểu là Lục thông và được xuất gia theo cách “ethabhikkhave ...”. Đức Thế Tôn Vessabhū ban lời *Giáo giới giải thoát*.

Đây là Tăng hội II của Ngài. Có kinh văn sau.

8- Asitibhikkhusahassānaṃ; paṭhamo āsi samāgamo.

Sattatibhikkhusahassānaṃ; dutiyo āsi samāgamo.

“*Có 80 ngàn vị Tỳkhu; là cuộc tụ hội đầu tiên.*

Có 37 ngàn vị Tỳkhu; là cuộc tụ hội lần thứ hai” (sđd).

Tăng hội III.

Khi thấy duyên lành đạo quả của Thái tử Upasanta (Phó vương)⁽¹⁾ đang trị vì kinh thành Nārivāhana, Đức Thế Tôn du hành đến kinh thành Nārivāhana.

Nghe Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành, Thái tử Upasanta cùng tùy tùng ra khỏi Hoàng thành để tiếp nghinh Đức Phật, thỉnh Đức Phật cùng các Tỳkhu đến Hoàng cung để cúng dường.

Sau buổi đại thí, Đức Thế Tôn phúc chúc bằng pháp thoại. Dứt pháp thoại Thái tử Upasanta cùng tùy tùng là 60 ngàn vị chứng đắc Thánh quả và được xuất gia theo cách “etha bhikkhave ...”.

Khi tất cả cùng chứng Thánh quả Alahán, cùng nhau hội tụ để thực hành lễ Bótát (uposatha), giữa hội chúng Tăng này, Đức Thế Tôn ban lời *Giáo giới giải thoát*.

Đây là Tăng hội III của Ngài. Có Kinh văn sau.

9- Saṭṭhibhikkhusahassānaṃ; tatiyo āsi samāgamo.

Jarādibhayabhītanāṃ; orasānaṃ mahesino.

“*Có 60 ngàn vị Tỳkhu; là cuộc tụ hội lần III.*

Đã vượt khỏi sợ hãi như già; là hội chúng của bậc Đại ẩn sĩ” (sđd).

***Tiền thân Đức Phật Gotama.**

Vào thời ấy, tiền thân Đức Phật Gotama là vị vua, vì Ngài có diện mạo rất xinh đẹp khả ái và thông minh nên có tên gọi là Sudassana, cai trị kinh thành Sarabhavati.

Đức Thế Tôn Vessabhū du hành đến kinh thành Sarabhavati, Đức vua Sudassana cùng tùy tùng đi đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Sau khi nghe Giáo pháp của Đấng Giác ngộ, tâm Đức vua khởi phát niềm tịnh tín nơi Giáo pháp, Đức vua chấp hai tay như búp sen không tỳ vết tỏa sáng, đưa qua khỏi đầu đánh lễ Đấng Đại Hùng.

Đức vua Sudassana thỉnh Đức Phật và Tăng chúng đến Hoàng cung để cúng dường 7 ngày liên tục. Vào ngày thứ 7, vua Sudassana cúng dường đến Đức Thế Tôn bộ Tam y đặc giá nhất, ngoài ra mỗi vị Tỳkhu là một đại y có giá trị là 100 ngàn tiền vàng. Đức vua còn cúng dường một trú xứ đến Đức Phật và Tăng chúng và kiến tạo một hương phòng đặc biệt dành cho Đức Phật.

Giữa đại chúng, Đức Thế Tôn Vessabhū tiên tri rằng: “Sau 31 kiếp trái đất, vua Sudassana sẽ trở thành vị Chánh giác có tộc họ là Gotama, tên là Siddhattha”.

***Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Vessabhū.**

Đức Phật Vessabhū cao 60 hắc tay, như cột trụ bằng vàng tỏa sáng, hào quang từ thân của Ngài rực rỡ giống như ánh lửa chiếu sáng trên đỉnh núi vào ban đêm.

- Hai vị Thượng thủ thỉnh văn của Đức Phật Vessabhū là Trưởng lão Soṇa và Trưởng lão Uttara, Thị giả là Trưởng lão Upasanta .

- Hai nữ Thỉnh văn tối thắng của Đức Phật Vessabhū là Trưởng lão ni Rāmā và Trưởng lão ni Samālā.

⁽¹⁾- Xem D.ii. 6. Upasannaka là một vị Tỳkhu. Upasanta còn được viết là Upasantaka hay Upasannaka.

- Hai cận sự nam tối thắng của Đức Phật Vessabhū là Trưởng giả Sottika và Trưởng giả Rambha.

- Hai cận sự nữ tối thắng của Đức Phật Vessabhū là bà Gotamī và bà Sirimā.

Tuổi thọ của Đức Thế Tôn Vessabhū là 60 ngàn năm, Đức Thế Tôn Vessabhū viên tịch nơi vườn Khemā gần kinh thành Usabhavati, Xá lợi của Ngài được phân tán khắp cõi nhân thiên.

Đức Thế Tôn Vessabhū sáu năm mới tụng Giới bốn (Pāṭimokkha) một lần⁽¹⁾.

Phụ lục.

***Trưởng lão Abhibhūta.**

Trong thời Đức Thế Tôn Gotama còn tại tiền, Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn trưởng giả nơi thành phố Veṭṭhapura (có nơi viết là Veṭhipura), được đặt tên là Abhibhūta. Khi cha mất, Ngài thừa hưởng đại tài sản.

Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu du hành đến thành phố Veṭṭhapura. Nghe Đức Thế Tôn ngự đến thành phố, Ngài Abhibhūta thỉnh Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu đến tư gia của mình để cúng dường vật thực. Sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn phúc chúc bằng thời pháp thoại.

Được nghe Giáo pháp, Ngài Abhibhūta hoan hỷ xin được xuất gia trong Tăng đoàn, Ngài tinh cần hành pháp chứng đạt Thánh quả Alahán.

Trong khi thọ hưởng hương vị giải thoát, thân quyến cùng những bạn hữu đi đến yết kiến Ngài, than van với Ngài rằng: “Vì sao Ngài lìa bỏ chúng tôi? Vì sao Ngài không ở lại lãnh đạo chúng tôi?”.

Ngài trả lời họ bằng ba kệ ngôn sau.

255- *Suṇātha nātayo sabbe; yāvantettha samāgatā.*

Dhammaṃ vo desayissāmi; dukkhā jāti punappunaṃ.

“Hãy nghe, các bà con; những ai đã đến đây.

Ta thuyết pháp cho các người; tái sinh là đau khổ”.

256 - *Ārambatha nikkamatha; yuñjatha buddhasāsane.*

Dhunātha maccuno senaṃ; naḷāgāraṃva kuñjaro.

“Hãy tinh cần ra đi; chú tâm lời Phật dạy.

Đánh bại quân lực ma; như voi, nhà cỏ lau”.

257- *Yo imasmiṃ dhammavinaye; appamatto vihassati.*

Pahāya jāti saṃsāraṃ; dukkhassantaṃ karissati”ti.

“Ai trong pháp luật này, sẽ sống không phóng dật.

Từ bỏ dòng tái sinh; sẽ chấm dứt khổ đau” (HT. TMC dịch)⁽²⁾.

Kệ ngôn thứ hai trong tập Tương ưng kinh được xem là của Ngài Abhibhū⁽³⁾ Đại đệ tử của Phật Sikhī.

Trong Milindapañha (Milinda hỏi), quy câu kệ thứ hai là của Đức Phật⁽⁴⁾. Trong Divyāvadāna câu kệ thứ hai cũng được quy cho Đức Phật⁽⁵⁾, nhưng ở nơi khác trong cùng sách ấy, câu kệ này được biết do chư Thiên tử xướng⁽⁶⁾.

Trong Mahāparinibbāna Sutta kệ ngôn thứ ba cũng được quy cho Đức Phật⁽⁷⁾,

Tiền sự.

Trong một tiền kiếp vào thời Phật Vessabhū, tiền thân Ngài Abhibhūta là gia chủ và đã có đức tin nơi Tam bảo, giachủ này nương nhờ Tam Bảo do sự giới thiệu của bạn hữu.

(1)- Dhpa. iii. 236.

(2)- Thag. 255-7. Abhibhūta theragāthā; ThagA. i. 372

(3)- S.i. 156.

(4)- Ml. 245.

(5)- D yv. p. 200.

(6)- Dyv. p. 569.

(7)- D.ii. 121.

Khi Đức Thế Tôn viên tịch, đại chúng tụ họp để xin Xá lợi và tên thân Ngài Abhibhūta là người dập tắt lửa bằng nước hoa, nên có cơ hội trước tiên để thỉnh Xá lợi nào vị ấy muốn⁽¹⁾.

Ngài được xem là Trưởng lão Citakanibbāpaka trong tập Apadāna⁽²⁾.

***Trưởng lão Kaṇikāracchadaniya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Vessabhū, tiền thân Ngài là một gia chủ, có lần thấy Đức Thế Tôn nghỉ trưa trong rừng, gia chủ này hoan hỷ với oai nghi của Đức Phật nên che nắng cho Đức Phật bằng vòng hoa *kaṇikara*.

Vào 20 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài làm vua tám lần dưới vương hiệu Soṇṇābha⁽³⁾.

***Trưởng lão Kesarapupphiya.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Vessabhū, tiền thân Ngài là một chú thuật gia ở Himayā, có cúng dường đến Đức Phật ba bông *Kesara*⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Saṅghupaṭṭhāka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào thời Đức Phật Vessabhū, tiền thân Ngài là người phục dịch rất siêng năng trong tự viện của Đức Phật.

Vào bảy kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài làm vua bảy lần dưới vương hiệu Samotthata⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Bhisadāyaka.**

Là vị Thánh Alahán thời Đức Phật Gotama.

Vào 31 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài là voi, có cúng dường đến Đức Phật Vessabhū củ sen.

Vào 13 kiếp đất trước tiền thân Ngài làm vua 16 lần dưới vương hiệu Samodhāna⁽⁶⁾.

Soạn xong ngày 17-8-2012.
(Nhằm ngày 01-7-năm Nhâm Thìn)
(Xin xem tiếp tập 11).

⁽¹⁾- ThagA. i. 372.

⁽²⁾- Ap. iii. 408.

⁽³⁾- Ap.i. 183.

⁽⁴⁾- Ap.i. 187.

⁽⁵⁾- Ap. i. 191.

⁽⁶⁾- Ap. i. 114.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
II- Công hạnh vị Chánh Đẳng Giác (tt).	4
5- Hạnh tinh tấn dẫn đến giác ngộ (Viriya pāramī).....	4
6- Hạnh nhẫn nại dẫn đến giác ngộ (khanti pāramī).....	4
7- Hạnh chân thật dẫn đến giác ngộ (caccapāramī).	4
1'- Chuyện khi chúa	5
2'- Hạnh Đạo sĩ nhiệt cần Sacca (Saccatāpacariyaṃ).....	6
3'- Hạnh chim cút con (Vatṭapotakacariyaṃ).....	6
4'-Chuyện cá chúa.	7
*Thiên tử Pajjuna	8
*Thiên nữ Kokanadā.....	9
*Địa ngục Roruva	9
*Thiên nữ Cūla Kokanadā	9
5'- Ấn sĩ Kaṇhadīpāyana.....	10
6'- Hiền trí Sutasoma.	10
8- Hạnh quyết định dẫn đến giác ngộ (adhiṭṭhānapāramī)	10
* Vương tử Temiya.	10
*Địa ngục Ussada.	19
9- Hạnh từ tâm dẫn đến giác ngộ (mettāpāramī)	19
* Chuyện Nhất vương (Ekarāja).	19
*Tóm lược Bốn sự Mahāsīlava.	20
*Tóm lược bốn sự Seyya.	21
*Tóm lược Bốn sự Ghata.	21
10- Hạnh xả dẫn đến giác ngộ (upekkhāpāramī).....	22
*Chuyện Mahālomahaṃsa.	22
*Pháp thượng nhân.	23
III- Lịch sử chư Phật.	25
*Đức Thế Tôn giảng pháp.....	25
*Buddha (PhậtĐà).....	26
*Tám điều khác biệt (vematta).	27
*Ba loại hào quang.....	30
*Bốn điều không xảy ra.	32
*Mười tám bất cộng pháp (āvenikadhamma).....	33
*Việc làm trong ngày của Đức Phật Gotama.....	34
*Voi Uposatha.	38
*Voi Chaddanta.	38
*Tóm lược Giáo pháp của Đức Thế Tôn Gotama.	40
* Tạng Luật (Vinayaṭṭhaka).	40
A- Suttavibhaṅga (Phân tích Giới bốn).	40
*Pārājika (Pāli).	40
*Pācittiya (Pāli).	40
*Mahāvibhaṅga.	41
*Bhikkhunīvibhaṅga (Phân tích giới Tỳkhuu ni).....	41
B- Khandhaka (Hợp phần).	41
1- Mahāvagga (Đại phẩm).	41

2- Cullavagga (Tiểu phẩm).....	41
C- Parivāra (Tập yếu).....	41
*Mahāpaccariya.....	41
*Kurundī – Atthakathā.....	41
*Trưởng lão Sāriputta (người Tích Lan).....	42
*Tặng kinh (Suttapiṭka).....	42
*Trưởng lão Buddhamitta.	42
*Kañcipura.	43
*Luận sư Dhammapāla.....	45
*Tặng Thắng pháp.....	45
*Madhupiṇḍikasutta (Kinh Mật hoàn).....	47
*Daṇḍapāṇi.	47
A- Ān sĩ Sumedha.....	49
1- Đời sống gia chủ.	49
2- Xuất gia.	50
3- Được thọ ký.	53
4- Phát nguyện thành bậc Chánh giác trong tương lai.....	54
*Nàng Sumittā.....	55
5- Quán xét các pháp độ.	55
*Bồ tát Sumedha tự tìm thấy 10 pháp Balamật.	56
*Vị Bồ tát sau khi được thọ ký.	58
*Bốn căn cứ pháp (buddhabhūmi).	58
*Sáu khuynh hướng (Ajhāsaya).....	58
*Không có 18 điều nguy hại (aṭṭhārasa abhabbaṭṭhānāni).	59
*Bảy pháp xuất chúng (acchariya dhamma).....	60
*Các kiếp hội kiến 27 vị Chánh giác của Đức Phật Gotama.	61
B-Tóm lược lịch sử 27 vị Phật quá khứ.	61
*Ba vị Phật.....	62
1- Đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng).....	62
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Dīpaṅkara.	65
*Trưởng lão Dhammaruci.	65
2 - Đức Phật Koṇḍañña.	66
*Tiền thân của Đức Phật Gotama.	69
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Koṇḍañña.	69
*Trưởng lão Abbhañjanadāyaka.....	69
*Trưởng lão ni Saṅkamanattā.	70
3- Đức Phật Maṅgala.	70
*Hạnh sự.	71
*Tiền thân Đức Phật Gotama.....	73
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Maṅgala.	74
4- Đức Phật Sumana.....	75
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	77
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sumana.....	77
5- Đức Phật Revata.	78
*Tiền thân của Đức Phật Gotama.	80
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Revata.	80
6- Đức Phật Sobhita.....	80
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	83
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sobhita.....	83

*Trưởng lão Kaṇhadinna.	83
7- Đức Phật Anomadassī.	84
*Tiền thân của Đức Phật Gotama.	85
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Anomadassī.	86
*Trưởng lão Mattaji.	86
*Trưởng lão Ambādāyaka.	87
*Trưởng lão Pañcasilāsamādāniya.	87
*Trưởng lão Bharata.	87
8- Đức Phật Paduma.	87
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	90
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Paduma.	90
*Trưởng lão Aṅkolaka pupphiya.	90
*Trưởng lão Asokapūjaka.	91
*Trưởng lão ni Dhammadinnā.	91
9- Đức Phật Nārada.	91
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	94
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Nārada.	94
*Trưởng lão Naḷāgārika.	94
10- Đức Phật Padumuttara.	95
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	97
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Padumuttara.	97
*Trưởng lão Ajita.	98
*Trưởng lão Añjanavaniya.	99
*Trưởng lão Isimuggadāyaka.	99
*Trưởng lão Ukkhitapadumiya.	99
*Trưởng lão Uttareyadāyaka.	99
*Trưởng lão Udakadāyaka.	100
*Trưởng lão Udāna (hay Udena).	100
*Trưởng lão Upaḍḍhadussadāyaka.	101
*Trưởng lão Upasīva.	101
*Trưởng lão ni Ubbirī.	101
*Trưởng lão Ekacintita.	102
*Trưởng lão Ekadīpiya.	102
*Trưởng lão Ekasussadāyaka.	102
*Trưởng lão Ekapadumiya.	102
*Trưởng lão Ekāsanadāyaka.	103
*Trưởng lão Opavuyha.	103
*Trưởng lão Kumudadāyaka.	103
*Trưởng lão Kassapa.	103
*Trưởng lão Kūṭivihārī.	104
*Trưởng lão Kuṭivihārī.	104
*Trưởng lão Kosalavihārī.	105
*Trưởng lão Khaṇḍasumana.	105
*Trưởng lão Khitaka.	105
*Trưởng lão Hārīta.	106
*Trưởng lão Gandhokadāyaka.	107
*Trưởng lão Dhotaka.	107
*Trưởng lão Jambuphaliya.	107
*Trưởng lão Jātipupphiya.	107
*Trưởng lão Ti-Ukkādhāriya.	107
*Trưởng lão Ti-Padumiya.	107
*Trưởng lão Sirima.	108

*Trưởng lão Dhajadāyaka.....	108
*Trưởng lão Dhammasava.....	108
*Trưởng lão Vidhūpanadāyaka.....	109
*Trưởng lão Sataraṃsika.....	109
*Trưởng lão Sannidhāpaka.....	109
*Trưởng lão Sapparivāracchattadāyaka.	109
*Trưởng lão Sapparivāracchattadāyaka.	109
*Trưởng lão Sapparivārāsana.....	109
*Trưởng lão Sayanadāyaka.....	110
*Trưởng lão Sucinta.	110
*Trưởng lão Susārada.....	110
*Trưởng lão Rakkhita.....	110
11- Đức Phật Sumedha.....	111
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	112
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sumedha.....	113
*Thiên tử Anekavaṇṇa.....	113
*Trưởng lão Abhaya.	113
*Trưởng lão Uttiya.....	113
*Trưởng lão Candanamāliya.....	114
*Trưởng lão Pañcahatthiya.....	114
*Trưởng lão Bhaddāli.	114
*Trưởng lão Madhudāyaka.....	115
12- Đức Phật Sujāta.	115
*Tiền thân Đức Phật Gotanma.	117
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sujāta.	117
13- Đức Phật Piyadassī.	117
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	120
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Piyadassī.....	120
*Trưởng lão Nigrodha.	121
*Trưởng lão Padumakūṭāgāriya.	121
*Trưởng lão Pabbhāradāyaka.....	121
*Trưởng lão Pāpanivāriya.....	121
*Trưởng lão Hemaka.....	121
*Trưởng lão Tambapupphiya.	122
14- Đức Phật Atthadassī.	122
*Tiền thân của Đức Phật Gotama.	124
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Atthadassī.....	124
*Trưởng lão Ālambanadāyāka.....	124
*Trưởng lão Ekachattiya.....	124
*Trưởng lão Ekudāna (Ekudāniya).....	125
*Trưởng lão Kumudamāliya.....	126
*Trưởng lão Pavitṭha.	126
*Trưởng lão Caṅkamadāyaka.	126
*Trưởng lão Sīha.	127
*Trưởng lão Jagatikāraka.....	127
*Trưởng lão Taraṇiya.	127
*Trưởng lão Desapūjaka.....	127
*Trưởng lão Dhammapāla.....	127
*Trưởng lão Vatthadāyaka.....	128
*Trưởng lão Sucintita.	128
*Trưởng lão Sumaṅgala.....	128
15- Đức Phật Dhammadassī.	129

*Tiền thân Đức Phật Gotama.	131
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Dhammadassī.	131
*Trưởng lão Paripuṇṇaka.	132
16- Đức Phật Siddhattha.	132
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	134
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Siddhattha.	135
*Trưởng lão Buddhasaṅṅaka.	135
*Trưởng lão Vitasoka.	135
*Trưởng lão Bodhighariya.	136
*Trưởng lão Sudhāpiṇḍiya.	136
*Trưởng lão Hatthidāyaka.	136
*Trưởng lão Ākāsukkipiya.	136
*Trưởng lão Ukkhepakata Vaccha.	136
*Trưởng lão Uttara.	137
*Trưởng lão Uttiya (hay Uttika).	138
17- Đức Phật Tissa.	138
*Sự đặt tên.	139
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	140
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Tissa.	141
*Trưởng lão Puṇṇamāsa.	141
*Trưởng lão Pañcahatthiya.	142
*Trưởng lão Padasaṅṅaka.	142
*Trưởng lão Suhemanta.	142
*Trưởng lão Naḷinakesariya.	143
18- Đức Phật Phussa.	143
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	144
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Phussa.	145
*Trưởng lão Padumapupphiya.	145
*Trưởng lão Phaladaayaka.	145
19- Đức Phật Vipassī.	145
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	148
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Vipassī.	148
*Trưởng lão Añña Koṇḍañña.	148
*Tiền thân trưởng giả Jotika.	148
*Tiền thân gia chủ Meṇḍaka.	149
*Trưởng lão Tikicchaka.	149
*Trưởng lão Ajita mānava (thanh niên Ajita).	149
*Trưởng lão Ajjuna.	149
*Trưởng lão Anusamsāvaka.	150
*Trưởng lão Abhaya.	150
*Trưởng lão ni Abhirūpa Nandā.	150
* Trưởng lão Amorphaliya.	150
* Trưởng lão Ambapiṇḍiya.	150
*Trưởng lão Avyādhika.	150
*Trưởng lão Ātuma.	150
*Trưởng lão Bodhivandaka.	151
20- Đức Phật Sikhī.	151
*Tiền thân Đức Phật Gotama.	153
*Những chi tiết đặc biệt về Đức Phật Sikhī.	153
*Trưởng lão Abhibhū.	154
* Trưởng lão ni Ambapālī.	154
*Trưởng lão Ajinadāyaka.	156

*Trưởng lão Āyāgadāyaka.	156
*Trưởng lão Āvopupphiya.	156
*Trưởng lão Nandaka.	156
*Trưởng lão Asanattavika.....	157
*Trưởng lão Usabha	157
*Trưởng lão Usabha	158
*Trưởng lão ni Somā.	158
* Trưởng lão Surādha.	159
*Trưởng lão Sunāga.....	159
21- Đức Phật Vessabhū.	160
*Tiên thân Đức Phật Gotama.	162
*Những chi tiết đặc biệt về Đức PhậtVessabhū.	162
*Trưởng lão Abhibūta.....	163
*Trưởng lão Kaṇikāracchadaniya.	164
*Trưởng lão <i>Kesarapupphiya</i>	164
* <i>Trưởng</i> lão Saṅghupaṭṭhāka.....	164
*Trưởng lão Bhisadāyaka.	164